

1 INTERNATIONAL BESTSELLER

GARY ZUKAV

THE SEAT OF THE SOUL

ĐÃ BÁN
TRÊN
5 TRIỆU
BẢN

Discover The Invisible

KHÁM PHÁ
THẾ GIỚI
TÂM LINH



HONG ĐỨC NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Lời giới thiệu

LỜI TÁC GIẢ

PHẦN MỘT: DẪN NHẬP

1: Sự tiến hóa

2: Luật nhân - quả

3: Lòng sùng kính

4: Trái tim nội tâm

PHẦN HAI: SỰ HÌNH THÀNH NHỮNG DẠNG THỨC PHI VẬT CHẤT

5: Trục giác

6: Ánh sáng

7: Ý định và sức mạnh ý chí

8: Ý định và sự tạo lập thực tại cuộc sống

PHẦN BA: TRÁCH NHIỆM

9: Sự lựa chọn

10: Thói nghiê n ngậ p

11: Mối quan hệ hợp tác tâm linh

12: Linh hồn

PHẦN BỐN: UY LỰC THẬT SỰ

13: Tâm lý học

14: Ảo tưởng

15: Sức mạnh nội tâm

16: Lòng tin cậy

PHỤ LỤC

Lời giới thiệu

Bằng những trải nghiệm sống động từ chính cuộc đời mình, cùng với đầu óc khoa học cởi mở, tiếp thu cả những tinh hoa triết lý phương Đông và phương Tây, tác giả Gary Zukav muốn chia sẻ với mọi người những hiểu biết về thế giới nội tâm của con người qua một cách nhìn khác, “*nhận thức đa giác quan*” (*multisensory perception*) - một cách nhìn mà ai cũng cảm giác là có thật, nhưng chúng ta còn hiểu biết về nó rất lơ mơ và trước đây chưa ai có thể gọi tên hay mô tả một cách cụ thể.

Lâu nay, khái niệm tâm linh (*spirituality*) thường mang đậm sắc màu huyền hoặc, kỳ bí. Nhắc đến *tâm linh*, chúng ta lập tức nghĩ đến *linh hồn, sự tái sinh, Nhân - Quả, Nguồn Năng lượng Tối cao,...* như nguồn dữ liệu sẵn có bên trong tiềm thức. Song chúng ta chưa hiểu hết những triết lý tuyệt vời này, ý nghĩa quan trọng của chúng đối với một cuộc sống bình an, hạnh phúc, viên mãn – cũng cố *sức mạnh đích thực, sức mạnh nội tâm*. Đôi khi chúng ta cũng tin, nhưng chỉ là một niềm tin... mù quáng. Đó là lý do vì sao con người vẫn còn nếm trải những đau khổ trong cuộc sống.

Cho đến bây giờ, chúng ta vẫn chỉ hiểu biết về cuộc sống qua những gì “mắt thấy, tai nghe” (thông tin từ năm giác quan cung cấp), và tin tưởng vào điều đó. Kết cục là dẫn đến chiến tranh, những cuộc tranh đoạt, đấu đá, tranh giành, gây tổn thương cho nhau,... nhằm kiểm soát, thao túng – một hình thức phô trương uy lực, mà theo tác giả, đó chỉ là *sức mạnh ngoại hiện* (*external power*), vốn mong manh, chóng đến rồi cũng nhanh ai! Bên cạnh đó, cuộc sống vẫn tồn tại những điều không thể lý giải được bằng những quan sát, tìm hiểu từ các giác quan.

Dù cho con người là loài tiến hóa bậc nhất trên thế giới này thì đa số chúng ta hiện cũng chỉ dừng lại ở nhận thức năm giác quan hạn hẹp. Chúng ta không thừa nhận một cách nghiêm túc sự tồn tại của những linh cảm, tiếng nói trực giác, tác dụng chữa lành của dòng năng lượng yêu thương, trắc ẩn,... Nhưng theo dòng chảy chung của Vũ Trụ, chúng ta đang tiến hóa trở thành *con người nhận thức đa giác quan* (*multisensory human beings*).

Cùng với sự đóng góp của những bộ óc kiệt xuất của nhân loại như: Isaac Newton, Albert Einstein,... với những học thuyết đã trở thành nền tảng cho khoa học đến tận ngày nay, con người dần vén mở bức màn bí

ẩn của tâm linh qua những khám phá khoa học.

First News thực hiện việc mua bản quyền và chuyên ngữ tác phẩm *Khám phá Thế giới Tâm linh (The Seat of the Soul)*, và tiếp theo là *Những câu chuyện Tâm linh (The Soul Stories)*, của tác giả Gary Zukav với mục đích chia sẻ với độc giả Việt Nam một cái nhìn về những bí ẩn của thế giới nội tâm thông qua các phương pháp tiếp cận khoa học. Trong quá trình biên dịch, chúng tôi đã bổ sung vào quyển sách nhiều chú thích nhằm làm rõ hơn các vấn đề về lịch sử, khoa học, tôn giáo... mà đôi khi tác giả trình bày còn khá vắn tắt trong tác phẩm của mình.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

-First News

Trong suốt thời gian tôi viết quyển *The dancing Wu Li Masters* luôn có sức hút mãnh liệt đối với tôi. Càng đọc những tác phẩm của họ, tôi càng nhận thấy ở họ có điều gì đó rất đặc biệt, mặc dù đến tận sau này tôi mới có thể hiểu được yếu tố đặc biệt ấy là gì: những bậc vĩ nhân này đã vươn tới một tầm hiểu biết lớn lao hơn những điều họ có thể diễn tả trực tiếp qua các công trình nghiên cứu của mình. Những điều họ nhìn thấy vượt khỏi mọi cách diễn đạt bằng ngôn ngữ tâm lý học, ngữ nghĩa học hay vật lý học, và họ cố tìm một cách nào đó khả dĩ để chia sẻ những điều mình biết. Chính những điều họ tìm cách chia sẻ thông qua phương tiện trung gian là các tác phẩm để đời ấy đã cuốn hút sự chú ý của tôi.

Họ là những “nhà thần bí”, đó là lời tôi dùng để mô tả về họ. Dù không dùng ngôn ngữ thần bí, nhưng những gì họ hiểu thì thật huyền diệu. Họ cũng lo sợ sự nghiệp cả đời mình sẽ bị phá hỏng nếu cộng tác với những người không làm việc theo hình mẫu khoa học đầy chú! Nhưng từ sâu thẳm trong tư duy của mình, mỗi người trong số họ đều thấy có quá nhiều thứ bị hạn chế, bị bó hẹp trong phạm vi năm giác quan, và bản thân họ thì không cam chịu như vậy. Những tác phẩm của họ không chỉ góp phần đem lại sự tiến bộ cho lĩnh vực tâm lý học, ngôn ngữ học và vật lý học, mà còn mở mang tri thức cho những ai tìm hiểu về chúng. Họ có khả năng thay đổi những người đã tiếp xúc với họ theo những cách thức cũng không thể diễn tả trực tiếp bằng thuật ngữ tâm lý học, ngôn ngữ học hay vật lý học.

Dần dần, bằng những trải nghiệm của bản thân, cùng với việc nhận ra sức cuốn hút ở các tác phẩm của họ đối với cá nhân mình, tôi hiểu rằng động cơ thúc đẩy những con người vĩ đại, đầy nhiệt huyết ấy không phải là những giải thưởng hay sự kính trọng của đồng nghiệp. Họ đã đặt chân đến được “nơi siêu phàm” – nơi tâm trí không còn đưa ra những loại dữ kiện theo ý muốn cá nhân; họ đi vào thế giới của nguồn cảm hứng – nơi cất lên tiếng nói của trực giác; và họ dồn hết tâm sức của mình cho điều gì đó mà họ biết rằng nó còn vượt trên cả giới hạn của thời gian, không gian và vật chất. Dầu biết vậy, song họ vẫn không thể trình bày rõ ràng hiểu biết này bởi vì vào thời bấy giờ chưa có đủ điều kiện để nói ra những điều như vậy. Dù sao họ cũng đã phản ánh lại cảm nhận ấy qua các công trình nghiên cứu của mình.

Nói cách khác, tôi dần hiểu được động cơ thôi thúc những con người

này và nhiều người khác nữa. Họ đã “nhìn thấy” một viễn cảnh rộng mở, bao quát, vượt lên trên cả tầm hiểu biết lâu nay dựa trên nhận thức do năm giác quan cung cấp. Hiện tại, mỗi chúng ta đều đang bị cuốn vào cùng một viễn cảnh ấy theo cách này hay cách khác. Thật ra, còn hơn là một viễn cảnh, đây là một nguồn lực mới đang trỗi dậy, là bước kế tiếp trong hành trình tiến hóa của nhân loại. Con người hiện khao khát được tiếp cận với nguồn lực này để có thể dẹp bỏ những gì đang ngăn cản mỗi giao tiếp rõ ràng giữa mọi người với nhau. Phần lớn những khó khăn gặp phải trong quá trình tiếp cận nằm ở chỗ ngôn từ chưa thể diễn tả hết về nguồn lực “mới” - thực chất, đây là một nguồn lực vĩnh hằng, chưa được khơi dậy.

Trong giai đoạn “tiến hóa” này của nhân loại, ngôn từ và phương tiện thích hợp dùng để diễn đạt cái ý muốn vượt thoát khỏi khuôn khổ tín ngưỡng và sự duy linh để đón nhận nguồn sức mạnh đích thực đang được khai sinh. Con người đang nóng lòng chạm đến kho từ vựng có thể lý giải rõ ràng nguyên nhân dẫn đến những hành động và cách phân định, nhìn nhận của loài người (như: khả năng trực giác, linh cảm...), chứ không còn xem nó là điều huyền hoặc, thần bí. Tôi hy vọng quyển sách này sẽ giúp chúng ta thực hiện điều đó.

Như một cách để nói về việc “*Chúng ta là gì?*” và “*Chúng ta sẽ trở thành gì?*”, tôi sử dụng thuật ngữ *năm giác quan (five-sensory)* và *đa giác quan (multisensory)*. Không phải đa giác quan tốt hơn năm giác quan mà đơn giản là vì ở thời điểm hiện tại, nó tỏ ra thích hợp hơn mà thôi. Nhìn từ quan điểm Vũ Trụ, ngôn ngữ so sánh ở đây không có nghĩa là so đo sự hay - dở, hơn - kém, mà ý đang nói đến *tính hạn chế và cơ hội*.

Nhận thức đa giác quan *ít giới hạn* trải nghiệm của con người chúng ta hơn nhận thức chỉ bằng năm giác quan. Nó mang lại *nhiều cơ hội hơn* cho quá trình trưởng thành và tiến bộ của con người, cũng như giúp ta tránh gặp phải những khó khăn không đáng có. Tôi đã từng đối chiếu những trải nghiệm có được từ nhận thức năm giác quan với những trải nghiệm qua lăng kính đa giác quan nhằm làm rõ sự khác biệt giữa hai cách tiếp cận, nhưng như vậy không có nghĩa là thời kỳ tiến hóa của nhân loại, thời kỳ khai sinh ra loài người với năm giác quan hoàn chỉnh, là tiêu cực so với thời kỳ tiến hóa chúng ta đang bước vào – thời kỳ *nhận thức đa giác quan*. Đơn giản là vì ngày nay nó không còn thích hợp nữa, giống như nến không còn phù hợp sau khi đã có điện, nhưng sự ra đời của điện không làm cho nến trở nên kém cõi ai.

Chẳng ai dám tự nhận mình là chuyên gia am tường, dày kinh nghiệm sống. Chúng ta chỉ có khả năng chia sẻ những hiểu biết và hy

vọng việc làm đó sẽ giúp ích cho những ai đang bước đi trong hành trình cuộc đời. Không hề có chuyên gia về kinh nghiệm sống. Kinh nghiệm sống là kinh nghiệm về sự vận động, tư duy và định hình; trong một số trường hợp, đó là một thử nghiệm về sự vận động, tư duy và định hình. Điều tốt nhất chúng ta có thể làm là lý giải, nhận xét về sự vận động, cách tư duy và sự định hình ấy, nhưng những lời nhận xét sẽ cực kỳ có giá trị nếu chúng giúp con người học được cách hành động chân chính, suy nghĩ sáng suốt hơn, và như người nghệ sĩ tài hoa, họ định hình nên những lẽ sống của cuộc đời mình.

Chúng ta đang sống trong một thời đại chuyển biến sâu sắc. Sự chuyển đổi này sẽ diễn ra dễ dàng hơn nếu ta có thể nhìn thấy con đường mình đang đi, thấy được cái đích mình muốn đến và thấy được cái gì đang vận động. Những điều tôi chia sẻ trong quyển sách này chính là những điều tôi đã chiêm nghiệm từ chính cuộc đời mình. Quý vị không nhất thiết phải chấp nhận tất cả. Có rất nhiều con đường khác nhau dẫn đến sự thông tuệ và trái tim. Một trong muôn vàn điều phong phú tuyệt vời ấy đã mang đến cho tôi niềm vui lớn lao nhất.

Chúng ta có rất nhiều điều để thực hiện.

Vậy thì hãy làm những điều đó với tình yêu, sự thông tuệ và niềm vui.

Và biến nó trở thành kinh nghiệm sống.

-Gary Zukav

PHẦN MỘT: DẪN NHẬP

1: Sự tiến hóa

Sự tiến hóa mà chúng ta học ở trường phổ thông là sự tiến hóa ở hình thức lý tính. Chẳng hạn, chúng ta được dạy rằng sinh vật đơn bào ở biển là tổ tiên của tất cả những dạng thức sống phức tạp hơn. Loài cá phức tạp hơn nên chúng tiến hóa hơn bọt biển; loài ngựa phức tạp hơn nên tiến hóa hơn rắn; khi phức tạp hơn, vì vậy mà nó tiến hóa hơn ngựa; v.v. Bậc cao nhất là loài người, sinh vật phức tạp nhất, cho nên đây là dạng thức sống tiến hóa nhất trên hành tinh. Nói cách khác, tiến hóa có nghĩa là sự phát triển lũy tiến về độ phức tạp trong cấu tạo.

Định nghĩa này là một cách diễn giải cho quan niệm: Sinh vật nào có khả năng kiểm soát tốt nhất cả môi trường sống của nó lẫn tất cả những sinh vật khác sinh sống trong môi trường của chúng là sinh vật tiến hóa nhất; giống như tư tưởng “Mạnh được, yếu thua”, nghĩa là ở một môi trường sống nhất định, sinh vật tiến hóa nhất là sinh vật ở đỉnh chóp của chuỗi thức ăn trong môi trường đó. Như vậy, theo định nghĩa này, sinh vật nào có khả năng đảm bảo Sự Sống còn của chính mình nhất, có khả năng thể hiện bản năng sinh tồn tốt nhất, sẽ là sinh vật tiến hóa nhất.

Từ lâu rồi chúng ta vốn biết rằng định nghĩa về sự tiến hóa này là chưa hoàn chỉnh, nhưng chưa thể lý giải tại sao. Ví dụ như, xét về mức độ phức tạp của cấu tạo sinh học, hai con người có sự tiến hóa đồng đều. Giả sử cả hai đều có trí thông minh như nhau, nhưng nếu một người hẹp hòi, bủn xỉn, ích kỷ trong khi người kia hào hiệp, cao thượng và vị tha hơn, thì chúng ta nói người hào hiệp, cao thượng và vị tha là tiến hóa – tiến bộ – hơn. Nếu một người sẵn sàng hy sinh cuộc đời mình để cứu người khác, chẳng hạn bằng cách lấy thân mình che chắn cho người khác tránh khỏi viên đạn đang bay tới hoặc tránh chiếc xe đang lao hết tốc lực, ta nói người hy sinh cuộc đời mình quả thật là một trong những người tiến hóa nhất. Chúng ta biết điều ấy là đúng, nhưng như thế lại mâu thuẫn với thuyết tiến hóa đã được truyền dạy bấy lâu nay.

Theo kinh sách, Chúa Jesus đã biết trước âm mưu chống lại Ngài, thậm chí Ngài còn biết rõ đến từng chi tiết bạn bè của Ngài sẽ hành động và phản ứng như thế nào; tuy nhiên, Ngài đã không xử sự dựa theo những điều trông thấy trước. Chính sức mạnh của tình yêu thương

và đức hy sinh, hiến dâng cuộc đời mình vì người khác của Chúa Jesus đã định hướng, dẫn dắt cho nhân loại. Những ai sùng kính Ngài, và hầu như tất cả những ai biết câu chuyện về Ngài, đều nhất trí rằng Ngài là một trong những người tiến hóa nhất.

Hiểu một cách sâu sắc thì người thật sự tiến hóa là người trân trọng, đánh giá những người khác cao hơn so với bản thân – một thái độ cực kỳ khiêm tốn; họ trọng giá trị của tình yêu thương hơn là vật chất. Ngay lúc này đây, chúng ta cần hiểu về sự tiến hóa ở cấp độ sâu sắc như vậy. Điều đó rất quan trọng, bởi vì hiểu biết hiện thời của con người chỉ quan tâm quanh những gì “mắt thấy, tai nghe”, tức là phụ thuộc vào nguồn thông tin do năm giác quan cung cấp. Từ đó, chúng ta sẽ nhận thấy mình đã tiến hóa như thế nào, ta sẽ trở thành gì, cũng như những gì chúng ta kinh qua, trân trọng, đánh giá cao và cách chúng ta hành động, tất cả nói lên ý nghĩa gì.

Hiểu biết hiện thời về tiến hóa dựa trên bằng chứng thực tế do các giác quan mang lại từ những quan sát, khám phá thế giới vật chất, thế giới hữu hình ta đang sống. Cho đến tận ngày nay, con người vẫn là loài sinh vật có năm giác quan. Qua “lăng kính” năm giác quan, ta thấy mỗi hành động đều là nguyên nhân sinh ra kết quả, mỗi kết quả đều khởi phát từ một nguyên nhân. Chẳng hạn, ta thấy kết quả cho những ý định của mình; thấy cơn cuồng nộ có thể gây chết người – nó cướp đi hơi thở (dưỡng khí cho sự sống) và làm đổ máu (chuyên chở dưỡng chất, tiếp sinh lực cho cơ thể); thấy lòng nhân từ có tác dụng nuôi dưỡng ra sao; thấy, cảm nhận được tác động của lời cầu nguyện và của một nụ cười khích lệ.

Theo cách đó, chúng ta trải nghiệm khả năng xử lý kiến thức của mình. Giả dụ như, cây gậy là một công cụ, là một vật vô tri vô giác, ta lựa chọn sử dụng nó theo cách nào thì sẽ sinh ra kết quả như thế ấy. Cây gậy đánh chết người có thể dùng làm cọc dựng lều. Ngọn thương sắc nhọn kết liễu một sinh mạng có thể được dùng làm đòn bẩy nâng vật nặng. Con dao xẻ thịt đa có thể dùng để cắt vải. Bàn tay sản xuất bom có thể xây trường học. Những cái đầu phối hợp với nhau sinh ra những hành vi bạo ngược, tàn ác có thể phối hợp để thực hiện những hành vi tốt đẹp, tích cực.

Khi hành động của con người thấm đẫm lòng sùng kính, hành động ấy sẽ có ý nghĩa và chứa đựng mục đích tốt đẹp. Một khi lòng sùng kính dần thiếu vắng khỏi cuộc sống thì kết quả sẽ là tội ác lan tràn, bạo loạn khắp nơi và nỗi cô đơn thống trị. Trái Đất chúng ta đang sống là một môi trường học tập lý tưởng, tuyệt vời. Qua thực nghiệm từ “Ngôi Trường Trái Đất”, ta biết được đâu là nguyên nhân làm cho con người

sẵn lòng cởi mở, đón nhận nhau, cũng như lý do gây chia rẽ, đối nghịch; cái gì cho phép ta phát huy, trưởng thành, còn cái gì khiến ta co cụm lại; điều gì nuôi dưỡng tâm hồn ta và điều gì làm suy yếu nội tâm ta; cái gì có hiệu quả và cái gì không.

Khi môi trường tự nhiên chỉ được quan sát từ nhận thức của năm giác quan, khả năng sống sót, sinh tồn về mặt sinh học dường như được xem là tiêu chuẩn cơ bản cho sự tiến hóa, bởi không có hình thức tiến hóa nào khác được khám phá ra. Chính từ đây mà quan điểm “*Mạnh được, yếu thua*” có vẻ như đồng nghĩa với thuyết tiến hóa, và sự vượt trội về lý tính được xem là đặc điểm tiêu biểu cho hình thức tiến hóa bậc cao.

Khi nhận thức về thế giới vật chất bị giới hạn trong tầm tiếp nhận thông tin của năm giác quan, nỗi sợ hãi bao trùm cuộc sống con người. Cũng theo đó, sức mạnh hòng kiểm soát môi trường sống và vạn vật trong môi trường ấy được xem là yêu cầu đầu tiên và quan trọng nhất.

Nhu cầu muốn vượt trội hơn về lý tính tạo ra một kiểu cạnh tranh gây ảnh hưởng đến tất cả mọi khía cạnh cuộc sống – mối quan hệ đôi lứa, mối giao hảo giữa những siêu cường quốc, quan hệ giữa anh chị em ruột thịt, giữa các chủng tộc, các giai tầng. Nó phá vỡ khuynh hướng tiến đến sự hòa hợp, vốn rất tự nhiên giữa những quốc gia, giữa những người bằng hữu. Năng lượng trong nỗ lực điều tâu chiến tới vùng Vịnh hay phái đội quân Thánh chiến sang Palestine đều giống như nhau cả. Năng lượng trong nỗ lực chia cắt gia đình Romeo với gia đình Juliet cũng chính là năng lượng trong nỗ lực chia lìa gia đình có chồng là người da đen với vợ là người da trắng. Anh chị em một nhà tranh cãi nhau cũng xuất phát từ lý do tương tự như ở các nhóm quyền lực trong công ty. Tất cả đều đang tìm kiếm sức mạnh để chi phối, thao túng người khác.

Uy lực hòng kiểm soát môi trường sống và các tạo vật là sự phô trương sức mạnh đối với những gì chúng ta có thể cảm thấy, ngửi thấy, nếm thấy, nghe thấy hay nhìn thấy. Đây là loại *sức mạnh ngoại hiện*, có thể đạt được hay mất đi, được mua bán hoặc bị đánh cắp, được chuyển nhượng hoặc được thừa kế. Nó được xem là thứ có thể lấy được từ ai đó, hoặc từ nơi nào đó. Như vậy chẳng khác nào sự hùng mạnh của người này đồng nghĩa với sự mất mát của người kia. Xem trọng sức mạnh bên ngoài thường dẫn đến kết cục là bạo lực và hủy diệt. Tất cả những thiết chế Xã hội, Kinh tế và Chính trị đều phản ánh hiểu biết rằng uy lực là ngoại hiện, xuất phát từ những nguồn lực bên ngoài.

Các gia đình, cũng như nhiều nền văn hóa, có thể theo chế độ phụ quyền hoặc mẫu quyền. Theo đó, sẽ có cá nhân “mặc quần dài” – nắm

quyền điều hành. Trẻ em thường được học tư tưởng này từ khi còn rất nhỏ và nó định hình cuộc đời của các em sau này.

Lực lượng cảnh sát và quân đội được sinh ra bởi nhận thức rằng uy lực là sức mạnh ngoại hiện. Phù hiệu, giày, quân hàm, sòng vô tuyến liên lạc, đồng phục, quân khí, áo giáp... tất cả những thứ đó thật ra lại là biểu tượng cho nỗi sợ hãi dù những người được trang bị các món đồ đó toát ra vẻ đáng sợ. Người ta sợ cái uy lực mà những biểu tượng này đại diện, sợ những nhân vật nắm trong tay quyền “sinh sát”. Cảnh sát và quân đội, giống như chế độ mẫu quyền hay phụ quyền, không phải là nguồn gốc của kiểu nhận thức xem uy lực là ngoại hiện. “Họ” là những hình ảnh phản chiếu cách hiểu và quan niệm của con người về uy lực. Nhận thức “*sức mạnh là ngoại hiện*” đã định hình cho nền kinh tế chúng ta hôm nay. Khả năng kiểm soát, thao túng nền kinh tế địa phương, quốc gia và thế giới nay thực tế nằm gọn trong tay của một số cá nhân. Do đó, để bảo vệ người lao động trước uy lực của các cá nhân này, chúng ta lập ra Công đoàn; để bảo vệ người tiêu dùng, chúng ta lập ra những bộ máy công quyền trong Chính phủ; để bảo vệ người nghèo, chúng ta tạo ra những hệ thống an sinh xã hội. Đây là sự phản ánh nhận thức: một nhóm nhỏ người được sở hữu uy lực, trong khi số đông còn lại phục vụ cho nó, vun đắp cho nó lại chính là những nạn nhân.

Tiền bạc là một biểu tượng dễ thấy của dạng sức mạnh ngoại hiện. Những người có nhiều tiền nhất sẽ có khả năng kiểm soát môi trường họ đang sống và các tạo vật ở môi trường đó nhất; trong khi những người có ít tiền sẽ ít có khả năng kiểm soát hơn. Tiền bạc có thể bị chiếm đoạt hoặc mất đi, có thể mua được, bị đánh cắp, được chuyển nhượng, được thừa hưởng hay bị tranh giành. Ngoài ra, nếu chúng ta tìm thấy cảm giác an toàn từ những thứ mà mình đang có như: trình độ học vấn, địa vị xã hội, danh tiếng, tài sản, nhà cửa, xe cộ, ngoại hình hấp dẫn, trí óc nhạy bén, niềm tin vững chắc,... thì những thứ đó cũng trở thành biểu tượng phô diễn sức mạnh bên ngoài của chúng ta. Song, càng lệ thuộc, đồng hóa với chúng, ta càng dễ bị tổn thương. Đây là hậu quả khó tránh khỏi của việc xem uy lực là ngoại hiện.

Theo đó, trật tự cấu trúc Xã hội, Kinh tế, Chính trị của chúng ta cũng như trật tự Vũ Trụ cho thấy người nào có uy quyền và người nào không có. Những nhân vật “chóp bu” dường như là người có uy lực nhất, thành thử, là người có giá trị nhất và khó bị tổn thương nhất; trong khi những người “thấp cổ bé miệng” trở thành người ít uy lực, nên ít có giá trị và dễ bị tổn thương nhất. Như vậy, vị tướng có giá trị hơn binh nhì, nhà quản trị có giá trị hơn anh lái xe, bác sĩ có giá trị hơn nhân viên lễ tân, cha mẹ có giá trị hơn con cái, thần thánh có giá trị hơn tín đồ. Hệ quả là

chúng ta sợ mình vượt trội hơn cha mẹ, ông chủ và Đảng Tạo Hóa – sợ gây xáo trộn trật tự sẵn có này. Việc xem giá trị cá nhân thấp kém hơn hoặc vượt trội hơn đều là hệ quả của nhận thức *sức mạnh là ngoại hiện*.

Cuộc đua tranh nhằm giành sức mạnh ngoại hiện là nguyên nhân cốt lõi sinh ra mọi hình thức bạo lực: xung đột về ý thức hệ (như giữa chủ nghĩa Tư bản với chủ nghĩa Cộng sản), xung đột tôn giáo (như giữa Công giáo Ai-len và Tin lành Ai-len), xung đột về địa lý (như giữa người Do Thái và người Ả Rập), những xung đột trong gia đình và hôn nhân, v.v.

Niềm tin vào sức mạnh bên ngoài làm rạn vỡ tâm hồn con người, tinh thần của cộng đồng, của quốc gia và của thế giới. Không hề có sự khác nhau giữa bệnh tâm thần phân liệt với một thế giới có chiến tranh. Không hề có sự khác nhau giữa nỗi đau của một *linh hồn bị phân mảnh* với nỗi đau của một quốc gia bị chia cắt. Khi vợ chồng tranh giành uy thế, họ cũng hành xử như cách của những người thuộc hai chủng tộc khác nhau hành xử khi sợ hãi lẫn nhau.

Chính từ những động lực này mà chúng ta hình thành nên hiểu biết hiện tại về tiến hóa: một quy trình gia tăng không ngừng khả năng chi phối môi trường sống và khả năng thao túng lẫn nhau. Quan niệm này phản ánh những giới hạn trong cách nhận thức về thế giới vật chất chỉ bằng năm giác quan. Nó phản ánh một cuộc tranh giành nhằm chiếm được sự thắng thế về sức mạnh ngoại hiện, vốn được sinh ra từ nỗi sợ hãi bị thua kém, yếu thế.

Sau hàng thiên niên kỷ bạo tàn với nhau (giữa cá nhân với cá nhân, giữa nhóm người với nhóm người), ngày nay chúng ta thấy rõ tình trạng bấp bênh, bất an – vốn là nền tảng cho ý thức gầy dựng vỏ bọc bảo vệ, phát huy thanh thế – không thể được hóa giải bằng việc tích lũy sức mạnh ngoại hiện. Không chỉ từ phương tiện truyền thông, mà còn qua vô số những đống đau, khổ sở con người phải chịu đựng, chúng ta đã thấy những bằng chứng hiển nhiên rằng nhận thức xem uy lực là sức mạnh ngoại hiện chỉ mang lại đau khổ, bạo lực và hủy diệt. Đây là cách loài người chúng ta tiến hóa cho đến ngày nay, và cũng là điều chúng ta đang bỏ lại đằng sau.

Hiểu biết sâu sắc hơn dẫn chúng ta tới một loại sức mạnh khác – loại sức mạnh yêu thương trân quý cuộc sống, loại sức mạnh chấp nhận không phán xét, loại sức mạnh nhận thức được ý nghĩa và mục đích tồn tại của những điều nhỏ bé nhất trên Trái Đất. Đây là *sức mạnh nội tại* (*sức mạnh đích thực*). Khi ý nghĩ, cảm xúc, hành động của ta đồng điệu với phần thanh cao, hướng thượng nhất trong nội tâm ta, ta trở nên tràn đầy lòng nhiệt huyết, sống có ý nghĩa và mục đích. Cuộc sống

trở nên trù phú và viên mãn. Chúng ta không có những ý nghĩ cay độc, những ký ức hãi hùng. Chúng ta vui sướng và gắn bó mật thiết với thế giới mình đang sống. Đó là sự trải nghiệm sức mạnh nội tại.

Gốc rễ của nguồn sức mạnh đích thực ăn sâu bám chắc từ trong nội tâm con người. Sức mạnh nội tại không thể mua bán mà có, không thể được thừa kế hay tích trữ. Người tràn đầy sức mạnh nội tâm không thể làm cho ai hay bất cứ cái gì trở thành nạn nhân. Họ là người mạnh mẽ đến mức ý tưởng dùng vũ lực hay thế lực để áp chế người khác đều không nằm trong ý thức của họ.

Hiểu biết về sự tiến hóa sẽ là chưa đầy đủ nếu không nắm bắt được điều cốt yếu rằng: Chúng ta đang trong hành trình hướng về phía sức mạnh nội tại; việc củng cố sức mạnh nội tại là mục tiêu của quá trình tiến hóa và là mục đích tồn tại của loài người. Chúng ta đang tiến hóa – chuyển hóa – từ những người theo đuổi sức mạnh ngoại hiện thành những người theo đuổi sức mạnh nội tại. Chúng ta đang bỏ lại đằng sau tham vọng khám phá trọn vẹn thế giới vật chất như là phương cách tiến hóa duy nhất của mình. Cách thức này không còn phù hợp nữa, sẽ cản trở ta vươn tới đích đến cuối cùng – linh hồn trở nên toàn vẹn, hoàn hảo.

Con người đang chuyển đổi từ nhận thức chỉ bằng năm giác quan sang nhận thức đa giác quan. Năm giác quan cùng kết hợp tạo thành một hệ thống cảm nhận đơn điệu, chỉ để nhận thức thực tại vật chất. Trong khi đó, nhận thức đa giác quan mở rộng tầm nhìn của chúng ta vượt xa khỏi thực tại vật chất, thấy rõ những hệ thống động lực lớn hơn – thực tại vật chất chỉ là một phần của hệ động lực lớn này. Nhận thức đa giác quan cho ta khả năng hiểu và trân trọng vai trò của thực tại vật chất trong tổng thể bức tranh tiến hóa, cùng những động lực mà nhờ đó thực tại vật chất được tạo nên và được duy trì.

Chính phần “bức tranh” vô hình mà năm giác quan không thể “đón bắt” được này là nguồn cội sản sinh ra những giá trị sâu sắc nhất. Nó lý giải vì sao có những người hiến dâng cả cuộc đời họ cho những mục đích cao thượng. Nếu chỉ qua “lăng kính” năm giác quan thì không thể giải thích được sức mạnh của Mahatma Gandhi, những hành động đầy lòng trắc ẩn của Chúa Jesus.

Tất cả những bậc thầy vĩ đại của nhân loại đều là những người nhận thức đa giác quan. Họ nói chuyện với chúng ta và hành động tuân thủ đúng theo những nhận thức và giá trị phản ánh quan điểm nhìn nhận đa giác quan; vì vậy, lời nói và hành động của họ làm thức tỉnh tâm lý sống bên trong ta.

Theo nhận thức năm giác quan thì chúng ta cô độc trong cái Vũ Trụ vật chất này. Nhưng với nhận thức đa giác quan, chúng ta không bao giờ lẻ loi và Vũ Trụ có sức sống của nó, có ý thức, thông minh và giàu lòng trắc ẩn. Nhận thức năm giác quan “thấy” thế giới vật chất là một nơi chôn khó hiểu, ta cũng không hiểu nổi bản thân mình, và ta cố thống lĩnh nó để có thể sinh tồn. Nhận thức đa giác quan lại xem thế giới vật chất là một môi trường học hỏi, được đồng sáng tạo bởi chúng ta – những con người biết cùng nhau chia sẻ – và tất cả mọi điều xảy ra bên trong thế giới vật chất đều phục vụ cho sự học hỏi này. *Nhận thức năm giác quan* khẳng định chỉ đơn thuần có ý định thì không mang lại kết quả, kết quả của hành động phải là cái gì đó cụ thể, hữu hình, “mắt thấy, tai nghe, sờ chạm được”, và không phải tất cả hành động đều ảnh hưởng đến ta hay đến người khác. Song, với *nhận thức đa giác quan*, ý định đằng sau mỗi hành động sẽ quyết định kết quả của hành động, mọi ý định đều ảnh hưởng đến ta lẫn mọi người xung quanh, và kết quả của ý định có sức lan rộng khắp thế giới vật chất.

Vậy, ta đang hàm ý điều gì khi nói rằng có sự tồn tại của một “cõi vô hình” – nơi cội nguồn của những hiểu biết sâu sắc hơn? Ta có ngụ ý gì khi xem xét sự tồn tại của một “cõi” không thể được dò tìm bằng năm giác quan, nhưng có thể được biết đến, được khám phá và được hiểu bởi những năng lực khác của con người?

Khi một câu hỏi không thể được giải đáp – dựa theo hiểu biết thông thường hiện có – thì nó có thể bị liệt vào loại vô nghĩa hoặc bị gạt bỏ đi như một câu hỏi không thích đáng; nếu không, người nêu câu hỏi đó có thể mở rộng ý thức của mình ra để tiếp nhận thêm một khung tham chiếu mới, từ đó câu hỏi ấy có thể được trả lời. Hai lựa chọn đầu tiên – xem câu hỏi không thể lý giải là vô nghĩa hoặc gạt phăng nó đi – là những phương cách dễ dàng trong việc xử lý loại câu hỏi có vẻ vô nghĩa hoặc không thích hợp; nhưng đối với người tìm kiếm nghiêm túc, nhà khoa học thực thụ, họ sẽ cho phép bản thân vươn rộng tầm hiểu biết để hiểu những thắc mắc đang chờ lời lý giải.

Ngay từ khi mới bắt đầu mày mò tìm tòi, khám phá thế giới xung quanh, con người đã luôn đau đầu với những câu hỏi rạch ròi kiểu như *Có Thượng Đế không, Có Trí Tuệ Siêu Phàm không và Mục đích tồn tại trên cuộc đời này là gì*. Giờ là lúc ta phải mở rộng nhận thức – khung tham chiếu – để trả lời những câu hỏi đó.

Khung tham khảo lớn hơn do nhận thức đa giác quan mang lại cho phép ta hiểu biết sự khác biệt đầy ý nghĩa giữa bản ngã và *linh hồn*. Bản ngã của bạn là phần trong bạn được sinh ra, tồn tại và rồi sẽ chết đi trong một phạm vi thời gian. Là con người đồng nghĩa với việc có một

bản ngã. Giống như thân xác, bản ngã là phương tiện cho sự tiến hóa của bạn.

Những quyết định bạn đưa ra và những hành vi bạn thực hiện trên Trái Đất là những phương tiện giúp bạn tiến hóa. Trong từng khoảnh khắc, bạn đều lựa chọn những ý định vốn sẽ định hình nên những kinh nghiệm, trải nghiệm sống cho bạn và những điều bạn quan tâm chú ý. Những lựa chọn này ảnh hưởng đến quá trình tiến hóa của bạn. Ai cũng như vậy cả. Nếu không chú ý chọn lựa, bạn sẽ tiến hóa theo hướng không như ý. Nếu biết chủ động chọn lựa, bạn sẽ tiến hóa như ý muốn.

Những cảm xúc sợ hãi và hung bạo, vốn là đặc điểm tiêu biểu cho sự tồn tại của con người, chỉ có thể được trải nghiệm thông qua bản ngã (cái tôi, nhân cách). Chỉ bản ngã mới cảm thấy giận dữ, sợ hãi, căm ghét, thù hận, phiền muộn, xấu hổ, ân hận, thờ ơ, thất vọng, hoài nghi và cô đơn. Chỉ bản ngã mới có thể phán xét, lôi kéo, thao túng, bóc lột và lợi dụng. Chỉ có bản ngã mới theo đuổi sức mạnh ngoại hiện. Bản ngã cũng có thể là tình yêu thương, trắc ẩn và sáng suốt trong mối quan hệ, thế nhưng tình yêu, lòng trắc ẩn và sự thông thái đó lại không bắt nguồn từ bản ngã. Chúng là những trải nghiệm của linh hồn.

Linh hồn là phần bất tử trong bạn. Mỗi người có một linh hồn, nhưng bản ngã bị giới hạn trong tầm nhận thức năm giác quan nên không nhận biết được linh hồn của chính nó, do vậy không thể nhận ra sức ảnh hưởng của linh hồn. Khi con người phát triển nhận thức đa giác quan, tiếng nói trực giác – những linh cảm và cảm nhận tinh tế – sẽ trở nên quan trọng. Ta hiểu hơn về chính mình, về người khác và về những tình huống mà nếu chỉ dựa vào thông tin do năm giác quan cung cấp thì không thể làm sáng tỏ đầy đủ. Ta chuyển hướng nhận ra những ý định ẩn đằng sau, và phản hồi lại với những ý định đó thay vì phản hồi lại với những hành động và lời nói của người khác theo cách như trước kia. Chẳng hạn, bạn có thể nhận ra trái tim nồng nhiệt, sôi nổi ẩn bên dưới một hành động cục cằn, thô lỗ và giận dữ, hoặc có thể nhận ra trái tim lạnh lùng, vô cảm được che đậy bên dưới những lời bóng bẩy.

Khi ta nhìn vào bên trong chính mình với cái nhìn đa giác quan, ta thấy vô số những dòng chảy năng lượng khác nhau. Qua kinh nghiệm, ta học được cách phân biệt những dòng chảy năng lượng này và cách nhận diện những hệ quả về mặt cảm xúc, tâm lý và thể lý của từng dòng chảy. Chẳng hạn, ta biết những dòng chảy nào khơi mào cơn thịnh nộ, những ý nghĩ bất đồng, gây chia rẽ, những hành động hủy hoại, và những dòng chảy nào sinh ra tình yêu thương, những ý nghĩ chữa lành, xoa dịu và những hành động mang tính xây dựng. Sớm muộn gì ta cũng học được cách định giá trị và nhận diện những dòng chảy sinh ra sự

sáng tạo, sự chữa lành và tình yêu; tiếp theo là cách thách thức và giải tỏa những dòng chảy gây ra sự tiêu cực, bất hòa và bạo lực. Bằng cách này, ta dần dần trải nghiệm được năng lượng của linh hồn.

Linh hồn không phải là một thực thể thụ động hay phi thực tế trú ngụ gần khoang ngực của bạn. Linh hồn là một nguồn năng lượng sống tích cực, có mục đích tồn tại và ở bên trong nội tâm con người. Linh hồn là phần trong bạn hiểu được bản chất vô ngã của những động lực năng lượng như: tình yêu thương không giới hạn, sự chấp nhận không phán xét, v.v.

Nếu bạn khao khát muốn biết về linh hồn mình, bước đầu tiên là phải nhận ra rằng bạn có một linh hồn; bước kế tiếp là suy ngẫm: *“Nếu tôi có linh hồn thì linh hồn của tôi là gì? Linh hồn của tôi muốn gì? Linh hồn tôi và tôi có mối quan hệ ra sao? Linh hồn tôi ảnh hưởng như thế nào đến cuộc đời tôi?”*.

Khi năng lượng của linh hồn được nhận ra, được công nhận và được trân trọng, nó bắt đầu thấu nhập vào trong bản ngã. Khi bản ngã hoàn toàn đồng điệu với năng lượng của linh hồn thì sức mạnh nội tại – sức mạnh đích thực – được củng cố. Đây là mục tiêu của quá trình tiến hóa chúng ta đang tham gia vào và là lý do cho sự tồn tại của chúng ta. Mỗi trải nghiệm bạn đang có và sẽ có trong cuộc sống đều hướng bản ngã của bạn trùng khớp với linh hồn bạn. Mỗi tình huống, mỗi hoàn cảnh đều cho bạn cơ hội lựa chọn đi theo hướng đi này; và thông qua bạn, linh hồn tỏa sáng, truyền sự sùng kính vô tận đối với Sự sống và tình yêu của Sự sống ra Thế giới.

Đây là quyển sách nói về việc củng cố sức mạnh đích thực – tức là làm cho bản ngã hòa điệu với linh hồn – sự truyền giao đó bao hàm điều gì, nó xảy ra như thế nào, và nó tạo ra cái gì. Để hiểu những điều này, đòi hỏi phải có một sự hiểu biết về những điều có vẻ bất thường theo cách nhận thức năm giác quan, nhưng lại là tự nhiên một khi bạn hiểu biết về sự tiến hóa, đó là: *Nhận thức năm giác quan là cuộc hành trình dẫn đến nhận thức đa giác quan*; và bạn không hề nuôi ý định mãi là con người chỉ thông hiểu qua năm giác quan.

Hầu hết mọi người đều đã quen với niềm tin rằng sự tham dự của chúng ta vào quá trình tiến hóa chỉ giới hạn trong khoảng thời gian một đời người, một kiếp đời đơn lẻ. Niềm tin này phản ánh quan điểm nhìn nhận theo *nhân cách năm giác quan*: không gì tự thân kéo dài vượt quá kiếp đời của nó. Con người (*nhận thức*) *đa giác quan* cũng hiểu không cái gì thuộc về họ (cơ thể, bản ngã, tài sản,...) tồn tại vượt quá một kiếp đời, duy chỉ có linh hồn mới là bất tử.

Quãng đời tồn tại của bản ngã là một trong vô số những trải nghiệm của linh hồn trong “cõi” thời gian - không gian vật chất này. Bởi vì linh hồn tồn tại vượt ngoài khuôn khổ của thế giới vật chất, nên tầm nhìn của linh hồn thật bao la, rộng lớn, và nhận thức của linh hồn không bị giới hạn bởi bản ngã. Bấy lâu nay, linh hồn đã quen chọn lựa cách thức trải nghiệm cuộc đời hết sức “vật chất”; vì trên bước đường tiến hóa, linh hồn thường tái sinh (hóa thân) nhiều lần theo hình thức *đưa nguồn năng lượng của nó vào rất nhiều dạng thức vật chất (cơ thể) có chức năng tâm lý (có khả năng nhận thức, tư duy, cảm nhận)*. Với mỗi lần tái sinh, linh hồn tạo ra một bản ngã và thể xác khác nhau. Theo *con người (nhận thức) năm giác quan*, bản ngã và thể xác là phương tiện hỗ trợ cho con người tồn tại và trải nghiệm cuộc sống; còn với linh hồn, đây là hai công cụ “độc nhất vô nhị” và hoàn toàn thích hợp cho sự tái sinh.

Mỗi bản ngã đóng góp một cách chủ ý hoặc vô tình vào sự tiến hóa của linh hồn theo cách thức riêng, bằng những khả năng và bài học đặc thù. Cuộc đời của một người mẹ, người lính, cô con gái, cha xứ, v.v.; những trải nghiệm yêu thương, tổn thương, sợ hãi, mất mát, dục dằn, v.v.; những cuộc tranh giành, đấu đá với nổi tức giận, sự hiếu chiến, nổi trống trải, lòng đố kỵ, v.v. tất cả đều phục vụ cho sự tiến hóa của linh hồn. Mỗi đặc điểm về thể chất, cảm xúc, tâm lý hội đủ trong một bản ngã và thân xác (như: đôi cánh tay mạnh mẽ hay yếu ớt; trí tuệ dần độn hay uyên bác; tính tình vui vẻ hay chán chường, tuyệt vọng; đa vàng hay đa đen; thậm chí cả màu tóc, màu mắt,...) đều hoàn toàn tương thích với mục đích của linh hồn – trưởng thành, tiến hóa về tâm linh.

nhân cách năm giác quan không quan tâm đến những sự tái sinh khác của linh hồn, trong khi *nhân cách đa giác quan* có thể ý thức được về những sự tái sinh này, hoặc “cảm” được những kiếp đời quá khứ (qua những ký ức có khi là mạnh mẽ, có khi mơ hồ về những cuộc đời trước kia) hay tương lai (“Gieo gì, gặt nấy”; ta sẽ nhận “quả trái” cho những gì

mình đang làm trong hiện tại). Nhưng đó không phải là những kiếp đời mà bản ngã (hiện tại) ấy đã sống hay sẽ sống. Chỉ linh hồn – năng lượng sống bất tử – mới trực tiếp trải nghiệm qua nhiều kiếp đời mà thôi.

Linh hồn sẽ tái sinh rất nhiều lần. Vì vậy, việc giải phóng cái tiêu cực tồn tại trong bản ngã thuộc bất kỳ lần tái sinh nào của linh hồn cũng đều mang lại lợi ích không chỉ cho chính lần tái sinh ấy mà còn cho những lần tái sinh khác. Do linh hồn vượt thoát khỏi sự giới hạn thời gian, nên linh hồn càng tiến đến gần trạng thái hoàn hảo khi bản ngã phóng thích được những dòng năng lượng *sợ hãi* và *ngghi ngờ*. Như chúng ta sẽ thấy, việc phóng thích mặt tiêu cực trong bản ngã còn mang lại lợi ích cho rất nhiều động lực ý thức khác. *Con người năm giác quan* chỉ nhận thức được một số động lực (như là ý thức và sự tiến hóa về mặt giới tính, chủng tộc, quốc gia và nền văn hóa) nhưng “mù mờ” trước những động lực ý thức khác và những tiến trình nội tâm. Chính những động lực này sẽ giúp mở rộng khả năng nhận thức của *con người năm giác quan*. Vì vậy, mỗi kiếp đời sống có ý thức là một kho báu vô giá.

Bản ngã và cái thân xác đi cùng bản ngã là những khía cạnh hơi hợt, “chóng đến, chóng đi” của linh hồn. Sau khi đã hoàn tất nhiệm vụ thông qua công cụ bản ngã và cơ thể – nghĩa là vào lúc kết thúc một kiếp tái sinh của linh hồn – linh hồn sẽ trút bỏ chúng đi. Bản ngã và thân xác chấm dứt tồn tại, nhưng linh hồn thì không. Sau mỗi lần tái sinh, linh hồn lại trở về trạng thái bất tử và tự nhiên – giàu lòng trắc ẩn, thuần khiết và tràn ngập tình yêu vô bờ.

Như vậy, sự tiến hóa của chúng ta diễn ra theo cách thức như sau: *sự tái sinh liên tục của nguồn năng lượng – linh hồn – trong Ngôi Trường Trái Đất*.

Vì sao lại có sự tái sinh? Và tại sao cần phải lý giải về bản ngã và linh hồn?

Mỗi lần tái sinh là một sự tinh giản vô cùng lớn nguồn sức mạnh của linh hồn đến một tỷ lệ sao cho tương thích với dạng thức vật chất mà linh hồn sẽ đi vào. Đó là sự thu nhỏ một *hệ thống sống bất tử* (năng lượng linh hồn), gói gọn nó lại trong một khung thời gian và quãng đời kéo dài trong vòng một số năm nhất định (một kiếp đời). Linh hồn tự nguyện lựa chọn cách thức này nhằm mục đích chữa lành cho chính nó.

Bản ngã là phần của linh hồn cần được chữa lành; nó tồn tại cùng với những phần khác của linh hồn như tình yêu thương và lòng trắc ẩn – những phần mà linh hồn đưa thêm vào tiến trình chữa lành trong kiếp đời đó. Những khía cạnh vỡ rạn của linh hồn (những phần cần chữa lành) tương tác lẫn nhau để cho từng phần vỡ rạn có thể hàn gắn, kết

nôi nguyên vẹn với nhau. Bản ngã giống như một đồ hình Mandala phức tạp, được hình thành từ những phân vỡ rạn cộng với những phần không bị vỡ rạn, không bị phân mảnh. Bản ngã trực tiếp phát nguồn từ những phần của linh hồn lựa chọn thực hiện chữa lành trong một kiếp đời cụ thể và trải nghiệm sự đời. Vì vậy, khi quan sát một người, bạn có thể nhận thấy nỗi đau rạn vỡ của linh hồn mà từ đó bản ngã hình thành; bạn cũng có thể thấy cả phần đặc ân, hồng phúc (phần yêu thương của bản ngã) linh hồn vun đắp được.

Hãy hình dung linh hồn mạnh mẽ biết nhường nào khi trong linh hồn có phần trải nghiệm tình yêu bao la, có phần trải nghiệm nỗi sợ hãi, có phần mang tính trung lập, có phần trải nghiệm bệnh tâm thần phân liệt và có phần trải nghiệm lòng trắc ẩn sâu sắc. Nếu bất kỳ phần nào chưa được chữa lành, thiếu hoàn chỉnh, thì bản ngã mà linh hồn tạo thành sẽ thiếu vắng sự hòa hợp. Bản ngã hòa hợp là “phương tiện” giúp linh hồn dễ dàng truyền nguồn năng lượng mạnh mẽ, thuần khiết cho sự hóa thân (cơ thể và chính bản ngã ấy) của linh hồn trong thực tại vật chất.

Linh hồn luôn hiện hữu, không bắt đầu cũng không kết thúc; chỉ là linh hồn đang tiến đến sự toàn vẹn. Bản ngã là công cụ năng lượng được linh hồn sử dụng nhằm thực hiện chức năng của nó trong thế giới vật chất. Mỗi bản ngã là độc nhất vô nhị bởi vì năng lượng của linh hồn tạo thành bản ngã đó là độc nhất. Có thể nói, bản ngã là cá tính của linh hồn tương tác với sự vật tự nhiên. Bản ngã là sản phẩm được hình thành từ tên gọi, từ môi trường sống, cũng như từ những khía cạnh vỡ rạn của linh hồn.

Bản ngã không vận hành độc lập với linh hồn. Càng đi vào chiều sâu tâm linh, bản ngã trở nên lắng dịu bởi vì năng lượng ý thức được tập trung vào nội tâm, chứ không hướng ra cái vỏ bề ngoài hời hợt, giả trá của nó – tức là bản ngã, cái tôi giả tạo bên ngoài – nữa.

Bản ngã đôi khi xuất hiện như một thế lực hung hãn, quá khích, không nối kết với năng lượng của linh hồn. Đây có thể là căn nguyên sinh ra cái mà người đời thường gọi là “người độc ác” hay “người mắc bệnh tâm thần phân liệt” – kết quả của bản ngã (hay nhân cách) không có khả năng tìm thấy điểm kết nối với gốc gác của nó là linh hồn. Những xung đột trong cuộc đời con người tương quan trực tiếp với việc năng lượng của bản ngã gắn với năng lượng của linh hồn đến đâu, và như vậy bản ngã đang đứng ở vị trí sáng tạo... thiếu trách nhiệm! Khi bản ngã ở trạng thái cân bằng hoàn toàn, bạn không thể thấy bản ngã kết thúc ở đâu và linh hồn bắt đầu ở đâu. Đây là dấu hiệu của một con người toàn vẹn.

Vậy, yếu tố nào liên quan đến việc chữa lành của linh hồn?

Hầu hết mọi người đều quen với ý tưởng mình chỉ phải chịu trách nhiệm cho một số – không phải tất cả – hành động của mình mà thôi. Chẳng hạn, ta thừa nhận kiểu hành vi ứng xử tạo dựng môi giao hảo tốt đẹp, thâm tình đưa ta xích lại gần láng giềng, hoặc những lời phản hồi tích cực với bà con chòm xóm là của mình, nhưng lại phủ tay dùn đẩy trách nhiệm cho vụ việc cãi nhau với hàng xóm, hoặc lời phản hồi tiêu cực từ phía họ. Khi ta dành thời gian kiểm tra tình trạng chiếc xe trước khi khởi hành, ta thấy mình đã tròn trách nhiệm cho một chuyến đi an toàn; nhưng nếu ta nghĩ cần phải chạy tăng tốc lên và suýt gây tai nạn thì ta lại quy kết trách nhiệm cho người tài xế kia. Nếu ta sông được nhờ vào khả năng kinh doanh thành công của mình, ta tự khen ngợi, tán dương bản thân; tuy nhiên, nếu phải chật vật mưu sinh bằng nghề “đào tường khoét vách” thì ta đổ lỗi cho tuổi thơ cơ cực, khốn khó của mình.

Với nhiều người, thể hiện trách nhiệm đồng nghĩa với việc bị “chộp lung, tùm gáy”. Lần nọ, một cậu bạn hào hứng kể cho tôi nghe về bữa ăn tối tại nhà hàng cùng với gia đình. Anh bạn này hàng năm thường trở về Ý thăm quê hương. Khi nhận hóa đơn tính tiền, cha của cậu ấy, một người vốn khó tính, xem xét chi li từng món được ghi nguệch ngoạc trên giấy. Sau khi kiểm tra một hồi, ông giải đoán dòng chữ cuối cùng và nhận ra nó là một lời diễn giải cụt ngủn có thể dịch thô thiển là: “*Nếu tính được, thì tính*”. Ông gọi người bồi bàn lại và hỏi: “*Cái này nghĩa là gì vậy?*”. Người bồi bàn nhún vai, đáp: “*Chưa tính*”. Nhiều người trong chúng ta cảm thấy nếu người bán hàng thôi dư tiền cho mình và ta cảm lấy luôn, thì cuộc đời của ta quá lắm cũng chỉ bị ảnh hưởng tới mức là mình bỗng dưng nhận được thứ không mong chờ mà thôi! Nhưng thật ra, mỗi hành động của chúng ta đều ảnh hưởng đến chúng ta theo những chiều hướng sâu rộng.

Mỗi ý nghĩ, cảm xúc và hành động được thúc đẩy bởi một ý định, và ý định đó là một nguyên nhân luôn đi kèm hệ quả. Nếu đã góp phần vào nguyên nhân đó, chúng ta không thể không chia sẻ chung kết quả. Chúng ta chịu trách nhiệm cho mọi hành động, ý nghĩ, cảm xúc của mình, hay nói cách khác, chúng ta chịu trách nhiệm cho mọi ý định. Chính ta, chứ không ai khác, sẽ dự phần vào kết quả cho từng ý định mình nuôi giữ. Vì thế, sẽ là khôn ngoan khi ta dựa theo kinh nghiệm từng trải mà nhận ra, phân loại những ý định nào tạo ra quả trái nào, từ đó lựa chọn những ý định sẽ sản sinh kết quả như ý nguyện.

Đây là cách ta học hỏi về thực tại vật chất từ khi còn bé, và cũng là cách xử lý, gạn lọc lại kiến thức tiếp thu được khi ta trưởng thành. Ví dụ như, biết được kết quả của việc gào khóc mỗi khi đói bụng, thế là ta lập

lại kiểu hành vi tương tự; hoặc khi đã biết hậu quả của việc chạm ngón tay vào chuỗi đèn đang có điện, lần sau ta sẽ tránh lặp lại hành động ấy.

Chúng ta biết được những ý định và kết quả đi kèm thông qua kinh nghiệm sống của mình, nhưng việc học hỏi này tiến triển rất chậm bởi vì nó còn tùy thuộc vào mức độ ta từng trải nhiều đến đâu. Chẳng hạn, giận dữ dẫn đến sự chia rẽ và những hành vi thù địch, giả như phải học điều này chỉ qua kinh nghiệm tự nhiên, thì có thể phải nếm trải mười, năm mươi, hoặc một trăm năm mươi tình huống đau đớn như vậy trước khi ngộ ra rằng chính do *xu hướng nóng giận trong ta hay ý định thù hận, lạnh nhạt, xa cách* – chứ không phải hành động cụ thể nào đó – đã sản sinh ra kết quả đáng tiếc. Song, đây là cách học chủ yếu của *con người năm giác quan*.

Mối quan hệ nhân - quả giữa các sự vật và hiện tượng phản ánh sự tồn tại của một dạng động lực vượt ngoài mọi giới hạn, cản trở của thực tại vật chất, đó là luật Nhân - Quả. Vạn vật trong thế giới vật chất, kể cả con người, là một phần nhỏ của những động lực bao quát và có tầm ảnh hưởng rộng lớn hơn tầm nhận thức của con người năm giác quan. Ví dụ, tình yêu thương, lòng trắc ẩn, nỗi sợ hãi, sự giận dữ mà bạn trải nghiệm chỉ là một phần nhỏ của tình yêu thương, lòng trắc ẩn, nỗi sợ hãi và sự giận dữ nằm trong một hệ thống năng lượng lớn hơn, không thể nhìn thấy được.

Trong thế giới vật chất, luật Nhân - Quả được phản ánh qua Định luật 3 Newton: Đối với mỗi lực tác động bao giờ cũng có một phản lực tương đương, cùng độ lớn và ngược chiều với nó. Nói cách khác, luật Nhân - Quả điều khiển sự cân bằng năng lượng trong quá trình tiến hóa của chúng ta và trong thực tại vật chất.

Luật Nhân - Quả là dạng năng lượng vô ngã, nghĩa là *Ai nuôi dưỡng ý định – năng lượng – gì thì người ấy sẽ trải nghiệm kết quả cho ý định ấy, như là một sự đảo nghịch năng lượng quay về với chính người đã sinh ra nó, dù đã “thay hình đổi dạng” (hình hài và bản ngã) qua bao nhiêu kiếp đời*. Đây là cách mà cá nhân trải nghiệm động lực vô ngã được mô tả trong Định luật 3 Newton – “phản lực tương đương, cùng độ lớn và ngược chiều với nó”. Chẳng hạn, người thù ghét người khác sẽ trải nghiệm sự thù ghét từ người khác; người biết yêu thương sẽ trải nghiệm tình yêu thương đáp lại, v.v. “Luật Vàng” là kim chỉ nam hành động dựa trên nền tảng luật Nhân - Quả, được phát biểu như sau: *Bạn nhận được từ Thế giới những gì bạn trao cho Thế giới*.

Song, luật Nhân - Quả khác với hệ thống luân thường đạo lý ở đời. Đạo lý là chuẩn mực về phép tắc đối nhân xử thế do con người tạo ra, nhưng Vũ Trụ không phán xét dựa theo những chuẩn mực này. Nhân -

Quả giữ vai trò như một người Thầy vĩ đại dạy chúng ta về tinh thần trách nhiệm.

Mỗi nguyên nhân chưa tạo ra kết quả là một sự kiện chưa hoàn tất, vẫn còn mất cân bằng năng lượng trong tiến trình trở nên cân bằng. Sự cân bằng năng lượng không phải lúc nào cũng hoàn tất trong một cuộc đời vì Nghiệp (karma) của linh hồn được tạo ra và được cân bằng bởi những hành động (karma) của nhiều bản ngã hay nhân cách khác (thuộc linh hồn). Một bản ngã (cá nhân trong kiếp đời hiện tại) thường trải nghiệm những kết quả đã được tạo ra bởi những bản ngã khác của linh hồn (vẫn là người đó trong những kiếp đời trước), và chính bản ngã đó cũng gây ra sự mất cân bằng năng lượng nhiều khi không thể tự thân hóa giải hết trong một kiếp đời. Do vậy, nếu không biết đến linh hồn, sự tái sinh và “nhân” mà linh hồn đã gieo, thì không phải lúc nào cũng hiểu được tầm quan trọng, ý nghĩa của các sự kiện xảy ra trong cuộc đời, hoặc hiểu được kết quả từ những phản hồi của bản ngã đối với các sự kiện ấy.

Chẳng hạn, khi một người (sở hữu cái tôi giả tạo nào đó) gây bất lợi cho những người khác (sở hữu cái tôi khác) thì thường sẽ làm mất cân bằng năng lượng. Sự mất cân bằng phải được hóa giải bằng cách chính cá nhân này phải nếm trải việc bị thất thế trước người kia. Giả sử món nợ ấy chưa thanh toán hết trong kiếp đời tồn tại của người này (bản ngã này), khi bước sang một cuộc đời mới (với bản ngã/nhân cách khác trong nhiều bản ngã/nhân cách của linh hồn), anh ta sẽ phải gánh chịu tiếp. Nếu không hiểu rằng trải nghiệm bị thất thế là kết quả của một nguyên nhân sâu xa trước đó; đồng thời, trải nghiệm này đang giúp hoàn tất một tiến trình “vay - trả”, anh ta sẽ phản ứng theo quan điểm “hẹp” của cá nhân (như là: trở nên tức giận, trả thù hoặc dè dặt; quát mắng, buông lời chỉ trích cay độc hoặc thu mình trốn tránh, gặm nhấm nỗi sâu muộn;...) thay vì từ quan điểm “rộng” của linh hồn (“*Hết nợ!*”). Mỗi kiểu phản hồi theo góc nhìn hạn hẹp như thế đều tạo ra Nghiệp, thế là nợ cũ chưa trả xong lại gánh thêm nợ mới, năng lượng vốn đang bị mất cân bằng phải tiếp tục được làm cho cân bằng hơn nữa.

Nếu một đứa trẻ chết sớm trong kiếp đời này, chúng ta không biết đã có mắc mứu gì giữa linh hồn đứa bé và linh hồn của cha mẹ nó không, hoặc sự ra đi sớm ấy có ý nghĩa chữa lành cho điều gì. Mặc dù thông cảm cho nỗi đau tột cùng của cha mẹ đứa trẻ, nhưng chúng ta không thể phán xét sự kiện này. Nếu không hiểu được bản chất *vô ngã* của *luật Hành Động*, có thể sẽ có phản ứng giận dữ với Vũ Trụ, hoặc với những người có liên quan; hay một cảm giác tội lỗi, hối tiếc tột cùng xâm chiếm nếu ta cảm thấy mình đã chưa làm hết sức để giúp đỡ. Tất cả

những phản ứng này đều tạo thêm nợ Nghiệp cho linh hồn.

Để trở nên toàn vẹn và hoàn hảo, linh hồn phải cân bằng năng lượng của mình, phải có trách nhiệm với những kết quả nó đã sinh ra. Sự mất cân bằng năng lượng trong linh hồn là những phần thiếu hoàn chỉnh của linh hồn mà đã hình thành nên bản ngã. Linh hồn đang tìm cách chữa lành qua sự tương tác giữa các bản ngã (giữa các cá nhân) với nhau. Sự tương tác này có tác dụng chữa lành hay không còn phụ thuộc vào việc ta có vượt thoát khỏi tầm nhìn hiện tại không. Nhận thức này tự động dẫn tới lòng trắc ẩn. Mỗi trải nghiệm, mỗi sự tương tác trao cho bạn cơ hội nhìn nhận từ quan điểm “mở” của linh hồn hoặc từ quan điểm “đóng” của bản ngã (cái tôi giả tạo).

Vậy, hiểu biết về Nhân - Quả có ý nghĩa thực tiễn gì? Làm sao để chúng ta có cái nhìn vượt thoát khỏi khuôn khổ bó hẹp của hiện tại, và thấy được sự tương tác đầy ý nghĩa giữa các linh hồn?

Do không thể biết cái gì được chữa lành thông qua mỗi tương tác, nghĩa là những món nợ Nghiệp nào sắp được trả, cho nên chúng ta không thể phán xét những gì mình nhìn thấy. Chẳng hạn, khi thấy một người đang co ro ngủ dưới hiên nhà người khác trong những ngày đông giá lạnh, chúng ta không biết linh hồn này đang phải trả món nợ gì; cũng không biết linh hồn đó có dính líu đến tội ác ở một kiếp khác hay không. Nhưng cùng một món nợ Nghiệp như thế, chúng ta có thể chọn cách xóa nợ theo cách thức hoàn toàn khác – như làm việc từ thiện chẳng hạn – thay vì phải trả giá một cách đốn đau. Chúng kiến những trường hợp như vậy, thể hiện lòng trắc ẩn, cảm thông là phù hợp nhất, và sẽ không thích hợp nếu chúng ta xem sự việc, hoàn cảnh đó thật bất công, bởi vì đâu phải thế, chuyện gì cũng có nguyên nhân sâu xa của nó.

Có những bản ngã ích kỷ, hằn thù và tiêu cực tồn tại, nhưng ta không thể biết rõ lý do tại sao. Có những điều nằm ngoài tầm nhìn của chúng ta. Nói vậy không có nghĩa là ta không thể nhận ra cái xấu, cái tiêu cực, mà là ta không có quyền phán xét. Đây không phải là vai trò của ta. Dù có can thiệp vào một cuộc cãi vã, hay ngăn cản một trận đánh nhau, ta vẫn không nên phán xét những người can dự. Có một điều chắc chắn là: người liên quan đến bạo lực đang mang nỗi tổn thương sâu sắc trong lòng họ, bởi vì một linh hồn mạnh mẽ và cân bằng không có khả năng làm hại ai.

Phán xét là một chức năng của bản ngã, hay cái tôi. Chúng ta tạo ra Nghiệp xấu khi phán xét ai đó (giả dụ như ta nhận định về linh hồn khác rằng: “*Chị ta xứng đáng*” hoặc “*Anh ta không xứng đáng*”, hay về một hành động: “*Cái này đúng*” hoặc “*Làm thế kia sai rồi*”). Nhưng

làm vậy không có nghĩa là không nên hành động một cách thích hợp với những hoàn cảnh có mình trong đó.

Chẳng hạn, nếu xe hơi của bạn bị một gã tài xế say xỉn lái xe tông phải, thì đúng là người tài xế kia phải chịu trách nhiệm đền bù chi phí sửa xe cho bạn. Việc anh ta bị cấm lái xe trong khi say xỉn là điều hoàn toàn thích hợp, nhưng không thích hợp khi ta để cho cảm xúc phần nộ, đòi hỏi sự công bằng hoặc trừng phạt lèo lái, dẫn dắt bản thân mình. Những cảm xúc này là kết quả của việc nhận định và đánh giá bản thân vượt trội hơn, đúng đắn hơn mọi người.

Nếu ta hành động theo những cảm xúc này, món nợ Nghiệp phải trả không chỉ gia tăng, thêm vào đó ta cũng không thể đi sâu vào những cảm xúc này để tìm hiểu chúng. Như ta biết, cảm xúc là phương tiện giúp ta phân biệt, thấy rõ phần nào trong linh hồn cần được chữa lành, và nhìn thấy được hành động của linh hồn trong thế giới này. Con đường dẫn tới linh hồn luôn đi qua “cửa ngõ” trái tim – cảm nhận – của bạn.

Nếu muốn nhìn rõ từ quan điểm của linh hồn, chúng ta phải dừng phán xét, ngay cả đối với những sự việc xem chừng không thể chấp nhận nổi, như: tội ác của một điều tra viên, vụ thảm sát hàng loạt, cái chết của một đứa trẻ sơ sinh, nỗi đau khủng khiếp của một bệnh nhân ung thư, hoặc một cuộc đời bị gắn liền với giường bệnh,... Đâu ai biết cái gì đang được chữa lành qua những sự việc đau đớn cùng cực ấy. Chúng ta cũng không biết những tiểu tiết trong tình huống trái ngang này đang dẫn dắt đến sự cân bằng ra sao. Thể hiện lòng trắc ẩn trong những trường hợp như vậy – rồi theo đó mà hành động – là thích hợp hơn cả. Nhưng khi tự cho phép mình phán xét sự kiện và những người tham gia, chính là ta đang tạo ra Nghiệp xấu cho mình.

Nếu không phân xử công – tội thì làm sao có thể có công lý ấy?

Mahatma Gandhi đã vài lần bị tấn công trong suốt cuộc đời ông. Mặc dù đã hai lần suýt chết, ông vẫn từ chối truy tố những kẻ tấn công mình bởi vì ông thấy rằng những người kia đang làm “điều mà họ cho là đúng”. Lập trường “chấp nhận không phán xét” này đóng vai trò chính yếu trong cuộc đời của Gandhi. Chúa Jesus không phán xét ngay cả những kẻ đã nhổ nước bọt vào mặt Ngài và những kẻ đã hành hạ thể xác, nhân phẩm của Ngài một cách không thương xót. Ngài cầu xin Đức Chúa Trời hãy tha thứ, chứ không phải là trả thù đối với những kẻ đã tra tấn mình. Chẳng lẽ Chúa Jesus không biết đến ý nghĩa của công bằng? Chẳng lẽ lần Gandhi cũng không biết đến ý nghĩa của công bằng?

Chúa Jesus biết rõ *sự công bằng không phán xét*.

Gandhi cũng biết rõ *sự công bằng không phán xét*.

Nhưng công bằng không phán xét là gì?

Công bằng không phán xét là một dạng nhận thức cho phép bạn thấy tất cả mọi thứ trong cuộc đời, nhưng không bị lôi kéo vào những cảm xúc tiêu cực. *Công bằng không phán xét* sẽ giải thoát bạn khỏi công việc “phân xử” của quan tòa và bồi thẩm đoàn do bạn tự bỏ nhiệm, bởi bạn biết không gì thoát khỏi vòng Nhân - Quả. *Công bằng không phán xét* là tự do thấy và trải nghiệm mà không phản ứng một cách tiêu cực. Nó cho phép bạn trực tiếp trải nghiệm dòng chảy thông suốt của sự thông tuệ, sự rục rờ, rạng ngời và tình yêu bao la của Vũ Trụ mà thực tại vật chất là một phần trong đó. Thái độ *công bằng không phán xét* lớn dần một cách tự nhiên khi ta hiểu biết về linh hồn và cách nó tiến hóa ra sao.

Như vậy, đây là khuôn khổ cho tiến trình tiến hóa: *sự tái sinh liên tục của nguồn năng lượng linh hồn vào thực tại vật chất nhằm mục đích chữa lành và cân bằng năng lượng của linh hồn tuân thủ theo luật Nhân - Quả*. Theo khuôn khổ đó, loài người tiến hóa từ trạng thái kiệt quệ, yếu thế chuyển sang trạng thái tràn đầy sức mạnh. Tuy nhiên, những trải nghiệm ta bắt gặp trong tiến trình này không nhất thiết là những trải nghiệm (thường là đốn đau, tổn thương,...) ta đã ném trải cho đến bây giờ.

3: Lòng sùng kính

Luật Nhân - Quả và sự tái sinh (những động lực hỗ trợ cho quá trình tiến hóa, liên tục đưa nguồn năng lượng linh hồn vào thực tại vật chất nhằm mục đích chữa lành và cân bằng năng lượng) luôn mang tính trung lập. Những hành động và phản ứng đã đưa năng lượng vô hình từ linh hồn vào thực tế cuộc sống, hình thành nên những trải nghiệm sống của con người và qua tiến trình đó, làm hé lộ những bài học linh hồn cần phải tiếp thu. Khi hành động của ta gây nên mối bất hòa với người khác, trong kiếp đời này hay kiếp đời khác, chính ta sẽ cảm nhận mối bất hòa đó như là sự đáp trả. Tương tự, nếu những hành động của ta tạo nên sự hòa hợp và tiếp thêm sức mạnh cho nhau, bản thân ta cũng cảm nhận sự hòa hợp và nguồn sức mạnh đang lan truyền ấy. Theo đó, ta sẽ học được cách ươm *“hạt mầm - ý định, suy nghĩ, hành động, lời nói”* một cách có trách nhiệm.

Luật Nhân - Quả và sự tái sinh còn có tính vô ngã. Cá nhân hướng đến thái độ nào trong tiến trình tiến hóa sẽ quyết định những trải nghiệm mà linh hồn cần cho sự tiến hóa. Chẳng hạn, người giận dữ sẽ phản ứng lại với những khó khăn trong cuộc đời bằng thái độ oán giận, vì vậy tất yếu phải ném trái hậu quả của cơn giận dữ; người u sầu sẽ phản ứng lại với những khó khăn trong cuộc đời bằng sự phiền muộn, kết quả là họ chìm trong nỗi u sầu, v.v.

Tuy nhiên, một khi người giận dữ biết sùng kính Sự sống, họ sẽ phản hồi rất khác trước những khó khăn trong cuộc đời mình so với người giận dữ mà lại không có lòng sùng kính. Người không sùng kính sẽ không ngần ngại ra tay chống lại Sự sống. Sự hiểm ác khi được chuyển thành hành động giết người, hay hủy hoại sinh vật khác sẽ ghê gớm hơn sự hiểm ác chỉ dừng lại ở lời nói nóng giận. Món nợ Nghiệp phải trả – sự mất cân bằng năng lượng – cho hành vi giết chóc chỉ có thể được thanh toán bằng cách trải nghiệm sự tàn bạo tương xứng. Vì vậy, người sùng kính Sự Sống sẽ tự động được miễn thứ những quả Nghiệp khắc nghiệt mà những người không sùng kính phải gánh chịu.

Ngay cả khi mọi người đều có lòng sùng kính, điều đó vẫn không chấm dứt nhu cầu được tiến hóa. Lòng sùng kính chỉ có thể thay đổi chất lượng của những bài học ta góp nhặt được trên bước đường chuyển hóa. Nói cách khác, nếu hôm nay ta biết trân quý, kính trọng Sự Sống thì mặc dù vẫn sẽ không được miễn thứ khỏi những yêu cầu cần có để tiến hóa (*“cọ xát”* bản ngã với nhau để trả nợ Nghiệp, cân bằng năng

lượng), tuy nhiên chất lượng của những trải nghiệm ta gặp phải sẽ khác đi. Có thể chúng ta vẫn sẽ học những điều tương tự trên mỗi dặm đường đời, nhưng trong quá trình học hỏi (tiến hóa), chúng ta không tìm cách xâm hại hay tàn phá Sự sống. Cuộc hành trình đi từ trạng thái yếu thế, suy kiệt sức mạnh đến trạng thái mạnh mẽ, đầy uy lực vẫn tiếp diễn, song chất lượng của những trải nghiệm sống sẽ thay đổi. Có thể chúng ta không gặp phải những kiểu trải nghiệm quá đau đớn – hệ quả của sự nhận thức thế giới nhưng thiếu vắng lòng sùng kính.

Con người thường có thái độ rẻ rúng Sự Sống. Nhận thức này đã ăn sâu vào những nhận thức khác của chúng ta. Chẳng hạn, chúng ta thấy những hoạt động ở giới động vật như là bằng chứng sống động xác minh cho giá trị của sự sống mà ta chủ quan ước định. Chúng kiến con thú này giết con thú khác để làm thức ăn, thế là ta kết luận rằng dạng thức sống yếu hơn tồn tại chỉ để nuôi sống những dạng thức sống mạnh hơn. Rồi ta biện hộ cho việc con người khai thác, bòn rút Sự Sống là việc làm hết sức tự nhiên. Với nhận thức sai lầm này, chúng ta gieo rắc biết bao nhiêu tang thương. Chúng ta tạo ra thảm cảnh hàng triệu người chết đói trong khi những người khác lại tích trữ thóc lúa đầy kho để nuôi gia súc và đồ sữa dư thừa xuống cống. Chúng ta coi nhau như “con mồi” nhằm thỏa mãn những nhu cầu vật chất và cảm xúc của mình. Để sống sót trong thế giới này, phải là “*cá lớn nuốt cá bé*”, cần chiếm ưu thế trước người khác để họ không lấn lướt mình. Chúng ta xem cuộc sống là một cuộc tranh đua có kẻ thắng - người thua, nên không sẵn sàng khoan nhượng khi nhu cầu của mình bị đe dọa.

Hành vi và hệ giá trị của chúng ta phần lớn được định hình bởi những nhận thức thiếu sự sùng kính, vậy thế nào là thiếu sùng kính?

Nguyên rủa một kẻ cạnh tranh với mình hoặc ra sức tước đoạt sức mạnh của người khác, tức là đã thiếu vắng lòng sùng kính. Khi chúng ta cố *chiếm lấy* nhiều hơn là *cho đi*, chúng ta nai lưng ra lao động mà không có lòng sùng kính. Đánh đổi sự an toàn của mình bằng sự an toàn của người khác, chúng ta đã tự đẩy chính mình ra khỏi vòng bảo vệ của lòng sùng kính. Khi phán xét rằng “*Người này quan trọng hơn*” còn “*Kẻ kia thì bình thường, thấp kém*”, chúng ta cũng đang tách mình ra khỏi sự sùng kính. Tương tự như vậy khi chúng ta phán xét chính mình. Kinh doanh, chính trị, giáo dục, quan hệ lứa đôi, việc chăm sóc gia đình, những mối tương giao mà không có lòng sùng kính thì tất cả sẽ đều cho ra cùng một kết quả: *người này lạm dụng người kia*.

Loài người đã trở nên kiêu ngạo, luôn hành xử như thể Trái Đất là của riêng mình để rồi muốn làm gì thì làm cho thỏa chí, thỏa lòng.

Chúng ta làm ô nhiễm đất đai, đại dương, không khí để thỏa mãn những nhu cầu cá nhân mà không nghĩ đến nhu cầu của những dạng sống khác cùng tồn tại trên Trái Đất, hay những nhu cầu của chính Trái Đất. Con người tin rằng mình có ý thức, còn Vũ Trụ thì không. Ta suy nghĩ và hành động như thể ta chỉ tồn tại đến hết kiếp đời này nên không chịu trách nhiệm cho Sự Sống của những sinh vật khác, lẫn trách nhiệm đối với Vũ Trụ.

Không thể nào người có lòng sùng kính lại đi lợi dụng bạn bè hay đồng nghiệp và xâm hại thành phố, quốc gia hay hành tinh của mình. Không thể nào một loài có lòng sùng kính lại tạo ra hệ thống đẳng cấp xã hội, bóc lột sức lao động trẻ em, sản xuất vũ khí hóa học, sinh học và vũ khí hạt nhân. Cho nên không thể nào người có lòng sùng kính lại tích lũy những quả Nghiệp xấu.

Tại sao như vậy? Lòng sùng kính là gì?

Lòng sùng kính là sự liên hệ sâu sắc, mật thiết với Sự Sống, vượt lên khỏi cái vỏ hình thức bên ngoài và đi sâu vào bản chất cốt lõi bên trong. Lòng sùng kính là sự liên hệ với bản chất thực của sự vật, con người, cây cỏ và chim muông. Ngay cả khi không thể thấy rõ bản chất cốt lõi bên trong, nhưng nếu biết rằng hình tướng, lớp vỏ bao bọc kia chỉ đơn thuần là “lớp áo” ngoài, ẩn bên dưới cái vỏ ấy là sức mạnh và bản chất đích thực (của con người, của sự vật) thì cũng đã đủ. Nhìn thấu rõ bản chất nội tại như thế đã là một hình thức sùng kính.

Tiến trình khai sinh Sự Sống, tiến trình trưởng thành, tiến trình phát triển lớn mạnh, tiến tới nguồn sức mạnh đích thực là những tiến trình cần được tiếp cận bằng lòng sùng kính.

Những chu kỳ của Sự Sống cũng nên được tiếp cận một cách sùng kính vì chúng đã tồn tại trên hành tinh này hàng tỷ năm rồi. Chúng phản ánh hơi thở tự nhiên của Linh hồn Mẹ Đất Gaia – ý thức của Trái Đất – khi “Bà” vận hành và dẫn dắt cho những chu kỳ của Sự Sống hoạt động. Nếu vậy thì làm sao chúng ta có thể gây tổn hại cho sự cân bằng của hệ thống tinh tế và nhạy cảm như hệ sinh thái trên Trái Đất?

Lòng sùng kính là một thái độ tôn vinh Sự Sống. Không nhất thiết phải trở nên mạnh mẽ (từ nội tâm) thì mới có thể hòa nhã, dịu dàng với Sự Sống hay yêu thương Sự Sống. Có nhiều người chưa được khơi nguồn sức mạnh nội tại nhưng lại là người rất sùng kính. Họ chẳng làm hại ai. Thông thường trong trường hợp đó, họ là người giàu lòng trắc ẩn và giàu tình yêu nhất, bởi vì họ đã phải chịu đựng, từng trải rất nhiều.

Người có lòng sùng kính chấp nhận nguyên tắc của Sự Sống là thiêng liêng.

Sùng kính đơn giản là chấp nhận rằng: *Tất cả sự sống đều có giá trị tự thân.*

Lòng sùng kính khác với sự tôn trọng. Tôn trọng là sự phán xét, phản hồi lại nhận thức về những phẩm chất mà chúng ta thán phục, hay được dạy là phải thán phục. Những phẩm chất được ngưỡng mộ bởi những người thuộc nền văn hóa này có thể sẽ không được thán phục bởi những người thuộc nền văn hóa khác, bởi tiêu chuẩn văn hóa của chính nó (cùng thuộc nền văn hóa chung ấy), hoặc bởi các thể hệ khác nhau của cùng một nền văn hóa. Vì vậy, những gì được tôn trọng bởi nhóm người này có thể sẽ không được nhóm người khác tôn trọng. Rất có thể có chuyện tôn trọng người này và không tôn trọng người khác, nhưng không thể nào có chuyện sùng kính một người mà không sùng kính tất cả mọi người.

Sùng kính là một dạng nhận thức, nhưng là nhận thức thiêng liêng. Nhận thức thiêng liêng không phải là kiểu nhận thức được chúng ta sử dụng liên tục. Chúng ta đã chỉ dành riêng nó cho tôn giáo, mà không vận dụng vào tiến trình tiến hóa hoặc tiến trình tìm hiểu, học hỏi về Sự Sống. Song, vẫn có thể tiếp cận nhu cầu học hỏi và trải nghiệm sống với lòng trân trọng, miễn làm sao những mục đích này không đi ngược với nền tảng phát triển tâm linh! Nhận thức theo phương cách này là lòng sùng kính thật sự, bởi nó cho phép bạn ngẫm lại những gì đã qua đi và nhìn nó trong khuôn khổ *sự trưởng thành và tiến hóa của linh hồn.* Ngoài ra, bạn cũng có khả năng quan sát tất cả những sự tiến hóa (ở mọi giới, mọi loài của sự sống) đang diễn ra đồng thời với sự tiến hóa của chính bạn bằng thái độ hoàn toàn trân trọng, hoặc ít nhất là nhìn thấy có sự khác biệt ra sao.

Chẳng hạn, với ánh nhìn thiếu sự sùng kính, chúng ta thấy việc loài thú này ăn thịt loài thú khác để sống dường như là một hệ thống tàn bạo, thay vì thấy đó là một hệ thống mà các loài học cách cho lẫn nhau, có sự *cho - nhận* và *chia sẻ* nguồn năng lượng diễn ra hết sức tự nhiên giữa các loài. Đây chính là cách thức vận hành của hệ sinh thái: *tái phân bố năng lượng tự nhiên giữa các giới.* Trong khi đó, chỉ duy nhất loài người muốn tích trữ năng lượng, muốn dùng nhiều hơn nhu cầu cần thiết, muốn thu vén và cất giữ những gì mình không cần. Thành thử, sự cân bằng của chu kỳ sinh thái bị xáo trộn một cách đáng kể. Động vật không tích trữ giống như con người, trừ trường hợp những loài thú cần tích trữ cho mùa đông. Sẽ tuyệt vời biết bao nếu như mỗi người chúng ta chỉ lấy đủ những gì mình cần cho mỗi ngày!

Nhận thức về lòng sùng kính cho phép chúng ta nhìn thấy sự tương thuộc lẫn nhau giữa các loài bằng cái nhìn đầy trắc ẩn và toàn diện hơn.

Mỗi loài sinh vật có tầm quan trọng riêng trong Vũ Trụ bao la, giàu lòng trắc ẩn. Cách nhìn này ít có khuynh hướng gây ra những phản ứng hung bạo, quá khích hoặc mang tính hủy diệt trong ta khi ta trưởng thành trên đường đời, bởi vì trong từng khoảnh khắc, nó đều hé lộ ra giá trị của Sự Sống.

Với thái độ sùng kính dành cho Sự Sống, dù bản thân suy kiệt sức mạnh nhưng con người không trở nên nhẫn tâm, bạo tàn; khuynh hướng muốn làm hại người khác và những dạng thức sống khác sẽ bị triệt tiêu. Một khi bạn có cảm thức sùng kính, bạn sẽ phát triển khả năng suy nghĩ sâu sắc hơn về chân giá trị của Sự Sống trước khi hành động. Không có lòng sùng kính, trải nghiệm không còn sức mạnh nội tâm có thể là một trải nghiệm vô cùng khủng khiếp. Nó khiến con người rơi vào tâm trạng hoảng loạn, sợ hãi, hệ quả sẽ là gây tổn hại hoặc giết chóc một cách bừa bãi.

Lòng sùng kính còn là sự bảo vệ và trân quý cuộc sống. Người đang trở nên hoàn thiện trong tiến trình củng cố sức mạnh nội tại sẽ không làm hại ai hay cái gì. Song, cũng trên hành trình này, sẽ có sự xâm hại Sự Sống nếu không có lòng sùng kính. Vì vậy mà tồn tại “nạn nhân” và “kẻ thủ ác”.

Cũng chính vì không có cảm thức sùng kính, con người không thật sự tin vào tính thiêng liêng của Sự Sống, thế là Sự Sống – của loài người, của cây cỏ, của muôn thú và hành tinh này – bị “hủy hoại”, bị “tra tấn”, bị “bạo ngược”, bị “bỏ đói” và bị “cắt xén”. Nếu không thì sẽ không có khuynh hướng bạo lực và sợ hãi như ngày nay.

Mặc dù tiến hóa là tiến trình đòi hỏi bản thân liên tục học hỏi, tiếp thu – có vấp vấp, sai lầm và lại đứng dậy – nhưng không có nghĩa là ta có quyền hủy diệt Sự sống, hoặc bởi vì chúng ta là loài người, sinh vật tiến hóa bậc cao (theo quan điểm năm giác quan) nên chúng ta được phép làm vậy. Lẽ ra không có *năng lượng Nghiệp phá hủy* (tiêu cực), mà chỉ có *năng lượng Nghiệp học hỏi* (tích cực). Dầu không tránh khỏi việc gây ra thiệt hại trong quá trình học hỏi, nhưng những quả Nghiệp liên can đến bạo lực và sự hủy hoại là khoản “học phí” quá đắt.

Nói cách khác, không nhất thiết phải học hỏi và trả giá bằng cuộc đời của ai đó. Không nhất thiết phải phát triển, tiến bộ và tích lũy kinh nghiệm phát triển với cái giá là sự tàn phá môi trường thiên nhiên. Không có lòng sùng kính, Sự Sống trở thành một món hàng rẻ rúng như hiện giờ; toàn bộ tiến trình và tính thiêng liêng của sự tiến hóa không được nhìn nhận và không được tôn vinh.

Hiện tại, hàng tỷ người trên thế giới đang chìm trong nỗi chán

chường, tiếc nuối vì phải hứng chịu những trải nghiệm đau đớn, tuyệt vọng, nản chí, trầm cảm, đói khát và bệnh tật – phần lớn xuất phát từ sự thật phũ phàng rằng quá nhiều người không có lòng sùng kính.

Sùng kính còn là sự nhận biết rõ về linh hồn. Chỉ bản ngã – cái phần trong bạn cảm thấy giận dữ, sợ hãi, căm ghét, thù hận..., đưa ra sự phán xét, lôi kéo..., theo đuổi sức mạnh ngoại hiện – mới nhận thức Sự Sống mà không có lòng sùng kính. Sùng kính là một khía cạnh tự nhiên trong tiến trình củng cố sức mạnh nội tại bởi vì linh hồn sùng kính mọi dạng thức sống. Do đó, khi bản ngã trở nên tương thích với linh hồn, giống như linh hồn, nó không thể xem thường Sự Sống. Trân trọng Sự Sống không chỉ bảo vệ linh hồn khỏi những cường lực Nghiệp do bản ngã không tôn vinh Sự Sống tạo ra, mà còn là một bước dịch chuyển bản ngã sao cho hòa điệu với linh hồn (chuyển từ năng lượng tiêu cực sang năng lượng tích cực) bởi vì chính bản ngã trực tiếp thể hiện một khía cạnh nào đó thuộc linh hồn trong cuộc sống.

Trên thực tế, quyết định tiếp cận Sự Sống bằng lòng sùng kính có nghĩa là gì?

Nó có nghĩa là dám thách thức những khuôn mẫu nhận thức và hệ giá trị tồn tại lâu nay trong “thế giới năm giác quan” thiếu vắng lòng sùng kính. Song, điều này không phải lúc nào cũng dễ dàng được chấp nhận, nhất là đối với những đấng “mày râu” luôn được truyền dạy những giá trị vốn đóng góp cho việc góp nhặt sức mạnh ngoại hiện. Người thật sự mạnh mẽ từ nội tâm sẽ không ngượng ngùng, lúng túng hay cảm thấy mình trở nên ít “nam tính” khi bày tỏ mối quan tâm đến Sự Sống, đến những sinh vật sống khác trên hành tinh. Năng lượng của lòng sùng kính vô cùng lớn. Vì vậy, quyết định tiếp cận Sự Sống bằng lòng sùng kính thường đòi hỏi phải có lòng can đảm, không chỉ ở nam giới mà có cả nữ giới – những người cũng đã sống theo hệ giá trị và kiểu nhận thức cũ.

Về cơ bản, quyết định trở thành người có lòng sùng kính là quyết định bước đi trên con đường tâm linh. Hiện tại không có chỗ cho tâm linh trong khoa học, chính trị, kinh doanh hay trong lĩnh vực học thuật hàn lâm. Theo cách nhìn nhận thông thường của kiểu *nhân cách năm giác quan thiếu lòng sùng kính*, một doanh nhân có lòng sùng kính bị xem là đang cạnh tranh ở thế bất lợi, bởi vì phạm vi hoạt động của anh ta không phải là vô hạn; một chính trị gia có lòng sùng kính bị quy là “không đủ tư chất lãnh đạo” trong một thế giới xem trọng uy lực ngoại hiện. Tuy nhiên, với *con người nhận thức đa giác quan*, vị doanh nhân kia là người truyền nguồn năng lượng mới cho mẫu hình *nhà kinh doanh mới*: chuyển đổi từ động lực tìm kiếm lợi nhuận bằng cách phục

vụ khách hàng sang động lực phục vụ khách hàng bằng lợi nhuận thu được. Tương tự, chính trị gia có lòng sùng kính là người phản đối ý tưởng cô xúy cho sức mạnh ngoại hiện, và đưa những mối quan tâm của người dân vào công việc chính trường. Như vậy, quyết định tiếp cận Sự Sống bằng lòng sùng kính có nghĩa là suy nghĩ và hành động như là người duy linh trong một thế giới không nhìn nhận linh hồn, và là sự chủ động hướng đến nhận thức đa giác quan.

Sống với lòng sùng kính là sẵn sàng nói: “*Chúng ta không được làm hại Sự Sống*” và “*Họ là con người, đồng loại với chúng ta, chúng ta không được làm hại họ*”. Chúng ta xem xét lại cách mình đối xử với giới động vật, vốn luôn phục vụ con người một cách kiên nhẫn. Chúng ta nhìn nhận những quyền của Trái Đất – ý niệm chưa hề tồn tại trong ý thức của con người.

Thái độ sùng kính là bầu không khí, là *môi trường cho nhân cách đa giác quan tiến hóa; là cảm nhận về sự giàu có, viên mãn và tình thân ái*. Thái độ sùng kính sinh ra lòng trắc ẩn và những hành động tốt đẹp, ân cần, từ ái. Không có lòng sùng kính, không có nhận thức về tính thiêng liêng của vạn vật, thế giới trở nên “lạnh lẽo” và “khô cứng”, thiếu linh hoạt và hỗn loạn; hệ quả là con người cảm thấy chơi vơi, từ đó sinh ra những hành động tiêu cực, thô bạo. Sống thiếu lòng sùng kính là sống không tự nhiên, bởi vì nó tách biệt chúng ta với nguồn năng lượng tích cực sẵn có của linh hồn.

Lòng sùng kính tự động dẫn đến *lòng kiên nhẫn*. Thiếu kiên nhẫn là khao khát làm cho những nhu cầu của mình được đáp ứng trước tiên. Nhưng khi nhu cầu của bạn được thỏa mãn, liệu bạn có kiên nhẫn với những nhu cầu của người khác không? Người có lòng sùng kính sẽ trân trọng mọi dạng thức và hoạt động của Sự Sống, nên họ không suy nghĩ một cách nóng vội.

Lòng sùng kính cho phép *sự công bằng không phán xét* diễn ra. Linh hồn không biết phán xét, vì vậy bản ngã sẽ lựa chọn đưa vào thực tại vật chất một trong những đặc điểm của linh hồn – tiếp cận Sự Sống bằng lòng sùng kính. Người có lòng sùng kính không tự xem mình là cao hơn, ưu việt hơn người khác hay bất kỳ dạng sống nào, bởi họ nhận ra tính thiêng liêng trong mọi dạng thức của Sự Sống và trân trọng nó.

Thái độ sùng kính giúp cho quá trình chuyển tiếp từ *bậc lý luận và hiểu biết của con người* nắm *giác quan lên bậc lý luận và hiểu biết cao hơn của con người đa giác quan* trở nên dễ dàng. Bởi vì, như chúng ta sẽ thấy, *bậc lý luận và hiểu biết cao hơn* khởi nguồn từ trong trái tim nội tâm.

Không có lòng sùng kính, con người là những kẻ hung bạo và gây ra thiệt hại. Với lòng sùng kính, con người sống giàu tình thương, lòng trắc ẩn, chu đáo, biết quan tâm và tôn vinh mọi dạng sống. Tuy nhiên, khi nào điều tốt đẹp ấy diễn ra, và chất lượng của trải nghiệm sống trong tiến trình học hỏi/tiến hóa ra sao còn tùy thuộc vào sự lựa chọn của chúng ta.

Những lý luận phục vụ cho việc khám phá thực tại vật chất bằng năm giác quan không thể bao hàm trong đó sự tiến hóa – một quá trình không phụ thuộc vào thời gian. Những lý luận này không thể trình bày đầy đủ ý nghĩa về sự tồn tại của linh hồn, hoặc sự cân bằng năng lượng linh hồn qua nhiều lần tái sinh. Chúng không phản ánh được những trải nghiệm về lòng sùng kính – điều vượt tầm cảm nhận của *nhân cách năm giác quan*. Vì vậy, đã đến lúc cần có một bậc lý luận và sự hiểu biết cao hơn.

Những lý luận và hiểu biết của *nhân cách năm giác quan* khởi nguồn bên trong tâm trí con người. Chúng là sản phẩm của cái đầu. Do vậy, việc hình thành bậc lý luận và hiểu biết cao hơn này đòi hỏi chúng ta phải quan tâm chú ý đến *những cảm nhận* của mình.

Vị thế trung tâm của *trái tim* – trong bậc lý luận và hiểu biết cao hơn của *con người đa giác quan* – và khả năng cảm nhận tinh nhạy những dòng cảm xúc tinh tế là nét đặc thù của con người đa giác quan, song dường như lại xa lạ với *kiểu người nhận thức theo năm giác quan*, bởi vì chúng không phục vụ cho việc tích lũy sức mạnh ngoại hiện. Khi chúng ta bắt đầu ý thức tìm kiếm và sử dụng sức mạnh ngoại hiện, chúng ta xem cảm xúc là những phần phụ không cần thiết. Vì vậy, việc theo đuổi sức mạnh ngoại hiện đã dẫn tới một sự kìm nén, ngăn chặn cảm xúc.

Thuộc tính “không thích hợp, thừa thãi” mà chúng ta gán cho cảm xúc đã “ăn” vào nếp tư duy và hệ giá trị của chúng ta. Chúng ta thán phục những thương gia quyết đoán, không khoan nhượng khi sa thải nhân viên để chúng tỏ sức mạnh ngoại hiện. Chúng ta ca ngợi những sĩ quan quân đội thân chinh hoặc biệt phái binh lính tới nơi tang thương và chết chóc để chúng tỏ sức mạnh ngoại hiện. Chúng ta tôn vinh những chính trị gia lão luyện, những người không bị chao đảo bởi lòng trắc ẩn.

Khi ta đóng chặt “cánh cửa” tình cảm của mình, ta khép luôn “cánh cửa” khơi thông những dòng chảy sinh lực tiếp sức sống và kích hoạt những suy nghĩ, hành động của ta. Chúng ta không thể hiểu cảm xúc có tác động lớn đến dường nào! Nó ảnh hưởng đến chính người đã sinh ra nó, đến môi trường xung quanh và những người khác. Nếu không biết được cảm xúc của mình, ta không thể thấy rõ mối liên hệ giữa hệ quả của nỗi giận dữ, u buồn, sầu bi, sung sướng với nguyên nhân khai sinh ra chúng. Rồi ta không thể phân biệt được trong chính ta *phần nào là bản ngã* và *phần nào là linh hồn*! Nếu không nhận biết cảm xúc của

mình, ta không thể động lòng trắc ẩn. Làm sao có thể chia sẻ niềm vui, san sẻ nỗi buồn của người khác nếu ta không trải nghiệm niềm vui và nỗi buồn của chính mình?

Không biết rõ cảm xúc của mình, ta không nhận thức được những động lực ẩn sau cảm xúc, cách thức hoạt động và ý nghĩa của những động lực ấy. Cảm xúc là những dòng năng lượng tuôn chảy qua chúng ta. Nhận biết về những dòng chảy này là bước đầu tiên để tìm hiểu *Những trải nghiệm của chúng ta mạnh mẽ như thế nào và Tại sao như vậy.*

Cảm xúc phản ánh ý định. Vì vậy, nhận biết cảm xúc sẽ dẫn tới nhận biết những ý định. Mọi sự không nhất quán giữa ý định (có ý thức) và cảm xúc đi kèm sẽ trực tiếp chỉ ra khía cạnh bị vỡ rạn, cần được chữa lành của bản thân. Chẳng hạn, nếu ý định “lập gia đình” của bạn khiến bạn cảm thấy đau đớn thay vì đem lại niềm hân hoan, nếu ý định “phát triển sự nghiệp” của bạn gây muộn phiền thay vì mãn nguyện, thì việc lần theo nỗi đau đớn, phiền muộn đó sẽ dẫn bạn đến những ý định vô thức.

Không nhận biết cảm xúc của mình, bạn sẽ không có khả năng trải nghiệm lòng sùng kính. Lòng sùng kính không phải là một cảm xúc. Nó là một cách tồn tại, nhưng con đường dẫn tới sùng kính thì đi qua trái tim, và chỉ có sự nhận biết những tình cảm bên trong mới có thể mở toang cánh cửa trái tim nội tâm bạn.

Bậc lý luận và sự hiểu biết cao hơn của *nhân cách đa giác quan* thể hiện những mối liên hệ và ý nghĩa vốn không thấy rõ ở *nhân cách năm giác quan*. *nhân cách năm giác quan* không có khả năng xử lý rườ rắm những dữ liệu do các giác quan thu thập được, cho nên nhận thức về thực tại bị đứt đoạn, trải nghiệm về Vũ Trụ thì manh mún.

nhân cách năm giác quan cũng biết có những động lực nội tại ảnh hưởng đến nhận thức và phát biểu về nó một cách rập khuôn, sáo rỗng, kiểu như: “*Hãy mỉm cười và thế giới sẽ mỉm cười với bạn*”. Ngoài ra, nó có thể khám phá ra những quy tắc tồn tại bên trong thực tại vật chất, và đúc kết chúng thành những định luật, kiểu như: “*Một vật chuyển động đều sẽ chuyển động đều mãi mãi cho tới khi nó thay đổi trạng thái bởi một ngoại lực tác động lên nó*”.

Chẳng hạn, ngành khoa học *phản ánh xung lực Siêu nhiên* nhận ra mối quan hệ giữa những trải nghiệm rời rạc và ghép nối chúng lại với nhau. Đây là thành tựu đỉnh điểm của *nhân cách năm giác quan*. Tuy nhiên, khi những thành tựu khoa học chỉ được nắm bắt ở cấp độ lý luận và hiểu biết dựa trên *nhận thức năm giác quan*, những động lực nội tại

– tình cảm và ý định – dường như là không liên quan tới thế giới vật chất.

Khi những phát kiến khoa học được lĩnh hội ở bậc lý luận và hiểu biết bằng *nhận thức đa giác quan*, ta có thể nhận thấy mối quan hệ mật thiết giữa những động lực nội tại và những nguyên lý điều khiển hiện tượng xảy ra trong thế giới vật chất. Chẳng hạn, với con người đa giác quan, định luật “*Một vật chuyển động đều sẽ chuyển động đều mãi mãi cho tới khi nó thay đổi trạng thái bởi một ngoại lực tác động lên nó*” không chỉ phản ánh một động lực đang vận hành trong chiều không gian - thời gian - vật chất này, mà còn phản ánh một động lực sâu xa hơn vận hành trong thực tại phi vật chất. Có lẽ câu chuyện sau đây sẽ minh họa rõ sự vận hành của quy luật này trong cuộc đời con người:

Hank, một trong những người bạn học cùng trường thiếu sinh quân với tôi, là một anh chàng cao lớn, hào hoa, trẻ tuổi và ưa nhìn, quê ở Kentucky. Hank và tôi rất quý nhau ngay từ lúc mới gặp. Nhiều lần, với sức mạnh thể chất của mình, anh giúp tôi đi chuyển những vật quá nặng; còn tôi thì giúp anh vượt qua những vấn đề rắc rối phải vận dụng đến trí tuệ, như tính toán đường đi của viên đạn. Cùng nhau trải qua những chuyến phiêu lưu mạo hiểm, thế là tình bạn của chúng tôi ngày càng thêm khăng khít.

Sau khi tốt nghiệp, chúng tôi được bổ nhiệm về những đơn vị khác nhau. Tôi mất liên lạc với Hank từ dạo đấy cho mãi tới khi tôi tình cờ gặp anh ở Sài Gòn, Việt Nam. Anh bị thương, và nhờ vào tình bằng hữu của một vị tướng mà anh được điều về đơn vị nơi tôi thường xuyên lui tới. Trong thời gian làm nhiệm vụ ở Sài Gòn, anh quen với một nữ phát thanh viên khá ái và nổi tiếng, rồi họ đính hôn với nhau. Có vẻ đây là một sự kết hợp hoàn hảo – chàng đại úy đẹp trai và một nhân vật xinh đẹp, được mến mộ.

Tôi lại mất liên lạc với Hank lần nữa cho tới khi tôi rời quân ngũ. Anh gọi điện cho tôi và thông báo là vợ anh sẽ tới ra mắt tại một địa điểm gần nơi tôi làm việc, và anh hẹn gặp tôi ở đó. Khi tôi gặp Hank, giờ cũng đã giải ngũ, trông anh trầm ngâm, buồn bã, cái vẻ thoải mái ở anh không còn nữa. Anh đã đổi tên thành Hal, anh bảo tôi vậy, và xin lỗi là vợ anh không thể đến chung vui với chúng tôi được. Chúng tôi nói chuyện với nhau một hồi, khi tôi hỏi anh dạo này đang làm gì, anh bảo anh “*đang tìm một chỗ đứng cho mình dưới ánh mặt trời*”.

Tin tức tiếp theo tới tai tôi về Hank, hay Hal, là anh đã tự sát. Sau đó, tôi có dịp gặp người vợ góa của anh. Chị kể cho tôi nghe câu

chuyện đau lòng về những khó khăn của cuộc sống hôn nhân, về sự thoái chí của Hank và về việc anh tự sát. Trong những năm ngay sau cuộc chiến tranh Việt Nam, tỷ lệ tự sát của các cựu binh từng tham chiến tại Việt Nam cao bất thường so với những người không phải là cựu binh. Vì vậy, rõ ràng Hank cũng bị ảnh hưởng bởi những trải nghiệm của mình ở Việt Nam. Tuy nhiên, có một động lực phổ biến hơn cả vận hành trong anh.

Hank không thuộc tuýp người hay tự hỏi mình những câu hỏi sâu sắc về cuộc đời. Anh không đi sâu vào tìm hiểu “*Mình tồn tại trên Trái Đất này để làm gì?*”, bởi vì nếu làm vậy, rất có thể nó sẽ làm thay đổi cuộc đời anh, nhưng anh đã không muốn làm điều đó. Anh sống một cuộc đời không nhiều suy tư, để rồi một ngày kia anh nhận ra mình đã bị chế ngự bởi nỗi trống rỗng, bất lực.

Cuộc đời của anh bạn tôi liên quan như thế nào đến định luật thứ nhất về chuyển động của Newton – “*Một vật chuyển động đều sẽ chuyển động đều mãi mãi cho tới khi nó thay đổi trạng thái bởi một ngoại lực tác động lên nó?*” “*Chuyển động đều*” ở đây có ý nghĩa gì trong cuộc sống con người; và “*ngoại lực*” nào làm thay đổi chuyển động đó?

Những sự kiện diễn ra trong cuộc đời Hank không phải là không thay đổi. Anh lớn lên tại một nông trại ở Kentucky, trở thành sĩ quan quân đội, đi xa nhà cả ngàn dặm, cưới một phụ nữ nổi tiếng và tự kết liễu đời mình. Đó là dòng đời của anh, một dòng chảy vô thức, không thay đổi trong chuyển động của nó. Không phải những trải nghiệm thời thơ ấu, không phải những năm tháng phục vụ trong quân ngũ, cũng không phải do hôn nhân khiến cho Hank suy ngẫm nghiêm túc đến ý nghĩa sâu xa về sự tồn tại của mình. Những nỗi đau và niềm vui đi qua đời anh không ảnh hưởng đến nhận thức của anh về việc “*Anh là ai?*” hoặc “*Anh có thể trở thành gì?*”.

Hank không cho phép bản thân lặn theo những trải nghiệm trong cuộc đời mình tới tận gốc rễ của chúng. Ngược lại, anh sợ hãi với sự truy tìm kiểu đó. Kết quả là, cuộc đời anh cứ thế trôi vô định, không nhận biết được và không ý thức được từ lúc tái sinh vào cuộc đời này cho đến lúc ra đi. Anh đã trải nghiệm những tình huống vốn cần thiết cho sự cân bằng năng lượng linh hồn anh, anh đã phản hồi lại chúng, và một cách vô tình, anh đã tạo ra thêm Nghiệp qua mỗi phản hồi của mình.

Lòng trắc ẩn mà Hank mang vào thế giới đã nuôi dưỡng nhiều người xung quanh anh, trong đó có tôi. Nhưng anh đã không để cho lòng trắc ẩn ấy trở thành trọng tâm cuộc đời mình. Cho nên Hank đã không nỗ

lực hướng về phía linh hồn mình, hướng đến nguồn năng lượng hướng thiện, tích cực của linh hồn. Anh sống với cố gắng hòng đáp ứng những ước muốn của bản ngã, và trở nên quá gắn chặt với những ước muốn đó đến nỗi không có thay đổi chúng. Vì vậy, cuộc đời Hank là “*một vật chuyển động đều*” không bao giờ gặp được “*ngoại lực*”.

Vậy, cái “ngoại lực” mà Hank đã không gặp được đó là gì?

Gregory là một người đàn ông đa trắng, trung lưu, đã tốt nghiệp đại học và xuất thân từ vùng Đông Bắc nước Mỹ. Tuổi thơ của anh là những chuỗi ngày bị dồn nén cảm xúc kinh khủng, nên lớn lên anh trở thành một người bản tính, mảnh lói và hằn học. Anh không có khả năng tạo lập mối quan hệ, bản tính lại hung bạo và hay gây gổ khiến mọi người dần xa lánh anh. Điều này càng làm tăng thêm sự khinh bỉ của Gregory đối với cuộc đời, nhưng anh không ngừng tự hỏi “*Mình giữ vai trò gì trong những trải nghiệm của chính mình?*”.

Cuối cùng, khi tính khí cáu bẳn và khó chịu của anh khiến người phụ nữ mà anh đang sống chung phải ra đi, Gregory rơi vào trạng thái đau đớn tận cùng không chỉ vì bị mất mát tình cảm mà còn bởi vì anh nhận ra trong biến cố sau cùng này, có sự lặp lại một khuôn mẫu đã tồn tại từ lâu. Trong mỗi trường hợp, anh thấy mình phải chịu đựng việc bị người khác tấy chay. Thế là anh quyết định đối mặt với nỗi đau lẫn thói quen của mình. Anh xoay xở sống một mình trong cô quạnh, nhưng đồng thời anh cũng “lùng sục” bên trong nội tâm mình để tìm kiếm những nguyên nhân sâu xa nhất khiến cho cuộc đời anh trải qua nhiều đau khổ.

Nhiều tuần sau, khi anh xuất hiện trước mọi người thì những nhận thức và hệ giá trị của anh đều đã thay đổi. Anh bắt đầu mềm mỏng hơn, và từ từ, những thói quen kiểu cũ biến mất. Những năm sau đó, anh dần dần trở nên khéo léo, cư xử tinh tế hơn với mọi người. Tính hoài nghi ngày nào nhường chỗ cho niềm vui, ngọn lửa giận dữ trong anh tắt lịm, và mọi người xung quanh trở thành tâm điểm của cuộc đời anh. Giờ đây, anh là một người hữu ích, anh tìm thấy sức mạnh từ những đóng góp, giúp đỡ cho mọi người.

Những thay đổi này không dễ dàng đến với Gregory. Sự chuyển hóa của anh từ một người cáu gắt, khinh thị, nhiều mảnh khốc thành một người chu đáo, khéo léo, tinh tế là hành trình vượt qua nỗi đau đớn, đòi hỏi rất nhiều nghị lực. Tuy nhiên, bằng sự tận tụy hết mình, anh đã thay đổi đời mình. Từ đó, “*dòng chuyển động đều*” trong cuộc đời Gregory đã thay đổi ngoạn mục bởi quyết định đối mặt với nỗi đau, và nó còn đổi khác hơn nữa bởi quyết định trau dồi những nhận thức mới. Cái “*ngoại lực*” làm thay đổi cuộc đời “*chuyển động đều*” của Gregory là quyết định

“dẫn thân vào cuộc đời một cách có ý thức”. Không có quyết định này, cuộc đời Gregory có thể sẽ vẫn trôi xuôi một cách vô định – như cuộc đời Hank – trên lộ trình mà món nợ Nghiệp và những phản hồi của anh với hoàn cảnh phát sinh sắp đặt sẵn giùm anh.

Diễn giải định luật thứ nhất của Newton về chuyển động – mô tả chuyển động lý tưởng của sự vật tự nhiên – theo cách này liệu có thích hợp không? Có phải cách diễn giải này đơn thuần chỉ là một phép ẩn dụ nhằm mô tả về một động lực phi vật chất?

Còn hơn thế nữa. Đó là sự phản ánh một động lực phi vật chất lớn hơn vận hành trong những lãnh địa phi vật chất. Đây là “*vật lý học - linh hồn*”. Khi khoa học và những khám phá khoa học được hiểu ở cấp độ lý luận và hiểu biết cao hơn từ nhận thức đa giác quan, chúng biểu lộ sự phong phú, dồi dào của sự sống.

Nhận thức của *nhân cách đa giác quan* không hề bị đứt đoạn. Chẳng hạn, *con người đa giác quan* thấy rằng những hệ tư duy hình thành nên lịch sử khoa học cũng hé lộ lịch sử của phương cách loài người chúng ta thấy chính mình trong mối quan hệ với Vũ Trụ bấy lâu nay: Thiên văn học theo hệ Ptolemy (thuyết Địa tâm) phản ánh loài người thấy mình là trung tâm của Vũ Trụ; thiên văn học theo hệ Copernic (thuyết Nhật tâm) phản ánh một quan điểm phức tạp hơn và phụ thuộc lẫn nhau, loài người nhận ra mình là một phần trong vận động của Vũ Trụ; vật lý học Newton phản ánh việc loài người tự tin vào khả năng nắm bắt những động lực của thế giới vật chất thông qua trí tuệ; thuyết tương đối phản ánh việc loài người hiểu được mối quan hệ giới hạn giữa những nhận thức tuyệt đối và nhận thức cá thể hóa; và vật lý lượng tử phản ánh việc loài người bắt đầu nhận biết mối quan hệ giữa ý thức với thế giới tự nhiên.

Nói cách khác, từ quan điểm của *con người đa giác quan*, những khám phá khoa học giải thích sáng tỏ cả những trải nghiệm nội tại lẫn kinh nghiệm ngoại hiện, những động lực cả vật chất lẫn phi vật chất. Chẳng hạn, khám phá cơ bản về quang học nêu rằng: *Màu trắng và màu đen không phải là màu sắc như màu xanh đã trời, màu xanh lá cây và màu đỏ. Màu trắng là sự kết hợp tất cả những màu sắc của quang phổ ánh sáng mắt người nhìn thấy được, còn màu đen là sự thiếu vắng quang phổ đó.*

Vậy, khám phá này làm rõ những động lực phi vật chất nào?

Con người hay liên tưởng màu trắng với *sự tinh khiết, điều tốt đẹp và*

sự đúng đắn. Màu trắng là biểu tượng cho dạng năng lượng tích cực và mang tính bảo vệ. Đó là lý do người ta thể hiện những nhân vật anh hùng xuất hiện trong bộ y phục trắng. Ngoài ra, màu trắng còn tượng trưng cho sự vẹn nguyên của tâm hồn, nên chúng ta thường liên tưởng Thượng Đế, các Thiên Sứ và Thiên Đàng với màu trắng, hình dung ra các Thiên Thần trong bộ áo thụng trắng. Trái lại, chúng ta liên tưởng màu đen với *cái ác, những điều xấu xa* (chúng ta cho tội phạm mặc đồ màu đen); màu đen là *biểu tượng của sự hủy diệt* (khi thảm họa xảy ra, ta gọi đó là “ngày đen tối”); và màu đen thể hiện cho nỗi tuyệt vọng, giận dữ, con thịnh nộ – tức là thiếu vắng “ánh sáng” của tình yêu thương, lòng trắc ẩn, bao dung – (người mang trong lòng những cảm xúc tiêu cực này là người đang rơi vào “tâm trạng u uất”).

Chúng ta gọi thời Trung Cổ. Và chúng ta nghĩ địa ngục là nơi mà Ánh Sáng của Thượng Đế không soi rọi tới được.

Vậy thì, liệu nhận thức xem màu trắng như là màu của sự hòa hợp, hoàn chỉnh, và màu đen là biểu tượng sự thiếu vắng “ánh sáng” chân chính có hạn chế tính chính xác hay khả năng ứng dụng để giải thích hiện tượng tự nhiên liên quan đến ánh sáng trắng và bóng tối không? Không. Ngôn ngữ, truyền thuyết, tôn giáo và khoa học, mỗi phạm trù nhận ra ở màu trắng một sự phản ánh tính nguyên vẹn, hợp nhất hoặc hoàn hảo, và nhận ra ở màu đen đang có sự thiếu vắng những điều này.

Nhân cách đa giác quan nhìn nhận Chân Lý Thánh Thiện (còn gọi là Thượng Đế hoặc Trí Tuệ Siêu Phàm, hoặc bất kỳ cụm từ nào thích hợp) là *Ánh Sáng*. Những con người được Ánh Sáng của Chân Lý Thánh Thiện tuôn chảy qua – như Chúa Jesus, Đức Phật và Thần Krishna (đạo Hindu) – là những hiện thân của Ánh Sáng, những con người toàn vẹn, hoàn hảo. Vì vậy, trong thế giới của thời gian - không gian - vật chất này, *nhân cách đa giác quan* nhìn thấy ở màu trắng (của khoa học) có sự phản chiếu *tính nguyên vẹn và hoàn hảo* của Tạo Hóa. Nó nhìn nhận cái ác, sự giận dữ, thất vọng, hủy diệt như sự thiếu vắng Ánh Sáng. Nên màu đen (của khoa học) nói lên *sự thiếu hoàn chỉnh và thiếu vắng Ánh Sáng* trong thế giới của sự vật và hiện tượng tự nhiên.

Nhân cách năm giác quan không thể nhìn theo cách này nên những lý luận và hiểu biết của nó không toàn diện. Không có khả năng nhận thấy những hiện tượng tự nhiên và mối quan hệ giữa chúng như là những phần không thể tách biệt của cuộc sống, là sự phản ánh những khuôn mẫu lớn hơn của cuộc sống, thì bản chất cũng như những hệ quả của sự nguyên vẹn và thiếu nguyên vẹn cũng không thể được nhận rõ.

Một bản ngã (nhân cách) không nguyên vẹn sẽ ở trong trạng thái phân mảnh, được tượng trưng bằng những màu sắc đơn lẻ, hoặc bằng sự

phối hợp riêng lẻ các màu sắc với nhau. *Nhân cách không bị phân mảnh* thì ở trong trạng thái vẹn nguyên, được tượng trưng bằng ánh sáng trắng. Bản ngã mất sự liên lạc với linh hồn, nguồn Ánh Sáng đích thực, là bản ngã xấu xa, hiểm ác, chìm trong “u mê, tăm tối” – màu đen.

Thông thường, những gì xấu xa, hiểm độc thì luôn thiếu vắng Ánh Sáng – ánh sáng của tình yêu thương. Để mô tả về Ánh Sáng một cách hoa mỹ, chúng ta liên tưởng nó với sự thanh khiết, hiểu biết thấu đáo và nguồn cảm hứng thiêng liêng.

Rất có thể linh hồn sẽ cảm thấy khó bước đi trên lộ trình tái sinh theo con đường Ánh Sáng. Học cách sống trong Ánh Sáng là một khó khăn lớn. Có thể linh hồn đã tích Nghiệp xấu do những lựa chọn của nó khi tái sinh trên Trái Đất – chẳng hạn, khi ta chọn giận dữ thay vì vị tha, chọn kết tội, chỉ trích thay vì thấu hiểu. Đến lúc rời bỏ thân xác, linh hồn được bao bọc trong một Vàng Sáng, nhưng chất lượng Ánh Sáng như thế nào còn tùy thuộc vào những quyết định lựa chọn của linh hồn khi còn hiện hữu trong hình hài cơ thể. Đến khi linh hồn cần phải tạo ra một bản ngã khác, nó sẽ phải tạo ra một bản ngã căn cứ theo chất lượng của Ánh Sáng này. Vì vậy, bản ngã mới được tạo ra sẽ chịu nhiều giới hạn hơn.

Một bản ngã mang ý thức hạn hẹp sẽ thấy cái ác, cái xấu xa có sức hấp dẫn hơn, so với bản ngã có tâm nhận thức mở mang, khoáng đạt. Đối với bản ngã như vậy, sự cám dỗ muốn bước đi theo con đường sai trái sẽ rất mạnh mẽ. Mọi linh hồn đều bị cám dỗ, nhưng cá nhân có những giới hạn về ý thức sẽ thấy sống trong nỗi sợ hãi thì thú vị hơn, bởi nó không nhận ra nỗi sợ hãi thường dẫn đến điều gì. Có thể nó sẽ chấp nhận nỗi sợ như là một điều bình thường trong cuộc sống.

Do đó, làm thế nào để hiểu rõ được cái ác, cái xấu là điều hết sức ý nghĩa. Ta cần hiểu đúng bản chất của nó: *Cái ác là sự thiếu vắng Ánh Sáng*. Cái ác không phải là một thế lực mà chúng ta nên chuẩn bị tư thế để chiến đấu chống lại, chạy trốn hay dặt ra ngoài vòng pháp luật. Như vậy, nếu cái ác chỉ là sự thiếu vắng Ánh Sáng thì *Ánh Sáng là gì?*

Ánh Sáng có ý thức chính là Chân Lý Thánh Thiện, Trí Tuệ Siêu Phàm. Ở đâu thiếu vắng Ánh Sáng Chân Lý thì bóng tối bủa vây, chúng ta loạng choạng, trượt ngã trong u mê, tăm tối. Song, bóng tối không tồn tại vĩnh cửu. Cuối cùng, mọi linh hồn đều sẽ hoàn toàn được Khai Sáng. Linh hồn không có Ánh Sáng sẽ luôn đi tìm Nguồn Sáng bởi vì luôn luôn có rất nhiều “lực lượng trợ giúp” sẵn sàng hỗ trợ cho linh hồn. Có rất nhiều Ánh Sáng vây quanh linh hồn, mặc dù có lẽ Ánh Sáng không có khả năng xuyên thấu trực tiếp qua linh hồn. Còn với những linh hồn cương quyết sống trong u tối, vẫn có rất nhiều sự trợ giúp dành

cho họ.

Tuy nhiên, khi hiểu rằng cái ác là sự thiếu vắng Ánh Sáng thì cách phản hồi thích hợp trước cái ác nên là gì?

Phương thuốc để chữa trị *sự thiếu vắng* là *sự hiện hữu*. Cái ác đã là *sự thiếu vắng* nên không thể được chữa lành bằng *sự thiếu vắng*. Tương tự như bằng cách căm ghét cái ác, hoặc căm ghét kẻ làm việc ác, bạn đang góp phần thêm cho sự thiếu vắng Ánh Sáng chứ không giúp Ánh Sáng càng soi tỏ rực rỡ. Ghét cái ác không triệt tiêu hết cái ác, mà chỉ làm nó thêm vững mạnh.

Thiếu Ánh Sáng khiến cho bản ngã phải chịu đựng đau đớn. Chẳng hạn như, khi bạn nuôi lòng căm thù, bạn tự gây tổn thương, đau đớn cho chính mình. Thế là “Gậy ông đập lưng ông”, nó biến bạn trở thành con người gây thù chuốc oán.

Hiểu *cái ác chỉ là sự thiếu vắng Ánh Sáng* không làm bạn trở nên thụ động, hoặc thờ ơ trước những hành vi hiểm ác. Trong trường hợp bạn chứng kiến một đứa trẻ bị bạo hành, hay thấy có người bị lạm dụng, hãy làm những gì được xem là thích hợp để bảo vệ đứa bé hoặc giúp đỡ người kia. Nhưng nếu không có lòng trắc ẩn từ trong trái tim dành cho đối tượng hại người – những người hiện không có lòng trắc ẩn – thì chẳng khác nào bạn cũng giống như họ sao? Lòng trắc ẩn, hay năng lượng của tình yêu thương, đang được truyền đến con tim và được truyền đi từ con tim. Nếu hành động phản hồi lại trước cái ác mà không chứa đựng lòng trắc ẩn, chính bạn đang tự đẩy mình vào “bóng tối”.

Hiểu biết *cái ác là sự thiếu Ánh Sáng* làm lung lay nhận thức về sức mạnh ngoại hiện. Liệu có thể đánh tan *sự thiếu vắng* này không? Người “gieo” ác có thể bị bắt, nhưng cái ác có thể bị bắt? Một trái tim giàu lòng trắc ẩn chống lại cái ác hiệu quả hơn một đội quân. Phe này có thể giao chiến với phe khác, song sức mạnh vũ lực không thể đánh đuổi hết cái ác. Trong khi đó, trái tim trắc ẩn chỉ cần lan tỏa Ánh Sáng để xua tan “bóng tối” xấu xa.

Để hiểu *cái ác là sự thiếu vắng Ánh Sáng*, bạn cần xem xét những lựa chọn của mình trong từng khoảnh khắc: “*Chúng đưa bạn hướng tới Ánh Sáng hay xa rời khỏi Ánh Sáng?*”. Hiểu biết này giúp bạn nhìn những người dính líu tới hành động sai trái với lòng thương cảm – dù cho bạn không thừa nhận những hành động của họ – và theo đó giúp bạn tránh tạo thêm Nghiệp xấu. Nó cho bạn thấy nơi để bắt đầu sứ mệnh thanh trừ cái ác là ở bên trong bạn. Đây là cách phản hồi thích hợp trước cái ác.

Bậc lý luận và hiểu biết cao hơn vốn là đặc điểm của *con người đã*

giác quan, nó cho phép họ học hỏi nhanh hơn *con người năm giác quan* – chỉ có thể biết được những điều do các giác quan mách bảo, và từ những gì trí tuệ của họ nghiệm ra. Trí tuệ nâng đỡ chúng ta đến mức nào, chúng ta sẽ tiến hóa xa tới mức đó.

Cho đến bây giờ, chúng ta đã khám phá quy mô và độ sâu của thực tại bằng năm giác quan, cùng những hạn chế của sức mạnh ngoại hiện. Giai đoạn kế tiếp trong tiến trình tiến hóa sẽ đưa chúng ta vào những trải nghiệm của *con người đa giác quan* và bản chất của sức mạnh đích thực. Hành trang cần có trên chặng đường sắp tới là một *trái tim* biết cảm nhận.

PHẦN HAI: SỰ HÌNH THÀNH NHỮNG DẠNG THỨC PHI VẬT CHẤT

5: Trục giác

Con người đa giác quan nhận thấy mình không hề cô độc trên Trái Đất này. Họ không cần phải dựa vào nhận thức và cách diễn giải sự kiện của riêng mình mới có được lời chỉ dẫn, bởi vì họ nằm trong *hệ thống thông tin liên lạc có ý thức với những lực lượng trí tuệ khác, cao cấp hơn*. Nói vậy không có nghĩa là *con người đa giác quan* thoát khỏi việc phải lựa chọn lộ trình cuộc đời mình trong mỗi khoảnh khắc; mà điều này có nghĩa là *con người đa giác quan* chủ ý tiếp cận với *nguồn trợ giúp đầy lòng trắc ẩn và vô biên* trong việc phân tích những lựa chọn khả thi cho mình, các hệ quả có thể có từ những lựa chọn ấy, và mời gọi sự trợ giúp để khám phá những phần khác nhau trong chính con người mình.

Bản thân *con người năm giác quan* cũng không lẻ loi, song họ không nhận biết được nguồn trợ giúp luôn sẵn có cho mình, vì vậy họ không thể chủ động mời gọi sự trợ giúp đó. *Con người năm giác quan* phải học hỏi chủ yếu thông qua vô vàn những trải nghiệm sống, song việc học hỏi này thường mất nhiều thời gian và đi cùng với những kết quả đau thương. Chẳng hạn, có người đã phải nếm trải những hệ quả do thiếu tin tưởng vào người khác để thám thía bài học về lòng tin cậy. Vì thiếu tin cậy mà dẫn đến những hiểu lầm đáng tiếc, hậu quả là cảm thấy căng thẳng, khó chịu. *Con người năm giác quan* sẽ tiếp tục trải nghiệm cảm giác khó chịu do thiếu tin tưởng người khác trong kiếp đời này hay kiếp đời khác, cho tới khi nào họ nhận ra được – qua sự tương tác với người khác – nguồn căn sinh ra cảm giác ấy, để rồi từng bước thay đổi.

Người không có khả năng tin cậy thường hay diễn giải sai lời nói và hành động của người khác. Như trường hợp người vợ báo với chồng là cô phải đi dự một cuộc họp về công việc kinh doanh, mặc dù cô cũng muốn ở nhà cùng chồng. Nếu anh chồng không tin tưởng vợ mình, anh ta có thể suy diễn sai ý của vợ, hiểu đó như là một hành động hắt hủi, hoặc là một dấu hiệu cho thấy công việc đối với cô còn quan trọng hơn cả

chồng. Sự hiểu lầm này là kết quả của việc không thừa nhận lời vợ nói, và cũng là kết quả của việc không tin cậy vợ. Khi cô vợ liên tục chịu đựng những hiểu lầm từ phía chồng, điều đó sẽ làm nảy sinh trong cô những cảm xúc choáng sốc, buồn phiền, thất vọng, giận dữ, căm phẫn, và cuối cùng là phản kháng lại những gì anh chồng đã nhận thức một cách sai lầm. Như vậy, do không tin cậy, anh chồng đã tự tạo ra nỗi sợ hãi khủng khiếp nhất cho chính anh.

Mất đi người bạn đời, một người bạn gần gũi, hoặc một đồng nghiệp không phải là sự trừng phạt vì thiếu tin cậy. Đó là kết quả của việc không tự nhìn vào bản thân để nghiệm ra giá trị của lòng tin. Đó là trải nghiệm đúc kết từ việc thường xuyên tỏ ra không tin cậy. Người thiếu tin tưởng sẽ tạo ra những tình huống đau đớn và khó chịu cho tới lúc chúng khiến họ phải nhìn nhận lại vấn đề. Có thể phải trải qua vài lần đau đớn, hoặc mất năm hay năm mươi kiếp đời nếm mùi đau khổ để cuối cùng lĩnh hội được bài học lớn về lòng tin.

Bài học về sự tín nhiệm như trên cũng đúng cho bản ngã thiếu vắng những biểu hiện của lòng trắc ẩn và tính hòa hợp. Chẳng hạn, một người nóng giận sẽ tạo ra những tình huống khó chịu, thậm chí là đau thương, cho tới khi anh ta nhận ra nỗi tức giận và loại bỏ nó đi như gạt bỏ một chướng ngại cản trở dòng yêu thương, trắc ẩn – nguồn năng lượng tích cực của linh hồn – tuôn chảy tự do. Tương tự như thế đối với bản ngã tham lam, ích kỷ, muốn thao túng, v.v. Song, đây lại là phương cách tiến hóa của loài người cho tới ngày nay.

Con người đa giác quan có khả năng tiếp thu, học hỏi nhanh hơn *con người năm giác quan* rất nhiều. Cộng với *nguồn trợ giúp* sẵn có, *con người đa giác quan* nhanh chóng hiểu ra ý nghĩa của những trải nghiệm mình nhận được – “*Chúng xuất hiện như thế nào? Chúng nhấn nhủ điều gì? Bản ngã giữ vai trò gì trong việc tạo ra những trải nghiệm ấy?*”. Như vậy, không cần phải kinh qua những mười hai, hai mươi hay hai trăm trải nghiệm đau đớn để thấm thía bài học quan trọng về lòng tin, về tinh thần trách nhiệm, hay về đức tính khiêm nhường. Tuy nhiên, không có nghĩa là *con người đa giác quan* không trải nghiệm những tình huống đau đớn, mà nhờ vào khả năng học hỏi nhanh, họ cũng có khả năng chọn lựa nhanh hơn, thông minh hơn, và những lựa chọn thấm đượm nhiều lòng trắc ẩn hơn.

Có thể nói, không nhất thiết phải có khả năng thông tin liên lạc trực tiếp qua giọng nói thì mới có thể thu hút *những nguồn chỉ dẫn và trợ lực* xung quanh bạn. Phương thức giao tiếp này là khả năng sẵn có của *con người đa giác quan cao cấp*, nhưng con đường để đạt đến năng lực đó cũng rộng mở chào đón tất cả mọi người. Đây là một lộ trình tràn

ngập niềm vui, niềm hân hoan vì biết được *sự chỉ dẫn thông thái và đầy lòng trắc ẩn* luôn thường trực, sẵn sàng trợ giúp; và là một lộ trình học hỏi để chủ động đưa lời chỉ dẫn quý báu này vào cuộc đời.

Việc dung nạp diễn ra như thế nào?

Nhân cách năm giác quan công nhận rằng mọi động lực thôi thúc và khả năng thấu hiểu là năng lực của chính mình, khởi nguồn từ trong tinh thần. Trong khi *nhân cách đa giác quan* biết không phải lúc nào cũng vậy. Chúng ta sẽ lý giải thế nào về *những thôi thúc, linh cảm, những hiểu biết sâu sắc, thấu suốt* bất chợt lóe lên và cả *những hiểu biết tinh tế* đã trợ giúp chúng ta trên con đường tiến hóa kể từ lúc khởi nguyên của nhân loại! Việc chưa nhận thức đầy đủ *sự chỉ dẫn* đến với chúng ta là hệ quả của việc chúng ta nhìn thực tại chỉ bằng năm giác quan. Mà theo quan điểm năm giác quan, chẳng còn nơi nào khác khơi nguồn cho những hiểu biết thấu suốt và những linh cảm.

Từ quan điểm đa giác quan, những thức nhận, trực giác, linh cảm, nguồn cảm hứng là những thông điệp đến từ linh hồn, hoặc từ *những lực lượng trí tuệ bậc cao* hỗ trợ cho linh hồn trên hành trình tiến hóa. Vì vậy, *nhân cách đa giác quan* rất trân trọng những gì trực giác mách bảo. *nhân cách năm giác quan* xem trực giác chỉ là điều hi hữu, trong khi *nhân cách đa giác quan nhìn nhận trực giác là những thôi thúc, hướng dẫn đến từ một tâm hiểu biết, nhận thức rộng mở hơn và giàu lòng trắc ẩn hơn; là cầu nối giữa chúng ta với suối nguồn vĩ đại ấy.*

Theo *nhân cách năm giác quan*, những hiểu biết thấu suốt từ trực giác hoặc linh cảm thường chợt lóe lên theo cách không đoán biết được và không thể trông mong gì vào chúng. Với *nhân cách đa giác quan*, những hiểu biết nhờ trực giác là *sự chỉ dẫn đầy yêu thương* từ trong ý thức, liên tục trợ lực và ủng hộ cho sự trưởng thành của bản ngã (*nhân cách*). Vì vậy, *nhân cách đa giác quan* luôn cố gắng củng cố nhận thức về nguồn chỉ dẫn này.

Bước đầu tiên để nhận biết lời mách bảo của trực giác là nhận ra cảm xúc của mình. Lần theo từng dòng mạch cảm xúc sẽ dẫn bạn đến với cội nguồn sinh ra chúng. Chỉ thông qua cảm xúc, bạn mới có thể chạm tới linh hồn.

Quay lại trường hợp của đôi vợ chồng kia, vì không tin vợ nên anh chồng cảm thấy tức giận, xấu hổ, nuôi lòng oán giận, hay tỏ ra lạnh nhạt với vợ khi cô báo với anh về cuộc hẹn gặp gỡ đôi tác làm ăn. Nếu anh chủ động trải nghiệm những cảm xúc trong lòng mình, tách rời khỏi dòng cảm xúc đang cuộn cuộn dâng trào, và quan sát chúng như quan sát những dòng năng lượng đang tuôn chảy khắp toàn thân, có lẽ anh

đã biết tự hỏi mình: *“Tại sao cái tin tức về cuộc họp ấy lại ảnh hưởng đến mình nhiều như vậy?”*. Câu hỏi này giúp anh khám phá ra rằng những cảm xúc trong anh đang phản ánh một cảm thức phản đối, hoặc cảm giác thấy mình ít quan trọng đối với vợ hơn so với cuộc họp.

Nếu anh chịu ngẫm lại thông điệp của vợ, anh sẽ hiểu cô thích ở nhà với anh hơn nhưng cô không thể. Điều này tiếp tục dẫn đến câu hỏi: *“Tại sao mình vẫn cảm thấy lòng xáo trộn, bất an?”*, và tiếp nối là câu trả lời: *“Bởi vì mình không tin cô ấy thật sự thích ở nhà với mình hơn”*. Nhờ nhận biết những cảm xúc của mình, thay vì hành động một cách thiếu suy xét, anh bắt đầu trải nghiệm thế nào là lòng tin tưởng.

Sau khi khám phá ra những điều như vậy, có thể anh lại tự nhủ thầm: *“Ngàn ấy thời gian sống chung với nhau, có điều gì khiến cho mình nghi ngờ rằng cô ấy không trung thực với mình không?”*. Nếu câu trả lời là: *“Không, kinh nghiệm của mình cho thấy cô ấy là người chính trực”*, thì anh chồng dần nhận ra động lực khơi nguồn cảm xúc dâng lên bên trong anh không liên quan đến vợ, mặc dù lời nói của cô đã kích hoạt động lực cảm xúc đó. Qua đây, anh hiểu ra ý định thật sự của vợ, và rồi những cảm xúc trong anh trở nên lắng dịu đi. Và vợ anh sẽ cư xử thân mật yêu thương với anh, thay vì cảm thấy bị tổn thương do ông chồng ghẻ lạnh không hài lòng, không đồng tình với công việc riêng tư của cô.

Nếu anh cho phép quy trình tự xem xét nội tâm như vậy diễn ra, chắc hẳn anh đã không làm hỏng cả buổi chiều của mình, hay khiến cho cuộc sống hôn nhân đi đến đổ vỡ. Chắc hẳn anh sẽ học được từ những cảm xúc của mình, và từ những câu hỏi tự vấn, cùng cái bài học mà thế nào cuối cùng anh cũng sẽ học được qua những trải nghiệm khó chịu do việc thiếu lòng tin gây ra. Trong trường hợp này, chắc hẳn anh có thể thấy rõ kết quả của sự tin cậy và thiếu tin cậy.

Những câu hỏi như: *“Tại sao cái tin tức về cuộc họp ấy lại ảnh hưởng đến mình nhiều như vậy?”*, *“Tại sao mình vẫn cảm thấy lòng xáo trộn, bất an?”* và *“Kinh nghiệm của mình có cho thấy mối nghi ngờ này là đúng?”* đều giúp mời gọi sự chỉ dẫn từ trực giác. Mỗi lần bạn hỏi xin hướng giải quyết, bạn sẽ nhận được sự hồi đáp. Khi bạn tự hỏi: *“Động cơ của mình là gì?”*, tức là bạn đang yêu cầu Vũ Trụ: *“Hãy giúp tôi nhận ra động cơ ẩn đằng sau!”*, và rồi sự trợ giúp đến với bạn. Không phải lúc nào bạn cũng có khả năng nghe được câu trả lời cho những thắc mắc bạn đưa ra, và có thể câu trả lời không đến theo cách bạn mong chờ, tuy nhiên chúng luôn đến. Đôi khi câu trả lời xuất hiện dưới dạng cảm nhận *“Có”* hoặc *“Không”*; có lúc nó đến qua một ký ức, hay một tư tưởng bất chợt lóe lên; thỉnh thoảng xuất hiện trong giấc mơ,

và đôi lúc bạn “ngộ” ra vào ngày hôm sau dựa trên kinh nghiệm, trải nghiệm nào đó từ trước.

Không câu hỏi nào mà không được nghe thấy, và không câu hỏi nào được nêu ra lại không có câu trả lời. “*Hãy hỏi và bạn sẽ nhận được*” là nguyên tắc, nhưng bạn phải học cách hỏi và nhận sao cho chính xác.

Trí tuệ là công cụ giúp mở rộng tầm hiểu biết, phát huy sức mạnh nhận thức và khám phá bản chất phức tạp của nhận thức, nhưng không gây tổn hại cho ai. Kiến thức là những kinh nghiệm được trí tuệ đúc kết lại. Kiến thức là sức mạnh, và bạn phải chịu trách nhiệm cho việc sử dụng nó. Theo luật Nhân - Quả, nếu chỉ đơn thuần tiếp nhận kiến thức cho riêng cá nhân mình mà không xử lý và vận dụng nó nhằm mang lại lợi ích cho mọi người, kiến thức ấy có thể gây hậu quả cực kỳ bất lợi cho cơ thể bạn. Những món nợ Nghiệp được tạo ra do chủ tâm lạm dụng kiến thức, do cố ý gây hại hoặc gây ra bất đồng với người khác, sẽ nghiêm trọng và lớn hơn những món nợ Nghiệp mắc phải vì thiếu hiểu biết.

Trong một thế giới vốn hiểu uy lực là sức mạnh ngoại hiện, trí tuệ thường thực hiện chức năng của nó mà không có lòng trắc ẩn từ trái tim. Hệ quả là sức mạnh trí tuệ bị sử dụng như là thứ vũ khí gây hại cho người khác, để thể hiện sức mạnh ý chí nhưng thiếu lòng nhân hậu, sự tinh tế và linh hoạt. Chẳng hạn, sử dụng năng lực trí tuệ để thiết kế, phát triển hay để sản xuất vũ khí; thiết kế, xây dựng hoặc vận hành một ngành công nghiệp, một nhà máy mà không cân nhắc những tác động của nó đến Trái Đất, đến cuộc sống của bao người và môi trường sống; toan tính hưởng lợi từ sự mất mát, thua thiệt của người khác... là những hình thức sử dụng trí tuệ không đúng cách.

Đối với *con người nhận thức bằng năm giác quan*, kiến thức do trực giác mang lại không được xem là kiến thức, và vì vậy nó không được xử lý, không được triển khai hay được nghiên cứu. Hiểu biết từ trực giác không theo quy tắc và không có tính ước thúc. Giống như chúng ta được chỉ dạy để nâng cao và sử dụng tri thức nhằm suy nghĩ về mọi thứ thông qua tri thức, chúng ta cũng học hỏi để phát triển và sử dụng trực giác nhằm mời gọi và tiếp nhận sự chỉ dẫn. Có những phương pháp giúp rèn luyện trí óc, như: tư duy phân tích, nghiên cứu, tái hiện, và tôn trọng tính cơ cấu, tính phương pháp, thì cũng có những cách thức giúp nắm bắt và rèn luyện khả năng trực giác.

Bước thứ nhất để khai thông trực giác là luôn luôn coi trọng việc thanh tẩy cảm xúc. Nếu dòng chảy cảm xúc trong bạn bị ngăn trở, bạn sẽ không thể hoặc không biết mình đang cảm thấy gì; hoặc nếu bạn xem thường cảm nhận của mình đến mức trở nên vô cảm, bạn sẽ biến thành

người tiêu cực, và rồi tự bạn cũng tạo ra cho mình một thể xác bệnh tật. Bằng cách giữ cho dòng cảm xúc của bạn thông suốt, những cảm xúc tiêu cực không còn chỗ cư trú trong bạn, bạn sẽ trở nên nhẹ nhõm hơn. Sự thanh thản, thư thái mở lối cho trực giác đến với bạn bởi vì chỉ khi lòng bạn nhẹ nhàng, bạn mới cảm nhận rõ tình yêu thương; nó đưa bạn đến gần hơn với *tình yêu thương vô điều kiện* và làm cho bạn trở nên vô hại. Có thể nói, việc thanh tẩy cảm xúc làm vơi nhẹ bớt những tàn số năng lượng cảm xúc tiêu cực vốn quá nặng nề. Từ đó, chúng ta sẽ dễ dàng nhận được sự chỉ dẫn.

Để làm được như vậy, mỗi ngày bạn cần tách mình khỏi những ảnh hưởng của cảm xúc. Tương tự như việc bạn tống khứ những chất thải và độc tố ra khỏi thân thể bạn, bạn cũng loại thải “những rác rưởi và độc tố cảm xúc” của mình – bằng cách tháo gỡ những gút mắc về cảm xúc; không đi ngủ trong tâm trạng tức giận; nhận ra mình không bị “ô nhiễm” cảm xúc; và mang thái độ học hỏi để trân trọng, hợp tác với những dòng năng lượng cảm xúc của bạn.

Bước thứ hai là áp dụng một chương trình dinh dưỡng thanh lọc, bởi vì thể xác bị nhiễm độc cũng gây cản trở trực giác đến với bạn.

Bước thứ ba là trân trọng sự chỉ dẫn mà bạn nhận được. Sự thanh lọc thể xác và cảm xúc khai lối cho tiếng nói trực giác đi vào, nhưng bạn cũng cần học cách phản hồi với trực giác. Bạn phải sẵn sàng lắng nghe trực giác của mình nói gì và hành động theo đó. Nhiều người không muốn nghe những gì có thể được nghe thấy dễ dàng như vậy, cho nên họ phủ nhận khả năng này.

Bước thứ tư là hãy rộng mở lòng mình đối với cuộc đời và Vũ Trụ, tin tưởng rằng mọi điều đang xảy ra đều có lý do – tận cùng bên trong luôn là lòng trắc ẩn và điều thiện lành, tốt đẹp. Đây là tư tưởng cốt yếu, cần được áp dụng đúng để khơi gợi và rèn luyện năng lực trực giác.

Vậy, trực giác là gì và nó vận hành như thế nào?

Trực giác là dạng nhận thức vượt khỏi những giác quan thể chất, là hệ thống cảm ứng vận hành không cần dữ liệu từ năm giác quan. Hệ thống trực giác là một phần của sự tái sinh. Khi bạn rời khỏi thể xác của mình, bạn sẽ bỏ lại đằng sau hệ thống trực giác – vốn được phát triển dành riêng cho bạn – và bản ngã của bạn, bởi vì khi ấy chúng không còn cần thiết nữa.

Trực giác phục vụ cho sự sinh tồn. Nó thôi thúc bạn theo đuổi những điều không có lý do rõ ràng để mà sống sót. Chẳng hạn, linh cảm về mối nguy hiểm sẽ xảy ra, về cái gì rủi ro và cái gì không rủi ro, về việc nên đi con đường nào thì an toàn và con đường nào thì không, v.v. Những linh

cảm kiểu như thế thường giúp bạn tồn tại trong thế giới tự nhiên.

Trực giác phục vụ cho sự sáng tạo. Nó mách bảo bạn quyền sách tham khảo nào cần mua cho đề tài của bạn. Nó cho bạn biết sẽ gặp người đồng nghiệp mà bạn cần gặp ở đâu, và cho bạn biết ý tưởng nào trong lĩnh vực này sẽ bổ sung cho ý tưởng nào trong lĩnh vực kia. Linh cảm gợi ý nên tô màu xám cho bức tranh này, và tô màu tím cho bức tranh kia. Chính cảm nhận cho bạn biết một ý tưởng trước đây chưa từng được thử nghiệm có thể mang lại hiệu quả cao như thế nào.

Trực giác mang đến nguồn cảm hứng. Nó là câu trả lời bất thần nảy ra cho một câu hỏi. Nó là Ánh Sáng soi rọi đêm tối. Nó là sự hiện hữu của Chân Lý Thiên Liêng.

Linh hồn luôn cố gắng liên lạc với phần bản ngã (nhân cách) do mình tạo ra. Phương tiện liên lạc của linh hồn với bản ngã là trực giác. Trực giác giống như “hệ thống đường dây liên lạc”, “máy bộ đàm” có thể tiếp nhận tín hiệu từ nhiều trạm khác nhau. Một trong những trạm ấy là linh hồn. Sự liên lạc giữa bản ngã với linh hồn cho ta trải nghiệm về *bản ngã bậc cao (higher self)*.

Bản ngã bậc cao là cầu nối giúp linh hồn giao tiếp với bản ngã của nó. Việc thông tin liên lạc giữa linh hồn và bản ngã là trải nghiệm của bản ngã bậc cao; trong khi bản ngã thường không liên lạc đầy đủ với linh hồn của nó.

Tất cả năng lượng của linh hồn không tái sinh hết trong một lần. Để tái sinh, linh hồn tạo ra một bản ngã từ những phần trong nó cần được chữa lành (giận dữ, sợ hãi, nghi ngờ,...) trong thực tại vật chất, và từ những phần cung cấp cho tiến trình chữa lành (trắc ẩn, yêu thương,...) trong kiếp đời đó.

Năng lượng của linh hồn mạnh mẽ đến nỗi không thể được chuyển hết vào một dạng thức vật chất – cơ thể – mà không làm “nổ tung” dạng thức đó. Trong việc tạo thành một bản ngã, linh hồn định cỡ và tinh giản bớt những phần trong nó đang cần chữa lành thông qua trải nghiệm cuộc sống. Bản ngã bậc cao là một khía cạnh của linh hồn. Nó ở bên trong bạn nhưng không phải là linh hồn toàn vẹn của bạn, mà là một “tiểu linh hồn”. Vì vậy, *bản ngã bậc cao* là một thuật ngữ khác để gọi *linh hồn*, tuy linh hồn lớn hơn bản ngã bậc cao.

Để minh họa rõ hơn cho khái niệm này, chúng ta hãy lấy ví dụ về “cái tách”, “cái gàu nước” và “bồn chứa nước”. Giả sử “bồn chứa nước” là linh hồn và “cái gàu” là một khía cạnh của linh hồn. “Cái gàu” đó vẫn là linh hồn, nhưng không phải là linh hồn toàn vẹn về mọi mặt. Có thể nói, chính một phần nhỏ của linh hồn đang thực thi sứ mệnh. Bản ngã là

“cái tách”. “Cái tách” nhỏ tiếp xúc với “cái gàu” (bản ngã bậc cao, “tiểu linh hồn”) chứ không tiếp xúc trực tiếp với “bồn chứa nước” (linh hồn).

Thông tin liên lạc giữa bản ngã và linh hồn là một tiến trình thông tin bằng trực giác, diễn ra nội bộ. Đó là một tiến trình phối hợp có hệ thống, có tổ chức từ bên trong. Chẳng hạn, việc ra quyết định có thể là *một tiến trình trực giác* – bạn lấy dữ liệu từ tâm trí, từ trái tim (cảm nhận) và từ trực giác theo sự chỉ dẫn của bản ngã bậc cao. Các nguồn dữ liệu này thuộc về hệ thống năng lượng của bạn. Còn bản ngã và bản ngã bậc cao thuộc về linh hồn.

Thông qua bản ngã bậc cao, trực giác có thể cho phép bản ngã tiếp nhận thông tin từ những linh hồn cấp cao khác. Những nguồn chỉ dẫn khác – ngoài bản ngã bậc cao của riêng bạn – có thể xuất hiện trên cùng một “trạm phát thanh”. Đây không giống như một tiến trình trực giác. Mà đây là tiến trình tiếp nhận sự chỉ dẫn thông qua *những kênh trực giác*.

Việc tiếp nhận thông tin thông qua *những kênh trực giác* (nhận thông tin từ những nguồn chỉ dẫn khác, những linh hồn cấp cao khác) khác hoàn toàn với việc tiếp nhận thông tin thông qua *những tiến trình trực giác* (lấy dữ liệu từ tâm trí, từ trái tim và từ trực giác theo sự chỉ dẫn của bản ngã bậc cao). Có thể hình dung như thế này, tiếp nhận thông tin qua *những tiến trình trực giác* giống như *nấu nướng tại nhà*, còn tiếp nhận thông tin qua những kênh trực giác là mua thức ăn từ bên ngoài.

Sự chỉ dẫn mà *con người nhận thức đa giác quan* tiếp nhận được thông qua *những tiến trình trực giác* và *những kênh trực giác* là vô cùng quan trọng đối với sự trưởng thành, viên mãn về tâm linh – quan trọng không kém gì ánh sáng mặt trời và không khí trong lành. Qua trực giác, *con người nhận thức đa giác quan* hiểu và trải nghiệm về chân lý một cách có ý thức.

Chân lý là gì?

Chân lý là những điều không làm hư hỏng, gây nhiễm độc bạn, mà trao sức mạnh cho bạn.

Bản ngã bậc cao nối kết với *những Người Thầy phi vật chất* sẽ tạo ra một cấp độ chân lý vốn không chỉ đúng đối với bạn, mà còn có thể đúng đối với bất kỳ ai tiếp xúc với nó. Nếu bạn loại bỏ tất cả những điều thuộc về cá nhân khỏi sự chỉ dẫn tiếp nhận được qua những kênh trực giác, khi đó chỉ còn lại chân lý cốt lõi có thể ứng dụng với người khác, hoặc ít nhất, vẫn còn sự hiện hữu của tình yêu vô điều kiện, trong khi đó đã phần thông tin bạn nhận được thông qua tiến trình trực giác của riêng

bạn sẽ chỉ hữu hiệu đối với riêng bạn. Đây là sự khác nhau giữa *chân lý thuộc về cá nhân* và *chân lý không thuộc về riêng ai (vô ngã)*. Cả hai đều là chân lý, nhưng *chân lý thuộc về cá nhân* là chân lý của bạn, và *chân lý không thuộc về riêng ai (vô ngã)* là chân lý thuộc về tất cả mọi người, dành cho mỗi người. Chúng ta cần có chân lý để phát triển cũng như cần vitamin, lòng quý mến và tình yêu thương vậy!

Đôi khi chân lý đi qua *những tiến trình trực giác* hoặc qua những kênh trực giác có thể bị “vấy bẩn” bởi nỗi sợ hãi trong bạn. Đây là lúc cần vận dụng đến trí tuệ. Nói cách khác, bạn có thể nghĩ rằng có một trực giác rõ ràng đang mách bảo bạn, nhưng nếu bạn xem xét, “mô xê” nó bằng lý trí, bạn sẽ thấy rằng mình đang phản hồi lại trước sự bất an, giống như câu hỏi “*Ngân ấy thời gian sống chung với nhau, có điều gì khiến cho mình nghi ngờ rằng cô ấy không trung thực với mình không?*” có thể giúp người chồng nhận ra căn nguyên của cách phản hồi đầy cảm xúc của mình là “nỗi bất an” chôn chứa trong chính lòng anh. Những câu trả lời xuất hiện qua *những tiến trình trực giác* hoặc *những kênh trực giác* của bạn có thể thách thức những điều bạn thích thực hiện. *Bản ngã bậc thấp* (nhân cách, bản ngã, cái tôi giả tạo) sẽ không tạo ra sự thách thức nào mà cố tìm cách hợp lý hóa, cổ xúy cho mong muốn của bản ngã.

Như là một xu hướng tự nhiên, bạn sẽ học được cách phân biệt những nguồn chỉ dẫn bạn tiếp nhận được. Song, ý tưởng “được chân lý dẫn dắt (thông qua trực giác)” có vẻ là điều bất thường đối với *nhân cách năm giác quan*. Bởi vì ngành tâm lý học – được xây dựng dựa trên những trải nghiệm của *nhân cách năm giác quan* – thậm chí không thừa nhận sự tồn tại của trực giác (thể hiện ở chỗ không nghiên cứu, không tìm hiểu về nó một cách bài bản). Còn với *nhân cách đa giác quan*, thật là bất thường nếu không dựa vào những chân lý tiếp nhận được từ bản ngã bậc cao và từ những linh hồn cấp cao hơn.

Bản ngã không bao giờ tách rời khỏi linh hồn; linh hồn và những bản ngã (qua bao kiếp đời) của linh hồn liên tục được trợ giúp và được chỉ dẫn bằng lòng trắc ẩn và sự thông thái vô biên. Điều này đúng với cả *nhân cách năm giác quan lẫn nhân cách đa giác quan*, nhưng *nhân cách năm giác quan* không nhận biết được linh hồn của mình, cũng như sự chỉ dẫn mà nó tiếp nhận từ bản ngã bậc cao và từ những linh hồn tiên bộ hơn. *Nhân cách đa giác quan* nhận biết được linh hồn của mình – vì nó tìm cách hòa điệu với linh hồn nhằm trở thành hiện thân của bản ngã bậc cao – và nó chủ ý mời gọi, tiếp nhận sự trợ giúp đầy yêu thương từ chính linh hồn mình cũng như từ những linh hồn khác.

Linh hồn không phải là vật chất; linh hồn là nguồn lực cho sự tồn tại của con người chúng ta. Bản ngã bậc cao cũng không phải là vật chất; nó là *khuôn mẫu sống động của con người tiến hóa*, là *nhân cách hoàn toàn tinh thức* hay *bản ngã hoàn toàn giác ngộ*. Trải nghiệm về trực giác không thể được giải thích từ góc độ *nhận thức (bằng) năm giác quan*, bởi vì *trực giác là tiếng nói thuộc về thế giới phi vật chất*. Vì vậy, không thể hiểu linh hồn, bản ngã bậc cao, hoặc trực giác nếu không chấp nhận sự tồn tại của thực tại phi vật chất.

Hiểu biết ở dạng phán đoán dựa trên kinh nghiệm, dựa trên phân tích của cái đầu đầy lý lẽ không thể đưa ra bằng chứng rõ ràng về thực tại phi vật chất. Vì vậy, đứng trên nhận thức năm giác quan, khi bạn hỏi: *“Thực tại phi vật chất có tồn tại không?”*, thì điều bạn thật sự đang thắc mắc là: *“Nếu tôi không thể chứng minh được sự tồn tại của thực tại phi vật chất, thì tôi có thể khẳng định rằng thực tại phi vật chất là vô nghĩa được không? Tôi quyết định là không có câu trả lời, hay là tôi sẽ tự mở mang tâm hiểu biết của mình để có câu trả lời?”*.

Khi tâm trí nêu ra một câu hỏi gợi ý (mở ra một cấp độ chân lý khác), cho dù câu hỏi là gì, việc mở tâm nhận thức luôn là phương pháp của nhà khoa học thực thụ – những người truy lùng chân lý. Chẳng hạn, vào một thời điểm nào đó trong quá trình tiến hóa, một thắc mắc nảy sinh: *“Có những dạng thức sống nào nhỏ hơn mắt thường có thể thấy không?”*. Theo nhận thức năm giác quan, câu trả lời sẽ là *“Không”*. Tuy nhiên, có người không chấp nhận câu trả lời đó, cho nên họ mở rộng tầm nhận thức của mình, và thế là kính hiển vi được phát minh. Tiếp sau đó là câu hỏi: *“Trong thế giới tự nhiên này, có tồn tại những thành phần nhỏ đến mức kính hiển vi cũng không nhìn thấy được hay không?”*, một lần nữa, câu trả lời – từ *nhận thức năm giác quan* – sẽ là *“Không”*. Nhưng con người không chịu dừng lại ở đây, thay vào đó chúng ta đã khám phá và phát triển một tầm hiểu biết sâu sắc về nguyên tử và các hạt cơ bản (proton, neutron, electron,...).

Tuy chúng ta đã sáng chế ra những công cụ để quan sát, theo dõi những điều mà có thời bị xem là không tồn tại, nhưng trước tiên chúng ta phải mở rộng tầm nhận biết, học hỏi của mình. Đối với những đầu óc tiến bộ, thử thách (cũng là nhiệm vụ) của họ là phải nâng tầm hiểu biết từ cấp độ “không thể giải đáp cho những vấn đề hiện tại – dựa trên cái chân lý ‘tạm thời’ đang được thừa nhận” đến cấp độ “có thể đưa ra câu

trả lời”.

Thực tại phi vật chất là gì?

Thực tại phi vật chất là “ngôi nhà”, là cội nguồn của bạn. Bạn xuất thân từ thực tại phi vật chất, và sẽ lại trở về thực tại phi vật chất. *Phần lớn hơn* của bạn hiện tại đang sống, và tiến hóa trong thực tại phi vật chất. Điều này cũng tương tự đối với hàng tỷ con người đang sống trên hành tinh này. Vì vậy, phần lớn những tương tác giữa bạn với mọi người diễn ra trong thực tại phi vật chất. Chẳng hạn, khi bạn có những ý nghĩ yêu thương về ai đó gần gũi với mình (như người thân trong gia đình), ngay lập tức bạn truyền dòng năng lượng yêu thương đến người ấy, đóng góp thêm vào hệ thống năng lượng của họ.

Chẳng hạn, một cô con gái nuôi trong lòng nổi oán giận đối với người cha của mình. Nếu cô hiểu biết sâu hơn về mối quan hệ giữa mình với cha – như hiểu được vai trò (do luật Nhân - Quả sắp đặt, dẫn dắt) mà cha cô đã “diễn” bấy lâu nay trong việc khơi gợi cho cô một bài học lớn về tình yêu thương hoặc tinh thần trách nhiệm; nếu ý định chữa lành bản thân và chữa lành mối quan hệ với cha là thật tâm và rõ ràng, dù cô không nói ra nhưng đừng nghĩ rằng người cha không nhận biết được điều này. Dầu không nhận biết một cách có ý thức, song bản thân ông cũng cảm nhận được những gì cô đang làm. Ông có thể “cảm” được thông qua những khoảnh khắc đột ngột xúc động về những điều trước đây ông chưa nghĩ tới, hoặc khi ông nhìn vào tấm ảnh chụp cô con gái “rượu” hồi lúc nhỏ và bất giác cảm thấy xốn xang trong tim, mặc dù ông không nhận biết (một cách có ý thức) tại sao mình lại cảm thấy như vậy, hoặc tại sao mình làm như vậy. Thế điều gì đã thôi thúc, lôi kéo ông?

Có thể nói, bạn tham gia vào hình thức trao đổi “ngân hàng dữ liệu” (năng lượng) này với tất cả những linh hồn gần gũi, và tùy theo mức độ, có thể mở rộng ra với tất cả những linh hồn tiếp xúc với bạn trong cuộc đời này. Khi bạn chuyển “bức thông điệp - ý định” tới một linh hồn khác, nó sẽ được xử lý qua hệ thống của riêng họ. Chính ở cấp độ tinh tế đó mà những ý định của bạn – cách bạn lựa chọn để định hình cho dòng năng lượng vô hình – gây ảnh hưởng đến người khác.

Sự trao đổi năng lượng này diễn ra như thế nào?

Bạn là một hệ thống Ánh Sáng, giống như mọi sinh vật khác. Tần số Ánh Sáng của bạn phụ thuộc vào ý thức của bạn. Khi bạn thay đổi cấp độ ý thức của mình, bạn cũng đang thay đổi luôn tần số Ánh Sáng. Chẳng hạn, nếu bạn lựa chọn “tha thứ” cho người đã làm điều sai quấy với bạn thay vì “căm ghét” họ, nếu bạn chọn hướng “yêu thương và gần gũi” với một người thay vì tỏ ra “xa cách, lạnh lùng”, bạn đều đang thay đổi tần

số Ánh Sáng của mình.

Cảm xúc là những dòng năng lượng tuôn chảy với những tần số khác nhau. Những cảm xúc tiêu cực (như: căm ghét, ghen tị, khinh bỉ, sợ hãi, ...) có tần số thấp và ít năng lượng hơn những cảm xúc tích cực (như: quý mến, vui sướng, yêu thương, trắc ẩn, ...). Khi bạn thay thế một dòng năng lượng tần số thấp bằng một dòng năng lượng tần số cao, bạn đang nâng tần số Ánh Sáng của mình lên. Khi bạn để cho những dòng năng lượng tần số cao chạy qua *hệ thống năng lượng* của bạn, bạn sẽ cảm thấy mình thật tràn trề, dồi dào sức mạnh. Chẳng hạn, khi một người đang trong tâm trạng thất vọng hoặc lo lắng, anh ta cảm thấy suy kiệt, mệt mỏi về thể xác bởi vì bản thân anh đã hòa vào một dòng năng lượng tần số thấp. Cùng một tình huống như nhau, có người trở nên nặng nề và ảm đạm, trong khi người kia lại hân hoan, vui vẻ và tràn trề sức sống. Nguyên do là *người vui vẻ* đang vận hành một dòng năng lượng tần số cao tuôn chảy qua *hệ thống năng lượng* của mình.

Những suy nghĩ khác nhau tạo ra những cảm xúc khác nhau. Ví dụ, những ý nghĩ thù hận, bạo lực, tham lam, hoặc ý đồ lợi dụng người khác sẽ tạo ra những cảm xúc giận dữ, căm ghét, ghen tị, khinh bỉ, và sợ hãi. Đây là những dòng năng lượng tần số thấp, vì vậy chúng hạ thấp tần số Ánh Sáng hoặc cấp độ ý thức. Trong khi những ý nghĩ sáng tạo, yêu thương, quan tâm sẽ kích hoạt những cảm xúc tần số cao (như: trân trọng, vị tha, vui sướng), và nâng cao tần số năng lượng Ánh Sáng cho *hệ thống năng lượng* của bạn. Nếu bạn nuôi những suy nghĩ tiêu cực, nó sẽ lôi kéo những dòng năng lượng tần số thấp về phía bạn; theo đó, dáng vẻ, điệu bộ và cảm xúc của bạn sẽ xấu đi, hệ quả kế tiếp là những bệnh tật thể chất hoặc cảm xúc đau đớn, khó chịu xuất hiện. Trái lại, những suy nghĩ tích cực, thiện lành – thu hút những dòng năng lượng tần số cao về phía bạn – sẽ vun đắp cho sức khỏe thể chất và sự lành mạnh về cảm xúc.

Những hệ thống năng lượng tần số thấp sẽ hút năng lượng từ *những hệ thống năng lượng tần số cao*. Nếu bạn không nhận biết được những cảm xúc và suy nghĩ của mình, tần số năng lượng của bạn sẽ bị hạ thấp bởi bạn sẽ mất năng lượng cho *hệ thống năng lượng* có tần số thấp hơn *hệ thống* của bạn. Chẳng hạn, chúng ta gọi người bị trầm cảm là người “*đang kiệt sức*”, hoặc “*đang bị bòn rút năng lượng*”. Hệ thống năng lượng tần số cao sẽ xoa dịu, làm bạn bình tâm, hoặc giúp bạn trở nên tươi mới một cách hiệu quả nhờ tác động từ Ánh Sáng.

Bằng cách chọn lựa những ý nghĩ, cảm xúc nào bạn sẽ loại bỏ và những ý nghĩ, cảm xúc nào bạn sẽ củng cố, bạn đang quyết định chất lượng cho Ánh Sáng của bạn. Bạn quyết định những kết quả sẽ tác động

lên người khác, và quyết định những trải nghiệm sống của chính bạn.

Ánh Sáng ở đây tượng trưng cho ý thức. Khi ta không hiểu điều gì đó, ta bảo “*Phải đưa nó ra ánh sáng*”. Nếu ta cảm thấy bối rối, phân vân, ta bảo tiến trình này “*cần được làm sáng tỏ thêm*”. Với một ý tưởng bất chợt nảy sinh, ta bảo “*ánh sáng đã lóe lên*”, và ta gọi người hoàn toàn có ý thức là “*người được khai sáng*”. Khi bạn loại bỏ một suy nghĩ hay một cảm nhận tiêu cực, bạn đang loại bỏ dòng năng lượng tần số thấp ra khỏi hệ thống năng lượng. Cách làm này giúp gia tăng tần số ý thức của bạn lên.

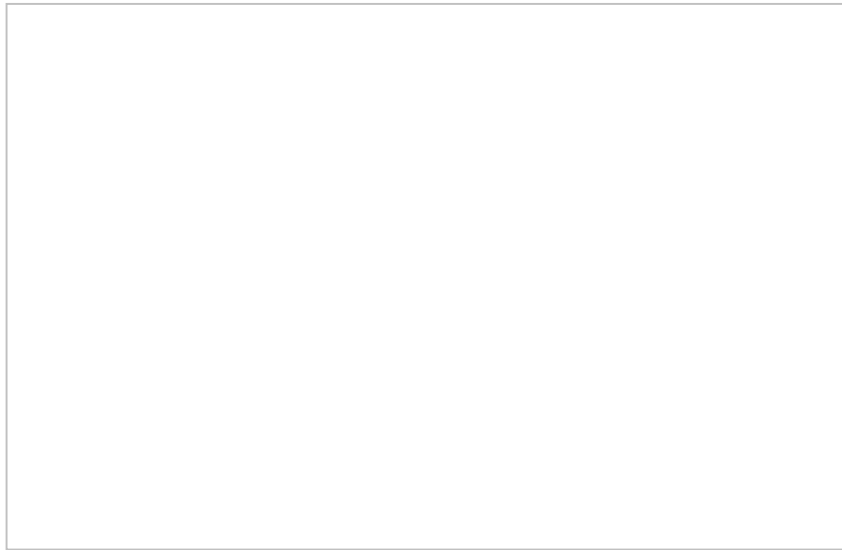
Việc suy ngẫm về Vũ Trụ bằng những thuật ngữ khoa học (như: ánh sáng, tần số và năng lượng với những tần số khác nhau – những thuật ngữ quen thuộc khi nghiên cứu ánh sáng vật chất) không đơn thuần là phép ẩn dụ. Đó là một phương cách tự nhiên và mạnh mẽ để suy nghĩ về Vũ Trụ bởi vì *ánh sáng vật chất là sự phản chiếu của Ánh Sáng phi vật chất*.

Ánh sáng vật chất không phải là Ánh Sáng của linh hồn bạn. Ánh sáng vật chất được truyền đi với một vận tốc nhất định, không thể nhanh hơn. Còn Ánh Sáng linh hồn lại có tính tức thời. Chẳng hạn như không tồn tại khoảng cách về thời gian giữa ý định “yêu thương cha” của cô con gái với việc linh hồn người cha “bắt” được ý định đó. Do vậy, tính tức thời hiện hữu khá thường trực trong cuộc đời bạn. Trong thực tại phi vật chất, những quyết định lựa chọn cách sử dụng năng lượng của bạn đều có tác động tức thời.

Năng lượng bắt nguồn từ linh hồn bạn có tính tức thời, trong khi năng lượng phát tỏa từ bản ngã của bạn sẽ đi theo con đường của ánh sáng vật chất. Chẳng hạn, nỗi sợ hãi là một trải nghiệm của bản ngã. Linh hồn có thể lẫn lộn và xa rời Ánh Sáng, nhưng bản thân linh hồn không trải nghiệm nỗi sợ hãi. Nếu linh hồn nhận thấy có sự thiếu vắng Ánh Sáng từ một phần nào đó trong chính nó, thì bản ngã (công cụ của linh hồn, phần cần được chữa lành của linh hồn) sẽ trải nghiệm sự thiếu vắng – qua hình thái là nỗi sợ hãi. Vì sợ hãi là trải nghiệm của bản ngã nên cảm giác này thuộc về thế giới của không gian - thời gian. Còn tình yêu thương vô điều kiện thuộc về linh hồn, nên có tính tức thời, thuộc về Vũ Trụ và không bị giới hạn, ràng buộc.

Có thể nói, giống như ánh sáng hữu hình (ánh sáng nhìn thấy được bằng mắt thường) là một phần của một thể liên tục các tần số năng lượng theo thang độ, mở rộng bên dưới và bên trên miền ánh sáng mắt người có thể thấy được; tương tự, *thể liên tục* của Ánh Sáng phi vật chất cũng mở rộng bên dưới và bên trên *biên độ tần số mà trong đó loài người tồn tại*. Trải nghiệm của loài người là một biên độ tần số nhất

định nằm trong thể liên tục của Ánh Sáng phi vật chất (theo cùng cách mà ánh sáng mắt người nhìn thấy được là vùng tần số nằm trong thể liên tục của ánh sáng vật chất).



Có những dạng trí tuệ thông minh khác tồn tại trong những biên độ tần số khác. Những dạng Sự Sống này không tồn tại ở đâu khác quá xa vời với chúng ta. Giống như tia hồng ngoại, tia tử ngoại, sóng vi-ba, cùng nhiều tần số khác và những biên độ tần số tồn tại song song với quang phổ ánh sáng mắt thường nhìn thấy nhưng chúng lại vô hình đối với chúng ta; những dạng Sự Sống khác được mô tả bởi những biên độ tần số Ánh Sáng phi vật chất khác nhau, “*Họ*” cũng đồng tồn tại với con người chúng ta. Tại vị trí hiện tại bạn đang ngồi cũng tồn tại nhiều dạng sống khác nhau, mỗi dạng sống đều năng động và đang tiến hóa trong thực tại của riêng “*Họ*”, theo cách thức của riêng “*Họ*”. Những thực tại này giao hòa với thực tại của bạn theo cùng cách như sóng vi-ba tồn tại bên cạnh ánh sáng hữu hình, song mắt người không thể nhận ra được.

Loài người đang tiến hóa từ biên độ tần số hiện tại lên một biên độ tần số cao hơn trong cùng một quang phổ Ánh Sáng phi vật chất. Đây là sự tiến hóa từ *nhân cách năm giác quan* thành *nhân cách đa giác quan*. Nhân cách đa giác quan tỏa sáng hơn và mạnh mẽ hơn *nhân cách năm giác quan*. Nhân cách đa giác quan nhận biết được Ánh Sáng của linh hồn mình; nó có khả năng dò tìm và liên lạc với những dạng sống vô hình đối với *nhân cách năm giác quan*.

Vũ Trụ là một hệ thống cấp bậc không có đáy và không có đỉnh. Hệ thống này hé lộ một sự hiểu biết rằng: *Những nhận thức cao hơn có thể là một phần trải nghiệm của những thực thể thấp kém hơn, khi mà “Họ” nỗ lực mở rộng nhận thức của mình.* Vì vậy, luôn luôn tồn tại một cấp độ trợ giúp cao hơn. Bạn có liên quan tới tiến trình này, mặc dù bản ngã không nhận biết được điều đó, bởi vì đây là sự tiến hóa ở cấp độ linh

hồn.

Có những điều mà *nhân cách năm giác quan* không nhận biết được, ngay cả *nhân cách đa giác quan đã được củng cố sức mạnh* cũng không nhớ nổi nhiều điều cho tới khi nó quay về thực tại phi vật chất, vào cuối kiếp đời tồn tại của bản ngã. Chẳng hạn, bạn không biết được các kiếp đời mà những bản ngã đã trải qua (trong quá khứ) và sẽ trải qua (trong tương lai), nhưng bản ngã của bạn trong kiếp đời này phần lớn được tiếp nối với những bản ngã trước kia, bên cạnh đó cũng có liên hệ với những phần bản ngã tương lai. Điều này tương tự như cách thức hình thành các mối quan hệ của bạn vậy. Nếu một khía cạnh thuộc về bạn được biểu lộ ra dưới dạng thể lý (ví dụ như: khía cạnh “bạn - giáo viên”, hay “bạn - người lính”), thì từ “cõi” phi vật chất, cũng có những khía cạnh phi vật chất có liên quan đang tích cực hoạt động, đang tham gia vào “chỉ bảo, hướng dẫn” hay “bảo vệ”. Cái khía cạnh thuộc về bản thân mà bạn đem ra sử dụng trong khoảng thời gian tồn tại trên cõi đời này thể hiện cho một động lực quan trọng và phức tạp hơn gấp nhiều lần.

Nguồn trợ giúp phi vật chất cho chúng ta bắt nguồn từ những biên độ Ánh Sáng phi vật chất có tần số cao hơn tần số của chúng ta. Những nguồn thông minh trợ giúp và chỉ dẫn chúng ta (vô thức đối với *nhân cách năm giác quan*, và có ý thức đối với *nhân cách đa giác quan*) nằm ở cấp bậc sáng tạo cao hơn; vì vậy, “Họ” có thể trao cho ta sự chỉ dẫn và trợ giúp hiệu quả – điều mà con người chúng ta không thể trao cho nhau.

nhân cách năm giác quan thuộc vào hàng cấp bậc thấp hơn, ít có khả năng kiểm soát người khác và dễ bị tổn thương hơn. Tuy nhiên, từ quan điểm nhìn nhận của Vũ Trụ, tất cả mọi cấp bậc trong sự sáng tạo đều có giá trị ngang nhau và quý giá như nhau. Thực thể ở cấp bậc cao có nhiều khả năng nhìn thấy mà không bị cản trở, có nhiều khả năng sống trong tình yêu thương và sự thông tuệ, có nhiều khả năng và mong muốn giúp đỡ những dạng sống khác (thấp hơn) tiến hóa để trở nên ngang bằng với mình, tràn đầy tình yêu và Ánh Sáng giống như mình.

Mỗi linh hồn con người đều có *người dẫn dắt* và *Người Thầy*. *Người dẫn dắt* không phải là *Thầy*. “Họ” giống như những chuyên gia am tường về lĩnh vực nào đó, được viện đến để đưa ra ý kiến tham khảo. Chẳng hạn, nếu bạn đang viết một quyển sách, đang chuẩn bị một dự án, hay đang tổ chức một sự kiện, *người dẫn dắt* lúc này sẽ là “lòng nhiệt huyết, tính sáng tạo, hay sự thấu hiểu” – điều bạn đang cần cho công việc.

Trong khi đó, *Người Thầy* cho ta cảm giác gần gũi, riêng tư hơn, mặc dù “Họ” là những nguồn năng lượng vô ngã. *Người Thầy phi vật chất*

đưa bạn đến gần linh hồn mình hơn bao giờ hết. “*Họ*” hướng sự chú ý của bạn đi theo *phương nằm dọc*, và giúp nhận ra sự khác biệt giữa *con đường theo phương nằm dọc* và *con đường theo phương nằm ngang*.

Con đường theo phương nằm dọc là *con đường nhận thức*. Đó là con đường của ý thức và là sự lựa chọn có ý thức. Những ai chọn hướng phát triển tâm linh và củng cố nhận thức về bản ngã bậc cao của mình thì đang đi trên *con đường nhận thức*. *Con đường theo phương nằm dọc* là *con đường của sự sáng tỏ*. Tiềm năng để đạt được sự sáng tỏ cũng chính là trải nghiệm về sự tương tác với *Người Thầy phi vật chất*.

Con đường theo phương nằm ngang là *con đường làm thỏa mãn những nhu cầu của bản ngã (cái tôi)*. Chẳng hạn, một doanh nhân dành ra cả đời mình để tích lũy tiền bạc, tức là người ấy đang đi trên *con đường theo phương nằm ngang*. Cho dù công việc kinh doanh có đa dạng đến đâu, về cơ bản, chúng đều xuất phát từ một mục đích như nhau. Nếu những công việc đó “*đề*” ra tiền thì chúng làm hài lòng vị doanh nhân kia (bản ngã), còn nếu chúng gây thất thoát tiền bạc thì anh ta sẽ lo lắng, đau buồn. Thế nhưng những công việc ấy không phục vụ cho bản ngã bậc cao, và cho sự phát triển tâm linh.

Con người tìm kiếm những mối quan hệ chỉ nhằm thỏa mãn những nhu cầu của mình (như: nhu cầu giải tỏa cảm xúc hoặc nhu cầu về tình dục). Xét về bản chất, mọi mối quan hệ đều giống như nhau. Những người mà ta gặp gỡ và gắn bó trong kiếp đời của mình đều có thể thay thế được. Những trải nghiệm với người đầu tiên và những trải nghiệm với người thứ hai về cơ bản cũng đều giống nhau cả. Đây là *con đường theo phương nằm ngang*. Mỗi trải nghiệm “*mới*” thật sự không mới, chúng có cùng bản chất như nhau cả thôi. Để trải nghiệm các mối quan hệ một cách thực chất và có chiều sâu, ta cần tiếp cận và đi vào các mối quan hệ một cách có ý thức và biết quan tâm đến người khác. Đây là *con đường theo phương nằm dọc*.

Như vậy, việc học hỏi sẽ diễn ra trong mọi hoàn cảnh. Khi *con đường theo phương nằm ngang* không còn thích hợp với sự học hỏi của linh hồn nữa thì linh hồn sẽ bỏ nó lại đằng sau. Không sớm thì muộn, mỗi linh hồn sẽ hướng về nguồn sức mạnh đích thực. Mỗi hoàn cảnh đều phục vụ cho mục tiêu này. *Con đường theo phương nằm dọc* bắt đầu với quyết định phải làm như thế một cách có ý thức.

Người dẫn dắt và *Người Thầy* luôn trợ giúp cho linh hồn trong từng giai đoạn tiến hóa. Số lượng *người dẫn dắt* và *Người Thầy* mà linh hồn có còn tùy thuộc vào việc bản thân linh hồn cố công đạt đến mục tiêu gì và cấp độ nhận thức của nó. Linh hồn càng đảm nhiệm những công việc quan trọng thì sẽ càng thu hút về mình nhiều sự trợ giúp hơn.



Bản thân linh hồn hiểu biết rõ về *người dẫn dắt* và *Người Thầy* của mình. Linh hồn thu nhận sự thông thái và lòng trắc ẩn từ “*Họ*” khi tái sinh. Và rồi phần tái sinh của linh hồn sẽ lại hội ngộ trong “vòng tay đón chào” của “*Họ*” khi sự tái sinh của bạn kết thúc – nghĩa là khi bạn trở về cõi. Bạn được dẫn lối và trợ giúp với tình yêu thương trong từng khoảnh khắc. Bạn liên tục được thôi thúc, động viên và được khuyến khích hướng về Ánh Sáng.

Những quyết định bạn đưa ra là những quyết định của chính bạn. *Người Thầy phi vật chất* không thể, và sẽ không, sống thay cho bạn. “*Họ*” chỉ trợ giúp bạn thông qua những trải nghiệm bạn học hỏi được trong đời. Câu trả lời “*Họ*” đưa ra còn tùy thuộc vào cách bạn đặt câu hỏi. Chúng ta thường đặt câu hỏi bằng cách tự chất vấn động cơ của chính mình; cầu nguyện/suy niệm và cởi mở đón nhận câu trả lời, hoặc trực tiếp nêu câu hỏi (*con người đa giác quan* đã phát triển khả năng này). Khi bạn nêu ra một loạt câu hỏi, thì một loạt cánh cửa sẽ mở ra trước mặt bạn.

Trong mỗi khoảnh khắc, *Người Thầy* của bạn sẽ khuyên bạn với lòng trắc ẩn và sự sáng suốt vô biên. “*Họ*” sẽ giúp bạn xem xét những kết quả khả thi của từng lựa chọn bạn đưa ra. “*Họ*” lay động trái tim bạn để giúp bạn nhận ra những phần cần được chữa lành. “*Họ*” sẽ trả lời các câu hỏi bạn đưa ra – nhưng bạn phải hỏi – và theo đó định hướng cho dòng chảy năng lượng của bạn. “*Họ*” cho bạn biết lộ trình nào sẽ dẫn đến kết quả nào, và vẫn tiếp tục khuyên bạn với sự thông thái, lòng trắc ẩn cho dù bạn đã lựa chọn gì chẳng nữa.

Người Thầy không thể tạo ra và cũng không thể giải bỏ Nghiệp thay cho bạn. Không ai – ngay cả *Người Thầy phi vật chất* – có thể đảm đương trách nhiệm cho cuộc đời bạn, cho việc bạn chọn sử dụng năng lượng của mình, nhưng *Người Thầy phi vật chất* có thể giúp bạn hiểu

những lựa chọn và trải nghiệm của bạn nói lên điều gì. “Họ” có thể khơi gợi sự hiểu biết nhằm giúp bạn chọn lựa một cách có trách nhiệm, khả quan và khôn ngoan. Vì vậy, khả năng chủ động thu hút *sự dẫn dắt và trợ giúp phi vật chất*, khả năng tương giao với *Người Thầy phi vật chất* là một kho báu vô cùng quý giá, không thể mô tả bằng ngôn ngữ đời thường.

Mỗi quyết định bạn đưa ra sẽ hướng bạn về phía bản ngã (thỏa mãn những dục vọng, ham muốn), hoặc sẽ hướng bạn về phía linh hồn. Mỗi quyết định là một câu trả lời cho câu hỏi: “*Bạn muốn tìm hiểu, học hỏi về tình yêu thương theo cách nào?*”, “*Bạn muốn củng cố lại sức mạnh đích thực của mình thông qua nỗi nghi ngờ và sợ hãi, hay thông qua sự thông tuệ?*”. Đây là trọng tâm cốt lõi của câu chuyện Vườn Địa Đàng. *Cây Sự Thật*, vốn được trao trọn cho loài người, nói: “*Hãy học đi! Người mong muốn học theo cách nào?*”.

Đây là “hành động” cơ bản, đầu tiên của ý chí tự do – “*Người mong muốn học theo cách nào?*”. Câu hỏi muôn đời ấy liên tục vang lên trong mọi tình huống cuộc đời bạn. Cho dù rơi vào hoàn cảnh nào, khoảnh khắc nào chẳng nữa, câu hỏi trong Vườn Địa Đàng vẫn tiếp tục cất vang: “*Người sẽ chọn lựa hướng nghi ngờ và sợ hãi, hay sẽ chọn Cây Thông Tuệ?*”.

Cây Sự Sống, Cây Tri Thức, Cây Sự Thật hay *Cây Thông Tuệ* là những tên gọi khác của *cơ hội*, của một *câu hỏi kiểu mẫu*. Adam và Eve (yếu tố “đàn ông” và “đàn bà” trong Vườn Địa Đàng) đã ăn phải *quả táo* – biểu tượng cho việc *sử dụng sai tri thức*. Chọn lựa của họ là sử dụng sai tri thức, nên họ đã tạo ra sự xấu hổ. Nhưng xấu hổ không phải là bản chất vốn có của loài người. Chính việc sử dụng sai tri thức/chân lý/sự thông thái mới sinh ra *cảm giác ngượng ngùng, xấu hổ*. Từ đây, con người cảm thấy *mặc cảm tội lỗi*, rồi dẫn đến kết cục là *sợ hãi*. Lại là *sợ hãi!* Và sự tiến hóa của loài người đã bắt đầu như thế.

Quyết định ăn “trái cấm” trong câu chuyện Vườn Địa Đàng không ám chỉ cái quyết định được thực hiện bởi hai con người có thật đã tồn tại trong bối cảnh như vậy. Đây không phải là kiểu quyết định “*Tôi chọn cái này hay chọn cái kia?*”. Câu chuyện Vườn Địa Đàng mô tả về sự bắt đầu của Trái Đất và trải nghiệm của con người trên Trái Đất.

Tuy nhiên, không phải là không thích hợp khi hiểu câu chuyện Vườn Địa Đàng với ý nghĩa đây là sự chọn lựa của loài người – giữa một bên là *nỗi nghi ngờ và sợ hãi*, một bên là *sự thông tuệ*. Bởi vì chọn lựa *học hỏi thông qua sự thông tuệ*, hay *học hỏi thông qua nỗi sợ hãi, nghi ngờ* là hai mặt của “đồng xu – thử thách” mà mỗi người phải chọn lựa trong từng khoảnh khắc. Thử thách này phản ánh những động lực cho sự tiến

hóa của chúng ta.

Từ đây, chúng ta bước vào mối quan hệ giữa *sự chọn lựa*, *Ánh Sáng* và *thực tại vật chất*.

7: Ý định và sức mạnh ý chí

Không phải tất cả mọi *dạng thức* – được định hình, tạo dáng – đều thuộc về vật chất. Chẳng hạn, suy nghĩ cũng là một dạng thức, nhưng suy nghĩ được hình thành từ đâu?

Suy nghĩ là năng lượng – là Ánh Sáng – được định hình bởi ý thức. Không dạng thức nào tồn tại mà không có ý thức. Có Ánh Sáng, ắt hẳn ý thức sẽ thực hiện công việc khuôn tạc “hình hài” cho Ánh Sáng ấy. Đây chính là sự sáng tạo.

Năng lượng liên tục rót xuống từ đỉnh đầu của bạn và lan tỏa khắp toàn thân. Bạn không phải là một *hệ thống tĩnh*. Bạn là một *thực thể Ánh Sáng động*, để cho dòng năng lượng tuôn chảy qua bạn vào mỗi khoảnh khắc. Việc này diễn ra thông qua mỗi ý nghĩ, mỗi ý định của bạn.

Ánh Sáng tuôn chảy qua hệ thống năng lượng của bạn là năng lượng từ Vũ Trụ – Ánh Sáng của Vũ Trụ. Sau đó, chính bạn là người tạo “hình hài” cho Ánh Sáng ấy. *Bạn cảm thấy gì, bạn nghĩ gì, bạn hành xử ra sao, bạn trân trọng, đề cao cái gì, bạn sống như thế nào* đều phản ánh cách thức bạn định dạng cho nguồn Ánh Sáng chảy qua bạn. Nghĩa là Ánh Sáng được chuyển thành *suy nghĩ, cảm nhận và hành động* (những dạng thức này phản ánh hình thể của bản ngã – một thực thể tồn tại trong chiều không gian và thời gian).

Bạn thay đổi cách thức định hình Ánh Sáng đang chảy qua bạn bằng cách thay đổi ý thức. Chẳng hạn, bạn thách thức một mẫu hình suy nghĩ/cảm nhận/hành xử mang tính tiêu cực (như là giận dữ), và chủ động thay thế nó mẫu hình tích cực (như lòng trắc ẩn, vị tha); hoặc bạn thách thức sự thiếu kiên nhẫn, và chú ý lựa chọn cách thấu hiểu, trân trọng những nhu cầu của người khác. Việc thay đổi ý thức như thế này hình thành nên những dạng thức suy nghĩ, cảm nhận và hành động khác nhau. Từ đó làm thay đổi trải nghiệm của bạn.

Mỗi trải nghiệm và mỗi thay đổi trong trải nghiệm của bạn đều phản ánh một ý định cụ thể nào đó. Ý định không chỉ là niềm mong muốn, khát khao. Nó còn là cách sử dụng sức mạnh ý chí. Chẳng hạn, bạn không thích tình trạng hôn nhân như hiện tại, bạn muốn mối quan hệ với vợ/chồng của mình phải khác đi, nếu chỉ dừng lại ở mức độ “mong muốn” thì sẽ không cải thiện được điều gì. Khi bạn thật sự khao khát làm mới lại mối quan hệ, sự thay đổi sẽ bắt đầu từ ý định thay đổi hết

sức mãnh liệt. Mọi quan hệ sẽ thay đổi như thế nào còn phụ thuộc vào ý định của bạn.

Nếu bạn mong muốn mọi quan hệ vợ chồng của mình được thuận hòa, êm ấm và tràn ngập tình yêu thương, ý định đó sẽ mở ra cho bạn những nhận thức mới. Bạn thấy rõ cách biểu lộ tâm chân tình của người kia. Bạn nhận ra người ấy đang thiếu vắng tình yêu. Ý định đó sẽ hướng bạn quay về sự hòa hợp và yêu thương để bạn có thể thấy rõ điều gì nên làm để cải thiện mối quan hệ, và nó có khả thi không.

Nếu bạn đi đến quyết định chấm dứt mối quan hệ hôn nhân, thì sự chấm dứt sẽ bắt đầu bằng ý định “chấm dứt”. Ý định này tạo ra trong bạn một nỗi bồn chồn không yên. Càng lúc bạn càng cảm thấy ít thân mật, ít khăng khít với người bạn đời của mình. Bạn cảm thấy mình từ từ dễ mở lòng với những người khác – trước đây chưa từng như vậy. Bản ngã bậc cao của bạn bắt đầu tìm kiếm một “hình bóng” khác. Khi đối tượng mới xuất hiện, bạn sẽ bị cuốn hút về phía người ấy. Nếu bạn chấp nhận người đó (đây cũng là một ý định), thì một hướng đi mới mở ra trước mắt bạn.

Nếu trong bạn chứa những ý định “gây xung đột, mâu thuẫn”, bạn sẽ bị giằng xé bởi hai động lực đối nghịch với nhau. Trong trường hợp không nhận biết được tất cả những ý định của mình, thì ý định mạnh nhất sẽ thắng. Chẳng hạn, bạn có ý định (chủ ý) “muốn cải thiện cuộc sống hôn nhân”, nhưng đồng thời cũng tồn tại một ý định vô thức là “muốn kết thúc cuộc hôn nhân”. Nếu cái ý định vô thức “muốn kết thúc cuộc hôn nhân” mạnh hơn ý định “muốn cải thiện cuộc sống hôn nhân”, động lực “bất an, không thỏa mãn, v.v.” sẽ lấn lướt ý định có ý thức “muốn đời sống vợ chồng thuận hòa, êm ấm và tràn ngập tình yêu thương”. Cuối cùng, cuộc sống hôn nhân của bạn sẽ “giữa đường đứt gánh”.

Tuy nhiên, khi ý định có ý thức “muốn cải thiện cuộc sống hôn nhân” mạnh hơn ý định vô thức “muốn kết thúc cuộc hôn nhân”; thêm vào đó, nếu chồng/vợ bạn chủ động khuyến khích, ủng hộ bạn nữa thì thành công sẽ là chắc chắn. Song, hai luồng ý định đối nghịch vẫn cứ lớn vồn trong đầu bạn, chúng tạo ra sự hoang mang và đau khổ cho bạn (có lẽ cho cả người kia). Bạn bắt đầu cởi mở trước những nhận thức mới mẻ về tình yêu và sự hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân; đồng thời, cảm giác bồn chồn, bất an, thiếu thỏa mãn và dễ mở lòng với đối tượng khác cũng đang trở dậy mạnh mẽ.

Đây là trải nghiệm của *nhân cách bị phân mảnh*. *Nhân cách bị phân mảnh* (người đang rơi vào tâm trạng bất an, giằng xé nội tâm) luôn đấu tranh với chính mình. Hệ giá trị, nhận thức và hành động của *nhân*

cách bị phân mảnh thường không hòa nhập với nhau. Nó không ý thức được về tất cả những phần bên trong nó. Nó sợ những khía cạnh trong chính nó đe dọa những gì nó đang tìm kiếm và những gì nó đạt được.

Trong một kiếp đời tồn tại, *nhân cách bị phân mảnh* thấy những tình huống bên ngoài mạnh mẽ hơn bản thân mình. Chẳng hạn, *nhân cách phân mảnh* bị giằng xé giữa ý định có ý thức “muốn cải thiện cuộc sống hôn nhân” và ý định vô thức, mạnh hơn là “muốn kết thúc cuộc hôn nhân”. Sau cuộc hôn nhân đổ vỡ, bất chấp mọi nỗ lực – ngay cả những nỗ lực khéo léo nhất, thiện chí nhất – nó cảm thấy có nhiều điều diễn ra không theo dự tính. Nhưng thực ra không phải vậy! Những điều đó đã thể hiện chính xác như đã... dự định! Bởi vì người trong cuộc đã nuôi ý định “mâu thuẫn với nhau”, cho nên có nhiều xáo trộn trong dòng chảy Ánh Sáng tuôn đổ qua anh/chị ấy.

Khi hai luồng ý định mâu thuẫn gần như mạnh ngang ngửa nhau, nếu chúng ta không sẵn sàng, hoặc không có khả năng nhận ra khía cạnh nào đó ở bản thân đang phản đối cái ý định có ý thức kia, kết quả sẽ là stress nặng nề và tổn thương cảm xúc nghiêm trọng. Điều này có thể gây ra những trạng thái của bệnh tâm thần phân liệt và bệnh tật cho thể xác. Trong những trường hợp ít nghiêm trọng hơn, nỗi đau đớn có thể chỉ đơn thuần là cơn đau ở bộ phận nào đó trong cơ thể bạn.

Nhân cách bị phân mảnh là nhân cách (bản ngã) cần được chữa lành. Khi nhân cách trở nên có ý thức và hòa nhập, nó sẽ chữa lành những phần trong linh hồn của nó (những phần này được tái sinh để được chữa lành). Ánh Sáng tuôn chảy qua một nhân cách nguyên vẹn sẽ được tập trung thành một luồng sáng rõ rệt. Những ý định của nhân cách nguyên vẹn rất mạnh mẽ và hiệu quả. Khi đó, nhân cách nguyên vẹn trở thành “tia laser”, một luồng tia Ánh Sáng đồng pha, loại tia sáng mà trong đó mỗi bước sóng đều củng cố cho nhau một cách chính xác.

Song, *nhân cách nguyên vẹn* không giống như tia laser còn tia laser thì giống như *nhân cách nguyên vẹn*. Việc phát minh ra tia laser vào giữa thế kỷ 20 phản ánh rằng bên trong thế giới con người đang sống có một dạng động lực vốn là trọng tâm cho những gì loài người chúng ta đang tiến hóa tới.

Chúng ta đang tiến hóa trở thành những cá nhân toàn vẹn, nghĩa là những cá nhân nhận biết được bản chất của mình là những *thực thể Ánh Sáng*. Bằng ý thức, sự thông thái và lòng trắc ẩn của mình, chúng ta “nhào nặn” dáng hình cho Ánh Sáng này. Hiện tượng ánh sáng đồng pha là một hiện tượng mới mẻ đối với kinh nghiệm của loài người. Nó phản ánh dạng động lực năng lượng mới của *con người toàn vẹn*. Nói cách khác, những thành tựu khoa học không phản ánh năng lực nghiên

cứu của các cá nhân, hay của các quốc gia, nó phản ánh *năng lực tinh thần* của loài người.

Ý định không chỉ gây ảnh hưởng lên các mối quan hệ của bạn, mà còn đi vào lời nói, hành động, từ đó gây ảnh hưởng đến mọi mặt của cuộc sống. Chẳng hạn, nếu bạn mong muốn thay đổi công việc hiện tại, thì sự thay đổi đó bắt đầu bằng ý định thay đổi. Khi ý định “muốn rời bỏ công việc hiện tại” xuất hiện trong ý thức của bạn, bạn bắt đầu cởi mở hơn trước khả năng làm việc ở nơi khác, hay làm công việc khác. Bạn dần cảm thấy ít thoải mái với những việc đang làm. Bản ngã bậc cao của bạn bắt đầu tìm kiếm công việc kế tiếp cho mình.

Khi cơ hội xuất hiện, bạn sẵn sàng đón nhận nó. Có lẽ bạn cần thêm thời gian để thích nghi với hoàn cảnh mới, bởi vì bản chất của con người là *chống lại sự thay đổi*. Nếu bạn chấp nhận thay đổi, ý định của bạn sẽ hiển hiện rõ ràng, cụ thể ra bên ngoài qua thái độ, hành vi.

Những quyết định kiểu như “*Làm việc ở đâu?*”, “*Sống đời với ai?*”, và “*Sống ở đâu?*” không phải là loại quyết định duy nhất bạn đưa ra, cũng không phải là những quyết định có ảnh hưởng nhất đối với cuộc đời bạn. Trong từng khoảnh khắc cuộc sống, bạn đều ra những quyết định dưới dạng “*thái độ của bạn về Vũ Trụ, về người khác, và về chính mình*”, rồi đúc kết lại những kinh nghiệm/trải nghiệm sống cho bản thân. Bạn là *thực thể đưa ra quyết định*.

Việc bạn chọn thách thức “*cơn giận dữ*” của mình và thay thế nó bằng “*sự thấu hiểu*” không làm thay đổi thái độ nóng giận ngay lập tức, nhưng thông qua cảm nhận của bạn, những thái độ đó được đưa vào nhận thức; đến khi bạn ra quyết định một cách có ý thức, có trách nhiệm, và khôn ngoan, thì thái độ sẽ phản ánh đúng theo quyết định. Cuối cùng, tiến trình ra quyết định sâu sắc nhất – tiến trình định hình cho dòng Ánh Sáng chảy qua bạn – sẽ trở nên trùng khớp với sự chọn lựa có ý thức của bạn.

Bạn tạo ra thực tại cho mình bằng những ý định của chính bạn.

Ý định hình thành nên thực tại như thế nào?

Ý định định nên “*hình hài*” cho Ánh Sáng trong thực tế cuộc sống. Mỗi ý định (như: *giận dữ, tham lam, ghen tị, nhân từ, trác ẩn, hiểu biết...*) đều đưa dòng năng lượng vào thực tế, định hình Ánh Sáng trong thực tại vật chất.

Thực tại vật chất không phải là một trạng thái chết và rỗng không. Mọi dạng thức vật chất – cũng như mọi dạng thức phi vật chất – đều là Ánh Sáng đã được định dạng bởi ý thức. Không dạng thức nào tồn tại

tách rời khỏi ý thức. Không hành tinh nào trong Vũ Trụ lại không có ý thức chủ động, mặc dù có thể chúng ta không nhận ra “ý thức” của chúng.

Mối quan hệ giữa thực tại vật chất và những chọn lựa bạn thực hiện trong cuộc đời bạn là gì?

Thực tại là một cấu trúc đa lớp. Hai con người không thể có thực tại giống hệt nhau được.

Lớp đầu tiên của thực tại là *thực tại cá nhân*. Đây là cuộc đời của riêng bạn, là phạm vi ảnh hưởng của bạn. Ở lớp này, những quyết định bạn đưa ra là hiệu quả nhất và được cảm nhận trực tiếp. Bằng cách lựa chọn cảm thấy “nhân từ” thay vì “lạnh lùng”, bạn sẽ thay đổi tần số ý thức của bạn, dẫn đến thay đổi trải nghiệm. Trong *thực tại cá nhân*, bạn có thể chọn trở nên “ích kỷ” hay “rộng lượng”; bạn chọn cách đối xử “nhẫn tâm” hoặc là “bao dung” với chính mình và với mọi người; bạn chọn hướng “chỉ phục vụ cho mình” hay “phục vụ người khác” và “phục vụ Trái Đất”. Mỗi quyết định như vậy đều định hình cho Ánh Sáng tuôn đổ qua bạn, và tạo nên thực tại từ bên trong bạn. Rồi thực tại cá nhân bắt đầu lan tràn vào thực tại cá nhân của những người xung quanh, trở thành *thực tại gia đình*.

Lớp thứ hai của thực tại là *thực tại gia đình*. Khi các linh hồn cá nhân đến với nhau, họ tạo thành một trường năng lượng nhóm – một sự liên kết năng lượng linh hồn thành một nhóm. Vì vậy, những quyết định bạn đưa ra trong thực tại cá nhân của bạn (như quyết định “rộng lượng trao đi” hay “nhỏ nhen, ích kỷ”, quyết định “giận dữ” hay “thông cảm”) sẽ góp phần vào việc định hình nên thực tại mà bạn chia sẻ với gia đình bạn. Điều này cũng đúng đối với mỗi thành viên trong gia đình. Chẳng hạn, “tính đáng tin cậy” hay “tật say xỉn” của cha bạn, “tính nhút nhát” hay “sự quyết đoán” của mẹ bạn, hoặc “tính ghen tị” hay “sự sẵn lòng ủng hộ” của chị gái bạn, v.v. đều góp phần tạo nên cấp độ *thực tại cá nhân* của bạn. Khi bạn đi vào lớp *thực tại gia đình*, bạn đang di chuyển vào bầu không khí được hình thành bởi những con người cùng sống với bạn. Mặc dù lớp thực tại gia đình vẫn mang tính cá nhân, nhưng bạn đang bắt đầu bước ra khỏi sự riêng tư của *thực tại cá nhân*.

Lớp thực tại kế tiếp là *thực tại trường học/nơi làm việc*. Lớp thực tại này cũng là sản phẩm do các linh hồn đến với nhau sáng tạo nên, và nó mang tính *vô ngã* (không thuộc về riêng ai) hơn lớp *thực tại gia đình*. Không phải tất cả những nhận thức có ý nghĩa quan trọng đối với *thực tại cá nhân* cũng quan trọng đối với *thực tại trường học/nơi làm việc*. Chẳng hạn, bạn khám phá ra rằng khi bạn cầu nguyện thì bạn có được câu trả lời, nhưng nhận thức này không cần thiết ở trong trường đại học,

hay trong cơ quan của bạn. Dường như không thích hợp khi chia sẻ nhận thức này với người ngồi cạnh bạn trong giảng đường, hoặc với nhân viên lễ tân.

Lớp thực tại tiếp theo nữa là *thực tại cộng đồng*, bao gồm những người mà bạn tiếp xúc trong cuộc sống (như nhân viên bán vé máy bay, những người ở tiệm tạp hóa, tài xế xe buýt, những thương gia trong thành phố bạn sống,...). Những niềm tin bạn nắm giữ với tư cách là thành viên trong lớp thực tại này và những lớp thực tại có tính *vô ngã* khác đều không riêng tư như những niềm tin bạn nắm giữ trong *thực tại cá nhân*. Bạn chỉ chia sẻ những niềm tin riêng tư khi bạn cảm thấy chúng trùng khớp với niềm tin của tập thể.

Nói cách khác, khi bạn bước ra khỏi *thực tại cá nhân*, bạn tiến vào vùng năng lượng được chia sẻ, được hình thành bởi nhiều cá nhân. Đây là bầu không khí do làn sóng rung động (vibrations) từ năng lượng linh hồn mỗi cá nhân hình thành nên. Chẳng hạn, hầu hết mọi người đều biết đến “thành phố”/“khu vực đô thị”, “châu Âu”/“nước Mỹ”. Đây là những dạng nhận thức tập thể, nhưng không phổ quát bằng nhận thức về “nước” và “không khí”.

Không phải tất cả mọi người trên hành tinh này đều biết rằng có một nơi gọi là “châu Âu”. “Châu Âu” là nhận thức chiếm đa số, song không phải là nhận thức phổ quát như “không khí”. Tương tự, việc nhận được câu trả lời nhờ vào khăn cầu không phải là một nhận thức chiếm đa số trên hành tinh này. Vì vậy, bạn có quyền nói với những người bạn gặp ở tiệm tạp hóa rằng bạn đã nghe thấy câu trả lời khi bạn cầu nguyện, nhưng vì lý do an toàn, có thể bạn quyết định không chia sẻ nhận thức đó, bởi lẽ có thể họ sẽ không chấp nhận điều đó.

Lớp thực tại kế tiếp là *thành phố nơi bạn sinh sống*, kế nữa là vùng, miền trong quốc gia bạn đang sống, và tiếp theo là nền *văn hóa hay quốc gia/dân tộc* của bạn. Mỗi quốc gia là một khía cạnh thuộc về tinh thần của Mẹ Đất Gaia – linh hồn của Trái Đất; mỗi quốc gia đều tự phát triển bản ngã (cái tôi) và tinh thần/linh hồn của riêng mình. Chẳng hạn, “động lực nhóm - nước Mỹ”, “động lực nhóm - Canada”, và “động lực nhóm - Greenland”, v.v. là những khía cạnh của Mẹ Đất Gaia. Những linh hồn cá nhân nào tham gia vào sự tiến hóa của những khía cạnh của Mẹ Đất Gaia sẽ định hình nên *động lực năng lượng nhóm* của họ, cũng như cho sự phát triển của riêng họ (căn cứ vào *chất lượng nguồn năng lượng Nghiệp* của quốc gia).

Giả sử nước Mỹ là một *đơn vị năng lượng* đang tiến hóa với một ý thức cụ thể. Những linh hồn cá nhân đến nước Mỹ sẽ mở rộng thêm cho nó. Họ tạo ra những hành động, những dạng thức tư duy, tạo ra nguyên

nhân và kết quả. Đó là cách nước Mỹ tích Nghiệp cho mình. Mỗi quan hệ giữa những linh hồn cá nhân với quốc gia của họ giống như mối quan hệ giữa các tế bào với cơ thể. Như một sự phụ thuộc lẫn nhau, ý thức của bạn ảnh hưởng đến mọi tế bào trong cơ thể bạn, và mỗi tế bào trong cơ thể bạn ảnh hưởng đến ý thức của bạn. Mỗi cá nhân trong “ý thức tập thể - nước Mỹ” có thể được xem là một “tế bào” của nước Mỹ.

Ngôi Trường Trái Đất và Trái Đất không phải giống nhau. Trái Đất vẫn là một hành tinh dẫu có con người sinh sống trong đó hay không. Hành tinh này tồn tại với hai mục đích: Nó có sự tiến hóa của riêng nó, và một phần trong sự tiến hóa của nó bao gồm việc cung cấp nơi cư trú cho loài người. Từ bây đến nay, Trái Đất đồng ý tương tác với loài người và cho phép sự phát triển của loài người hòa vào ý thức của riêng Trái Đất. Một phần của thỏa hiệp là *vật chất sẽ được đồng sáng tạo trên hành tinh này bằng ý thức của Trái Đất*. Do Trái Đất ngày nay đã có những cư dân có khả năng sáng tạo, cho nên Trái Đất phản hồi lại năng lượng của những cư dân ấy. Loài người chúng ta và Trái Đất đã hình thành một hệ thống phản hồi qua lại lẫn nhau theo cách như vậy.

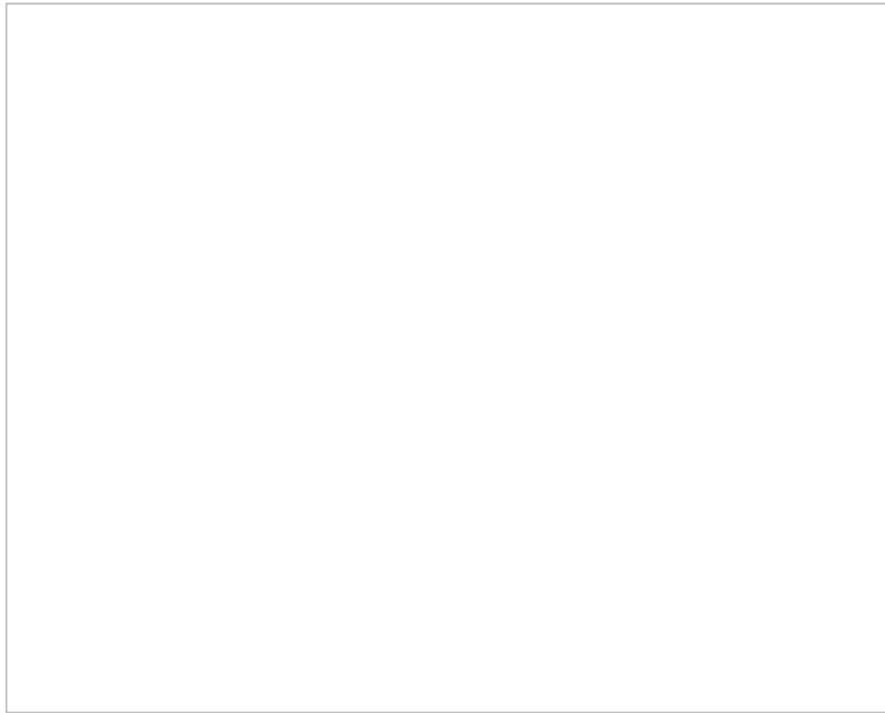
Càng xa khỏi lớp *thực tại cá nhân*, các lớp thực tại càng trở nên vô ngã hơn. Lớp thực tại kế tiếp là chủng tộc của bạn. Nếu bạn là người da đen, thì bạn – linh hồn của bạn – đã chọn dự phần vào sự tiến hóa của “chủng tộc da đen”. Những trải nghiệm hoan hỉ, giận dữ, thông thái, nhân từ của bạn góp phần định hình cho *nguồn động lực năng lượng vô ngã* này.

Lớp kế tiếp là *giới tính*. Nếu bạn thuộc giới nữ, bạn đã chọn dự phần vào sự tiến hóa của nữ giới trong “bức tranh tổng thể loài người”.

Bạn có thể hình dung cấu trúc này như hình kim tự tháp ngược, với *thực tại cá nhân* nằm ở đáy kim tự tháp. Theo đó, những lớp thực tại càng ở bên trên *thực tại cá nhân* sẽ càng bao hàm nhiều người hơn và càng không thuộc về riêng ai. Lớp trên cùng, lớp bao hàm rộng nhất và vô ngã nhất là lớp *nhân loại*, trải nghiệm *làm* người.

Là một cá nhân, bạn vừa dự phần vào những trải nghiệm nhóm, đồng thời bạn vẫn có những trải nghiệm của riêng mình. Giống như bạn vừa là một người đàn ông (thuộc lớp *thực tại giới tính*), bạn cũng có thể là một người cha, một người chồng (thuộc lớp *thực tại gia đình*); hoặc bạn là một phụ nữ, bạn cũng giữ vai trò là người vợ, người mẹ của gia đình;... Tất cả những trải nghiệm này diễn ra đồng thời. Một vài trải nghiệm trong số đó là những trải nghiệm tập thể, và một số khác là những trải nghiệm cá nhân. Chẳng hạn, bạn có trải nghiệm cá nhân là “người cha”, và một nghề nghiệp là “cầu thủ bóng chày” trong một đội bóng. Đã là một thành viên trong nhóm, bạn góp phần vào *hệ thống*

năng lượng chung của nhóm.



Bạn đóng góp cho sự hình thành và sự tiến hóa của những *ý thức tập thể* mà bạn dự phần vào. Ví dụ, bạn là người Pháp, bạn sẽ đóng góp vào sự tiến hóa của “*ý thức nhóm - người Pháp*”. Nếu bạn theo đạo Công giáo, bạn sẽ đóng góp vào sự tiến hóa của “*ý thức nhóm - Công Giáo*”.

Nói cách khác, động lực hình thành nên thế giới thực tại không chỉ vận hành ở một cấp độ. Trong khi bạn ở trong *thực tại cá nhân* của riêng bạn, bạn cũng tham gia hình thành cả *thực tại vô ngã* (trường học/nơi làm việc, cộng đồng...). Giống như khi bạn tham gia xây dựng một tòa nhà và tòa nhà ấy vẫn tồn tại rất lâu sau khi bạn hoàn thành xây dựng nó; tương tự như vậy, bạn tham dự vào sự tiến hóa của *động lực năng lượng nhóm*, và *động lực năng lượng nhóm* ấy sẽ vẫn còn tồn tại sau khi bạn ra đi.

Xây dựng một tòa nhà là một nỗ lực của tập thể. Nhiều linh hồn đã tham dự vào việc xây dựng nên thực tại đó – tòa nhà. Tòa nhà được xây dựng bằng năng lượng nhóm, chứ không chỉ bằng năng lượng của riêng cá nhân một người nào. Vì vậy, nó tồn tại độc lập với từng cá nhân đã xây nên nó. Cũng như bạn đang góp phần mình cho sự tiến hóa của nước Mỹ, và khi bạn từ giã cõi đời này, nơi được gọi là nước Mỹ vẫn sẽ tiếp tục tồn tại.

Bạn có liên hệ với các lớp thực tại của bạn; và thông qua những lớp thực tại ấy, bạn hình thành nên trải nghiệm sống cho mình. Khi bạn đi từ *trải nghiệm - cá nhân* đến *trải nghiệm - gia đình* (trải nghiệm lớn hơn, bạn là thành viên trong đó), bạn đi vào *động lực năng lượng*

nhóm. Động lực năng lượng nhóm - gia đình nằm trong động lực năng lượng nhóm lớn hơn là cộng đồng; và động lực năng lượng nhóm - cộng đồng lại nằm trong động lực năng lượng nhóm - quốc gia. Những động lực năng lượng nhóm được nâng cấp lên theo hệ thống. Toàn bộ hệ thống “kim tự tháp ngược” là linh hồn/tinh thần của nhân loại.

Linh hồn/tinh thần của nhân loại đôi khi được gọi là *vô thức tập thể (collective unconscious)*, nhưng không phải vậy. Nó là linh hồn/tinh thần của loài người. Linh hồn của bạn là sự thu nhỏ linh hồn của loài người, là một phần tử nhỏ nằm trong một tổng thể to lớn. Linh hồn bạn có nhiều năng lượng và sức mạnh cá nhân. Là một phần tử nhỏ, bạn được thừa hưởng toàn bộ sức mạnh của tổng thể – đã định cỡ thành một dạng thức cá nhân với những tần số nhất định nào đó. Bạn tạo ra những dòng năng lượng tập thể, giúp cho sự tiến hóa của toàn thể loài người. Ở giữa *thực tại cá nhân* và những lớp *thực tại vô ngã* là vô số trải nghiệm/kinh nghiệm khác nhau tạo điều kiện cho linh hồn cá nhân học hỏi (trong phạm vi nhóm) và góp phần cho sự tiến hóa của nhóm (ví dụ như, sự tiến hóa của quốc gia, tín ngưỡng,...); ngoài ra còn có cả những trải nghiệm/kinh nghiệm cá nhân bao hàm trong trải nghiệm/kinh nghiệm chung của loài người.

Khi bạn di chuyển từ lớp *thực tại nhân loại* xuống *thực tại giới tính*, trải nghiệm của bạn giảm từ chỗ là một phần trong sự tiến hóa/tiến bộ của *nhân loại*, nay trở thành một phần trong sự tiến hóa của năng lượng *giới* (nam/nữ). Đi xuống lớp kế tiếp, bạn trở thành một phần trong sự tiến hóa của *chủng tộc* người da trắng, da đen, hay da vàng. Xuống lớp bên dưới nữa, bạn trở thành một phần tiến hóa trong “trường năng lượng - nước Mỹ”, “trường năng lượng - nước Pháp”, v.v. Xuống tiếp, bạn trở thành một phần tiến hóa của quân đội, giáo viên, người cha, v.v. Đi từ bên trên “kim tự tháp - thực tại” xuống, thực tại riêng của mỗi cá nhân dần dần hiện ra thật rõ nét.

Từ lớp trên cùng – lớp *nhân loại* – trở xuống, mỗi lớp sẽ định vị bạn càng lúc càng cá nhân hơn, riêng biệt hơn và đặc thù hơn. Ý thức *vô ngã* nhất – *thực tại nhân loại* – là lớp đầu tiên. Ý thức này tiếp nhận những thuộc tính cá nhân. Chính những thuộc tính cá nhân ấy làm bạn trở thành một phần của nước Mỹ, hay nước Pháp; trở thành người đàn ông Mỹ da màu, hoặc là người phụ nữ Pháp da trắng. Đây là những trải nghiệm và những đặc điểm cá nhân phục vụ cho sự tiến hóa của toàn thể loài người.

Tương tự như vậy, trường đại học cũng là một dạng động lực nhóm. Mỗi khoa/chuyên ngành của trường (kinh doanh, y, luật,...) là một hệ thống năng lượng nhóm; song, nó có ít năng lượng nhóm hơn (do có ít

linh hồn đóng góp hơn). Những gì xảy ra trong các khoa này ảnh hưởng tới toàn thể trường đại học đó. Rồi trong phạm vi từng khoa sẽ có trải nghiệm theo từng lớp học – dần dần mang tính cá nhân hơn –, và sau đó nữa là trải nghiệm của từng sinh viên – mang tính cá nhân rõ rệt.

Thực tại của mỗi cá nhân được tạo nên bởi những ý định của người ấy cùng với những ý định của người khác. Thực tại vật chất là sự hòa trộn, kết hợp các lớp thực tại phù hợp. Nó là một dạng *ý thức quy mô lớn, thay đổi linh hoạt* mà trong đó mỗi cá nhân tồn tại độc lập với nhau, đồng thời cũng phụ thuộc lẫn nhau.

Giờ đây, chúng ta – với tư cách là một cá thể riêng lẻ, và là một “tế bào” nhỏ của nhân loại – bắt đầu nhận ra tác động của ý thức đối với tiến trình hình thành nên thực tại cuộc sống.

Bạn là sản phẩm do Nghiệp của linh hồn bạn tạo thành. Tâm tính, khả năng và thái độ của bạn từ lúc sinh ra đã phục vụ cho việc học hỏi của linh hồn bạn. Một khi linh hồn bạn học được cách cân bằng lại năng lượng, những đặc trưng kia (tâm tính, khả năng và thái độ) trở nên không cần thiết nữa và được thay thế bằng những đặc trưng khác. Đây là cách bạn trưởng thành. Chẳng hạn, khi bạn nhận ra rằng cơn giận dữ không đưa bạn tới đâu cả, thì cơn giận dữ bắt đầu biến mất và bạn chuyển sang những trải nghiệm hòa hợp hơn và chín chắn hơn. Những gì từng châm ngòi cho cơn thịnh nộ của bạn nay lại gợi mở cho bạn có những cách phản hồi khác.

Cho tới khi bạn nhận biết được những hệ quả do cơn giận dữ của mình gây ra, không thì bạn vẫn tiếp tục tỏ ra cộc cằn, nóng nảy. Nếu cho đến lúc trở về cõi mà bạn vẫn chưa “ngộ” ra được điều này, linh hồn bạn sẽ vẫn tiếp tục gào lại “bài học cũ” thông qua những trải nghiệm ở một kiếp đời khác. Linh hồn bạn sẽ tái sinh vào một bản ngã khác, có những khía cạnh tương tự như bản ngã hiện thời của bạn. Những gì chưa học hỏi ở kiếp đời trước sẽ được mang sang kiếp đời khác, kết hợp với những bài học mới, những Nghiệp lực mới – sinh ra từ cách phản hồi của bản ngã trước tình huống gặp phải. Bên cạnh đó, những bài học tích lũy được cũng được mang theo vào kiếp đời khác. Đây là cách linh hồn tiến hóa. Bản ngã trưởng thành, hoàn thiện theo một khoảng thời gian hạn định, còn linh hồn thì tiến hóa vĩnh cửu.

Tâm tính, khả năng và thái độ của bạn phản ánh những ý định của bạn. Nếu bạn giận dữ, sợ hãi, căm hận, thù hằn, bạn đang nuôi ý định “xua người khác lánh xa bạn”. Cảm xúc của con người có thể được chia rạch ròi thành hai thành tố cơ bản: *yêu thương* và *sợ hãi*. Giận dữ, căm hận, thù hằn, cũng như mặc cảm tội lỗi, ân hận, bối rối, xấu hổ, lúng túng, đau khổ là những biểu hiện của nỗi sợ hãi. Chúng là những dòng năng lượng tần số thấp. Chúng sinh ra những cảm xúc khiến bạn cảm thấy suy yếu, bất lực, và kiệt quệ. Dòng năng lượng có tần số cao nhất là tình yêu thương. Nó làm cho con người trở nên hăng hái, nhiệt tình, rạng rỡ, thanh thản, nhẹ nhàng và tràn ngập niềm vui.

Ý định của bạn tạo ra thực tại mà bạn trải nghiệm. Chừng nào bạn chưa nhận biết được điều này, chừng đó ý định vẫn nảy sinh một cách

vô thức. Vì vậy, hãy lưu tâm chú ý đến những gì bạn dự tính. Đây là bước đầu tiên hướng bạn đến nguồn sức mạnh đích thực.

Chẳng hạn, bạn đang tìm kiếm cảm giác thân thuộc và nồng ấm, nhưng nếu ý định vô thức của bạn là “giữ khoảng cách với mọi người”, những trải nghiệm “bị cô lập” và “đau đớn” sẽ liên tục xuất hiện cho tới khi bạn hiểu chính bạn đang tạo ra chúng. Từ hiểu biết đó, bạn lựa chọn tạo ra sự hòa hợp và tình yêu thương. Bạn sẽ thu hút về mình những dòng năng lượng có tần số cao nhất trong mỗi hoàn cảnh. Cuối cùng, bạn sẽ hiểu rằng tình yêu có thể chữa lành, hàn gắn tất cả mọi thứ, và tình yêu bao hàm tất cả.

Cuộc hành trình này có khi phải mất nhiều kiếp đời, nhưng bạn cũng sẽ đi đến đích. Bạn không thể không hoàn tất nó. Vấn đề không phải là có hoàn tất hay không, mà là khi nào. Mỗi tình huống/hoàn cảnh bạn gặp và mỗi trải nghiệm/kinh nghiệm của bạn đều phục vụ cho mục đích này.

Cuộc hành trình chữa lành của linh hồn loài người thông qua những cuộc tái sinh của linh hồn trong thế giới vật chất là một tiến trình gồm những chu kỳ hình thành nên những dạng thức phi vật chất như sau:

Nghiệp → nhân cách/bản ngã → những ý định + năng lượng → những kinh nghiệm/trải nghiệm → những phản ứng → Nghiệp → ...

Nghiệp của linh hồn quyết định những đặc điểm của nhân cách (hay bản ngã). Nó quyết định những tình huống về thể lý, cảm xúc, tâm lý, và tâm linh mà trong đó bản ngã được sinh ra. Nó quyết định những cách thức để bản ngã hiểu được những trải nghiệm của mình. Nó quyết định cả những ý định bản ngã đưa ra để định hình nên thực tại. Những ý định này tạo ra bối cảnh thực tại nhằm cung cấp cho linh hồn những trải nghiệm cần thiết cho sự cân bằng năng lượng; và gợi mở cho bản ngã những chọn lựa sáng suốt, rõ ràng nhất – giữa việc học hỏi thông qua sự thông thái hoặc học hỏi thông qua nỗi nghi ngờ, sợ hãi. Từ những ý định này, bản ngã định hình cho dòng Ánh Sáng tuôn chảy qua nó vào thực tại tối ưu, giúp cho sự trưởng thành của bản ngã và sự tiến hóa của linh hồn.

Những phản ứng – mang tính nóng vội, thiếu suy xét – của bản ngã trước những trải nghiệm do nó sinh ra sẽ tạo thêm Nghiệp quả. Cách phản ứng ra bên ngoài biểu lộ cho thấy những ý định ẩn chứa bên trong. Chúng quyết định trải nghiệm nào sẽ được tạo ra kế tiếp; và phản ứng của bản ngã trước những trải nghiệm đó tiếp tục tạo thêm Nghiệp. Nếu không thay đổi theo hướng tích cực hơn, vòng luân chuyển (Nghiệp → nhân cách/bản ngã → những ý định + năng lượng → những kinh

nghiệm/trải nghiệm → những phản ứng → Nghiệp → ...) cứ tiếp tục xoay vần cho tới khi linh hồn rời bỏ bản ngã và thể xác.

Khi linh hồn trở về cõi, những gì đã được tích lũy trong kiếp đời đó sẽ được xem xét với sự trợ giúp đầy yêu thương của những Người Thầy và người dẫn dắt. Khi ấy, linh hồn thấy rõ những bài học mới xuất hiện để được học và cả những quả Nghiệp mới phải được trả. Những trải nghiệm trong lần tái sinh vừa hoàn tất sẽ được xem xét lại với sự hiểu biết đầy đủ. Thế là sự tái sinh không còn là điều bí ẩn nữa. Lý do linh hồn tái sinh và những đóng góp của quá trình tái sinh cho sự tiến hóa của linh hồn, cho sự tiến hóa của những linh hồn có liên quan, sẽ được hé lộ. Những món nợ đã được thanh toán và những bài học đã được tiếp thu sẽ giúp chữa lành linh hồn, đưa linh hồn đến gần sự hòa hợp và sự toàn vẹn hơn bao giờ hết.

Nếu linh hồn nhận thấy cần thiết, linh hồn sẽ tái sinh thêm một lần nữa với sự trợ giúp của những Người Thầy và người dẫn dắt. Linh hồn sẽ thu hút về phía mình những lực lượng hỗ trợ thích hợp để giúp hoàn thành mục đích tái sinh. Đồng thời, linh hồn tham khảo thêm ý kiến từ những linh hồn khác – đang tiến hóa giống như mình – để tương trợ lẫn nhau. Một lần nữa, linh hồn lại thu nhỏ toàn bộ năng lượng của mình, truyền năng lượng vào vật chất (cơ thể và bản ngã), định cỡ năng lượng lại theo tỷ lệ và biên độ tần số thích hợp. Đó là cách linh hồn tái sinh vào Ngôi Trường Trái Đất. Thế là tiến trình học hỏi lại bắt đầu.

Thế giới chúng ta đang sống không được xây dựng dựa trên nền tảng ý thức linh hồn. Nó được xây dựng với ý thức bản ngã. Tất cả mọi thứ bên trong thế giới đều phản ánh năng lượng của bản ngã. Chúng ta tin rằng những gì chúng ta nhìn, ngửi, sờ chạm, cảm nhận và nếm được là tất cả những gì có trong thế giới. Chúng ta tin mình không phải chịu trách nhiệm cho những hành động mình làm, nên ta hành động như thể bản thân không bị ảnh hưởng gì. Thế là chúng ta cứ mặc sức thu vén cho riêng mình nhằm đạt được sức mạnh ngoại hiện; và hệ quả là những cuộc cạnh tranh khốc liệt nảy sinh.

Việc đưa ý thức vào chu trình tiến hóa của linh hồn sẽ cho phép tạo nên một thế giới được xây dựng dựa trên ý thức linh hồn – một thế giới phản ánh những giá trị, nhận thức và những trải nghiệm của linh hồn. Nó cho phép bạn đưa năng lượng linh hồn vào cuộc sống một cách ý thức. Nó làm cho thế giới vật chất thấm đẫm tính thiêng liêng.

Thế giới ta đang sống được kiến tạo một cách vô thức bởi những ý định vô thức. Mỗi ý định đều đưa nguồn năng lượng vào vận động – cho dù bạn ý thức được về nó hay không. Bạn sáng tạo trong từng khoảnh khắc. Mỗi lời bạn nói ra đều xuất phát từ ý thức, hơn thế nữa, đều chứa

đựng sự thông tuệ; vì vậy, mỗi lời của bạn là một ý định “nhào nặng” đáng hình cho nguồn Ánh Sáng phi vật chất.

Chẳng hạn, khi bạn nói về “hôn nhân”, bạn khơi dậy một ý thức đặc trưng, một năng lượng đặc trưng. Khi hai người cưới nhau, họ trở thành “vợ - chồng”. “Chồng” có nghĩa là người chủ, là trụ cột, là người quản lý gia đình. “Vợ”, tức người phụ nữ sánh đôi với người đàn ông trong cuộc sống hôn nhân, là bà chủ, là nội tướng trong gia đình. Đôi khi “vợ” có nghĩa là người phụ nữ giữ vị trí khiêm nhường. Do vậy, mối quan hệ “vợ - chồng” như thế là không bình đẳng. Sau hôn nhân, cả hai suy nghĩ và nói về nhau với tư cách là “chồng”, là “vợ”. Họ bắt đầu rơi vào khuôn ý thức và hiểu biết cũ này.

Nói cách khác, cấu trúc nguyên mẫu (archetypical structure) của “hôn nhân” có thể được xem như là một hành tinh. Khi hai linh hồn cưới nhau, họ rơi vào quỹ đạo hay trường hấp dẫn của “hành tinh - hôn nhân”. Vì vậy, bất chấp những ý định riêng của mỗi người, họ bắt đầu tiếp nhận những đặc điểm của “hành tinh - hôn nhân” này. Họ trở thành một phần trong sự tiến hóa chung của nguyên mẫu “hôn nhân” thông qua cuộc sống hôn nhân của họ.

Mỗi nguyên mẫu (archetype) là một ý tưởng mang tính tập thể của loài người. Nguyên mẫu “hôn nhân” ra đời nhằm duy trì sự sinh tồn của loài người. Khi hai con người đến với nhau, họ tham gia vào một dạng động lực năng lượng, họ hòa nhập hai cuộc đời làm một nhằm giúp nhau sống sót theo quy luật tự nhiên. Song, nguyên mẫu “hôn nhân” ngày nay không còn giữ chức năng ấy nữa. Nó đang dần được thay thế bằng một nguyên mẫu mới – nguyên mẫu “quan hệ hợp tác tâm linh”, một kiểu mẫu quan hệ thiêng liêng, hỗ trợ cho sự phát triển nội tâm con người.

Tiền đề cơ sở cho “quan hệ hợp tác tâm linh” là sự cam kết thiêng liêng giữa đôi bạn đời nhằm hỗ trợ nhau phát triển tâm linh. *Đôi bạn đời tâm linh* nhận ra sự bình đẳng của nhau. Họ có khả năng phân biệt bản ngã với linh hồn; do vậy, họ có thể trao đổi, chia sẻ về những động lực, sự tương tác giữa họ với nhau trên nền tảng ít bị ràng buộc về cảm xúc hơn là “chồng - vợ”. Nền tảng cởi mở, tự do ấy không tồn tại trong ý thức về hôn nhân đơn thuần. Nó chỉ tồn tại trong ý thức vợ chồng là *đôi bạn đời tâm linh*, bởi vì họ thấy rõ lý do sâu xa hơn – lý giải vì sao họ lại chung sống với nhau; và lý do này có liên quan mật thiết đến sự tiến hóa của linh hồn họ.

Từ quan điểm này, *đôi bạn đời tâm linh* gắn bó với nhau bằng một động lực rất khác so với động lực “chồng - vợ” thông thường. Sự tiến hóa (có ý thức) của linh hồn không nằm trong động lực hôn nhân “vợ -

chồng”, bởi vì nguyên mẫu tiến hóa qua đời sống hôn nhân – vốn ra đời nhằm phát triển tâm linh một cách có ý thức – là một khái niệm quá xa vời. Điều giúp tạo nên môi “quan hệ hợp tác tâm linh/thiên liêng” là: Họ chung sống với nhau trong một quan hệ tận hiến, nhưng sự tận hiến đó không nhằm mục đích đạt tới sự an toàn về thể lý.

Cũng có tồn tại mối ràng buộc giữa *đôi bạn đời tâm linh* như trong kiểu hôn nhân “vợ - chồng” đơn thuần, nhưng nó xuất phát từ những lý do hoàn toàn khác. *Đôi bạn đời tâm linh* không chung sống với nhau nhằm dập tắt nỗi lo về tài chính, hoặc cùng góp công góp của tậu một căn nhà ở ngoại ô, hay vì lý do nào đó tương tự. Họ hướng tới sự phát triển tâm linh của nhau, nhận biết rằng đó là những gì họ đang làm trên Trái Đất và rằng tất cả mọi thứ đều phục vụ cho mục đích thiên liêng ấy.

Đôi bạn đời tâm linh gắn bó với nhau vì sự trưởng thành của linh hồn – một quá trình có thể kéo dài tới những ngày cuối cùng trong kiếp đời này của họ, hay lâu hơn nữa, hay chỉ kéo dài sáu tháng. Không thể biết được liệu họ có sống bên nhau mãi mãi không. Tự họ sẽ nhận thấy việc tiến hóa cùng nhau trong bao lâu là thích hợp. Khi “nửa kia” phải ra đi, lời thề nguyện “sống bên nhau trọn đời trọn kiếp” cũng không thể cưỡng lại quy luật tự nhiên này. Chừng nào *đôi bạn đời tâm linh* còn phát triển cùng nhau thì chừng đó việc họ sống chung với nhau là thích hợp.

“Quan hệ hợp tác tâm linh” là dạng động lực tự do và chính xác về tâm linh hơn kiểu hôn nhân đơn thuần rất nhiều, bởi hai bên đến với nhau một cách có ý thức và vì sự phát triển nội tâm. Cách họ hòa quyện vào nhau và thật sự sống như là “người bạn đời” của nhau là sự tự do về mặt ý chí. Miễn là họ nhận ra kết quả của những chọn lựa mình đưa vào mỗi quan hệ, cũng như tầm ảnh hưởng của những lựa chọn ấy đến cách thức và phương hướng tiến triển của quan hệ hợp tác.

Đôi bạn đời tâm linh cam kết vì động lực phát triển, sự sống sót và thăng hoa về tâm linh, chứ không vì nhu cầu thể lý.

Nguyên mẫu “quan hệ hợp tác tâm linh” là một trải nghiệm mới mẻ đối với loài người, bởi vì chưa có một quy ước xã hội nào về kiểu quan hệ này. Vì vậy, quy ước “Hôn nhân là sự thỏa mãn nhu cầu của hai con người chung sống với nhau” là lời diễn giải thích hợp nhất về mối quan hệ ràng buộc (về mặt thể lý). *Đôi bạn đời tâm linh* đưa nguồn năng lượng của nguyên mẫu “quan hệ hợp tác tâm linh” vào nguyên mẫu “hôn nhân” thông thường. Họ khám phá ra rằng mối ràng buộc sống chung của họ thật ra là một sự tận hiến cho việc phát triển tâm linh của nhau, hơn là để sống sót, an toàn hoặc để được thoải mái về vật chất.

Giống như lựa chọn tích lũy sức mạnh ngoại hiện không còn thích hợp cho sự tiến hóa của con người nữa; tương tự, nguyên mẫu “hôn nhân” cũng tỏ ra lỗi thời. Nói vậy không có nghĩa là định chế hôn nhân sẽ biến mất nhanh chóng. Hôn nhân sẽ vẫn tiếp tục tồn tại, nhưng cuộc hôn nhân bền lâu, hạnh phúc chỉ đạt được với ý thức “quan hệ hợp tác tâm linh”.

Khi bạn đưa ý thức linh hồn (ý thức nội tâm) vào tiến trình đưa ra ý định, khi bạn trở nên đồng điệu với linh hồn thay vì với bản ngã, bạn tạo nên một thực tại cuộc sống phản ánh nét đẹp, tính tích cực và sự mạnh mẽ của linh hồn. Khi bạn hiểu và phản ứng lại trước những trải nghiệm sống của mình như là những kết quả tất yếu do luật Nhân - Quả (động lực năng lượng vô ngã – “Gieo gì, gặt nấy”!) mang lại, thay vì là sản phẩm của những tương tác qua lại giữa các cá nhân (“Tại anh/chị!”, “Do hẳn ta!”...), bạn đang đưa sự thông tuệ của linh hồn vào thực tại. Khi bạn phản hồi lại trước những khó khăn trong đời bằng lòng trắc ẩn và tình yêu thương thay vì bằng nỗi sợ hãi và nghi ngờ, bạn sẽ tạo ra “Thiên Đường” trên Trái Đất – nơi có cuộc sống cân bằng và hòa hợp.

Trong chu trình sáng tạo (Nghịệp → nhân cách/bản ngã → những ý định + năng lượng → những kinh nghiệm/trải nghiệm → những phản ứng → Nghịệp → ...), khi bạn có ý thức ngay từ lúc nuôi ý định, bạn sẽ biết lựa chọn nên phản hồi như thế nào. Đây là cách đưa ý thức vào tiến trình tiến hóa. Ý định và sự quan tâm chú ý của bạn định hình cho *những kinh nghiệm/trải nghiệm*. Ý định sau khi được chuyển thành lời nói, hành động sẽ hình thành nên thực tại.

Bạn hướng sự chú ý của mình đến đâu, bạn – thực thể tâm linh – sẽ chuyển hóa theo hướng đó.

Chẳng hạn, nếu bạn (lựa chọn) sẫm soi vào những khía cạnh tiêu cực của cuộc đời, những nhược điểm và khiếm khuyết của người khác, bạn đang tự hút về mình những dòng năng lượng tần số thấp (như: sự coi thường, giận dữ, căm ghét,...). Bạn đào sâu thêm khoảng cách giữa bạn với những người khác. Bạn dựng lên những chướng ngại làm cản trở dòng năng lượng yêu thương tuôn chảy. Năng lượng và tầm ảnh hưởng của bạn lan tỏa chậm khi đi qua bản ngã – vốn đã bị nhuộm màu vật chất, trở nên tiêu cực khi tồn tại trong “cõi” thời gian - không gian - vật chất này. Còn nếu bạn hướng năng lượng của mình vào việc chỉ trích người khác với ý định làm cho họ trở nên thấp kém, yếu thế, qua đó bạn cảm thấy mình vượt trội, thì bạn đang tạo ra Nghịệp xấu cho mình.

Thay vào đó, nếu bạn lựa chọn hướng sự chú ý của mình vào những ưu điểm, thế mạnh và đức hạnh ở người khác, vào nỗ lực vươn tới tầm cao nhất của họ, bạn đang khai thông cho những dòng năng lượng tần

số cao (như: sự trân trọng, chấp nhận, yêu thương,...) tuôn chảy qua hệ thống năng lượng của bạn. Năng lượng và tâm ảnh hưởng của bạn phát tỏa tức thời từ bạn tới linh hồn kia. Bạn trở thành một công cụ hữu hiệu cho sự thay đổi tích cực. Khi bạn giữ ý định làm cho bản ngã của mình đồng điệu với linh hồn, và trong mỗi tình huống, bạn tập trung sự chú ý vào những nhận thức mang đến cho bạn những dòng năng lượng tần số cao nhất, bạn đang dần được củng cố sức mạnh nội tâm.

Khi bạn nhận ra ý thức có sức mạnh vượt trội hơn hẳn những hình thức phô trương uy lực ngoại hiện, nhận thức nội tại và ngoại tại của bạn bắt đầu thay đổi. Bạn không thể trở nên trắc ẩn với chính mình mà không động lòng trắc ẩn với người khác, hoặc ngược lại. Thế giới sẽ tràn đầy lòng trắc ẩn khi bạn trở nên trắc ẩn với chính mình và với mọi người. Rồi bạn sẽ thu hút về phía mình những linh hồn có cùng tần số như thế. Thông qua những ý định, hành động và sự tương tác qua lại với nhau, bạn cùng họ kiến tạo nên một thế giới đầy lòng trắc ẩn.

Khi bạn hướng vào những đức hạnh, thế mạnh và phẩm chất cao quý ở người khác, bạn bắt đầu nhận thấy chúng cũng hiện hữu trong chính mình. Trong mỗi hoàn cảnh, khi bạn thu hút về phía mình những dòng năng lượng tần số cao nhất, bạn phát tỏa ra tần số ý thức cao tương tự và làm thay đổi hoàn cảnh đó. Theo đó, bạn dần trở thành hiện thân của Ánh Sáng một cách có ý thức.

Nhận biết được mối quan hệ giữa ý thức và thực tại vật chất tức là nhận biết được sự tồn tại và vận hành của luật Nhân - Quả. Bạn nuôi ý định nào, bạn sẽ trở thành như thế. Nếu bạn có ý định “nhận lấy” từ cuộc đời và từ mọi người càng nhiều càng tốt thay vì “trao đi”, bạn tạo ra một thực tại phản ánh những ý định của bạn. Bạn thu hút về mình những linh hồn có cùng tần số tương tự, và mọi người sẽ cùng nhau tạo dựng một thực tại chỉ toàn những người thu vén, tích góp cho riêng cá nhân. Khi đó, trải nghiệm của bạn phản ánh đúng theo khuynh hướng của bạn. Bạn chỉ thấy mọi người xung quanh là những kẻ thích “nhận lấy” hơn là rộng lượng “trao đi”. Bạn không tin cậy họ và họ cũng không tin tưởng bạn.

Động lực sáng tạo của ý định (hay mối quan hệ giữa ý định và trải nghiệm) là nền tảng cho ngành vật lý lượng tử – một nỗ lực mạnh mẽ của loài người nhằm tìm hiểu những hiện tượng tự nhiên từ quan điểm của *nhân cách năm giác quan*. Vật lý lượng tử ra đời xuất phát từ nỗ lực mãnh liệt đã bị dồn nén bấy lâu với mong muốn hiểu rõ bản chất của ánh sáng vật chất.

Từ lâu, con người cho rằng ánh sáng là dòng di chuyển của các hạt vật chất cực nhỏ, có thể đo lường được lực va chạm của từng hạt ánh

sáng, đồng thời họ tạo ra công cụ để chứng minh cho *bản chất hạt của ánh sáng*. Song, lại có ý kiến khác cho rằng *ánh sáng có bản chất sóng*, và thiết bị để chứng minh cho quan điểm này cũng được tạo ra. Chúng ta không thể mô tả bản chất của ánh sáng (vật chất) nếu không sử dụng những dụng cụ thí nghiệm để xác định, mà chúng lại là sản phẩm từ ý định của những người thực hiện thí nghiệm.

Những thành tựu khoa học từ trước đến nay đã phản ánh nhận thức của con người – những thực thể tâm linh – và chúng ta đưa nguồn động lực phi vật chất vào thế giới của vật chất và thời gian, thế giới của *nhân cách năm giác quan*. Dù có phần hạn chế trong cách tiếp cận nhưng về cơ bản là chính xác, chúng ta thấy sự phụ thuộc của dạng thức ánh sáng vật chất vào ý định của người làm thí nghiệm phản ánh sự phụ thuộc của dạng thức Ánh Sáng phi vật chất vào những ý định của linh hồn định hình nên nó. Cũng giống như bản chất của ánh sáng vật chất phản ánh bản chất của Ánh Sáng từ Vũ Trụ.

Sự hình thành trải nghiệm sống thông qua ý định, sự định hình Ánh Sáng thành dạng thức cụ thể nào đó, sự truyền năng lượng vào vật chất, và sự truyền năng lượng của linh hồn vào thể xác, tất cả đều giống như nhau. Khoảng cách giữa bạn và hiểu biết của bạn về việc hình thành nên vật chất từ năng lượng cũng tương đương với khoảng cách tồn tại giữa nhận thức về bản ngã và nhận thức về năng lượng của linh hồn. Động lực của linh hồn và của bản ngã giống như động lực khi năng lượng chuyển hóa thành vật chất. Hệ thống này giống hệt nhau. Thể xác bạn là vật thể có ý thức. Bản ngã của bạn là năng lượng từ linh hồn bạn chuyển hóa thành vật chất. Nếu không nhận ra, bản ngã mãi là những mảnh vỡ rạn của linh hồn được chuyển từ kiếp đời này đến kiếp đời khác. Còn một khi nhận biết được điều này, bản ngã bắt đầu trở nên toàn vẹn, đồng điệu với linh hồn.

Động lực để linh hồn tái sinh qua bản ngã, động lực để chuyển từ năng lượng thành vật chất là trọng tâm cốt lõi của câu chuyện về sự sáng tạo (Sáng thế), hay câu chuyện Vườn Địa Đàng. Có thể nói, Vườn Địa Đàng chính là thực tại do bạn tạo dựng nên. Trong thế giới thực tại ấy, mỗi ngày bạn lựa chọn nên sáng tạo như thế nào – với nguyên lý Âm - Dương (Eva và Adam) bên trong bạn, cùng với Cây Tri Thức tượng trưng cho hệ thống năng lượng của bạn. Bạn sẽ sử dụng sức mạnh của bạn như thế nào? Bạn sẽ tạo ra Thiên Đường hay là bị trục xuất xuống cõi Phàm Tục?

Thách thức đối với mỗi người chính là sự sáng tạo nên thực tại vật chất (theo chu trình Nghiệp → nhân cách/bản ngã → những ý định + năng lượng → những kinh nghiệm/trải nghiệm → những phản ứng →

Nghiệp → ...).

Bạn sẽ hình thành chúng bằng lòng sùng kính hay bằng sự thờ ơ, xao lãng?

PHẦN BA: TRÁCH NHIỆM

9: Sự lựa chọn

Trọng tâm của tiến trình tiến hóa là sự chọn lựa. Mỗi lựa chọn bạn đưa ra là một lựa chọn xuất phát từ ý định. Như trong một tình huống nào đó, bạn chọn cách “giữ im lặng” nhằm phục vụ cho ý định “trừng phạt”, “báo thù”, hoặc thể hiện “lòng trắc ẩn”, “tình yêu thương” hay biểu lộ thái độ “kiên nhẫn”. Lựa chọn của bạn là một ý định – một đặc tính của ý thức được chuyển hóa thành suy nghĩ, hành động.

Nhân cách bị phân mảnh có vài (hay nhiều) khía cạnh rời rạc, xung khắc với nhau. Trong đó, có thể tồn tại khía cạnh “yêu thương” và “kiên nhẫn” đối lập với khía cạnh “hận thù”; hoặc khía cạnh “nhân đức”, “độ lượng” đối lập với khía cạnh “ích kỷ”. Mỗi khía cạnh có hệ giá trị và mục đích của riêng nó. Nếu bạn không ý thức được tất cả những phần khác nhau trong chính mình, thì phần mạnh nhất sẽ trấn áp những phần còn lại. Ý định của cái phần mạnh mẽ hơn sẽ là ý định mà bản ngã sử dụng để tạo ra thực tại. Chẳng hạn, phần “thiện tâm” trong bạn muốn tạo cơ hội phục thiện cho tên trộm bị bắt quả tang tại nhà bạn, nhưng nếu phần “thiếu khoan dung” trong bạn mạnh hơn, cộng với những cảm xúc xáo trộn, bạn sẽ gọi người tới bắt giữ hắn.

Bạn không thể đưa ra ý định một cách có ý thức cho tới khi bạn hiểu về mỗi khía cạnh khác nhau trong bản thân. Nếu không, bạn sẽ rơi vào tình cảnh muốn nói, hay đã có dự định về chuyện này nhưng lại thấy mình nói, hay dự định chuyện khác. Bạn muốn cuộc đời mình đi theo hướng này, cố nhiên lại thấy nó dịch chuyển sang hướng kia. Bạn muốn loại bỏ trải nghiệm đau đớn trong lòng, song vẫn thấy nó cứ trôi dạt hết lần này đến lần khác.

Quả thật không dễ để “hàn gắn” nguyên vẹn *nhân cách bị phân mảnh*, bởi vì chỉ có một vài phần trong nó tìm kiếm sự toàn vẹn, hoàn hảo. Còn những phần khác, do không có trách nhiệm, hoặc không quan tâm, động lòng trắc ẩn như những phần đi tìm sự nguyên vẹn, nên sẽ câu kéo đi hướng khác. Chúng tìm cách tạo ra những thứ làm thỏa mãn chúng, những thứ đã trở nên quen thuộc với chúng. Những phần bản ngã (cái tôi) sai lạc này thường “cứng đầu” và đã được định hình vững chắc. *Nhân cách bị phân mảnh* luôn phải cân nhắc lựa chọn giữa những phần đối nghịch trong chính nó. Đây là phương cách tiến hóa trọng yếu

của con người.

Sự lựa chọn của ý định là sự lựa chọn tuân theo luật Nhân - Quả. Chẳng hạn, nếu bạn nói hay hành động với tâm trạng giận dữ, bạn tạo ra “quả” - *giận dữ*. Còn giả như bạn nói hay hành động với lòng trắc ẩn, bạn sẽ tạo ra “quả” - *trắc ẩn*, và một con đường khác mở ra trước mắt bạn. “Gieo” thế nào thì sẽ “gặt” thế ấy, cho dù bạn có nhận biết được những phần khác nhau trong bạn hay không, cho dù bạn có nhận biết được những lựa chọn của bạn trong từng khoảnh khắc hay không. Sự tiến hóa vô thức (thông qua những va chạm, trải nghiệm sống được tạo ra từ những ý định vô thức) là cách thức tiến hóa của loài người chúng ta cho đến ngày nay. Con đường tiến hóa theo kiểu vô thức như thế này luôn có những “va vấp”, “trả giá” nhưng cuối cùng cũng trao cho ta sức mạnh đích thực.

Trong khi đó, sự tiến hóa có ý thức thông qua *lựa chọn có trách nhiệm* là phương cách tiến hóa tăng tốc của *nhân cách (nhận thức) đa giác quan*, và của *nhân cách (nhận thức) năm giác quan đang trở thành đa giác quan*. *Lựa chọn có trách nhiệm* là con đường có ý thức trao cho ta sức mạnh thật sự.

Thế nào là “lựa chọn có trách nhiệm”?

Khi bạn lần theo dòng mạch cảm xúc của mình, bạn sẽ nhận biết được những phần khác nhau trong bạn, và cả những điều mà các phần ấy muốn. Bạn không thể nhận biết tất cả những phần ấy trong một lúc bởi vì có nhiều phần đang xung khắc, mâu thuẫn với nhau. Ví dụ như, phần nào đó trong bạn muốn “có thêm tiền và một căn nhà to hơn” xung đột với cái phần muốn “ném trái khó khăn để cùng sẻ chia, đồng cảm với những người khốn khó”. Rồi một phần khác mong muốn “đang tay giúp đỡ mọi người với lòng trắc ẩn, hướng tới cái đẹp, cái thiện ở họ” mâu thuẫn với cái phần muốn “lợi dụng người khác hầu đạt được lợi ích hoặc sự tương thưởng cho mình”. Khi bạn làm thỏa mãn phần này thì nhu cầu của những phần khác không được đáp ứng. Sự viên mãn của phần này gây đau đớn cho một (hay nhiều) phần khác, và thế là nội tâm bạn bị giằng xé. Đó chính là một *nhân cách bị phân mảnh*.

Giống như trong vật lý lượng tử, người làm thí nghiệm không thể cùng lúc chứng minh bản chất sóng và bản chất hạt của ánh sáng vật chất, anh ta phải lựa chọn nên chuyên tâm thực hiện thí nghiệm nào; tương tự như vậy, khi định hình Ánh Sáng phi vật chất trong thực tại, bạn cũng phải lựa chọn xem mình sẽ tạo ra trải nghiệm nào.

Khi bạn bắt đầu ý thức về những phần khác nhau trong bản ngã của mình, bạn bắt đầu nhận thấy những thế lực bên trong bạn đang cạnh

tranh nhau để được bộc lộ ra, đang đòi hỏi phải có ý định cụ thể nào đó để giúp nó định hình nên thực tại của bạn. Khi bạn chủ động thâm nhập tìm hiểu những động lực này, bạn tập cho mình khả năng lựa chọn một cách có ý thức những thế lực bên trong bạn, chọn xem bạn sẽ tập trung năng lượng vào đâu và tại sao.

“Không lựa chọn” cũng là một sự lựa chọn, tức là bạn chọn giữ nguyên tình trạng vô thức, là chọn sử dụng sức mạnh một cách vô trách nhiệm. Việc nhận biết về *nhân cách bị phân mảnh* và về nhu cầu tái hòa nhập, thống nhất các mảnh rời rạc trong nhân cách (bản ngã) sẽ đưa đến *sự lựa chọn có ý thức*. Để đưa ra quyết định hành động, bạn phải lựa chọn xem những phần nào (trong nhân cách) cần được trao đổi, củng cố thêm, và phần nào nên được giải phóng.

Lựa chọn có trách nhiệm là sự lựa chọn có cân nhắc đến những hệ quả đi kèm với mỗi lựa chọn. Để thực sự chọn lựa một cách có trách nhiệm, bạn nên tự kiểm tra mỗi một khả năng: “*Điều này sẽ dẫn đến kết quả gì? Tôi có thật sự muốn tạo ra cái đó không? Tôi có sẵn sàng chấp nhận tất cả những hệ quả của lựa chọn này?*”. Hãy tự phóng chiếu mình vào tương lai khả thể để kiểm định kết quả của mỗi lựa chọn. Không phải là bạn thực hiện việc này bằng năng lượng của ý định, mà đây chỉ đơn giản là một động tác để kiểm tra xem bạn đang sáng tạo vì mục đích gì. Hãy chú ý đến cảm nhận của bạn và tự hỏi: “*Đây có phải là điều mình thật sự muốn?*”, rồi sau đó mới đưa ra quyết định. Khi bạn xem xét kết quả của những lựa chọn trước khi quyết định, đến khi đưa ra lựa chọn (có ý thức), đó là lựa chọn có trách nhiệm.

Chỉ thông qua *lựa chọn có trách nhiệm*, bạn mới có thể chăm chút cho những nhu cầu của linh hồn, và thách thức, tiến đến loại bỏ dần những ham muốn của cái tôi giả tạo (đã bị nhuộm màu vật chất). Đây là sự lựa chọn sáng suốt và khôn ngoan, là sự lựa chọn chuyển hóa có ý thức. Đây là sự lựa chọn những dòng năng lượng tần số cao như: yêu thương, vị tha và trắc ẩn; là lựa chọn đi theo tiếng nói của bản ngã bậc cao, của linh hồn; là quyết định trái lòng ra để tiếp nhận sự trợ giúp của *người dẫn dắt* và *Người Thầy phi vật chất*; là con đường đưa ta tới nguồn sức mạnh nội tại một cách có ý thức.

Điều này diễn ra như thế nào?

Dẫu biết rằng lừa phỉnh người khác là việc làm đi ngược lại với bản chất của linh hồn, nhưng bạn vẫn quyết định dối lừa ai đó hòng trục lợi, hay để cứu vãn một mối quan hệ mà bạn chưa sẵn sàng từ bỏ. Có thể bạn đã biết trắc ẩn là sẵn lòng chia sẻ bằng ý nghĩ và hành động của bạn, tuy nhiên bạn quyết định không chia sẻ bởi vì bạn nghĩ làm như vậy sẽ gây hao công tốn của, hoặc không an toàn. Khi bạn lựa chọn sáng tạo

theo đúng bản chất của linh hồn – nghĩa là sáng tạo dựa trên những ý định chứa tình yêu thương, lòng trắc ẩn, tính khiêm nhường, sự rõ ràng, trong sáng – bạn sẽ có được sức mạnh thật sự. Khi bạn chọn *học hỏi thông qua sự thông thái*, bạn sẽ gia tăng thêm sức mạnh cho mình. Trái lại, nếu bạn chọn sáng tạo theo bản ngã – nghĩa là chọn *học hỏi thông qua nỗi sợ hãi và nghi ngờ* – bạn đang đánh mất đi sức mạnh. Như vậy, đạt được hay đánh mất sức mạnh sẽ phụ thuộc vào cách lựa chọn của bạn.

Bản ngã, hay cái tôi giả tạo, chỉ quan tâm đến chính nó. Nó ưa thích cảm giác mạnh, hồi hộp. Có khi nó tỏ ra thiếu trách nhiệm, không biết quan tâm hay yêu thương. Trong khi đó, linh hồn là nguồn năng lượng tràn đầy tình thương, sự thông tuệ và lòng trắc ẩn. Linh hồn sáng tạo bằng những năng lượng này.

Bản ngã thì hiểu uy lực là sức mạnh ngoại hiện; do vậy nhận thức của nó ngã theo chiều hướng đua tranh, đe dọa, so đo cái *được - mất* của mình với cái *được - mất* của người khác. Khi bạn sống theo cái bản ngã/cái tôi (vốn đã xa rời bản chất tốt đẹp của linh hồn tạo ra nó), bạn tiếp thêm sức mạnh nuôi dưỡng cho hoàn cảnh, tình huống và thực tại cuộc sống. Làm vậy chẳng khác nào bạn tự tước mất sức mạnh của chính mình. Nhưng khi bạn bắt đầu nhận ra bản thể tâm linh và nguồn gốc tâm linh thật sự – Bạn là thực thể tâm linh bất tử! – đồng thời bạn lựa chọn và sống với những hiểu biết ấy, bạn sẽ thu hẹp dần khoảng cách tồn tại giữa bản ngã và linh hồn. Từ đó, bạn bắt đầu trải nghiệm sức mạnh nội tại.

Khi bạn tương giao bằng những nhận thức của *nhân cách năm giác quan* (dựa trên nguồn thông tin từ năm giác quan), ảo tưởng mê lầm sẽ xuất hiện. Chẳng hạn, ta không thể phán xét gì về những bất đồng nảy sinh giữa hai người bạn, ẩn sâu bên dưới có thể là những thương tổn cần được chữa lành; nếu hai người đó không có “duyên nghiệp” với nhau từ trước, thì họ không thể đến với nhau được. Hoặc như trường hợp một người cha ao ước được ở nhà bên đứa con trai mới sinh, nhưng hoàn cảnh buộc ông phải đi công tác xa. Nhận thức “*Ông ấy vắng nhà*” chỉ là một *ảo tưởng*. Thật sự ông đang ở bên con trai mình trong từng ý nghĩ với tình cảm rất sống động! Khi *nhân cách bị phân mảnh* trở nên nguyên vẹn và tràn đầy sức mạnh, nó cảm thấy thỏa nguyện và vui vẻ để cho ảo tưởng “*diễn*” trọn phần vai.

Vai trò của “ảo tưởng” là gì?

Dù hoàn cảnh có ra sao chẳng nữa, linh hồn vẫn tạo ra điều tốt đẹp nhất từ nguồn sức mạnh hay mặt tốt rút ra được từ hoàn cảnh đó. Nếu chỉ nhìn từ nhận thức hạn hữu của cái tôi giả tạo, rõ ràng là những người

kia đang đưa ra những quyết định ngó ngàng, hoặc họ không nhận thức được về môi trường xung quanh; trong khi sự thật là họ đang trích rút những tinh hoa từ “khu vườn cuộc sống” và hoàn toàn bằng lòng để cho *ảo tượng* diễn ra.

Nhân cách bị phân mảnh không bao giờ cảm thấy hài lòng thực sự. Cảm giác hài lòng (trong khoảnh khắc này) sớm bị “đánh bật” bởi nổi tức giận, sợ hãi hay lòng đố kỵ (vào khoảnh khắc kế tiếp). Cách phản hồi của bạn trước cuộc tranh chấp giữa những khía cạnh xung khắc nhau trong bản ngã sẽ quyết định cách thức bạn tiến hóa – theo hướng chủ động, có ý thức hoặc là vô thức; tiến hóa thông qua “quả” Nghiệp xấu hay “quả” Phước tốt lành; tiến hóa bằng *nổi sợ hãi* và *ngghi ngờ* hay bằng sự thông tuệ. Tự thân những tranh chấp ấy không tạo ra Nghiệp hay quyết định cách bạn tiến hóa, mà chỉ có cách phản hồi của bạn trước những tranh đấu ấy mới có quyền quyết định.

Sau khi “đánh vật” với những phân xung khắc nhau trong bản ngã, bạn lựa chọn kiểu phản hồi như thế nào thì sẽ sinh ra “quả” Nghiệp như thế ấy – tốt hoặc xấu. Nhận biết được *cái gì nằm đằng sau từng lựa chọn và hệ quả của từng lựa chọn* sẽ giúp bạn đưa ra quyết định đúng đắn. Khi bạn ra quyết định một cách có ý thức, bạn chủ động đưa ý chí của mình vào *chu kỳ sáng tạo (thực tại)*, để thông qua đó linh hồn của bạn tiến hóa.

Điều này đòi hỏi ta phải nỗ lực rất nhiều. Khi đã biết những hành động thiếu lòng trắc ẩn sẽ mang đến cho ta những trải nghiệm “méo mó, khuyết tật” (như sợ hãi, giận dữ, đau đớn, khô sở,...), nếu vẫn quyết định hành động theo cảm xúc nóng giận, ích kỷ hoặc e dè, khiếp sợ, thì việc sống với những hậu quả do quyết định hành xử như thế mang lại quả là không dễ chịu chút nào, phải không? Vào những lúc phải đưa ra lựa chọn, lẽ nào không đáng bỏ công để mừng tượng ra những hệ quả khả dĩ và đặt mình vào tình thế đó? Bạn làm vậy để kiểm tra xem “*Bạn cảm thấy thế nào? Có thoải mái với kết quả như thế không? Làm thế có mang đến cho bạn tình yêu thương, lòng trắc ẩn và sức mạnh nội tại?*”.

Vào mỗi lần đưa ra quyết định, nỗ lực làm cho bản ngã trùng khớp với linh hồn sẽ được tưởng thưởng rất nhiều. Có thể cái phần hướng về Ánh Sáng không phải là phần mạnh nhất tại khoảnh khắc bạn ý thức lựa chọn hướng đến sức mạnh nội tại – khoảnh khắc bạn chọn *con đường theo phương nằm dọc (con đường nhận thức sáng suốt)* – nhưng nó là cái phần được Vũ Trụ ủng hộ.

Chẳng hạn, khi một người cần được chữa lành về cảm xúc và thể xác, nhất thiết phải có sự thay đổi đáng kể trong chế độ dinh dưỡng. Người đó cần từ bỏ thói quen ăn uống cũ của mình và tập thói quen ăn uống

mới, sử dụng một số loại thực phẩm nhất định, có làn sóng rung động cao hơn. 90% bản ngã của con người không muốn tuân thủ điều đó, trong khi chỉ có 10% đồng ý lựa chọn con đường này vì mục đích làm lợi cho sức khỏe và trở nên toàn vẹn, hoàn hảo. Nhưng phần “thiểu số” lại có nhiều sức mạnh hơn so với “số đông” đang “đấu tranh” đòi giữ nguyên trạng theo nếp sống cũ, bởi vì Vũ Trụ luôn ủng hộ cái 10% đó chứ không phải cái 90% kia.

Hãy suy ngẫm về ý nghĩa của những quyết định được đưa ra, rồi nỗ lực làm cho cái phần “đôi đầu” trở nên hài hòa, đồng điệu với phần ra quyết định bằng sự lựa chọn có trách nhiệm. Khi bạn chữa lành, hàn gắn lại những phần rạn nứt của nội tâm, và chủ động thực hiện hành trình hướng đến điều bạn – thực thể tâm linh – mong muốn, hãy biết rằng Vũ Trụ luôn ủng hộ những phần (trong bạn) có ý định rõ ràng, trong sáng nhất.

Bạn không ngừng nhận được sự hỗ trợ từ *người dẫn dắt, Người Thầy phi vật chất*, và từ cả Vũ Trụ. Khi bạn yêu cầu Vũ Trụ chúc phúc cho nỗ lực đưa bản ngã trùng khớp với linh hồn, bạn mở ra một hành lang kết nối giữa bạn với những lực lượng hỗ trợ.

Khi bản ngã ý thức được về tình trạng phân mảnh của mình và nỗ lực để trở nên toàn vẹn, nó sẽ không cần tạo ra Nghiệp xấu để tiến hóa (thông qua những va vấp), để học cách *sáng tạo* ra thực tại một cách có trách nhiệm, để đạt được sức mạnh đích thực. Khi bạn cân nhắc lựa chọn giữa *những ham muốn* của cái tôi giả tạo và *những nhu cầu* của linh hồn, bạn sẽ bước vào một động lực tiến hóa mà không tạo ra Nghiệp xấu. Động lực đang được đề cập đến chính là sự cảm dỗ.

Sự cảm dỗ là gì?

Cảm dỗ là phương cách thể hiện lòng trắc ẩn của Vũ Trụ, giúp bạn tránh tạo ra Nghiệp xấu. Nó là dạng năng lượng trao cho linh hồn cơ hội diễn tập trước (trong tâm trí) một bài học cuộc đời nào đó, để bạn tự chữa lành trong phạm vi nội tâm mình.

Cảm dỗ là phương cách đầy trắc ẩn, giúp bạn nhận ra những cam bẫy tiềm tàng sẽ gặp phải, rồi tự sửa đổi, điều chỉnh mình trước khi gây ảnh hưởng xấu đến người khác.

Cảm dỗ là một hình thức “nhử bẫy” nhằm nhận dạng ra cái tiêu cực (trong bản ngã), và loại bỏ nó đi trước khi nó xui khiến bạn hành động sai. Nhờ vậy mà bạn hiểu biết hơn, dù không cần kinh qua trải nghiệm đó trong thực tế (Có khi phải trả giá đắt và đầy đau đớn!).

Nói cách khác, *cảm dỗ* là một dạng tư duy giữ vai trò lôi kéo phần

tiêu cực tiềm ẩn ra khỏi hệ thống năng lượng của con người, song không làm tổn hại bất kỳ ai. Nếu không làm vậy, bằng sự “tinh ranh” của mình, cái tiêu cực tha hồ tung hoành bên trong hệ thống năng lượng của loài người, có khi tràn loang ra và gây ô nhiễm cả ý thức tập thể. Một hệ quả thật khôn lường!

Song, *cám dỗ* không phải là “cạm bẫy” làm cho con người trở nên sa đọa. Mỗi *cám dỗ* là một cơ hội giúp linh hồn học hỏi mà không tạo Nghiệp xấu; từ đó linh hồn có thể tiến hóa trực tiếp bằng *sự lựa chọn có ý thức*. *Cám dỗ* là dạng năng lượng thử thách loài người, giống như *nguyên lý Lucifer*.

Lucifer có nghĩa là “Người mang đến Ánh Sáng”. *Cám dỗ* – nguyên lý Lucifer – là dạng động lực trao cho mỗi linh hồn cơ hội để thách thức những phần (trong bản thân) chống đối lại Ánh Sáng. “Năng lượng Lucifer” được biểu trưng qua hình tượng “con rắn” trong câu chuyện Vườn Địa Đàng – ý tưởng về sự hiện diện của một loài không phải là loài người, có thể xúi giục nhưng không thể chi phối con người. “Năng lượng Lucifer” xúi giục bạn, xúi giục cái cấp độ khả tử của con người (phần bản ngã hay *nhân cách năm giác quan*), nhưng “con rắn” này không thể hủy hoại linh hồn. “Con rắn” chỉ đe dọa cái phần trở nên quá gắn kết với vật chất trong bạn. “Con rắn” thuộc về Trái Đất – “cõi phạm tục”. Khi bạn quá tôn sùng vật chất trên Trái Đất, suy tôn chúng như “những chủ nhân” của mình, bạn sẽ “bị rắn cắn”.

“Năng lượng mang đến Ánh Sáng” – “năng lượng Lucifer” – đã từng mê hoặc con người Jesus xứ Nazareth (người sau này trở thành Chúa Jesus) cũng là thứ năng lượng *cám dỗ* bạn. Năng lượng đó xúi giục người thủ quỹ ăn cắp tiền công quỹ, xúi giục người học trò gian lận thi cử, xúi giục ông chồng ngoại tình, xúi giục con người theo đuổi sức mạnh ngoại hiện. Nó xúi khiến cho Ánh Sáng bất diệt của linh hồn đối chọi với ánh sáng trần tục của bản ngã. Nó vạch ra trước mặt bạn cả *con đường theo phương nằm dọc* (nhận thức sáng suốt) lẫn *con đường theo phương nằm ngang* (thỏa mãn những ham muốn của cái tôi). Bản chất của sự chuyển hóa là gì? Đó là cách thức đầy trắc ẩn của *sự cám dỗ*.

Cám dỗ giúp linh hồn nhận ra sức mạnh tiềm tàng của mình. Khi bạn bị dụ dỗ, thuyết phục hay bị đe dọa bởi ngoại cảnh, bạn sẽ mất đi sức mạnh. Với mỗi lựa chọn bạn đưa ra trùng khớp với năng lượng linh hồn, bạn đang củng cố sức mạnh cho chính mình. Đây là cách thức tiếp nhận sức mạnh nội tại. Sức mạnh nội tại được gây dựng theo từng bước, với từng lựa chọn. Bạn phải bỏ công để có, chứ không thể suy niệm hay cầu nguyện mà có được.

Khi bạn ý thức khơi gọi sự phát triển, khi bạn khơi gọi sự thông tuệ,

tức là bạn đang chú ý khơi gọi những phần không nguyên vẹn trong bạn xuất hiện trong thực tế. Mỗi lần cơn giận dữ, lòng ghen tị, hay nỗi sợ hãi xuất hiện, bạn có quyền lựa chọn hoặc thách thức nó, hoặc buông xuôi theo nó. Nếu thách thức nó, nó sẽ mất uy lực còn bạn có thêm uy lực. Nếu bạn bị xúi giục phải trở nên tức giận, ganh ghét hay sợ hãi, nhưng bạn vẫn ngoan cường thách thức cảm xúc đó, tức là bạn tự trao sức mạnh cho mình. Nếu những lựa chọn của bạn không theo khuôn khổ kỷ luật và ý định đúng đắn thì làm gì tích lũy được sức mạnh nội tại.

Cho rằng mình không thể đánh bại *sự cảm dỗ* chẳng khác nào tự cho phép mình sống vô trách nhiệm. Có những khao khát và sự thôi thúc mà bạn không thể cưỡng lại nổi. Bạn cảm thấy mình thiếu sức mạnh để chế ngự chúng. Đó chính là những thói nghiện của bạn. Thói nghiện là những ham muốn của phần nào đó trong bản ngã, chúng rất mạnh mẽ và kháng cự lại năng lượng của linh hồn. Thói nghiện là những khía cạnh thuộc về bản ngã – phần được tái sinh của linh hồn – đang ở trong tình trạng cấp thiết cần được chữa lành. Chúng là những khiếm khuyết lớn nhất của bạn.

Nghiện ngập có thể là nghiện đồ ăn, nghiện thuốc lá, nghiện nổi giận, hay nghiện tình dục, v.v. Bạn có thể có hơn một thói nghiện. Bạn không thể từ bỏ thói nghiện đến chừng nào bạn hiểu rõ động lực nằm bên dưới, làm nền tảng chống đỡ cho nó. Ẩn bên dưới từng thói nghiện là nhận thức rằng uy lực là ngoại hiện, là khả năng kiểm soát và lợi dụng môi trường hoặc người khác.

Tiền trình làm cho bản ngã trở nên đồng điệu năng lượng linh hồn bắt đầu bằng sự hiểu biết rằng con người luôn mong muốn cảm thấy mình mạnh mẽ. Bằng những cách thức khác nhau nhằm lấp đầy “khoảng trống” nội tâm, mỗi người đang trải nghiệm kết quả cho sự lựa chọn của mình. Nghiện ngập như là một lời cảnh báo cho nỗi bất an của nhân loại, mà cái đích cuối cùng ai cũng mong muốn hướng đến là *trở nên mạnh mẽ, đầy uy lực*.

Chính vì vậy, mỗi người đều phải chặt vật hòng thỏa mãn ham muốn ấy: cảm thấy yếu thế → muốn có uy lực → tìm hiểu xem uy lực thật ra là gì và sẽ có nó bằng cách nào. Bên dưới cơn khủng hoảng (về thể xác, tâm linh, cảm xúc, tâm lý) là vấn đề liên quan đến uy lực. Tùy thuộc vào cách nhìn nhận để làm sáng tỏ cơn khủng hoảng của bạn, hoặc là bạn sẽ bước gần hơn tới linh hồn, hoặc là bạn sẽ chìm sâu vào cái “cõi phạm tục” này.

Hành trình đi đến sự toàn vẹn đòi hỏi bạn phải trung thực, cởi mở và dũng cảm nhìn vào những động lực nằm bên dưới những gì bạn cảm nhận, quan sát được, những gì bạn trân trọng, và cách hành xử của bạn.

Đây là hành trình vượt qua những hàng rào phòng thủ của cái tôi giả tạo để nghiệm ra bản chất sâu xa của nó, để đối mặt với những kết quả do cái tôi sinh ra trong cuộc đời bạn, và lựa chọn thay đổi.

Bạn không thể từ bỏ một thói nghiện cho tới chừng nào bạn thừa nhận là mình bị nghiện. Chính cái tôi hợp lý hóa thói nghiện ngập, xem nó như là thứ đáng thèm muốn và đầy lợi ích. Chẳng hạn, người nghiện rượu thường biện hộ rằng việc chè chén say sưa là một cách để thư giãn, tiêu khiển sau một ngày căng thẳng, nên rượu bia cũng có lợi ích. Còn người đắm chìm trong thói “trăng hoa” thì khẳng định những cuộc quan hệ “mây mưa” là biểu hiện của sự gần gũi, tình yêu, phản ánh tư tưởng phóng khoáng, tiến bộ và tự do, vì vậy nó đáng được khao khát.

Để nhận ra chân tướng của thói nghiện, chúng ta cần xuyên qua hệ thống phòng thủ vững chắc của cái tôi, đi sâu vào nội tâm mình và nhìn rõ phần nào trong bạn mất đi sức mạnh, phần nào bị kiểm soát bởi ngoại cảnh. Thậm chí sau những nỗ lực tìm hiểu rõ ràng, hoặc khi những tình huống bên ngoài (như tai nạn thương tâm gây ra bởi tài xế say xỉn, hay cuộc hôn nhân tan vỡ vì thói lang chạ) cung cấp bằng chứng xác thực về hậu quả của thói nghiện, cái tôi vẫn ngoan cố bám vào nhận thức cố hữu của nó, xem đó như là một vấn đề bình thường. Thoạt đầu chỉ là vấn đề nhỏ, rồi vấn đề lớn dần, đến một lúc nào đó trở thành rắc rối nghiêm trọng.

Tại sao cái tôi cứ khẳng khẳng phủ nhận thói nghiện của nó?

Thừa nhận mình đã bị nghiện là khẳng định rằng phần nào đó trong bạn đang vượt ra khỏi tầm kiểm soát. Cái tôi ra sức phủ nhận thói nghiện của nó, bởi vì công nhận tức là bắt buộc nó phải rời bỏ cái phần nằm ngoài tầm kiểm soát hoặc phải hành động để giải quyết. Một khi đã thừa nhận thói nghiện ngập, chúng ta không thể phớt lờ nó, không thể thoát khỏi nó mà không làm thay đổi cuộc đời ta, không ảnh hưởng đến hình ảnh về bản thân và không làm thay đổi toàn bộ nhận thức, quan niệm từ bấy lâu nay của ta. Chúng ta không muốn làm việc đó bởi vì bản chất của con người là chống lại sự thay đổi. Vì vậy chúng ta không thừa nhận thói nghiện của mình.

Nghiện ngập không chỉ đơn thuần là một sự hấp dẫn, cuốn hút. Ví dụ như, đôi lứa si mê nhau, cảm nhận được sự mặn nồng, ấm áp khi ở bên nhau và bị lôi kéo về phía nhau là điều rất tự nhiên, nhưng thói nghiện còn hơn thế. Nó vừa có sức hấp dẫn, lôi cuốn mãnh liệt, lại chứa đựng cả nỗi sợ hãi. Sự lôi cuốn, hấp dẫn có thể được thỏa mãn và bỏ lại đằng sau, nhưng thói nghiện thì không.

Thói nghiện không có tính bão hòa. Chẳng hạn, thói nghiện tình dục không thể được thỏa thuê bằng những lần “mây mưa”. Đây là manh mối đầu tiên chúng tỏ rằng động lực liên quan đến cái có vẻ là thói nghiện tình dục hóa ra không phải là tình dục, mà những trải nghiệm đầy dục vọng này còn phục vụ cho một động lực sâu xa hơn.

Thói nghiện có thể tạm thời “ngủ yên” nhưng không “chết” hẳn. Cũng như thói “trăng hoa” có thể tạm lắng trong mối quan hệ một vợ một chồng bởi người trong cuộc lo sợ sẽ làm đổ vỡ mối quan hệ đó – đây cũng là một thành trì bảo vệ an toàn cho cái tôi giả tạo; nhưng căn bệnh này không thể được chữa dứt nếu ta không nhận ra sự tồn tại của nó, nếu ta không hiểu động lực ẩn tàng bên dưới. Đến khi cái tôi cảm thấy bất an nhất, hoặc bị đe dọa nhiều nhất, nó sẽ phá vỡ mối quan hệ – phá bỏ lớp vỏ giả tạo bề ngoài của cuộc hôn nhân một vợ một chồng. Vào những khoảnh khắc như thế, cái tôi sẽ cảm nhận một sức hấp dẫn đầy nhục dục từ người khác.

Nghiện tình dục là thói nghiện phổ biến nhất ở loài người, xuất phát từ nhu cầu tạo dựng uy lực thông qua việc tìm hiểu bản năng giới tính. Bản năng giới tính và uy lực có liên quan với nhau. Chính vì thế, người có hành vi tính dục vượt ngoài khả năng kiểm soát thật sự đang vướng phải vấn đề rắc rối liên quan đến uy lực. Người ấy không thể kiểm soát nổi sức mạnh của chính mình. Bản thân một người có nội tâm mạnh mẽ không thể có hành vi tính dục ngoài tầm kiểm soát, hoặc bị khống chế bởi dòng năng lượng nhục dục. Hai khả năng đối lập này không thể đồng thời tồn tại.

Vậy, động lực nằm đằng sau thói nghiện tình dục là gì?

Việc bị hấp dẫn, cuốn hút là một dấu hiệu báo cho người trải nghiệm cảm giác ấy biết rằng giờ đây người ấy đang bị bắt lực, và khao khát thỏa mãn cái phần yếu đuối trong linh hồn. Động lực ẩn bên dưới tất cả những thói nghiện là: *mong muốn giày vò một linh hồn bị vỡ rạn hơn chính nó nhằm giúp mình cảm thấy mạnh mẽ, đầy uy lực.* Sự thật “trần trụi” này quả thật xấu xí, nhưng nó là cốt lõi của cái xấu xa, tiêu cực tồn tại bên trong loài người.

Hoạt động kinh doanh, quan hệ chần gối, hay bất cứ hoạt động nào được thực hiện một cách thiếu sùng kính đều phản ánh cùng một điều: *Linh hồn này sẵn bắt linh hồn khác yếu hơn.* Vì vậy, phương cách để thoát khỏi thói nghiện tình dục là: *khi bạn cảm thấy bị mãnh lực ấy cuốn hút, hãy tự nhắc nhở bản thân rằng lúc đó bạn đang thiếu sức mạnh, và đang khao khát “sẵn bắt” một linh hồn yếu hơn để cảm thấy mình vượt trội.*

Nói như vậy không có nghĩa là bạn không cảm thấy gấn bó hay hấp dẫn theo quy luật tự nhiên, nhưng hãy hiểu rằng bên dưới nó, điều khiến cho bạn muốn hành động như thế là một động lực khác hẳn – Bạn đang yếu thế, cạn kiệt sức mạnh nội lực.

Hãy để cho ý thức này thấm nhập vào nội tâm bạn, để khi nào bạn muốn hành động theo thói nghiện, bạn buộc phải “chạm mặt” với thực tại của chính bạn trước.

Điều này có nghĩa là gì?

Nếu bạn đã kết hôn, hãy tự nhắc mình rằng việc hành động theo cơn khoái cảm ngẫu hứng có thể sẽ phải trả giá bằng cuộc hôn nhân đổ vỡ, hoặc đánh mất mối quan hệ. Liệu có đáng để làm như vậy không? Cơn nổi hứng đó có khi phải trả giá bằng sức khỏe của bạn, bởi bạn đâu biết “đối phương” có đang mắc bệnh lây nhiễm qua đường tình dục (như HIV/ AIDS)! Vậy, có đáng để gánh chịu rủi ro này không?

Bạn đã bao giờ tự đặt vấn đề là có khi nào người mà bạn si mê lại mê đắm người khác; anh ta/cô ta có dành cho bạn nhiều tình cảm như bạn dành cho anh ta/cô ta không. Rất nhiều khả năng kết quả không chiều theo ý muốn của bạn. Bởi vì sức hấp dẫn bạn cảm nhận được từ “người ấy” là lời phản hồi từ “hệ thống dò tìm điểm yếu” bên trong bạn – có thể bạn đã sử dụng để “soi tìm” ra điểm yếu, sự “trống vắng” cần được bù lấp ở những người xung quanh bạn! Khi “hệ thống” này xác định được một người nào đó đủ yếu đuối để bạn dễ dàng gây ảnh hưởng, thao túng cảm xúc, dễ bị bạn thuyết phục, quyến rũ, nó sẽ kích hoạt bên trong bạn cái trải nghiệm khoái cảm. Song, bạn có tăng thêm nam tính/nữ tính (một dạng sức mạnh ngoại hiện) của mình bằng cách khai thác điểm yếu của họ không? Làm vậy có giúp bạn đạt được những gì bạn mong muốn?

Hãy tỉnh táo nhận ra cả bạn và “người ấy” đã đồng tình quan hệ với nhau theo phương cách vốn không làm nảy sinh tình cảm. Bởi vì không gì có thể “qua mặt” nổi trái tim, chính tình cảm sẽ cho bạn biết người kia có mặn nồng, chân thành với bạn không, và bạn có thật lòng với người ấy không. Chinh phục được xác thân nhưng lại vô cảm, vô hồn là điều đáng để ta suy ngẫm.

Nếu xem xét kỹ động lực hành động của bạn, bạn thấy rằng khi một linh hồn cố gắng “săn bắt” một linh hồn yếu hơn, thực chất cả hai đều yếu đuối. Vậy ai “săn bắt” ai? *Nhân cách năm giác quan* (cái bản ngã/cái tôi chỉ tin tưởng vào những gì “mắt thấy, tai nghe”) không thể nắm bắt được điều này, nhưng trái tim (cảm nhận) lại biết rõ. Liệu hai “thùng rỗng” có thể bổ khuyết, đong đầy cho nhau được không?

Hãy đi vào tìm hiểu nỗi sợ hãi của bạn, cảm giác thèm muốn được

chè chén say sưa, hay lòng khao khát đắm mình trong niềm hoan lạc của bạn. Hãy tự mình ngẫm lại một cách nghiêm túc về những lần bạn tưởng là mình đã đạt được nhiều thứ từ thói nghiện, và đối mặt với những thứ bạn đã đạt được xem sao.

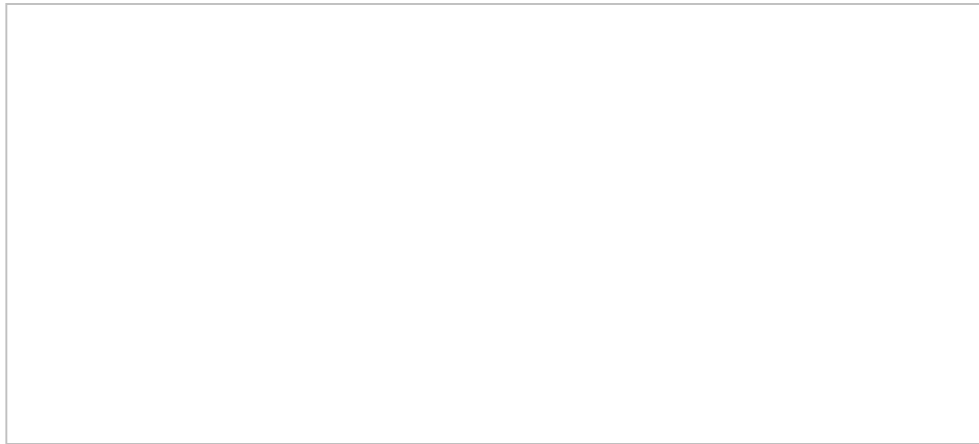
Nhớ rằng chính bạn tạo ra trải nghiệm cho mình. Nỗi sợ hãi của bạn bắt nguồn từ nhận thức rằng phần nào đó trong bạn đang tạo ra cái thực tại theo ý muốn của nó, bất chấp bạn có đồng tình hay không; và nỗi sợ cũng khởi nguồn từ cảm giác rằng bạn bất lực trong việc ngăn cản nó. Nhưng thật ra không phải vậy! *Thói nghiện của bạn không mạnh hơn bạn.* Nó không mạnh mẽ bằng mục đích cao cả của bạn – tiến hóa. Dầu nó mãnh liệt đấy, nhưng nó chỉ chiến thắng nếu bạn buông xuôi. Cũng như bất kỳ điểm yếu nào khác, thói nghiện ngập không mạnh mẽ hơn linh hồn, hay sức mạnh của ý chí. Uy lực của thói nghiện là dấu hiệu cho thấy bạn cần nỗ lực bao nhiêu để tạo sự chuyển biến và trở nên toàn vẹn.

Cứ để ý xem, mỗi khi bạn lo sợ mình sẽ bị cám dỗ và không thể cưỡng lại dục vọng đó, thật ra bạn đang tạo ra hoàn cảnh cho phép bạn hành động một cách vô trách nhiệm. Có thể nào tạo ra một bài kiểm tra mà bạn không thể vượt qua? Có chứ! Trải nghiệm mong muốn bị cám dỗ để tự kiểm tra chính mình là hành vi tạo ra cơ hội để hành động một cách vô trách nhiệm; giống như khi bạn nói: *“Tôi biết dù sao tôi cũng không thể làm được việc đó”*, và rồi chịu khuất phục trước thói nghiện. Tạo ra cám dỗ mạnh mẽ hơn khả năng cưỡng lại của bạn nghĩa là bạn không muốn chịu trách nhiệm cho lựa chọn của mình.

Linh hồn càng khao khát chữa lành thói nghiện, cái giá phải trả để giữ thói nghiện đó càng lớn. Nếu bây giờ bạn chọn chữa lành thói nghiện, bạn sẽ thấy quyết định duy trì thói nghiện sẽ khiến bạn phải đánh đổi bằng những điều bạn ôm ấp nâng niu nhất. Ví dụ như, nếu vợ/chồng của bạn là người bạn yêu quý nhất, cuộc hôn nhân của bạn sẽ bị đem đặt lên bàn cân để so sánh với thói nghiện.

Đây không phải là hành động của một Vũ Trụ độc địa hay của một Thượng Đế hiểm ác. Đây là sự phản hồi đầy lòng trắc ẩn đối với khao khát chữa lành, và trở nên toàn vẹn. Chính Vũ Trụ đầy lòng trắc ẩn đang nói với bạn rằng: *Những khiếm khuyết của bạn sâu sắc đến nỗi điều duy nhất có thể ngăn chặn được nó là cái gì đó có giá trị tương đương hoặc lớn hơn, đối lập với những khiếm khuyết ấy.* Động lực này có thể được diễn đạt theo định luật thứ 2 của Newton về chuyển động: *“Sự thay đổi động lượng (khối lượng, phương hướng và vận tốc) của một vật đang chuyển động cân xứng hoàn toàn với lực tác động lên vật đang chuyển động và xảy ra cùng hướng với lực tác động”*. Căn cứ vào

độ lớn của cái giá phải trả cho thói nghiện, bạn có thể tính toán được mức độ quan trọng của việc chữa lành nó đối với linh hồn bạn, cũng như sức mạnh của ý định (từ nội tâm) để thực hiện điều đó.



Hãy nhận ra rằng điều ngăn cản bạn chuyển hướng cuộc đời có liên quan đến *sự lựa chọn có trách nhiệm*. Trong những khoảnh khắc sợ hãi, điều mà bạn mơ hồ chính là sức mạnh và tầm quan trọng của lựa chọn bạn đưa ra. Hãy nhận ra sức mạnh của sự lựa chọn. Bạn sẽ không phó mặc cho những khiếm tật của mình. Ý định mà sẽ trao sức mạnh cho bạn phải xuất phát từ bên trong bạn, tức là bạn thật sự có khả năng đưa ra những lựa chọn có trách nhiệm và thu hút sức mạnh từ sự lựa chọn đúng đắn. Mỗi lần lựa chọn (có ý thức), bạn đang ngắt nguồn tiếp sức cho thói nghiện và củng cố thêm nội lực bản thân.

Khi bạn nhận ra những điểm yếu của mình và cảm thấy có những cấp độ lôi cuốn khó dứt bỏ, hãy tự đặt câu hỏi chất vấn bản thân, như là: *“Bằng cách nuông theo sự thôi thúc bột phát ấy, bạn có khôn ngoan, sáng suốt thêm không? Nó có tiếp thêm sức mạnh thật sự cho bạn không? Nó sẽ làm cho bạn đáng yêu hơn? Nó sẽ làm cho bạn toàn vẹn, hoàn hảo hơn?”*.

Hãy nhận ra những hệ quả phát sinh từ quyết định của bạn, rồi căn cứ vào đó để đưa ra chọn lựa đúng . Mỗi khi bạn cảm thấy thói nghiện tình dục, nghiện rượu, nghiện ma túy hay bất kỳ thói nghiện nào đang trỗi dậy từ bên trong, hãy nhớ lời này: *Bạn đang đứng giữa hai thế giới – thế giới của bản thể nguyên vẹn và thế giới của bản thể khiếm khuyết của mình. Bản thể khiếm khuyết thật mạnh mẽ và thường hay cám dỗ, mê hoặc bạn bởi vì nó không có trách nhiệm, không biết yêu thương và cũng vô kỷ luật, cho nên nó cứ mời gọi bạn. Phần kia trong bạn thì nguyên vẹn, có trách nhiệm hơn, biết quan tâm hơn và tràn đầy sức mạnh, nó đòi hỏi bạn phải sống tự chủ, có ý thức – noi theo con đường của một linh hồn được khai sáng. Vâng, hãy sống tự chủ và có ý thức. Trong khi bản thể khiếm khuyết mặc nhiên lựa chọn hành động vô*

thức. Nó không ngừng cám dỗ bạn.

Điều gì chi phối quyết định lựa chọn của bạn?

Nếu bạn quyết định trở nên toàn vẹn, hoàn hảo, hãy kiên định với suy nghĩ ấy. Đừng nghĩ rằng bạn sẽ bị cám dỗ hay bị đe dọa đến khiếp sợ. Luôn vững tâm và nhắc nhở bản thân rằng: *Bạn đang đứng giữa bản thể nguyên vẹn và bản thể khiếm khuyết của mình.* Hãy lựa chọn bằng sự khôn ngoan, sáng suốt của bạn, bởi lúc này sức mạnh hoàn toàn đang nằm trong tay bạn. Đừng đánh giá thấp sức mạnh của ý thức. Khi bạn sống với những lựa chọn có ý thức trong từng khoảnh khắc cuộc sống, bạn sẽ căng đầy uy lực, rồi cái bản thể khiếm khuyết kia sẽ bị phân rã.

Vì bạn lựa chọn con đường củng cố nguồn nội lực đích thực cho bản thân, cho nên phần cái tôi vô trách nhiệm, vô kỷ luật và cơn cám dỗ sẽ liên tục trỗi dậy. Mỗi lần thách thức chúng, bạn càng chiếm ưu thế, còn chúng thì suy giảm uy lực. Như khi bạn thách thức thói nghiện rượu của mình, mỗi ngày bạn sẽ bị “thần lưu ly” lôi kéo, rủ rê đến chục lần, nhưng hãy kiên nhẫn thách thức năng lượng đầy nghiện ngập đó.

Nếu bạn xem mỗi lần cơn ham muốn bộc phát như là một bước giật lùi, một lần thất bại, hoặc như một hàm ý cho rằng ý định của bạn không có sức ảnh hưởng, tức là bạn đang chọn *con đường học hỏi thông qua nỗi sợ hãi và nghi ngờ.* Tuy nhiên, khi bạn nhìn nhận chúng như là cơ hội để loại bỏ những khiếm khuyết trong bạn, và đoạt được sức mạnh nhờ chinh phục chúng, nghĩa là bạn đang chọn con đường học hỏi thông qua sự thông tuệ.

Sau vài lần đầu thách thức thói nghiện của mình, có thể bạn cảm thấy mình chưa thành công. Bạn nghĩ: *“Lẽ nào có thể đạt được sức mạnh nội tại dễ dàng đến vậy?”*. Nhưng nếu bạn giữ vững ý định “phải thay đổi”, và quyết tâm trở nên toàn vẹn, bạn đang dần tích lũy sức mạnh, còn thói nghiện tương chừng không thể bị khuất phục sẽ mất dần uy lực.

Khi bạn thách thức thói nghiện và lựa chọn trở nên toàn vẹn, bạn đang tự đưa mình trùng khớp với *nguồn trợ giúp phi vật chất.* Nguồn trợ giúp luôn “có mặt”, nhưng chính bạn phải thực hiện công việc này. “Họ” đến với bạn theo nhiều cách thức, thông qua: những ý nghĩ tiếp sức mạnh, những ký ức gợi nhắc, những tình huống thuận lợi bất ngờ xuất hiện,... Vì vậy, đừng cam chịu một mình. Bạn không hề cô độc đâu!

Bạn đang chữa lành nội tâm. Đây là một công việc phức tạp. Song, đừng nghĩ là bạn phải độc hành. Cả nhân loại đều đang hướng tới sự toàn vẹn – có ý thức hoặc vô thức.

Bởi vì bạn đã nỗ lực hết sức mình nên hãy trân trọng những gì bạn đã làm được. Đừng chăm chăm nhìn vào cái khoảng cách xa hun hút trước mắt để rồi ngao ngán. Hãy ngợi khen bản thân vì những điều bạn đã làm được cho đến bây giờ. Làm vậy không có nghĩa là bạn có nguy cơ sa vào một hình thức nghiện ngập khác – thói tự mãn! Chỉ là bạn cho phép mình nghỉ ngơi khi cần, nhận ra khi nào bạn cảm thấy kiệt quệ, đuối sức, và hãy lưu ý ngay cả những con người lỗi lạc nhất cũng có lúc mệt mỏi.

Hiểu biết những động lực nằm đằng sau thói nghiện là một chuyện, nhưng thật sự ngưng dung dưỡng cho nó lại là chuyện khác. Thói nghiện của bạn không phải là không khắc phục được. Nó không có tính áp đảo tuyệt đối. Nếu nó tiếp tục trấn áp bạn, đó là do bạn không nhận thấy mình có khả năng phóng thích dòng năng lượng nghiện ngập, ngay cả khi bạn hiểu lý do tại sao bạn bị kéo hút về phía nó. Nếu thói nghiện vẫn tồn tại dai dẳng, hãy tự hỏi xem bạn có thật sự muốn tống khứ nó đi hay không – trừ khi trái tim bạn không muốn điều đó!

Chừng nào bạn chưa lấp đầy cho những khiếm khuyết trong nội tâm, chừng đó bạn vẫn còn nghiện ngập. Để loại bỏ thói nghiện, bạn cần đi sâu vào tìm hiểu những khiếm khuyết này, và đưa chúng ra ánh sáng ý thức để được chữa lành. Cần thiết phải nhìn sâu vào những phần (trong bạn) có sức mạnh áp đảo đối với bạn; xem chúng đã ăn sâu vào nội tâm bạn đến mức nào; và thấy rõ chân tướng của chúng đến mức có thể. Đôi khi thói nghiện mang đến cho bạn khoảnh khắc sung sướng nào đó. Nhưng điều gì quan trọng hơn đối với bạn – sự toàn vẹn, hoàn hảo; sự thanh thản, tự do; hay cảm giác “phiêu bồng” nhất thời do nuông chiều thói nghiện?

Khi bạn hiểu thói nghiện là kết quả của một khiếm khuyết nào đó trong nội tâm, bạn sẽ làm gì? Lấy một chai rượu khác, tìm đến một bạn tình mới, hay hướng vào nội tâm nhằm tìm kiếm những nguồn lực sẵn có để lấp đầy khiếm khuyết? Hãy tìm hiểu xem thói nghiện của bạn mạnh đến cỡ nào, nó hấp dẫn đến đâu, và thời điểm này có thật sự thích hợp để từ bỏ hình thức học hỏi này hay không. Hãy tự hỏi và trả lời. *Người dẫn dắt* và *Người Thầy phi vật chất* cũng sẽ trợ giúp bạn, mở ra cho bạn một hướng đi sáng suốt hơn. Song, cũng trong khoảnh khắc đó, hãy nhận ra bạn đã sẵn sàng bước đi trên con đường ấy chưa. Có thể đây không phải là thời điểm thích hợp, hoặc bạn chưa đủ mạnh mẽ để sống theo cách “mới” này.

Cuối cùng, thế nào rồi bạn cũng sẽ đi trên *con đường ý thức cao hơn*, nhưng rất nhiều khả năng bạn vẫn có ý muốn trì hoãn cuộc hành trình đó thêm một ngày, một tuần, hay bảy kiếp đời nữa. Sự thông thái cho

bạn biết rõ cuộc bạn sẽ chọn *con đường ý thức*. Vậy có chi phải chờ đợi? Hiểu biết sáng suốt là vậy, cố nhiên có những phần (trong bạn) còn dương “sửa soạn” cho cuộc hành trình. Cho nên đừng cảm thấy xấu hổ nếu chưa thể quyết định hành động ngay!

Vũ Trụ không phán xét một ai. Cuối cùng, thể nào bạn cũng sẽ đạt được nguồn sức mạnh đích thực – sức mạnh của lòng vị tha, tính khiêm nhường, sự sáng suốt và tình yêu thương. Bạn sẽ tiến hóa vượt lên khỏi trải nghiệm loài người (trải nghiệm của phần nhân cách/cái tôi/bản ngã), vượt lên khỏi Ngôi Trường Trái Đất, vượt lên khỏi môi trường học hỏi, cái cõi không gian - thời gian - vật chất này. Bạn không thể đứng ngoài dòng chảy này. Vạn vật trong Vũ Trụ đều tuân theo quy luật tiến hóa. Vấn đề là bạn sẽ chọn cách tiến hóa nào – *học hỏi thông qua sự thông tuệ hay học hỏi thông qua nỗi sợ hãi, nghi ngờ!* Đây luôn là lựa chọn của bạn và luôn có sự thông thái, sáng suốt trong từng lựa chọn.

Khi bạn trở về cõi, khi bạn rời bỏ bản ngã và thân xác của mình, bạn sẽ bỏ lại đằng sau những khiếm khuyết, nỗi sợ hãi, sự giận dữ và ghen tị. Chúng không thể tồn tại trong lãnh địa của linh hồn. Chúng là những trải nghiệm của bản ngã, cái phần thuộc về cõi không gian - thời gian - vật chất. Bạn sẽ trở nên toàn vẹn, quay về với bản chất thật sự của bạn – bản thể tâm linh. Bạn sẽ lại tắm mình trong suối nguồn yêu thương thật sự và thấu hiểu những trải nghiệm cuộc đời, kể cả những trải nghiệm quá nghiệt ngã. Bạn hiểu chúng phục vụ cho mục đích gì. Bạn nghiệm lại những gì mình đã học hỏi được, và mang chúng vào lần tái sinh kế tiếp.

Nếu tiếp tục nuông chiều thói nghiện, tức là bạn đồng ý trải nghiệm “quả” Nghiệp xấu. Bạn chọn hướng *sáng tạo* thiếu lòng trắc ẩn. Bạn chọn cách học hỏi thông qua những trải nghiệm do ý định vô thức của bạn tạo ra. Bạn chọn học *hỏi thông qua nỗi sợ hãi và nghi ngờ*, bởi vì bạn sợ thói nghiện của bạn và bạn *nghi ngờ* sức mạnh bản thân nên không thể thách thức mãnh lực của thói nghiện.

Nếu bạn dám thách thức thói nghiện nhằm đưa ý thức hướng đến sự toàn vẹn, bạn đang chọn cách *học hỏi thông qua sự thông tuệ*. Bạn ý thức tạo ra trải nghiệm sống cho mình, làm cho nhận thức và năng lượng của bản ngã trở nên đồng điệu với năng lượng của linh hồn. Từ đây, bạn sáng tạo nên một thực tại vật chất theo “bản thiết kế” của linh hồn. Bạn để cho năng lượng linh hồn đi thẳng vào “cỗ xe” cơ thể và bản ngã mà không còn bị cản trở bởi những lớp “tường rào” giả tạm do bản ngã dựng lên nhằm che đậy những khiếm khuyết và phô trương uy lực, thanh thế. Bạn để cho Chân lý Thiên Liêng định hình nên thế giới của bạn.

Khi bạn chiến đấu với một thói nghiện, bạn đang trực tiếp chữa lành cho linh hồn, trực tiếp giải quyết những vấn đề rắc rối nảy sinh trong cuộc đời bạn. Khi bạn giáp mặt với cuộc chiến diễn ra trong nội tâm, bạn đang đưa mình hướng tới mục tiêu cao nhất. Khi bạn trao ánh sáng, chữa lành và phóng thích những dòng năng lượng tiêu cực lẫn khuất sâu trong bản thân, bạn mở đường cho năng lượng linh hồn trực tiếp đi vào và định hình những trải nghiệm, những sự kiện diễn ra trong thực tại vật chất. Qua đó, bạn hoàn tất nhiệm vụ của linh hồn trên Trái Đất.

Đây là sứ mệnh của linh hồn.

Đây là cách thức giúp cho linh hồn tiến hóa.

11: Mối quan hệ hợp tác tâm linh

Có những động lực cho sự phát triển nội tâm chỉ diễn ra khi có lòng tận hiến. Không có lòng tận hiến, bạn không thể học được cách quan tâm đến người khác ngoài bản thân. Bạn không thể học được cách trân trọng sự phát triển sức mạnh và sự sáng suốt của linh hồn khác, ngay cả khi điều đó đe dọa những ham muốn của bản ngã. Khi bạn loại bỏ những ham muốn của bản ngã để hỗ trợ, động viên cho sự phát triển của người khác, bạn đang tự làm cho mình hòa hợp với linh hồn của người đó. Không có lòng tận hiến, bạn không thể nhìn người khác với *ý thức linh hồn* – ý thức họ là những thực thể Ánh Sáng mang vẻ đẹp của sự thiện lành và mạnh mẽ.

Nguyên mẫu “quan hệ hợp tác tâm linh” (mối quan hệ giữa những người có cùng mục đích phát triển nội tâm) đang manh nha xuất hiện. Nguyên mẫu này khác với nguyên mẫu “hôn nhân” (vốn chỉ hỗ trợ cho sự sinh tồn về thể lý), đôi bên đến với nhau không nhất thiết phải là ngang bằng với nhau. Theo hình mẫu hôn nhân thông thường, khi các cá nhân bắt đầu thiết lập mối quan hệ vợ - chồng, khả năng duy trì sự sống còn tự nhiên của từng cá nhân được tăng lên. Họ có khả năng tìm ra lửa, chỗ ở, lương thực, nước uống, sự phòng vệ tốt hơn, thuận lợi hơn từng cá nhân riêng lẻ. Nguyên mẫu “hôn nhân” phản ánh nhận thức xem uy lực là ngoại hiện.

Trong khi đó, nguyên mẫu “quan hệ hợp tác tâm linh” phản ánh cuộc hành trình có ý thức của *con người đa giác quan* hướng về sức mạnh nội tại. *Đôi bạn tâm linh* nhận ra sự tồn tại của linh hồn, và nỗ lực đưa linh hồn tiến hóa xa hơn. Họ nhận ra những động lực phi vật chất (học hỏi, chữa lành, tiến hóa...) vận hành bên trong thế giới thời gian - vật chất. Họ nhìn thấy vật chất/vấn đề/sự kiện là cấp độ biểu hiện “dày đặc nhất”, “nặng nhất” của nguồn Ánh Sáng từ linh hồn – linh hồn truyền nguồn năng lượng vào “công cụ” bản ngã và cơ thể, định hình nên thực tại cuộc sống. Họ cùng nhau tạo ra những trải nghiệm sống cho mình trong một Trái Đất sống động, yêu thương sự sống quá đỗi, và trong một Vũ Trụ đầy lòng trắc ẩn.

Các cộng đồng, các quốc gia và các nền văn hóa được xây dựng dựa trên hệ giá trị và nhận thức của *nhân cách năm giác quan*. Hệ giá trị này được phản ánh theo nguyên mẫu “hôn nhân”. “*Chúng*” được tạo ra nhằm phục vụ cho sự sống còn tự nhiên của loài người. “*Chúng*” cũng phản ánh những quyết định học hỏi thông qua sợ hãi và nghi ngờ.

Cả thế giới được xây dựng dựa trên năng lượng của cái *nhân cách năm giác quan* lựa chọn học hỏi thông qua sợ hãi và nghi ngờ (quốc gia này sợ quốc gia kia, chủng tộc này lo ngại chủng tộc nọ, các giới tính e dè lẫn nhau,...). Việc khám phá thực tại vật chất đáng lẽ ra đã được hoàn tất, nếu chúng ta biết hợp tác với Trái Đất và trân trọng Trái Đất. Thay vào đó ta lại chọn cách khám phá Trái Đất với tinh thần thống trị và vơ vét, bòn rút triệt để. Đây là *con đường học hỏi thông qua sợ hãi và nghi ngờ – sợ/choáng ngợp* trước sự bao la, rộng lớn của thế giới nên ra sức chinh phục nó và nghi ngờ rằng liệu chúng ta có thể sống hòa hợp với tự nhiên được hay không.

Thế giới chúng ta hiện đang sống phản ánh dạng thức tư duy dựa trên nền tảng cho rằng: *Không tồn tại cuộc sống sau khi chết; và trong kiếp đời này, điều duy nhất bảo đảm chắc chắn cho uy lực là những thứ chúng ta có thể có và chiếm đoạt được*. Đôi khi nhiều người cũng nhắc đến cuộc đời sau này (kiếp sau), nhưng họ không thật sự tin rằng sau khi ra đi, họ vẫn còn chịu trách nhiệm cho những lựa chọn mà mình đã thực hiện khi còn sinh thời; nếu không thì con người đã có những lựa chọn rất khác.

Loài người không còn khiêm nhường nữa, và cũng chẳng có lòng sùng kính. Chúng ta cao ngạo và tự đắc với những tiến bộ khoa học kỹ thuật của mình. Chúng ta mơ màng trong ảo tưởng rằng mình đang nắm quyền kiểm soát, thành thử biết bao hỗn loạn đã bùng phát; song ta vẫn từ chối thừa nhận rằng ta không thể kiểm soát được ai. Con người chỉ biết bòn rút Trái Đất (chặt phá rừng, tàn phá biển cả, hủy hoại bầu khí quyển,...) và chiếm đoạt từ nhau (bắt người khác làm nô lệ, tra tấn, bạo hành, lăng mạ, giết chóc,...).

Khi nguyên mẫu “*quan hệ hợp tác tâm linh*” – những người đến với nhau với ý thức bình đẳng và vì mục đích phát triển tâm linh – mở rộng phạm vi ứng dụng đến cấp độ cộng đồng, nó tạo ra hệ giá trị và nhận thức ở cấp độ đó, chúng phản ánh hệ giá trị và nhận thức của nhân cách đa giác quan. Tương tự như *đôi bạn đời tâm linh* chọn cách thể hiện mối ràng buộc giữa họ thông qua quy ước hôn nhân; thêm vào đó, họ đưa năng lượng của *quan hệ hợp tác tâm linh* vào nguyên mẫu “hôn nhân”, từ đó tạo nên hệ giá trị và hành vi mới trong hôn nhân. Những ai tham gia vào *quan hệ hợp tác tâm linh* (hỗ trợ nhau phát triển nội tâm) ở cấp độ tập thể (tổ chức, thành phố, quốc gia, chủng tộc và giới tính) cũng sẽ truyền tải năng lượng của *quan hệ hợp tác tâm linh* vào *ý thức tập thể* (theo cấp độ họ tham gia), và tạo ra hệ giá trị, mẫu hành vi mới ở những cấp độ này.

Tiến trình tiến hóa diễn ra ở cấp độ cá nhân cũng có ảnh hưởng đến

tập thể. Khi một cá nhân mong muốn tìm được “người tri kỷ” để cùng hỗ trợ nhau phát triển bản thân, thế là năng lượng của nguyên mẫu “quan hệ hợp tác tâm linh” được khơi dậy. Không chỉ mỗi quan hệ với cá nhân khác bị ảnh hưởng, mà cả cộng đồng, quốc gia và “ngôi làng toàn cầu” cũng bị ảnh hưởng theo. Quyết định tiến hóa thông qua lựa chọn có trách nhiệm của bạn không chỉ thúc đẩy sự tiến hóa của chính bạn, mà còn đóng góp cho sự tiến hóa của cả tập thể có bạn tham gia (tổ chức, thể chế,...).

Nếu bạn ao ước thế giới này ngập tràn tình yêu thương và lòng trắc ẩn, chính bạn hãy biết yêu thương và thể hiện sự thương cảm, trắc ẩn cho nhau. Nếu bạn ao ước nỗi sợ không còn tồn tại trên thế giới nữa, tự bạn hãy loại bỏ nỗi sợ hãi ra khỏi chính mình. Đây là những “món quà” bạn có thể trao tặng. Nỗi sợ của cả quốc gia là biểu hiện ở tầm vĩ mô, phản ánh nỗi sợ của người dân sống trong quốc gia ấy. Kiểu nhận thức xem uy lực là ngoại hiện – yếu tố gây chia rẽ các quốc gia – cũng là kiểu nhận thức của mỗi cá nhân. Tình yêu thương, sự rõ ràng, sáng suốt, lòng trắc ẩn trỗi dậy ở những ai ý thức lựa chọn làm cho bản ngã đồng điệu, trùng khớp với linh hồn cũng chính là tình yêu thương, sự rõ ràng, sáng suốt, lòng trắc ẩn vốn đem lại sự hòa hợp lẫn nhau giữa những giới tính, chủng tộc, quốc gia và láng giềng. Mặc dù từng con người chịu trách nhiệm cho chất lượng trải nghiệm sống của mình, nhưng chất lượng sống cá nhân cũng ảnh hưởng đến cả thế giới vĩ mô.

Chẳng hạn, mối đe dọa hủy diệt bằng vũ khí hạt nhân là một ý tưởng mang tầm vĩ mô; song, để ý tưởng có sức ảnh hưởng cực kỳ to lớn và nghiêm trọng này biến mất đòi hỏi phải có sự tiến hóa hoàn chỉnh của cấp độ vi mô, tức là từ mỗi cá nhân chúng ta. Vì vậy, chừng nào những người cố công thiết lập sự hòa hợp ở cấp độ quốc gia mà bản thân họ còn mang nỗi oán giận và có hành vi hung bạo nhằm tìm kiếm giải pháp hàn gắn giữa các quốc gia với nhau, thì chừng đó sự hòa hợp họ đang tìm cách tạo ra ở cấp độ vĩ mô sẽ không thể trở thành hiện thực. Những gì tồn tại trong ý thức một người có thể tồn tại trong *ý thức tập thể*, do đó mỗi linh hồn phải chịu trách nhiệm cho toàn thể thế giới.

Khi bạn cam kết duy trì mối *quan hệ hợp tác tâm linh* với một người khác, bạn đưa năng lượng của nguyên mẫu “quan hệ hợp tác tâm linh” vào thực tế cuộc sống. Bạn bắt đầu định hình và sống theo những giá trị, nhận thức và hành vi phản ánh sự bình đẳng với người bạn tâm giao của bạn – thể hiện sự cam kết phát triển tâm linh của nhau. Bạn bắt đầu gạt qua một bên những ham muốn của cái tôi để hỗ trợ cho những nhu cầu phát triển tâm linh của người bạn tâm giao, và qua đó, bạn cũng phát triển chính mình. Đó là cách vận hành của mỗi *quan hệ hợp tác tâm*

linh.

Bạn bắt đầu nhận ra những gì cần thiết cho sự chữa lành mối quan hệ cũng chính là điều cần thiết cho sự phát triển tâm linh của bản thân; người này đang nắm giữ “những mảnh ghép” mà người kia thiếu. Ví dụ như, khi lòng ghen tị trong bạn nổi lên, bạn sẽ thấy rằng cảm xúc ấy chính là một khía cạnh cần được chữa lành ở người bạn tâm giao, và nó được phản chiếu qua bạn. Với cách hiểu này, bạn bắt đầu trân trọng những đóng góp của họ cho sự phát triển nội tâm mình. Bạn cảm thấy những nhận thức và quan sát của người kia thật là hữu ích và vô cùng quan trọng cho sự phát triển bản thân bạn. Những cuộc chuyện trò, chia sẻ với nhau là cách đi sâu vào nội tâm và nhận thấy rõ những điều cần được chữa lành.

Một yếu tố nữa cũng không kém phần quan trọng đó là hiểu được vai trò của tình yêu thương, sự tận hiến và lòng tin cậy trong việc thúc đẩy mối quan hệ tốt đẹp, mang tính xây dựng. Chỉ mỗi tình yêu thương thôi vẫn chưa đủ. Không có lòng tin cậy, bạn không thể cho đi và nhận lại tình yêu thương mà cả hai người dành cho nhau. Bên cạnh đó, sự tận hiến phải được thể hiện một cách sinh động, thực tế bằng việc đáp ứng nhu cầu của cả hai người. Có như vậy bạn mới biết trân trọng những nhu cầu của người kia, giống như cách bạn xem trọng những nhu cầu của chính mình; bởi vì để có mối *quan hệ hợp tác tâm linh* tốt đẹp, cả hai phải khỏe mạnh về thể chất và an toàn, vững chãi từ nội tâm.

Chúng ta không chỉ học cách tin cậy lẫn nhau, mà còn tin tưởng vào khả năng cùng nhau phát triển bản thân. Đến với nhau, đừng vội tưởng mọi thứ xung quanh đều hoàn mỹ. Mọi quan hệ càng rơi vào tâm hiểm nguy khi bạn càng tránh né những điều bạn sợ sẽ hủy hoại nó. Quả thật không dễ dàng bộc lộ những điều thầm kín trong lòng bạn, nhất là những điều khiến cho bạn tổn thương, sợ hãi, giận dữ, đau đớn hoặc bất an. Cùng là những cảm xúc tiêu cực này, song cách bộc lộ khác nhau sẽ dẫn đến kết quả hoàn toàn khác. Nếu không chú ý, những lời nói tuôn trào từ trạng thái cảm xúc tiêu cực (với thái độ xem mình là “nạn nhân”) có thể gây đổ vỡ quan hệ. Trái lại, với cách giải bày tâm tư, nỗi lòng một cách chân thành, xây dựng, nó lại có tác dụng hàn gắn, chữa lành, và đôi bên sẽ hiểu nhau hơn. Chia sẻ mối quan tâm, ý định chữa lành và tin tưởng vào lựa chọn này là cách thức thích hợp nhất. Khi bạn tiếp cận những nhu cầu của mình bằng lòng can đảm thay vì bằng nỗi sợ hãi, bạn đang nhóm lên cảm giác tin cậy. Con người trong dạng thức hoàn chỉnh nhất thì không có bí mật. Họ chẳng che giấu điều gì, chỉ sống với tình yêu thương thuần khiết.

Hãy học cách tránh làm những điều ngớ ngẩn và bất cẩn cho nhau.

Tất nhiên, chỉ muốn đơn thuần thôi thì chưa đủ, mà cả hai người phải có mong muốn thiết tha và hành động thiết thực để vun đắp cho mối quan hệ tốt dần lên từng ngày. Khi ý thức của mỗi người rõ ràng hơn, mối quan hệ sẽ trở nên phong phú hơn.

“Đặt mình vào hoàn cảnh/tâm trạng của người khác” là một bài học lớn có giá trị muôn đời. Chẳng hạn, bằng cách đặt mình vào nỗi sợ hãi của người kia, sau đó lại trở về với chính mình, bạn không còn xem điểm yếu này là của riêng ai nữa, nó đã trở thành điều cần được chữa lành của cả hai. “Đi vào đôi giày của người khác” giúp cho hai người xem nhau như những người bạn tâm giao cùng giải quyết những phân đôi hỏi được chữa lành trong từng người. Ngay cả trong những khoảnh khắc gay go nhất của quá trình xử lý cảm giác bất an, bạn vẫn có thể giữ lòng thanh thản, nhẹ nhàng và tự nhắc nhở rằng bạn là linh hồn đang có những trải nghiệm “hỷ - nộ - ái - ố” của cuộc sống đời thường, sức mạnh nội tâm của bạn còn lớn hơn nhiều so với cái điểm yếu có vẻ như đang giữ thế vượt trội kia.

Với tinh thần hòa hợp về tâm linh, những điều mà cá nhân này cần học hỏi ở cá nhân khác cũng là những điều mà nhóm, cộng đồng và quốc gia này cần học hỏi ở những nhóm, những cộng đồng và những quốc gia khác. Lựa chọn chúng ta đưa ra trong mỗi khoảnh khắc cuộc sống chỉ xoay quanh vấn đề lựa chọn giữa học hỏi thông qua sợ hãi và nghi ngờ hay học hỏi thông qua sự thông tuệ; lựa chọn giữa dòng năng lượng tần số thấp của bản ngã hay dòng năng lượng tần số cao của linh hồn. Nếu cơn giận của người này trút lên người khác gây nên sự chia rẽ, làm tan vỡ tình thân và dẫn đến hành vi co cụm, phòng thủ, thì cơn giận của các cộng đồng/quốc gia/ tôn giáo/giới tính dành cho nhau cũng gây ra những hệ quả tương tự. Nhưng khi người này quan tâm đến người kia làm nảy sinh tình thân ái, gần gũi, tôn trọng lẫn nhau, mối quan tâm mà các quốc gia/tôn giáo/giới tính dành cho nhau cũng dẫn đến những kết quả tốt đẹp như vậy.

Bạn có liên quan đến mọi dạng thức sống tồn tại trên hành tinh này. Hơn thế nữa, khi linh hồn bạn tiến hóa, bạn sẽ nhận biết rõ hơn về bản chất của mối quan hệ đó, cũng như những trọng trách của bạn.

Mỗi người chúng ta đạt đến một cấp độ ý thức linh hồn – ý thức về phần mạnh mẽ, phần thiện lành, đẹp đẽ

– nhất định. Trên bước đường tiến đến sự toàn vẹn, tinh thần trách nhiệm của mỗi linh hồn được nâng cao đến đâu cũng đều ảnh hưởng đến sự tiến hóa chung của tinh thần trách nhiệm. Nói cách khác, khi một linh hồn mong muốn thâm nhuận bài học “trách nhiệm”, linh hồn ấy sẽ tái sinh vào “nơi” (atmosphere) có sức ảnh hưởng quan trọng đối

với cả loài người. Bản ngã cũng buộc phải trở nên đồng thuận với những gì linh hồn đã lựa chọn. Nếu bạn không sẵn sàng, bạn sẽ không được đặt vào vị trí có sức ảnh hưởng đến nhiều người, và sẽ không được bảo vệ cẩn thận – theo quy luật “Gieo gì, gặt nấy”.

Chẳng hạn, một linh hồn còn mới toanh đối với trải nghiệm sống của loài người xuất hiện, nghĩa là linh hồn này vừa mới tiến hóa từ giới động vật lên và đang bắt đầu hành trình tiến hóa của loài người, mặc dù vào thời điểm ngày nay có rất ít linh hồn như vậy. Ban đầu, linh hồn này tồn tại trong một biên độ tần số nhất định. Để bảo vệ chính mình, linh hồn tái sinh vào phạm vi hữu hạn của đời người. Có thể linh hồn chọn tái sinh vào một vùng quê xa xôi để tận hưởng cuộc sống an nhàn, thoải mái nhằm từng bước làm quen với trải nghiệm làm người. Khi linh hồn “mới” dần thích nghi với hệ thống cảm quan của loài người, với trí thông minh của loài người, với mối liên kết năng lượng giữa linh hồn và cơ thể, cùng những gì được mong chờ khi tái sinh làm người, thì linh hồn có khả năng tái sinh vào những “nơi” tương ứng với tinh thần trách nhiệm của linh hồn. “Nơi” đang được đề cập đến không phải là phạm vi một thành phố hay khuôn khổ một trường đại học; theo luật Nhân - Quả, linh hồn có trách nhiệm hay tầm ảnh hưởng lớn đến đâu, linh hồn sẽ được tái sinh vào nơi phù hợp nhất.

Nói cách khác, với người đang sống ở một vùng xa xôi hẻo lánh, nơi không có nhiều cám dỗ của cuộc đời và sự phân biệt giữa thiện - ác còn tương đối rõ ràng, anh ta sẽ không có cùng “bối cảnh tồn tại” giống như linh hồn đã chọn tái sinh trở thành người có phạm vi ảnh hưởng lớn trong một gia đình/cộng đồng/quốc gia. “Bối cảnh tồn tại” của một linh hồn liên quan đến mức độ ảnh hưởng (về năng lượng và hành động) của linh hồn ấy. Linh hồn cần được tiến hóa cao hơn để xử lý những khả năng có thể xảy ra do sự mở rộng phạm vi ảnh hưởng. Đây là ý nghĩa của sự tiến hóa của tinh thần trách nhiệm.

Khi linh hồn chọn tham gia vào những cấp độ tương tác rộng lớn hơn (như cộng đồng, quốc gia,...), linh hồn không chỉ chuyển hóa cho riêng bản thân mình, mà còn đảm trách chuyển hóa cả tập thể có mình tham gia. Giả sử, hãy hình dung ý thức của bạn giống như ánh sáng vật chất đang tỏa chiếu. Phần sáng hơn, rực rỡ hơn tỏa sáng ở phạm vi rộng hơn, trong khi phần mờ hơn chỉ tỏa chiếu trong một phạm vi hẹp. Phạm vi mà ánh sáng ý thức của bạn chiếu tới là tầm ảnh hưởng từ hành động của bạn. Nếu bạn là một nguồn sáng chủ đạo, bạn soi sáng khắp toàn cầu. Còn nếu như bạn đang tiến triển thành một nguồn sáng chủ đạo – ánh sáng yếu hơn – thì bạn chiếu sáng trong một phạm vi khác, tương ứng với trách nhiệm hành động của bạn; tuy nhiên, tiềm năng chuyển

đôi chất lượng ý thức của bạn và chất lượng ý thức của người khác là cực kỳ to lớn.

Có rất nhiều cơ hội để linh hồn lựa chọn phát triển tâm linh cho mình. Nếu lựa chọn tiến lên bằng niềm tin, lòng can đảm, và bằng những cảm nhận đúng đắn về bản chất con người, linh hồn có thể vươn tới tầm nhận thức rộng mở hơn, có khả năng ảnh hưởng và trọng trách lớn hơn.

Mỗi linh hồn cá nhân là một ý thức vi mô, có ảnh hưởng đến ý thức vĩ mô tùy theo chất lượng Ánh Sáng và tần số năng lượng ý thức của linh hồn. Linh hồn nào đồng ý tái sinh vào một kiếp đời với tiềm năng ảnh hưởng quan trọng đến cuộc đời của nhiều linh hồn khác, “họ” trở thành *linh hồn vĩ đại*. “Họ” có sức mạnh cực kỳ to lớn. Thật vậy, khả năng truyền cảm hứng đến cuộc đời hàng triệu, thậm chí hàng tỷ người, của “họ” là rất thật. Cho nên nếu thất bại trong nhiệm vụ nâng cao nhân tính loài người, nợ Nghiệp “họ” phải gánh chịu cũng rất thật và không đếm xuể. “Họ” sẽ chịu trách nhiệm đối với hàng tỷ linh hồn phụ thuộc vào mình.

Giống như tất cả mọi linh hồn tái sinh trên hành tinh, những linh hồn vĩ đại cũng phải đưa ra quyết định trong từng khoảnh khắc cuộc sống. Khi bạn quan sát những linh hồn (trên Trái Đất) đang nắm giữ những vị trí cốt yếu, dẫn dắt cuộc đời của hàng ngàn, hay hàng triệu, hàng tỷ con người, hãy phân tách “họ” (linh hồn) với bản ngã của “họ”. Mặc dù một linh hồn có khả năng gây ảnh hưởng đến cuộc đời của hàng triệu người, hay thậm chí toàn thể nhân loại, nhưng phần bản ngã của “họ” vẫn bị cám dỗ.

Khi phần bản ngã của Chúa Jesus chạm trán với nguyên lý Lucifer (nguyên lý thách thức loài người chúng ta) như khi Ngài (phần bản ngã) bị chiêu dụ “trao cho quyền thống lãnh toàn cầu, quyền được hiện thực hóa, thỏa mãn tất cả những gì Ngài có thể nghĩ ra”, có phải Ngài đang bị cám dỗ? Vâng, Ngài bị cám dỗ. Nếu sức cám dỗ không lớn đến như vậy thì chắc hẳn đã không có chút sức mạnh nào trong sự lựa chọn của Ngài. Nếu con đường vinh quang mà Ngài đã chọn không cân xứng với một lực hấp dẫn khác tương đương, làm thế nào Ngài có thể thu hút được sức mạnh lớn đến vậy? Sự củng cố sức mạnh nội tại không thể đạt được bằng những lựa chọn không gây giằng xé, không gây căng thẳng cho người lựa chọn chúng.

Khi linh hồn lựa chọn con đường tiến hóa thông qua lựa chọn có trách nhiệm, linh hồn có khả năng tự thoát khỏi những điều tiêu cực của chính mình và vươn tới nguồn sức mạnh đích thực. Linh hồn nhận lời thách đố của những cái tiêu cực trong chính mình, những ý định vô

thức của những phần bị phân mảnh của nhân cách (bản ngã). Khi một người trở nên có ý thức, khi *nhân cách năm giác quan* tiến hóa thành nhân cách đa giác quan và hợp nhất được những mảnh rời rạc, tần số năng lượng ý thức của nhân cách tăng lên. Theo đó, nhân cách trở nên toàn vẹn. Những tiêu cực rơi rụng đi và “ánh sáng” ý thức trở nên sáng tỏ hơn. Con người bắt đầu nhìn vào chính mình và những người xung quanh với lòng trắc ẩn, sự rõ ràng và thông tuệ của linh hồn.

Khi linh hồn chủ động đi vào những cấp độ tương tác rộng hơn (cộng đồng, quốc gia,...), linh hồn bắt đầu tham gia trực tiếp vào sự giải thoát gia đình, cộng đồng, hay quốc gia của mình khỏi những tiêu cực đang hoành hành. Đồng thời linh hồn cũng nằm trong vòng rủi ro bị tiêm nhiễm theo những tiêu cực này. Nói cách khác, những linh hồn nào nỗ lực đưa chất lượng ý thức cao hơn vào cấp độ tương tác rộng hơn sẽ rơi vào vòng rủi ro có thể bị tiêm nhiễm nỗi sợ hãi, cơn giận dữ, hoặc sự ích kỷ đang tồn tại trong cấp độ ấy.

Chẳng hạn, những linh hồn vĩ đại – như linh hồn hóa thân qua con người Gandhi – nằm trong vòng rủi ro bị nhiễm “độc - tiêu cực” rất lớn. Linh hồn vĩ đại không chỉ đương đầu với nỗi sợ hãi của chính mình, mà còn giữ trọng trách chuyển hóa nỗi sợ hãi của cả loài người. Dù “họ” sẽ phải đối mặt với những nguy cơ lớn hơn, nhưng “họ” cũng có khả năng giải phóng nỗi sợ hãi ra khỏi *ý thức tập thể*.

Ý thức của một linh hồn vĩ đại tiêu biểu cho ý thức của nhóm lớn (ý thức vĩ mô, hay *ý thức tập thể*; ví dụ: “ý thức tập thể - nước Mỹ”, “ý thức tập thể - nước Nga”, “ý thức tập thể - Ethiopia”,...), trong đó cũng chứa đựng các giá trị và nỗi sợ hãi, tội lỗi như nhau. Những linh hồn đã hình thành nên tập thể vẫn liên tục tương giao với tập thể của mình; trong khi linh hồn vĩ đại thì đảm đương nhiệm vụ thay đổi. Một khi linh hồn vĩ đại vượt qua nỗi sợ hãi và hành động với lòng can đảm, cả tập thể sẽ được hưởng lợi; và từng cá nhân sẽ tức khắc được truyền cảm hứng, họ trở nên can đảm hơn mặc dù có thể họ không biết bằng cách nào hoặc tại sao lại như vậy.

Không phải tất cả mọi linh hồn đều hoàn tất nhiệm vụ mình đặt ra. Đối với những cá nhân nắm giữ vị trí chủ chốt, gây ảnh hưởng đến cả hành tinh, bạn có thể thấy họ có đang thành công trong nhiệm vụ đưa nhân loại tiến lên bằng sự lựa chọn của họ hay không. Cho đến hiện giờ, vẫn có một bộ phận người lựa chọn làm cho chính mình trùng khớp với ý thức của con người (nhận thức) năm giác quan – kiểu ý thức tồn tại bấy lâu nay trong *ý thức tập thể*, vốn đang trong giai đoạn cáo chung. Cho nên những hệ thống/thể chế mà họ thiết lập dựa trên mẫu hình ý thức đang “hấp hối” ấy cũng đang rệu rã ngay trước mắt họ. Khi mỗi cá

nhân suy đồi, bại hoại thì cả bộ máy trở nên mục ruỗng.

Những linh hồn này đại diện cho một dạng uy lực không còn hiệu quả nữa – tôn thờ sức mạnh ngoại hiện – nhưng họ đã không nhận ra điều đó. Cứ như vậy, họ thu hút về phía mình những ai có cùng kiểu ý thức và đức tin. Họ chọn sống theo kiểu mẫu “sợ hãi và ích kỷ” vốn đang lung lay, đồng thời bị hoang tưởng nặng nề. Vì vậy, họ lôi kéo về phía mình những “lực lượng đồng minh” cũng có hảo vọng hủy hoại sự sống, thiết lập lại trật tự thế giới. Những tưởng hành động ấy sẽ giúp cứu vãn cho hành tinh này, nhưng nào phải như vậy!

Thông qua những quyết định của mình, những linh hồn này từ chối công nhận rằng những dạng uy lực cũ – sức mạnh ngoại hiện – sẽ không còn được chấp nhận trên Trái Đất nữa. Tuy nhiên, vì tiến trình chuyển hóa từ nhân cách (nhận thức) năm giác quan (chú trọng “sức mạnh ngoại hiện”) trở thành nhân cách (nhận thức) đa giác quan (đề cao “sức mạnh nội tại”) hiện đang diễn ra hết sức mãnh liệt, cho nên những quyết định của họ chỉ ảnh hưởng đến cách thức sự chuyển đổi đó sẽ diễn ra như thế nào thôi. Họ đã lựa chọn con đường học hỏi thông qua sợ hãi và nghi ngờ – một lối đi đầy rẫy những tổn thương, nỗi ám ảnh và đau đớn.

Sự khác nhau giữa linh hồn vĩ đại (đã trưởng thành về tâm linh, có nhận thức rộng mở và ảnh hưởng quan trọng đến tập thể; vượt thoát khỏi nỗi sợ hãi của chính mình và truyền cảm hứng cho cả tập thể) với linh hồn “bình thường” thể hiện ở chỗ: linh hồn chọn hướng mở rộng nhận thức thì dũng cảm, hiểu biết thấu suốt và thông tuệ; còn linh hồn kia luôn yếu đuối trước sức va chạm của nỗi sợ hãi tập thể. Ai cũng có quyền lựa chọn, nhưng nếu lấy “tiêu cực” đối phó “tiêu cực” (chẳng khác nào dùng “cường bạo” trấn áp “cường bạo”), thế là bản ngã “Hitler” được tạo ra. Song, khi hiểu rõ bản chất toàn vẹn, thiện lành của linh hồn hoàn toàn tách biệt với phần bản ngã (vốn đã xa rời năng lượng linh hồn) mang tên “Hitler”, linh hồn đã hóa thân thành cá nhân Hitler ấy cũng có tiềm năng cực lớn.

Những linh hồn nào đồng ý đưa tình yêu thương, lòng trắc ẩn và sự thông tuệ đã đạt được vào tập thể hiện đang cố gắng thách thức nỗi sợ hãi chung của tập thể. Điển hình cho nguyên mẫu linh hồn ấy là Chúa Jesus. Ngài đã trở thành biểu tượng khi Ngài giải phóng những kiểu mẫu hành động tiêu cực của vô thức tập thể vốn đã tích tụ cho đến thời của Ngài. Mỗi linh hồn vĩ đại đều có cùng kiểu mẫu hành động: thông qua sức mạnh ý thức của bản thân để chuyển hóa vô thức tập thể.

Khi một linh hồn vươn đến nguồn sức mạnh đích thực, và lựa chọn đưa sức mạnh ấy vào các cấp độ tương tác mà mình chia sẻ với những

linh hồn khác (câu lạc bộ, cộng đồng,...), linh hồn đó đang đưa ý thức (của bản thân) về sức mạnh đích thực vào “bầu năng lượng tập thể”, và qua đó chuyển hóa cả *ý thức tập thể*.

Như vậy, việc bạn tiến hóa hướng về sức mạnh đích thực không chỉ ảnh hưởng đến cá nhân bạn. Khi tần số ý thức của bạn tăng cao, khi ý thức của bạn chứa đựng sự rõ ràng, sáng suốt, tính khiêm nhường, lòng vị tha và tình yêu thương, sóng năng lượng ý thức sẽ càng phát tỏa ra xung quanh. Khi bạn gặp phải những cám dỗ lớn hơn, khả năng đưa ra những lựa chọn có trách nhiệm của bạn cũng lớn hơn. Khi linh hồn bạn tỏa sáng hơn, khi Ánh Sáng và sức mạnh của bạn gia tăng theo mỗi lựa chọn có trách nhiệm, thế giới chúng ta đang sống cũng sẽ rực rỡ hơn.

Mỗi người đều có một linh hồn. Cuộc hành trình hướng về *linh hồn đặc thù cá nhân* là nét đặc trưng phân biệt loài người với giới động vật, giới thực vật và khoáng vật vô cơ. Duy chỉ loài người mới có trải nghiệm về *linh hồn đặc thù cá nhân*. Chính vì vậy mà sức mạnh sáng tạo của con người là cực lớn.

Tiến trình chuyển hóa của linh hồn trải qua các cấp độ nhận thức khác nhau. Tiến trình này diễn ra như sau:

Giới động vật không có *linh hồn đặc thù cá nhân*. Chúng chỉ có *linh hồn nhóm*. Mỗi con vật là một phần của *linh hồn nhóm*. Chẳng hạn, mỗi con ngựa là một phần của *linh hồn nhóm* “loài ngựa”, mỗi con mèo là một phần của *linh hồn nhóm* “loài mèo”, v.v. *Linh hồn nhóm* không giống với *linh hồn đặc thù cá nhân*.

Để minh họa rõ cho ý tưởng này, hãy xem xét đến *linh hồn nhóm* “loài trâu”. Có một *linh hồn nhóm mang nguồn năng lượng vô ngã rất lớn* được gọi là “loài trâu”. *Linh hồn nhóm* đó thực chất là một trường năng lượng vô ngã có khuynh hướng lan tỏa rất rộng, hay còn được gọi là “ý thức loài trâu”. Nó tồn tại ở một cấp độ năng lượng nào đó, hoàn toàn không mang tính cá nhân. Năng lượng đó ở trạng thái vận động không ngừng. Khi tần số của năng lượng gia tăng, nó có thể chuyển hóa lên cấp độ kế tiếp. Không hề có những linh hồn cá thể trâu ở loài trâu. Chỉ có duy nhất một hệ thống năng lượng linh hồn chung. Hành vi theo bản năng là hình thức thể hiện của dạng *linh hồn nhóm*.

Hãy hình dung về sự vận động này giống như dòng sông Mississippi. Từ cửa sông, càng đi ngược lên thượng nguồn, lòng sông càng hẹp đi; trong khi ở hạ lưu, cửa sông lại mở rộng ra. Tương tự như vậy, *linh hồn nhóm* cũng có kích thước lớn và mang bản chất tập thể.

Trong giới động vật, có những thang độ thể hiện mức độ thông minh và khả năng nhận thức. Chẳng hạn, linh hồn loài cá heo, loài ngựa, loài chó không có cùng bước sóng năng lượng như nhau. Ý thức (trí thông minh) của loài cá heo gần hơn với ý thức của loài linh trưởng, và kế đó mới đến loài chó, ý thức của loài ngựa ở cấp độ thấp hơn. Rất có thể linh hồn loài người được hình thành thông qua sự tiến hóa của nguồn năng lượng tập thể từ linh hồn loài vật.

Điều này diễn ra như thế nào?

Linh hồn loài cá heo tiến hóa thông qua từng cá thể cá heo. Những

tiên bộ của từng cá thể làm cho linh hồn của cả loài tiên bộ theo. Tập thể cá heo được nâng tầm nhờ những thành tựu của cá thể cá heo. Cơ chế vận hành tương tự cũng diễn ra ở loài người. Với sự tiên bộ của từng con người, *linh hồn nhóm* của nhân loại (vô thức tập thể – collective unconsciousness) tiến hóa. Theo cách này, sự tiến hóa tiếp diễn trong phạm vi loài cá heo, cũng như trong tất cả muôn loài.

Để dễ hình dung, giả sử ý thức của *linh hồn nhóm* “loài chó” thấp hơn ý thức của *linh hồn nhóm* “loài cá heo” 20 điểm phân vị, tức là kém hơn 20 điểm về mức độ thông minh. Nếu *linh hồn nhóm* “loài chó” có ý thức (Ánh Sáng) cao, ý thức đó rất có khả năng tự giải phóng nó khỏi *linh hồn nhóm* “loài chó” và tiến vào ý thức của loài cá heo. Mặc khác, rất có thể, và cũng chắc chắn rằng linh hồn loài người xuất phát từ nguồn năng lượng cấp tiến của linh hồn loài cá heo, hoặc của linh hồn loài linh trưởng, và bắt đầu quy trình tiến hóa thành linh hồn loài người.

Không như động vật, bạn có một *linh hồn đặc thù cá nhân*. Bạn là một hệ thống năng lượng cá nhân, một cá thể (vi mô) thuộc về tập thể loài người (vĩ mô). Là một phần của tập thể, bạn có toàn bộ sức mạnh của vĩ mô, nhưng được “thu nhỏ” quy mô năng lượng lại cho tương thích với dạng thức vật chất (cơ thể và bản ngã). Tuy nhiên, giới động vật không giống như thế. Chẳng hạn, loài mèo không có *linh hồn đặc thù cá nhân* hay “cái tôi” của nó. Việc một số con mèo tỏ ra hoảng sợ, trong khi những con khác trông thật an nhàn, thư thái đơn thuần chỉ là hàng triệu tần số năng lượng khác nhau đang tác động lên *linh hồn nhóm* loài mèo.

Giới động vật không tiến hóa thông qua lựa chọn có trách nhiệm như loài người chúng ta. Nói vậy không có nghĩa là giới động vật không có khả năng thể hiện tình thương của riêng chúng. Như trường hợp một con vật hy sinh cuộc đời nó cho chủ nhân của nó thì sao? Đó chính là sự hy sinh vì tình yêu cuộc sống, tình yêu dành cho con người. Hành động quả cảm này giúp đưa nó lên cấp độ cao hơn, tiến đến trải nghiệm làm người.

Bản chất của *linh hồn nhóm* có thể được nhìn thấy qua những biểu hiện tự nhiên của loài. Chẳng hạn, bản chất của linh hồn loài cá heo được diễn đạt qua những cá thể cá heo. Điều đó cũng đúng với loài người chúng ta. Bản chất của linh hồn loài người được hiểu qua bản chất của các cá nhân.

Ngày nay, linh hồn loài cá heo đang đứng bên bờ tuyệt chủng. Chúng tự bơi vào bờ và mắc cạn. Chúng đang tạo ra những bệnh tật cho chủng loài của mình. Đây là cách chúng từ chối tiếp tục sống dựa vào

Trái Đất. Chúng cảm thấy không thể hoàn thành được mục đích mà chúng sinh ra để thực hiện. Vì vậy chúng sắp sửa bỏ đi. Những cái chết của chúng không phải là những vụ tự sát, bởi vì chúng không hoảng sợ. Chúng đã quá kiệt quệ!

Linh hồn loài cá heo xuất hiện – khi cá heo được sinh ra – để mang lại tình yêu thương, sinh khí và sự sáng tạo cho đại dương. Chúng xuất hiện để bắc nhịp cầu kết nối niềm vui, tình yêu và sự thông tuệ giữa những loài thủy sinh với con người. Nhưng chúng không thể thực hiện được sứ mạng đó do loài người chúng ta chỉ tiếp cận linh hồn loài cá heo bằng bạo lực.

Linh hồn loài cá heo phải cam chịu đau đớn biết chừng nào! Đây là thời điểm buồn đau khôn cùng, là lúc phải nghiêm túc xem xét hệ giá trị và kiểu hành vi xuất phát từ nhận thức xem uy lực là sức mạnh ngoại hiện. Đã đến lúc chúng ta phải chia sẻ nỗi đau cùng linh hồn loài cá heo và trấn an chúng.

Nếu bạn muốn an ủi linh hồn loài cá heo, hãy hình dung dòng năng lượng của bạn đang lan truyền xuống dưới mặt nước sâu phẳng lặng, trong trẻo, ấm áp. Khi bạn cảm thấy mình đã hòa nhập vào thế giới đại dương, hãy bắt đầu truyền ý nghĩ của bạn tới những sinh vật anh em cùng chia sẻ “quê hương” hành tinh này với chúng ta. Tưởng tượng bạn đang gửi trao đến chúng tình yêu thương trong khi chúng vẫn tiếp tục quá trình tiến hóa của chúng và sắp sửa rời khỏi Ngôi Trường Trái Đất. Mặc dù bạn cảm thấy tiếc thương cho chúng nhưng bạn biết rằng chúng bất tử, cũng giống như bạn. Hãy truyền đi những ý nghĩ như vậy để chúng biết chúng không ra đi “lặng lẽ” mà không có sự thấu hiểu của loài người. Hãy để chúng nghe thấy lời cảm thông của bạn: “Tôi hiểu chuyện mà!”.

Bạn có thể làm điều đó được không?

Việc làm đó sẽ chuyển biến nỗi đau của loài cá heo trở thành một cuộc hành trình có giá trị.

Linh hồn đặc thù cá nhân không chỉ được hình thành bằng một cách thức duy nhất. Mất xích của chuỗi tiến hóa bên trong “ngôi làng toàn cầu” chính là tiến trình nâng cấp từ giới này lên giới kia, nhưng nếu một linh hồn mà trước giờ chưa từng tồn tại trên hành tinh của chúng ta lại lựa chọn làm người, thì linh hồn đó không nhất thiết phải tuân thủ trình tự tiến hóa lần lượt qua các giới. Thật ra, linh hồn có thể chọn hoàn cảnh (trong môi trường tự nhiên) nào thích hợp với mình nhất.

Khi chúng ta nói về những linh hồn đi vào “cõi trần” này để chữa lành, để cân bằng năng lượng của mình, để thanh toán món nợ Nghiệp,

chúng ta đang đề cập đến sự tiến hóa của Sự sống diễn ra trên Trái Đất (Ở đây, chúng ta không bàn về các thiên hà, hay những dạng sống phi vật chất khác!). Có những linh hồn chưa bao giờ có được trải nghiệm làm người. Nhưng không nhất thiết phải nếm trải qua kinh nghiệm của các loài cấp thấp hơn để “tăng bậc”. Mà nếu có thì rất đáng được hoan nghênh!

Lúc này, việc từng trải trong thế giới vật chất không còn giúp nhiều cho nhận thức của linh hồn nữa. Do vậy, linh hồn lựa chọn học hỏi trong cõi phi vật chất. Chẳng hạn, linh hồn có thể học hỏi thông qua nhiệm vụ trở thành người dẫn dắt phi vật chất. Mỗi linh hồn cá thể người là một phần (vi mô) trong tổng thể linh hồn loài người (vĩ mô); không còn tồn tại dạng *linh hồn nhóm* “loài người” nào lớn hơn nữa. Vượt lên trên nữa là bậc Thầy, tức là trở thành Ánh Sáng bậc cao – không còn mang đặc trưng của loài người.

Những Người Thầy phi vật chất của chúng ta “xuất thân” từ Ánh Sáng (ý thức) bậc cao. Vì vậy, thật không thích hợp khi xem “Họ” cũng là một “cá nhân” – có cái tôi riêng. Có lẽ sẽ thích hợp hơn khi xem “Họ” là những ý thức vô ngã, “xuất thân” từ “cõi” vốn không thể được diễn giải bằng ngôn ngữ của loài người. Chẳng hạn, “Họ” không có những khía cạnh nhân cách bị phân mảnh như chúng ta có; “Họ” không có những mặt khuất u tối. Vậy thì Thiên Thần có linh hồn không? Mỗi Thiên Thần tự thân đã là một linh hồn toàn vẹn.

Đó là điểm khác biệt giữa linh hồn toàn vẹn (Thiên Thần Hộ Mệnh, những Người Thầy phi vật chất) với linh hồn đang hướng đến sự toàn vẹn (con người). Tư duy nhị nguyên chỉ tồn tại trong những cấp độ nhất định nào đó. Nó là một động lực học hỏi; tư duy này không tồn tại ngoài phạm vi học hỏi và phát triển. Bạn đang tồn tại trong thế giới nhị nguyên (bạn đang học hỏi, đang tiến hóa), còn những Người Thầy phi vật chất thì không.

Có thể nói, Trái Đất không phải là nhà của “Họ”. So với cấp độ của chúng ta, “Họ” là những Người Thầy. “Họ” tự do chỉ bảo chúng ta nhưng không hòa nhập vào cấp độ của chúng ta. Có thể hiểu thế này: khi những Người Thầy vĩ đại chỉ bảo ta, “Họ” không việc gì phải “xuống cấp” cho bằng cấp độ như ta; cũng giống như cha mẹ không cần thiết phải “cưa sừng” cho đồng trang lứa để khuyên dạy con cái. Cấp độ tiến hóa cao hơn đã thể hiện đủ tư cách rồi!

Loài người đã được định đặt cho sứ mệnh là phải tiến hóa vượt lên khỏi kiểu tư duy nhị nguyên. Tư duy nhị nguyên là tư duy thuộc về thế giới của không gian - thời gian. Khi bạn tiến hóa vượt ra khỏi nếp tư duy này, cũng như khi bạn rời khỏi thể xác vật chất và về nhà (“cõi” phi vật

chất), bạn sẽ không còn bị ràng buộc trong thế giới nhị nguyên nữa; và cảm giác phần nộ, sâu bi, hay sợ hãi ở bản thân sẽ tan biến. Những cảm giác yếu đuối ấy không còn chút uy lực nào trong “cõi” vượt thoát khỏi thế giới nhị nguyên, nơi chỉ thường trực hiện hữu sự hoàn hảo, toàn vẹn. Khi bạn thoát khỏi hình hài vật chất, bạn sẽ đi vào cấp độ phi vật chất tương thích với tần số năng lượng của bạn vào đúng thời điểm bạn kết thúc kiếp tái sinh.

Linh hồn đã tiến hóa của loài người đi về đâu?

Có nhiều dạng sống tồn tại như là những dạng thức tiến hóa bậc cao của loài người. Có tới hàng triệu chọn lựa cho loài người sau khi về cõi.

Có tồn tại một “cõi” mà ngôn ngữ tôn giáo phương Tây gọi là Thiên giới (Angelic kingdom). Đây là một dạng thức tồn tại với hằng hà sa số tần số và đặc tính ý thức, không biết bao nhiêu mà kể, trong đó có nhiều tần số và đặc tính ý thức dẫn lối và tương tác với loài người trên Trái Đất. Lãnh địa này được cân bằng với những trường lực khác, nhưng không thể hiểu được theo ngôn ngữ của loài người. Sự tiến hóa vẫn tiếp diễn trong lãnh địa đó, mặc dù theo thuật ngữ diễn đạt của chúng ta thì chúng ta nhận thức rằng ở đó đã có “hòa hợp” và “toàn hảo”. Thiên Thần có thể được xem như một dạng ý thức đã tiến hóa thành một thể thức thích hợp làm Người chỉ giáo cho “ngôi làng hành tinh” – Trái Đất.

Nhà (cõi) của Thiên Thần là Thiên giới. Biên độ (năng lượng ý thức) của những dạng thức Sống phi vật chất tồn tại bên trong cõi ấy sẽ nằm trong dải sóng rung động với tần số nhất định. Thiên Thần, cũng như những thành viên khác trong lãnh địa đó, những dạng ý thức sống mà chúng ta nhìn nhận như là những bậc thầy của nhân loại vẫn tiếp tục tiến hóa.

Đó là những nhân vật mà tên của họ được đặt cho tên của tôn giáo. Sự tiến hóa như vậy cứ tiếp tục, nhưng nhằm tiến tới sự toàn hảo hơn là nhằm để có trải nghiệm truyền ý thức vào vật chất (trải nghiệm hành động, sáng tạo như con người) như những gì xảy ra trong Ngôi Trường Trái Đất.

Luật Nhân - Quả có linh ứng với những thực thể phi vật chất không?

Luật Nhân - Quả là quy luật có tính phổ quát, không có dạng thức sống nào không chịu trách nhiệm cho năng lượng của mình. Thiên Thần không phải chịu những cản lực như chúng ta. Chẳng hạn, Thiên Thần thấy được những cái mà chúng ta không thấy được. Sự khác nhau là ở cản lực. Thiên Thần không có những cản lực, cho nên “Họ” không thể tạo ra Nghiệp quả như cách chúng ta tạo ra. Thiên Thần có độ thấu hiểu và kiến thức ở mức có thể ngăn cản không cho những hành động

nào đó xảy ra.

Luật Nhân - Quả vẫn vận hành bởi vì Thiên Thần vẫn có ý chí, nhưng mỗi Thiên Thần được bảo vệ bởi trường năng lượng ý thức mạnh mẽ. Thiên Thần không sợ chết. Mọi thực thể tồn tại trong cõi phi vật chất đều bất tử. “Họ” không biết nghi ngờ. “Họ” nhìn thấy Ánh Sáng và sống trong Ánh Sáng, vì vậy không có những thành tố cấu tạo nên Nghiệp như ở loài người. Mặc dù Thiên Thần có ý chí, nhưng “Họ” không hề dùng ý chí chủ quan để bẻ cong sự việc theo hướng sai, hướng tiêu cực. Có thể nói, Thiên Thần là dạng sống đã tiến hóa vượt xa khỏi nhu cầu cần phải được thử thách, cám dỗ, và vì vậy “Họ” không tạo Nghiệp.

Ngoài ra, cũng có những cấp độ khác tồn tại, ví dụ như cấp độ của những linh hồn không tái sinh. “Họ” bị ràng buộc vào “cõi trần” này – Trái Đất. Những linh hồn không tái sinh không theo đuổi cuộc hành trình quay về bản ngã bậc cao của mình, họ vẫn còn ở trong trạng thái cá nhân phi vật chất gắn với Trái Đất – cõi phàm tục, vật chất.

Hãy tưởng tượng bản ngã của bạn chẳng muốn thay đổi điều gì và không chịu tiến hóa. Do đó, tiến trình linh hồn gột bỏ dần những khía cạnh tiêu cực ở bản ngã đã không diễn ra. Như thế có sự bốc cháy và tắc nghẽn xảy ra bên trong hệ thống năng lượng. Thường thì điều này xảy ra khi linh hồn không chấp nhận mình phải tiến lên và tái sinh. Trong một số trường hợp, linh hồn giữ chặt lấy bản ngã (cái tôi) bởi vì bản ngã đó đã thể hiện sự thành công hoặc uy lực trong kiếp đời của nó.

Sự tắc nghẽn năng lượng xảy ra trong tiến trình tiến hóa sẽ tạo nên hiện tượng mà chúng ta gọi là hồn ma, quỷ hoặc vong nhập. Những linh hồn này chọn ở lại vành đai Trái Đất, trong trường năng lượng phát tỏa xung quanh Trái Đất (auric field). Họ có phải là thế lực xấu xa không? Đúng là “xấu”, nhưng gọi là “ác” thì lại là chuyện khác. Họ có khuyến khích cho cái tiêu cực không? Có, đó là một phần của luật Hấp dẫn – năng lượng riêng của họ bị hút tới những trường năng lượng tương tự, ở đây là vùng trường lực của những khiếm khuyết. Trong phạm vi lãnh địa này, những linh hồn này tạo ra thêm Nghiệp xấu bằng cách theo đuổi điều xấu.

Như vậy, có thể nói các bậc Giác Ngộ đã đạt được mức tiến hóa vượt lên cả Nghiệp. Họ đang quan sát những hành động trên Trái Đất, nơi luôn luôn có tình huống phải lựa chọn giữa việc bạn muốn học hỏi như thế nào – bạn sẽ lựa chọn con đường nào (thông qua nỗi sợ hãi và nghi ngờ hay là thông qua sự thông tuệ). Cho dù Thiên Thần có ý chí của riêng họ, nhưng họ không tích Nghiệp như chúng ta nghĩ. Nghiệp không phải là phần thuộc về chiều kích của họ. Luật Nhân - Quả là quy luật dành cho vật thể và linh hồn trải nghiệm trong thực tại vật chất,

không phải đối với linh hồn đơn thuần.

Cũng có nhiều lãnh địa phi vật chất không thuộc về Thiên giới. Ngoài lãnh địa của những con người không tái sinh, gắn chặt với Trái Đất, còn hằng hà sa số lãnh địa của sự sống phi vật chất khác. Bên trên Thiên giới là những tầng lãnh địa, nơi mà Trí Tuệ Siêu Phàm hiện hữu.

Trong thực tại vật chất, mỗi người có một cấp độ ý thức linh hồn nhất định. Không phải tất cả mọi người đều nhận biết như nhau về linh hồn mình. Nếu vậy thì, có phải tất cả mọi người đều có tiềm lực ngang bằng nhau?

Đúng vậy, nhưng mà cũng không đúng! Câu hỏi này quả thật phức tạp nên không thể trả lời một cách đơn giản. Bởi vì trong số những linh hồn ở trên cùng dải tần số năng lượng (như những linh hồn cùng ở trong Ngôi Trường Trái Đất), họ có chung một chất lượng ý thức, tuy nhiên vẫn có sự khác biệt về biên độ ý thức. Một cá nhân với nhận thức hạn hẹp chắc chắn không thể ngang bằng với cá nhân có nhận thức rộng mở hơn. Như vậy là có tình trạng không đồng đều, nhưng không phải là bất bình đẳng. Đây chỉ là một mức độ động lượng tạm thời trong dòng chảy tiến hóa.

Linh hồn không có bắt đầu, cũng không có kết thúc, dù có một số linh hồn già cỗi hơn. Tuy tất cả các linh hồn đều có xuất xứ trực tiếp từ Trí Tuệ Siêu Phàm, nhưng không hề có một phương thức duy nhất hình thành nên linh hồn. Việc hiểu về linh hồn sẽ gặp trở ngại và có vẻ như nghịch lý nếu bạn áp đặt lối suy nghĩ đề cao ý niệm về sự bắt đầu.

Hãy xem Cội Nguồn, Chân Lý Thánh Thiện như là Đại Dương. Giờ bạn tới đó múc một tách nước đầy. Trong trường hợp ấy, nước trong tách trở thành cá thể riêng biệt. Tương tự đối với linh hồn của bạn. Bạn đã trở thành một “cái tách - năng lượng”, nhưng nó vẫn mang tính chất của một Hữu Thể nguyên thủy bất tử.

Bạn luôn luôn tồn tại bởi vì bạn là một phần thuộc về Chân Lý Thánh Thiện, hay Trí Tuệ Siêu Phàm. Thượng Đế đảm nhiệm việc thụ tạo những dạng thức, những “giọt” ý thức riêng biệt, và thu nhỏ sức mạnh của Người thành những “hạt” ý thức cá thể nhỏ lẻ. Đó là một sự tinh gọn một nguồn sức mạnh cực kỳ lớn, tuy nhiên sức mạnh gói gọn lại trong những “giọt” ý thức vẫn hết sức mạnh mẽ và tràn trề như khi còn hòa trong Đại Dương. Dầu vậy, linh hồn vẫn bất tử, đầy khả năng sáng tạo và sức biểu đạt y như vậy, nhưng nay ở dạng thức thu nhỏ hơn rất nhiều, năng lượng cũng được tinh giảm đi sao cho tương thích với dạng thức hiện tại. Khi cái dạng thức nhỏ ấy nâng cao sức mạnh, nâng cao hiểu biết về bản thân, nó dần trở nên lớn hơn và giống với Cội Nguồn. Rồi

đến lúc nào đó, nó trở thành Cội Nguồn.

Tiến trình này diễn ra song song với tiến trình nâng bản ngã của bạn lên thành bản ngã bậc cao, hướng về năng lượng toàn vẹn của linh hồn. Nó cũng song song với tiến trình bản ngã và bản thể bậc cao của bạn quay về sự toàn vẹn của linh hồn bạn khi bạn rời Trái Đất. Là một *linh hồn đặc thù cá nhân*, bạn vẫn là một linh hồn riêng biệt, nhưng cũng mang đặc tính của tổng thể.

Linh hồn chính là đơn vị tiến hóa cá nhân. Nhận thức này rất mới mẻ đối với chúng ta bởi vì trước giờ chúng ta chưa nhận biết được về sự tồn tại của linh hồn. Trong những tư tưởng tôn giáo, chúng ta công nhận “cái” được gọi là “linh hồn”, nhưng cho tới hiện giờ ta vẫn chưa nghiêm túc xem xét sự tồn tại của linh hồn có ý nghĩa gì, dựa trên những “hý, nộ, ái, ố” của cuộc đời con người.

Từ trước đến nay, chúng ta vẫn chưa quan tâm chú ý đến những nhu cầu của linh hồn; chưa suy ngẫm xem linh hồn cần gì để trở nên mạnh khỏe; chưa tìm hiểu rõ về linh hồn, hay tìm cách trợ giúp linh hồn đạt được những điều cần thiết cho sự tiến hóa và phát triển lành mạnh. Bởi vì bấy lâu nay chúng ta luôn nhận thức theo năm giác quan, cho nên chúng ta chỉ tập trung vào thể xác và bản ngã (cái tôi). Chúng ta chỉ mới phát triển được kiến thức rộng về hệ thống các bộ phận trong cơ thể con người, cái “lớp áo” mà linh hồn khoác vào khi nó tái sinh. Chúng ta đã biết về các axit amin, về những chất dẫn truyền thần kinh, nhiễm sắc thể, và các en-zim, nhưng chúng ta chưa biết trọn vẹn về linh hồn. Chúng ta không biết những chức năng thể lý này phục vụ cho linh hồn như thế nào, hoặc bị ảnh hưởng bởi linh hồn ra sao.

Chúng ta luôn cố chữa lành những căn bệnh của thể xác bằng cách kiểm soát môi trường sống của nó (ở cấp độ phân tử vật chất), nghĩa là những phương pháp chữa bệnh này dựa trên nền tảng nhận thức xem sức mạnh là ngoại hiện (kiểm soát yếu tố vật chất). Phương cách chữa bệnh như vậy có thể chữa lành thể xác nhưng không thể chữa lành ở cấp độ linh hồn (nguồn gốc bệnh tật sâu xa hơn).

Những người được đào tạo để chữa bệnh theo phương cách này quen học hỏi về sự sống thông qua việc nghiên cứu những cơ thể vật chất đã chết. Chỉ nghiên cứu những cái xác không hồn như thế thì thử hỏi làm sao họ có thể thấy được sự hiện hữu của linh hồn? Cho dù những bộ óc như thế có nhìn ra cả thiên hà bao la, họ vẫn không thể thấy được sự sống, bởi vì họ được dạy bảo rằng toàn bộ thiên hà không có sự sống, trừ khi họ nhìn thấy tận mắt và nhận dạng được sự sống. Nó sẽ mãi mãi là ẩn số cho tới khi nào có một tiền đề cơ bản cho rằng: “Sự sống tồn tại và lan tỏa khắp nơi”, và tiền đề này trở thành nguyên lý của khoa học. Khi

đó, chúng ta sẽ khám phá đặc điểm lý tính của linh hồn. Chúng ta sẽ nghiên cứu sự sống bằng chính sự sống đương hiện hữu, chứ không phải bằng xác chết vô tri vô giác. Một ngày nào đó, chúng ta sẽ nhìn nhận đây là dạng thức học hỏi căn nguyên bởi vì những thi hài bất động kia đã không còn ý thức – năng lượng sự sống – nữa.

Cơ thể là công cụ của linh hồn. Nếu người nhạc công dương cầm bị ốm thì sửa chữa cây đàn của anh ta phỏng có ích gì? Âm thanh từ nhạc cụ phát ra không chỉ phụ thuộc vào tình trạng của nhạc cụ mà còn phụ thuộc vào người nhạc công. Nếu nhạc công chơi những bản blues Trong một số trường hợp, nhạc cụ hỏng có thể được sửa lại, nhưng khó sửa được nguyên nhân đã gây ra sự hư hỏng này.

Bệnh tim, hay căn bệnh ung thư quái ác phải chăng là sự run rủi của số phận? Mặc dù tình trạng bệnh tật thể chất có liên quan đến yếu tố ăn uống, tập luyện thể thao, lối sống, tính di truyền,... nhưng những yếu tố tương quan này không thể che giấu sự thật rằng đối với một số người, cuộc đời họ mang nặng “nỗi đau xé lòng”, trong khi người khác lại tiêu tụy, héo hon, để cho mình bị “ăn mòn”, bị “xâm lấn” bởi những “khối u” trải nghiệm tiêu cực “ác tính” của cuộc đời. Vậy thì phẫu thuật tim hay hóa trị liệu có chữa lành được những căn bệnh đó?

Lẽ nào vô số những trục trặc về thể chất xảy ra mà không nhắn gửi lại bức thông điệp gì hay sao? Đối với một số người, sức khỏe là vấn đề về tim mạch, về tiêu hóa hay bị đau đầu. Nhiều người khác bị suy yếu chức năng thính giác, thị giác, hoặc không thể vận động linh hoạt, không thể đi đứng như bình thường nên không thể xử lý được những chuyện xảy ra trong cuộc đời họ. Đây là những vấn đề phải được đề cập tới một cách trực tiếp, cởi mở và thành thực nhằm xây dựng sức khỏe tốt.

Điều này không có nghĩa là bỏ lơ việc chăm sóc cơ thể hay không cần đi khám bác sĩ mỗi khi đau ốm. Mặc dù cơ thể vật chất không thật – phải trải qua giai đoạn “sinh - lão - bệnh - tử”, không tồn tại vĩnh hằng – nhưng nó là sự phóng chiếu thấp nhất, nặng nhất (về tần số) của năng lượng tâm linh (linh hồn); và vì vậy, nó phải được trân trọng. Cơ thể cần được nghỉ ngơi, chăm sóc, nhưng đằng sau mỗi vấn đề liên quan đến sức khỏe hay bệnh tật thể xác là năng lượng của linh hồn.

Chính sự lành mạnh của linh hồn mới là mục đích sống thật sự của con người.

Cho nên tất cả mọi thứ đều nhằm phục vụ cho “sức khỏe” của linh hồn.

PHẦN BỐN: UY LỰC THẬT SỰ

13: Tâm lý học

Tâm lý học có nghĩa là kiến thức về linh hồn, là lĩnh vực nghiên cứu về linh hồn; thế nhưng thực tế chưa bao giờ có sự nghiên cứu như thế. Tâm lý học của chúng ta chỉ nghiên cứu về nhận thức và hiểu biết thông qua tri giác, cùng những tác động của chúng – tức là sự nghiên cứu phân bản ngã.

Do tâm lý học được xây dựng trên nền tảng nhận thức của nhân cách năm giác quan, cho nên, nó không thể thừa nhận linh hồn. Nó không có khả năng hiểu những động lực ẩn bên dưới hệ giá trị và hành vi của bản ngã. Giống như y học cố công tìm cách chữa lành cơ thể mà không nhận ra năng lượng của linh hồn nằm đằng sau sức khỏe hay bệnh tật của cơ thể, tâm lý học cũng tìm cách chữa lành bản ngã nhưng không nhận ra thế lực của linh hồn nằm đằng sau hình thái và những trải nghiệm của bản ngã, nên cũng không thể chữa lành toàn diện (từ cấp độ linh hồn).

Để phát triển, cũng như nuôi dưỡng tâm trí và thể xác của bạn, cần nhận ra rằng bạn có một tâm trí và một cơ thể. Điều kiện tiên quyết để trực tiếp chữa lành toàn diện (ở cấp độ linh hồn) là phải công nhận có linh hồn. Nếu bạn có linh hồn, phải chăng linh hồn là “một cái hõm tương tượng nằm trong lòng ngực của bạn”? Không phải. Còn nữa, nếu linh hồn có thật, sống động với trường lực ảnh hưởng và bản chất hẫng hoi, thì mục đích tồn tại của linh hồn là gì?

Để phát triển một tâm trí lành mạnh và có kỷ luật, đòi hỏi người tài trí (tức là người có thể đảm trách bất kỳ nhiệm vụ nào một cách toàn vẹn và mỹ mãn) không chỉ nhận ra sự tồn tại của tâm trí, mà còn hơn thế nữa. Họ phải hiểu tâm trí hoạt động như thế nào, nó khao khát cái gì, cái gì làm tăng uy lực cho nó và cái gì khiến nó suy yếu, để rồi ứng dụng kiến thức đó. Tương tự, không thể hỗ trợ linh hồn một cách có ý thức trong sự tiến hóa của nó chỉ đơn thuần bằng cách nhận ra sự tồn tại của linh hồn không thôi. Ta cần phải hiểu khí chất của linh hồn, phải học hỏi xem linh hồn ưa chuộng cái gì và không ưa chuộng cái gì, điều gì đóng góp cho sức khỏe của nó và điều gì làm tổn hại sức khỏe của nó. Những điều này phải được xem xét thật kỹ lưỡng.

Đến nay, loài người vẫn chưa phát triển được những phương thức để

làm việc này. Chúng ta chưa hình thành được một sự hiểu biết có quy tắc và có hệ thống về linh hồn. Chúng ta không hiểu những hành vi và hành động của chúng ta ảnh hưởng đến linh hồn như thế nào. Bởi vì bản ngã là khía cạnh đặc thù nào đó của linh hồn được tinh gọn cho phù hợp với dạng thức vật chất mà năng lượng linh hồn sẽ đi vào, nên khi thấy bản ngã bị “trục trặc”, sao ta không nghĩ xem điều đó bộc lộ cái gì về linh hồn? Vì vậy, chúng ta không thể hiểu được những trục trặc của bản ngã nếu như không hiểu về linh hồn.

Nỗi sợ hãi, cơn giận dữ, lòng đố kỵ – những thứ làm biến dạng bản ngã – không thể được nhìn nhận tách rời với nguồn gốc sinh ra chúng (sự khiếm khuyết từ nội tâm). Khi bạn hiểu những trải nghiệm, bài học thu nhận từ cuộc đời thật sự cần thiết để cân bằng lại năng lượng của linh hồn, bạn sẽ thanh thoi, không phản ứng với chúng một cách thái quá qua góc nhìn hạn hẹp của cá nhân để rồi tạo thêm Nghiệp xấu cho linh hồn.

Nỗi đau đớn chỉ đơn thuần là nỗi đau đớn, nhưng khi trải nghiệm về nỗi đau đớn kết hợp với hiểu biết rằng nỗi đau đó phục vụ cho một mục đích chính đáng, nó được gọi là sự chịu đựng.

Điều này không có nghĩa là bạn hãy trở thành “kẻ tử vì đạo”. Bằng cách phục vụ cho sự tiến hóa của linh hồn mình một cách có ý thức, bạn đang đóng góp tất cả những gì bạn có thể cho thế giới này, bạn góp phần vào sự lành mạnh tinh thần và sự phát triển tâm linh của những người cùng chia sẻ kinh nghiệm sống với bạn. Nếu bạn không tử tế với chính mình, bạn sẽ bất nhân với người khác. Nếu bạn lơ là với chính mình, bạn sẽ lơ là với người khác. Chỉ bằng cách cảm thấy động lòng trắc ẩn với bản thân, bạn mới có thể trắc ẩn với người khác.

Nếu không yêu lấy mình, bạn không thể yêu thương người khác và không thể chịu nổi khi nhìn thấy người khác được yêu thương. Nếu không biết đối xử ân cần, tử tế với bản thân, bạn sẽ tỏ ra bực bội với cảnh tượng người khác được quan tâm, chăm sóc chu đáo. Nếu bạn ghét bỏ chính mình, thì việc yêu thương người khác trở thành một cố gắng đau đớn đối với bạn, chỉ có được những khoảnh khắc an ủi, vỗ về thật ngắn ngủi, chóng tàn. Nói cách khác, yêu thương người khác, hoặc đối xử tốt với chính mình là phương thuốc hiệu nghiệm dành riêng cho bạn, mà thật ra khi làm vậy, bạn cũng đồng thời trao tặng cho người khác.

Với những người xem mình là “anh hùng”, “người tử vì đạo”, họ thấy mình đang trao hết tất cả những gì mình có cho người khác. Họ thấy những việc mình làm như là biểu hiện của tình yêu thương, nhưng thật ra tình yêu mà họ trao đi đã bị “nhiễm độc”, chứa đầy nỗi sâu khổ. Cảm giác tội lỗi và bất lực như đám mây che phủ năng lượng tỏa ra từ trái tim

họ; vì vậy người nhận quả thật sẽ không cảm thấy tốt đẹp, thoải mái với dạng yêu thương nhuộm màu đau khổ. Về mặt nào đó, tình cảm này nặng trĩu một nhu cầu không bao giờ được nói ra, nên tình yêu của họ chất chứa đầy sự ràng buộc lôi kéo bạn.

Khi bạn có thể làm những điều tốt đẹp cho chính mình, bạn sẽ biết yêu thương bản thân có nghĩa là gì. “Thương người như thể thương thân”, bạn yêu bản thân và bạn thể hiện sự quan tâm đến những người đang tha thiết cần lòng nhân từ và tình yêu. Bạn sẽ cảm thấy thoải mái khi trao yêu thương đến họ bằng tình cảm tốt lành, chứ không phải cảm giác mình như là kẻ ban phát. Năng lượng của linh hồn vận hành theo cách như thế. Đây là nhận thức của linh hồn. Khi không có lòng trắc ẩn, khi có mặc cảm tội lỗi, sự hối tiếc, giận dữ hay phiền não, tức là có cơ hội để chữa lành linh hồn.

Mối quan hệ giữa những trải nghiệm này đối với một linh hồn lành mạnh và với một linh hồn không lành mạnh là gì? Thế nào là một linh hồn lành mạnh?

Tâm linh - tâm lý học (spiritual psychology) là ngành khoa học cần thiết giúp trả lời những câu hỏi này, xây dựng một hệ thống kiến thức “mới” về linh hồn và tập trung nghiên cứu linh hồn con người. Sự tiến hóa của loài người, đồng thời cũng là sự tiến hóa của linh hồn trong thế giới vật chất, là một sự tiến hóa rất đặc thù. Nó không ngẫu nhiên, thiếu hoạch định. Nó không hỗn độn. Mà nó rất chuyên biệt. Khi những tiến trình cần thiết cho sự chín muồi của khối hợp nhất vật chất - linh hồn, hay sự ra đời của ngành tâm linh - tâm lý học không được chú trọng, linh hồn tất sẽ “hổng hóc”. Trước giờ tâm lý học chỉ cố gắng giải thích những hổng hóc này bằng các thuật ngữ tâm lý. Chúng ta vẫn có thể tiếp tục sử dụng ngôn ngữ đó, nhưng cần mở rộng tâm lý học để bao hàm cả ngôn ngữ tâm linh. Có thể nói, chúng sẽ trở thành “tiếng mẹ đẻ” của linh hồn, và rồi đây, tất cả những bệnh tật về tâm thần hoặc những tổn thương về tâm thần thể nào cũng sẽ được gọi bằng thuật ngữ thích hợp – linh hồn phân mảnh.

Sự tái sinh và vai trò của luật Nhân - Quả trong sự phát triển của linh hồn sẽ là những phần trọng tâm của ngành tâm linh - tâm lý học. Những đặc điểm của bản ngã – những đặc điểm làm cho người này khác với người kia – không thể được đánh giá đúng mức nếu không hiểu Nhân - Quả đã hình thành nên chúng như thế nào. Không phải lúc nào cũng hiểu được các đặc điểm này (dựa theo những biến cố trong kiếp đời hiện tại), bởi vì chúng có thể phản ánh những trải nghiệm vốn có từ những kiếp đời trước, trong một số trường hợp, có khi trước cả vài thế kỷ. Vì vậy, điều quan trọng ở đây không phải là tác động của cơn giận

dữ, tị hiềm, cay đắng, sầu muộn, v.v. lên bản ngã, mà là tác động của những điều tiêu cực ấy lên chính linh hồn.

Không nhất thiết phải hiểu về từng bản ngã, từng kiếp đời của linh hồn. Linh hồn có thể có vô số kiếp tái sinh, song không phải tất cả kiếp sinh đều góp phần quan trọng như nhau đối với sự phát triển của bản ngã. Nếu không trực tiếp nhận biết về những trải nghiệm trong những kiếp đời kia, những trải nghiệm có liên quan trực tiếp đến những “dằn vặt”, “giằng xé” trong bản ngã, thì bạn không thể hiểu được cái gì đang được chữa lành. Giả sử linh hồn bạn từng tái sinh thành một đấu sĩ La Mã, một người hành khất Ấn Độ, một bà mẹ Mexico, một chú bé du mục, một nữ tu thời Trung Cổ trong những kiếp đời trước, nay những kiểu mẫu hành động thuộc về những kiếp đời ấy vận hành bên trong bạn trong kiếp đời này. Nếu không nhận biết được những trải nghiệm đã tích lũy trước đó, bạn sẽ không thể hiểu được những khuynh hướng, mối quan tâm, hay cách phản hồi trước những hoàn cảnh khác nhau của chính bạn ở kiếp đời hiện tại.

Rất có thể nữ tu thời Trung Cổ – một hóa thân của linh hồn bạn – đã dành gần trọn kiếp đời để chiêm nghiệm về Đấng Toàn Năng, với cả những đấu tranh nội tâm đầy đau đớn và can đảm; cuối cùng bà đã phát triển khả năng có thể trông thấy Thiên Thần. Một thành quả tâm linh phi thường! Bà có thể “ghé thăm” kiếp đời này và trao cho bạn những trái ngọt của một kiếp đời nỗ lực tâm linh toàn tâm toàn ý. Hay chiến binh La Mã – một hóa thân khác của linh hồn bạn trong kiếp đời khác – không phải đã “chết” cách đây hàng ngàn năm trước. Năng lượng quả cảm của “người chiến binh” vẫn có thể đi vào thân xác bạn và muốn cảm vũ khí hiện đại để xông pha trận mạc, vượt khỏi sức cưỡng lại của bạn.

Bạn không ưa một vài tuýp người nào đó? Bạn đam mê y học từ khi còn nhỏ? Bạn sợ những nơi tối tăm, chật hẹp? Những phản ứng kiểu như vậy không phải lúc nào cũng có thể giải thích được trong khuôn khổ những trải nghiệm của một cuộc đời. Sức mạnh chữa lành (trong tâm lý học) là sức mạnh của ý thức. Tìm cách khám phá, dũng cảm đối mặt, soi rọi Ánh Sáng ý thức vào phần vô thức và giữ uy thế trước bản ngã, không để bản thân bị nó chi phối, đó chính là cách thức chữa lành, hàn gắn những mảnh rạn nứt của linh hồn. Nếu không nhận ra được sự tồn tại của những trải nghiệm thuộc về các kiếp đời đã qua, sẽ không thể thực hiện chữa lành theo cách này.

Bạn đã chia tay người bạn đời hay tình nhân của bạn? Chồng/vợ hay bạn tình của bạn ruồng bỏ bạn? Trong những trường hợp như thế, với sự nhân từ, độ lượng, rất có thể cả hai linh hồn – bạn và người ấy – đã đồng lòng cùng nhau “diễn” trong kiếp đời này cái tình huống mà họ đã cùng

trải nghiệm ở kiếp đời trước nhằm mục đích chữa lành cho cả hai người liên quan. Cũng có thể linh hồn của hai người đồng ý cùng nhau cân bằng lại năng lượng, thành thử một người sẽ ném trái đúng cái nỗi mát mát đau đớn mà anh/cô ta đã giáng xuống người kia trong kiếp đời trước. Những trải nghiệm kiểu như vậy không phải là nỗi đau đớn vô nghĩa. Không một hành động nào trong Vũ Trụ mà lại không giàu lòng trắc ẩn.

Cha mẹ bạn là những linh hồn mà bạn gần gũi nhất và có tầm ảnh hưởng lớn nhất đối với bạn. Điều này vẫn tuyệt đối đúng cho dù bạn không sống với cha mẹ, do bởi bạn bị tách rời khỏi cha mẹ, hoặc bị tách khỏi một trong hai người khi vừa mới chào đời chẳng hạn. Linh hồn bạn và linh hồn cha mẹ bạn đã đồng thuận hội ngộ với nhau trong một mối quan hệ để cân bằng lại nguồn năng lượng, hoặc để kích hoạt những động lực bên trong mỗi người (thậm nhuần những bài học trọng yếu mà từng người phải tiếp thu). Không nhận ra những tương tác mang tính Nhân - Quả và những trải nghiệm ghi dấu lại từ những kiếp đời khác của linh hồn bạn, bạn sẽ không hiểu được ý nghĩa sâu sắc của những nhận thức tiềm tàng, vốn là kết quả tương tác giữa bạn với cha/mẹ bạn hoặc anh/chị/em của bạn.

Khám phá và hiểu biết về trực giác sẽ là trọng tâm của ngành tâm linh - tâm lý học. Trực giác là tiếng nói của thế giới phi vật chất. Nó là hệ thống thông tin liên lạc giải phóng nhân cách năm giác quan khỏi những giới hạn của hệ thống cảm ứng năm giác quan, giúp cho nhân cách năm giác quan trở thành nhân cách đa giác quan. Trực giác làm nhiệm vụ nối kết bản ngã với bản ngã bậc cao của nó và với người dẫn dắt và Người Thầy phi vật chất.

Tâm lý học ngày nay thậm chí không công nhận trực giác, ngoại trừ xem đó như là một hiện tượng lạ kỳ. Vì vậy, nó không thừa nhận những kiến thức thu nhận được thông qua trực giác, cho nên kiến thức này không được xử lý bằng trí tuệ. Nhân cách năm giác quan chỉ xử lý kiến thức nó thu thập và chứng minh được thông qua năm giác quan. Nhân cách đa giác quan tiếp nhận kiến thức thông qua trực giác và xử lý kiến thức đó, để từng bước đưa mình trùng khớp với linh hồn. Con đường hướng tới sức mạnh đích thực (một cách có ý thức) đòi hỏi phải nhận ra chiều hướng phi vật chất của loài người, đó là linh hồn – linh hồn là gì và linh hồn muốn gì.

Tâm linh sẽ là trọng tâm cốt lõi của ngành tâm linh - tâm lý học. Ngành này sẽ được định hướng nghiên cứu tâm linh, và những khủng hoảng tâm linh sẽ được nhìn nhận như sự đau khổ có nguyên do sâu xa. Tâm linh - tâm lý học sẽ tìm hiểu về mối quan hệ giữa luật Nhân - Quả,

sự tái sinh, trực giác và tính tâm linh như sau:

Tính tâm linh có tính bất tử. Tính tâm linh của bạn không bị giới hạn trong khuôn khổ bản ngã của bạn và hệ thống trực giác. Tính tâm linh của bạn bao hàm cuộc hành trình của linh hồn toàn vẹn, trong khi trực giác là cách thức để linh hồn liên lạc với công cụ tái sinh của nó (bản ngã), nhằm trợ giúp bản ngã trong những hoàn cảnh quyết định sự sống còn hay những hoàn cảnh cần được khơi nguồn sáng tạo, truyền cảm hứng. Tính tâm linh của bạn gắn liền với những gì bất tử bên trong bạn, nhưng khi bạn rời khỏi thể xác, hệ thống trực giác vốn đã được phát triển phục vụ cho kiếp tái sinh ấy của linh hồn sẽ bị bỏ lại đằng sau, bởi vì nó sẽ không còn cần thiết nữa.

Tâm linh - tâm lý học là ngành nghiên cứu có quy tắc và có hệ thống về những điều cần thiết cho sự lành mạnh của linh hồn. Nó nhận dạng những hành vi vận hành đối nghịch với sự hòa hợp và toàn vẹn, đối lập với năng lượng tích cực, mạnh mẽ của linh hồn. Nó xem xét những yếu tố tiêu cực ở phạm vi rộng – bao nhiêu dạng thức tiêu cực và những tác động của các dạng thức tiêu cực này lên linh hồn.

Bất kỳ điều gì làm gia tăng sự chia cắt bên trong một người đều làm rạn vỡ linh hồn, hoặc về phương diện nào đó, làm tiêu hao sức mạnh của linh hồn, song đừng nghi ngờ về tính bất tử của linh hồn. Khi linh hồn “thu nhỏ” bản thân cho hợp với hình hài vật chất nó tái sinh vào, linh hồn đã nắm sẵn “kịch bản” chi tiết về tính toàn diện – con người là một chỉnh thể thống nhất, toàn diện về các mặt. Có thể nói, hiện tồn tại một kiểu mẫu tâm linh có tính di truyền, đó là “con người là một chỉnh thể thống nhất, toàn diện về các mặt”; nên khi bản ngã vận hành chệch khỏi kiểu mẫu di truyền đó thì trực trặc sẽ xảy ra.

Tâm linh - tâm lý học sẽ làm sáng tỏ những tình huống có thể gây rạn vỡ linh hồn. Chẳng hạn, sự bạo tàn, độc ác là một yếu tố làm rạn vỡ linh hồn con người. Vì bản thân linh hồn không thể chịu đựng nỗi sự tàn bạo, nỗi đau khổ, những điều phi lý, việc bị dối lừa, sự thiếu vị tha, lòng đố kỵ, sự thù hận,... Đó là những thứ độc dược, chất ô uế làm suy yếu linh hồn.

Khi bản ngã can dự vào những hành vi này, chẳng khác nào nó tự chuốc độc cho mình hết lần này tới lần khác. Những hành vi này bóp méo, làm nhiễm độc và hủy hoại sức mạnh của linh hồn. Thế nên linh hồn tạo ra một “bản sao” thu nhỏ của mình là bản ngã, đưa nó vào thực tại nhằm gột rửa những nhơ bẩn bám trên linh hồn (thông qua quá trình học hỏi), để cho những linh hồn khác nhìn thấy và giúp đỡ.

Hiểu biết động lực này là trọng tâm cốt lõi của ngành tâm linh - tâm

lý học. Đây là nền tảng để xây dựng ngành tâm linh - tâm lý học: một khi đã thấy được, hiểu được nỗi đau, nó sẽ không bị phản hồi lại bằng sự phán xét, khó chịu, hoặc lảng tránh, mà được nhận ra đó là linh hồn đang trong trạng thái bị rạn vỡ. Tương tự, trong tình huống này, chúng ta hãy chữa lành cho người ấy (bằng sự thấu hiểu chứ không phải bằng lời phán xét, bằng lòng trắc ẩn chứ không phải bằng cảm giác khó chịu, dang tay giúp đỡ chứ không tìm cách lảng tránh). Đừng bỏ chạy trước cái vẻ khó ưa của linh hồn đang trong trạng thái bị rạn vỡ.

Bản ngã của linh hồn bị rạn vỡ không còn khả năng nhận thức. Có sự tương tác không ngừng giữa bản ngã và linh hồn của bạn. Vấn đề là bạn có nhận ra điều đó không. Nếu không, mỗi tương giao sẽ không mang tính trực tiếp nữa mà sẽ phải lưu truyền gián tiếp, bởi vì những dòng năng lượng của linh hồn phải xuyên qua “bức màn” nghi ngờ, thiếu nhận thức dày đặc. Nếu bạn nhận ra sự chỉ dẫn từ bản ngã bậc cao của mình và lĩnh hội nó, sự chấp nhận tiếp thu ấy sẽ giúp khơi thông cho dòng chảy năng lượng từ linh hồn đến bản ngã ngay lập tức – đây là cách học hỏi thông qua sự thông tuệ. Nếu không nhận ra lời chỉ dẫn của bản ngã bậc cao và phủ nhận sự tồn tại của một cấp độ thông tuệ cao hơn, lời chỉ dẫn đó phải đi vào các tình huống, sự kiện diễn ra trên Ngôi Trường Trái Đất – đây là cách học hỏi thông qua nỗi sợ hãi và nghi ngờ, với “học phí” đôi khi rất đắt.

Việc học hỏi thông qua nỗi sợ hãi và nghi ngờ diễn ra như thế nào?

Trước tiên, sự nhận biết thâm nhập vào một bản ngã vô tri thông qua khủng hoảng. Khi một người không được nối kết với nguồn năng lượng thuần khiết của linh hồn, anh ta bắt đầu bị lôi kéo vào những tình huống cuộc đời. Điều đó luôn luôn dẫn đến khủng hoảng nội tâm, bởi vì sức mạnh và sự chỉ dẫn cần thiết đáng ra phải chảy vào thì đã bị chặn bít mất. Khi bản thân không nhận ra, hoặc phủ nhận sự tồn tại của những nguồn thông tuệ cao hơn, nó không thể mở lối cho sự chỉ dẫn và trực giác đi vào. Thế là khủng hoảng xảy ra!

Phải chăng khủng hoảng là yếu tố quyết định cho sự phát triển của chúng ta? Không phải. Hình thức “học hỏi qua khủng hoảng” đã tiến triển thông qua những lựa chọn được thực hiện bởi loài người chúng ta cho đến hiện nay. Song dòng chảy tiến hóa của nhân loại không cần phải bao hàm kiểu mẫu học hỏi này, không cần bao gồm những trải nghiệm đau đớn và tổn thương, những trải nghiệm bạo lực về cảm xúc hoặc thể chất. Sự tiến hóa được dẫn dắt đi theo một trật tự thiên liêng để loài người có thể đạt tới sự toàn vẹn. Đi như thế nào và học hỏi ra sao trên lộ trình tiến hóa được quyết định bởi cách lựa chọn sử dụng và kiểm soát năng lượng bên trong Ngôi Trường Trái Đất. Bởi lẽ loài người

vốn thường hay lấy sự nghi ngờ làm cách thức học hỏi chính, thành thử nỗi nghi ngờ được sinh sôi tràn lan. Do con người đã chọn cách học hỏi thông qua nỗi sợ hãi và nghi ngờ, nên kiểu mẫu hành động tạo Nghiệp quả được thiết lập, theo đó được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Trong bước đường tiến hóa, chúng ta trải nghiệm nỗi sợ hãi, sự thèm khát, sự gắn kết, lệ thuộc vào vật chất, chính những lựa chọn trải nghiệm như vậy (của cả cá nhân, lẫn tập thể) định hình nên con đường tiến hóa phù hợp với hầu hết mọi người chúng ta. Sau bao nhiêu va vấp, thử thách cam go nhằm đạt được uy lực – một cách hiểu sai về sức mạnh đích thực, việc tinh thức trước nhu cầu chạm tới cái gì đó cao hơn giờ đây đã là “lời mòn” cũ kỹ.

Nói cách khác, lâu nay, sự tinh thức của bản ngã trước tiềm năng của linh hồn đã trở nên phụ thuộc vào những hoàn cảnh tước đi sức mạnh ngoại hiện, như: mất mát bạn đời, cái chết của đứa con, hay công việc kinh doanh thất bại... Đối với con người năm giác quan, sự thất bại của sức mạnh ngoại hiện như thế là một cơn khủng hoảng.

Tâm linh - tâm lý học xử lý hoàn cảnh này bằng cách đề cập trực tiếp tới sức mạnh nội tại. Ngành tâm linh - tâm lý học ra đời vào lúc này là rất đúng lúc, bởi vì đây là lúc loài người chúng ta đang tiến hóa vượt khỏi tầm nhận thức bằng năm giác quan, vượt khỏi việc học hỏi thông qua những khám phá thế giới vật chất bằng năm giác quan (tức là sức mạnh ngoại hiện), để tiến vào những trải nghiệm của con người đa giác quan, trải nghiệm về thế giới phi vật chất, và những trải nghiệm về cuộc hành trình chủ động hướng đến sức mạnh nội tại, thông qua những lựa chọn có trách nhiệm cùng sự trợ giúp của lực lượng chỉ giáo và huấn thị phi vật chất.

Bản ngã – dù là của con người năm giác quan – không tích cực, cũng không tiêu cực. Nó là công cụ của linh hồn, là một phần của sự tái sinh. Sự phát triển của năm giác quan là sự phát triển đáng ca tụng, tán dương vì trí tuệ loài người đã được mở rộng, con người có thể học hỏi thông qua sự vật, hiện tượng tự nhiên. Cuộc tìm kiếm sức mạnh ngoại hiện khởi nguồn từ nỗi bất an không phải bởi những giới hạn của con người năm giác quan, mà bởi những lựa chọn của loài người – chọn học hỏi thông qua nỗi sợ hãi và nghi ngờ thay vì học hỏi thông qua sự thông tuệ.

Một lần nữa, loài người đang được trao cho cơ hội lựa chọn cách học hỏi và cách tiến hóa. Đây là thời điểm quý báu để ta đưa ra lựa chọn khác đi. Lần này ta chọn học hỏi về tình yêu thương thông qua sự thông tuệ, bằng con đường nhận thức sáng suốt, rõ ràng, trưởng thành về tâm

linh một cách có ý thức, và sống có ý thức.

Hoàn cảnh và khoảnh khắc hiện tại trên Trái Đất trao cho ta cơ hội giải phóng những hình mẫu không còn cần thiết nữa. Càng có nhiều Ánh Sáng (ý thức) thì bạn càng được khai Sáng, càng có nhiều phương cách lựa chọn khác nhau.

Ngành tâm linh - tâm lý học sẽ ủng hộ cho lựa chọn học hỏi thông qua sự thông tuệ, lựa chọn giải phóng những kiểu mẫu học hỏi theo hướng tiêu cực (như: nghi ngờ và sợ hãi) vốn không còn thích hợp cho việc khám phá “Chúng ta là ai?” và “Chúng ta sẽ trở thành gì?”. Nó sẽ lý giải mối quan hệ giữa bản ngã và linh hồn, sự khác nhau giữa chúng, và cách thức nhận ra sự khác nhau ấy. Tâm linh - tâm lý học sẽ diễn giải rành rõ những tác động của sự tương tác qua lại giữa các cá nhân căn cứ vào những động lực năng lượng vô ngã do bản ngã kích hoạt, đưa vào hành động. Tâm linh - tâm lý học cũng chỉ ra những động lực này có thể được sử dụng cho việc chữa lành như thế nào.

Mỗi sự tương tác giữa các cá nhân với nhau là một phần của động lực học hỏi không ngừng. Khi bạn tương tác với người khác, ảo tưởng – một phần của động lực học hỏi – được sinh ra. Ảo tưởng giúp cho mỗi linh hồn hiểu những điều cần thiết để chữa lành. Ảo tưởng tạo ra những hoàn cảnh cần thiết để đưa những khía cạnh đang đòi hỏi được chữa lành của linh hồn tiến tới sự toàn vẹn.

Ảo tưởng là phương tiện để học hỏi. Nó thuộc về bản ngã, nên bạn sẽ bỏ ảo tưởng lại đằng sau khi bạn từ giả cõi đời, khi bạn trở về cõi. Tuy nhiên, một người sống trong tình yêu thương và Ánh Sáng – nhìn bằng con mắt của linh hồn – có thể thấy rõ ảo tưởng hiện hữu nhưng đồng thời không bị cuốn vào ảo tưởng. Đây là một bản ngã được truyền giao sức mạnh nội tại.

Ảo tưởng có liên hệ mật thiết với nhu cầu của từng linh hồn. Bao giờ cũng vậy, mỗi hoàn cảnh phục vụ cho những ai có liên quan. Bạn không thể, và sẽ không, bắt gặp một tình huống hay khoảnh khắc nào không phục vụ trực tiếp và ngay lập tức cho nhu cầu chữa lành để linh hồn bạn trở nên toàn vẹn. Ảo tưởng cho từng linh hồn được hình thành nhờ vào những ý định của linh hồn. Vì vậy, ảo tưởng sống động trong từng khoảnh khắc với những trải nghiệm thích hợp nhất để chữa lành linh hồn.

Ảo tưởng có tính linh hoạt. Như vậy không có nghĩa là những gì được đồng sáng tạo ra trong ảo tưởng không mang tính độc lập, không có ý nghĩa, vai trò riêng đối với từng linh hồn tham gia hình thành. Nó có nghĩa là: Mọi nhận thức đều giúp chữa lành. Hiểu Ảo tưởng xuất hiện như thế nào, Vận hành ra sao, Những động lực gì ẩn chứa đằng sau và Vai trò của nó trong sự tiến hóa của linh hồn là trọng tâm nghiên cứu của ngành tâm linh - tâm lý học.

Ngành tâm linh - tâm lý học tách bạch bản ngã con người khỏi ảo tưởng, để nhìn ảo tưởng bằng sự hiểu biết rõ ràng và để thấy nó đang vận hành như thế nào. Chẳng hạn như, một người có kiến thức uyên thâm về y học hiện đại hẳn sẽ có khả năng sống chung với cư dân châu Âu trong thời kỳ đại dịch hạch mà không bị đại dịch ảnh hưởng; tương tự, một người có kiến thức về ảo tưởng và biết nó hoạt động như thế nào cũng có thể sống trong ảo tưởng đó nhưng không bị “nhuộm màu”.

Bệnh dịch hạch là một bệnh truyền nhiễm tối nguy hiểm do trực

khuẩn *Yersina pestis* gây ra, bệnh lây truyền sang người qua trung gian bọ chét nhiễm khuẩn (loài bọ chét sống ký sinh trên những loài gặm nhấm, chủ yếu là chuột). Ngày nay con người đã hiểu biết rõ căn bệnh này, nhưng thời bấy giờ thì không. Bằng cách giữ gìn sạch sẽ môi trường sống nhằm dẹp bỏ những nguồn thu hút loài gặm nhấm, thực hiện vệ sinh cá nhân, thì một người không những có thể sống sót qua khỏi bệnh dịch hạch mà còn giữ cho người khác được an toàn.

Khi chúng ta trải nghiệm nỗi sợ hãi, cơn giận dữ, hay lòng đố kỵ, chúng ta đang ở trong một ảo tưởng được sinh ra nhằm làm “lộ diện” những phần của linh hồn đòi hỏi phải chữa lành. Những loại cảm xúc tiêu cực này không thật sự tồn tại, bởi vì chúng không kéo dài lâu. Chính vì vậy mà dung dưỡng chúng sẽ không mang lại sức mạnh. Cái tồn tại giữa những linh hồn là tình yêu thương, và tình yêu thương mới thật sự tồn tại. Hiểu được như vậy, bản ngã có khả năng duy trì nhận thức dù đang ở bên trong ảo tưởng, chủ ý chấp nhận cơ hội chữa lành mà ảo tưởng hé lộ, đồng thời cũng giúp người khác chữa lành.

Ảo tưởng nắm giữ sức mạnh chi phối bạn khi bạn không thể nhớ rằng mình là một linh hồn mạnh mẽ, trải nghiệm những điều diễn ra trong “cõi” vật chất này vì mục đích học hỏi. Ảo tưởng có sức mạnh chi phối bạn khi bạn bị lôi kéo bởi những ham muốn, cơn bốc đồng và hệ giá trị của bản ngã. Nó có uy lực chi phối bạn khi bạn sợ hãi, căm ghét, buồn phiền, chán nản, khi bạn bị vùi dập bởi cơn thịnh nộ hoặc kiệt quệ trong trận tam bành. Ảo tưởng sẽ không còn uy lực chi phối bạn khi bạn yêu thương, khi lòng trắc ẩn rộng mở trái tim bạn đón nhận mọi người, khi sức sáng tạo của bạn tuôn tràn tự do trong niềm vui sướng vào khoảnh khắc hiện tại. Nói cách khác, ảo tưởng không có uy lực chi phối một bản ngã hoàn toàn đồng điệu với linh hồn của nó.

Ảo tưởng được điều khiển, được định hình ban đầu bởi luật Nhân - Quả, động lực năng lượng vô ngã. Biểu hiện của từng bản ngã, cùng những ý định vô thức được sinh ra theo bản ngã, được quyết định bởi Nghiệp (karma) của chính linh hồn. Sau đó, những ý định này định hình nên ảo tưởng cho bản ngã, định hình nên thực tại của bản ngã ấy trong Ngôi Trường Trái Đất, cho tới khi chúng được thay thế bởi những ý định khác (vô thức hoặc có ý thức). Nếu những phản hồi của bản ngã tạo thêm Nghiệp cho linh hồn, và nếu Nghiệp – vốn góp phần hình thành nên bản ngã hiện tại – không thể được thanh toán hết trong kiếp đời của bản ngã, “món nợ” cũ này sẽ đóng góp vào việc hình thành một bản ngã khác (trong kiếp đời sau), và những ý định của bản ngã khác lại tiếp tục tạo ra ảo tưởng, tạo ra thực tại phù hợp để nó học hỏi trong Ngôi Trường Trái Đất.

Thậm chí sau khi một người bắt đầu có ý thức và nhận biết được ảo tưởng hay bài học mình cần vượt qua, và theo đó đưa ra những ý định riêng, thì những món nợ Nghiệp của linh hồn vẫn phải được trả. Nợ là Nợ! Người tỉnh thức hiểu điều này, cho nên không phản hồi lại những trải nghiệm và những sự kiện diễn ra trong cuộc đời bằng sự giận dữ, sợ hãi, phiền não, tị hiềm – những thứ tạo thêm Nghiệp xấu cho linh hồn; mà họ phản hồi với lòng trắc ẩn và tin cậy – cơ hội Vũ Trụ trao cho trong từng khoảnh khắc để phục vụ cho nhu cầu chữa lành của linh hồn. Mỗi người lựa chọn phản hồi như thế nào sẽ thu hút về phía mình những linh hồn khác có cùng tần số ý thức như vậy.

Theo quy luật Hấp dẫn, mỗi người sẽ thu hút về mình những người có ý thức cùng tần số. Tần số giận dữ thu hút tần số giận dữ, tần số tham lam hút tần số tham lam, cái tiêu cực hút cái tiêu cực, tình yêu thương hút tình yêu thương, v.v. Vì vậy, thế giới của người giận dữ đầy rẫy những người cuồng nộ, thế giới của người tham lam đầy rẫy những kẻ tham lam, và người yêu thương sống trong thế giới của những người có tấm lòng chia sẻ.

Có thể nói, luật Hấp dẫn tạo ra một “tổ kén - năng lượng” tương ứng bao xung quanh từng người, để khi họ cố gắng chữa lành thói giận dữ, sợ hãi, hay đố kỵ của mình, thì tiến trình biến đổi hình thái để trở nên toàn vẹn sẽ được đẩy nhanh về cường độ và tốc độ, trở thành trọng tâm của nhận thức. Họ thấy cơn giận dữ, hay nỗi sợ hãi của mình không chỉ hiện hữu bên trong bản thân, mà còn nhan nhản ở xung quanh. Nếu họ ý thức lựa chọn chữa lành “căn bệnh” giận dữ, hay sợ hãi của mình, thì những hoàn cảnh, tình huống trước mắt sẽ giăng đầy thử thách, như là sự phản hồi đầy lòng trắc ẩn của Vũ Trụ trước những khát khao trở nên toàn vẹn của linh hồn.

Khi cơn giận dữ, hay nỗi sợ hãi trong bản thân nổi lên, thế giới xung quanh sẽ phản ánh cơn giận dữ, hay nỗi sợ hãi cần được phải chữa lành. Từ đây, con người thấy rằng họ đang tự tạo ra những trải nghiệm và nhận thức cho riêng mình, rằng cơn giận dữ “chính đáng” hay nỗi sợ hãi “có căn cứ” khởi phát từ bên trong chính mình. Nhờ vậy, tự thân con người có thể thay thế những nhận thức và trải nghiệm của mình theo hướng khác đi.

Giống như tần số giận dữ kích hoạt một tần số tương tự trong ý thức của những người xung quanh, thì tần số yêu thương cũng đánh thức những tần số tương tự. Chính ý định quyết định đến kết quả. Nếu những gì bạn trao cho người khác không biểu lộ sự thông cảm, không thể hiện sự ủng hộ, hoặc không củng cố sức mạnh tinh thần cho họ, thì nó sẽ gặp phải một cản lực đối trọng với nguồn năng lượng cố gắng triệt tiêu sức

mạnh hoặc kiểm soát người khác (ví dụ như năng lượng tức giận). Bị xa lánh và hứng chịu thái độ lạnh nhạt từ mọi người luôn là kết quả của việc theo đuổi sức mạnh ngoại hiện.

Động lực của sự căm dỗ và sự lựa chọn có trách nhiệm vận hành theo hướng sau:



Hệ thống cảm xúc của con người có thể được phân định rạch ròi

thành hai yếu tố: sợ hãi và yêu thương. Tình yêu thương thuộc về linh hồn, còn sợ hãi thuộc về bản ngã. Áo tướng của mỗi người (mỗi bản ngã) được khởi nguồn và được duy trì bởi những cảm xúc “hậu duệ” của sợ hãi, như là: tị hiềm, giận dữ, thù hận, căm ghét, cô đơn, bức bối, muộn phiến, ân hận, tội lỗi, phần nộ,... cùng với cảm xúc tự ti và trịch thượng. Những cảm xúc này dẫn tới những hành vi tương ứng như: ích kỷ (với con người, với loài vật, với Trái Đất và với những giới khác trên Trái Đất), lợi dụng người khác (trong kinh doanh, trong quan hệ lứa đôi, về cảm xúc), lừa dối, thống trị, bạo lực, tàn nhẫn, nôn nóng, nhạo báng và phán xét.

Khi con người ở trong trạng thái vô thức, cảm xúc sợ hãi, hoặc những cảm xúc “hậu duệ” của nỗi sợ hãi, gieo mầm cho kiểu hành vi tiêu cực vốn sẽ mang lại Nghiệp xấu cho linh hồn. Chẳng hạn, lòng tị hiềm có thể dẫn tới hành vi lừa dối hay nhạo báng, đó là những hình thức biểu hiện của sự thống trị, cường quyền hay bạo lực; thói tham lam có thể dẫn đến sự nôn nóng, một hình thức biểu hiện của lòng ích kỷ, phán xét, hoặc lợi dụng người khác.

Nếu không ý thức về cái phần đang giận dữ trong chính bạn, nếu không nhận ra bạn là một nhân cách bị phân mảnh, bạn sẽ bộc lộ ra cái phần tức giận ấy một cách thiếu cân nhắc. Bạn sẽ nổi xung thiên, hoặc “co vòi” trốn chạy, hoặc phi báng, hoặc biểu thị nỗi sợ hãi của bạn theo cách thức tinh tế hay lộ liễu nào đó. Năng lượng sợ hãi từ bạn sẽ lan tràn ra xung quanh và thâm nhập vào “bầu” năng lượng tập thể, thế là Nghiệp xấu được sinh ra. Khi bạn đối mặt với những hệ quả do cơn giận dữ mình gây ra, khi chúng quay trở lại với bạn theo luật Nhân - Quả và luật Hấp dẫn, thì bạn (hoặc bản ngã của linh hồn bạn) cuối cùng sẽ học được cách thức phản hồi khác đi trước những cảm xúc tiêu cực “con cháu” của nỗi sợ hãi.

Như ta thấy, ẩn sau nỗi sợ là cảm giác bất lực, thiếu vắng sức mạnh sức mạnh nội tại. Song không thể lấp đầy những khoảng trống nội tâm bằng nguồn lực bên ngoài. Cuối cùng, bạn sẽ hướng về nguồn sức mạnh nội tại, cho dù không ở kiếp đời này thì cũng sau một ngàn kiếp đời nữa. Đây là cách học hỏi vô thức, một hình thức học hỏi bằng cách ném trải những trải nghiệm được tạo nên bởi những phần vô thức của con người, và học hỏi thông qua những trải nghiệm sinh ra từ sự phản hồi vô thức trước những trải nghiệm ấy.

Nếu một người (bản ngã, nhân cách) nhận biết được tình trạng phân mảnh của mình, họ không chỉ nhận ra những khía cạnh đang sục sục tức giận ở bản thân và nóng lòng đòi báo thù, mà còn nhận ra cả những khía cạnh giàu lòng trắc ẩn và thấu hiểu, họ sẽ hưởng lợi từ động lực của

sự cảm dỗ. Chẳng hạn như, họ có khả năng nhìn thấy trước những hệ quả của việc hòa vào tần số năng lượng giận dữ đang chạy qua hệ thống năng lượng; họ có khả năng biết trước cơn giận, và quyết định xem có đáng để bộc lộ nó ra ngoài hay không; họ còn có thể thấy trước dòng năng lượng giận dữ đang tìm hướng bộc lộ ra bên ngoài trong lúc đó sẽ ảnh hưởng thế nào đến bản thân người sinh ra và những người xung quanh, cũng như tác động đến việc thể hiện sự thấu hiểu và lòng trắc ẩn.

Người vô thức không nhận biết được rằng trong khoảnh khắc giận dữ hoặc cuồng nộ, có những khía cạnh bên trong bản thân mong muốn phản hồi với lòng trắc ẩn và sự thấu hiểu. Phải chăng những ai đang sống trong nỗi giận dữ, sợ hãi, hay tị hiềm, đang phải ném trái nõi cô đơn và sự ghê lạnh do hành vi trút xả cơn giận, lại không khao khát cảm giác ấm áp của tình người, tình bằng hữu, khao khát có những mối quan hệ tốt đẹp, sâu sắc hay sao?

Nếu một bản ngã bị cảm dỗ quyết định chuyên hóa theo hướng trở nên yêu thương, rõ ràng, sáng suốt, trắc ẩn, nó sẽ đạt được sức mạnh. Dần dà, xuất phát từ những quyết định có ý thức, cơn giận dữ, thịnh nộ, hay ý muốn trả thù sẽ mất đi uy lực “tác oai tác quái”, và bản ngã sẽ được chuyên hóa mạnh mẽ. Nếu con người vẫn giữ quyết định duy trì tình trạng vô thức, vô trách nhiệm trước những hành động của mình, họ sẽ phó mặc cho dòng năng lượng tiêu cực định hình nên lời nói và hành động. Chính kiểu hành vi tiêu cực này sinh ra Nghiệp xấu.

Hình thức học hỏi này có ý nghĩa gì về mặt ảo tưởng?

Vì hành vi tiêu cực để lại những cảm xúc tiêu cực trong lòng người khác và trong chính bản thân người có hành vi tiêu cực, cho nên chúng ta sẽ có thêm cơ hội gia tăng sức mạnh nội tâm thông qua lựa chọn có trách nhiệm hoặc là tạo ra Nghiệp xấu. Nghiệp xấu có nghĩa là: người nào lựa chọn hành vi tiêu cực sẽ trải nghiệm cùng hành vi tiêu cực như thế từ người khác. Một lần nữa, ta có cơ hội quyết định từ bỏ hay là tiếp tục duy trì hình thức học hỏi từ vấp vấp như thế.

Hình thức học hỏi này là một ảo tưởng. Bạn và những linh hồn có liên quan đã đồng thuận (với lòng trắc ẩn và sự thông tuệ) dự phần vào những động lực học hỏi trên Ngôi Trường Trái Đất để chữa lành nội tâm. Nhưng trong thực tại phi vật chất không hề tồn tại thời gian, không gian và cả cơn giận dữ, nỗi sợ hãi, tị hiềm để học hỏi. Khi bạn trở về cõi, ảo tưởng sẽ ngừng lại.

Như vậy, bạn sẽ đánh giá linh hồn tham gia vào tiến trình học hỏi này như thế nào? Bạn có rút ra được điều gì khi nhận định: “Điều này sai rồi!”, “Cái kia xứng đáng!”, “Xem này, cô ấy đã thành công!” và “Kia

kìa, anh ta đã ném mùi thất bại!”? Không thể phán xét sự học hỏi của linh hồn. Giống như khi bạn tự hỏi “Con giận của tôi bắt nguồn từ đâu?” và nhận ra rằng cảm xúc tức giận nảy bật từ vô số động lực, một vài trong số những động lực này đã được kích hoạt từ cách đây nhiều thế kỷ rồi, hoặc còn lâu hơn nữa; bây giờ, bạn đang tìm cách giải phóng nguồn năng lượng tức giận tích tụ lâu ngày để chữa lành linh hồn bạn và thanh toán tài khoản Nghiệp cũ. Như vậy, bạn không thể đóng vai trò “quan tòa” để phán xét một trải nghiệm giận dữ đơn lẻ.

Bạn và những linh hồn khác tham gia vào tiến trình chữa lành theo ý chí riêng. Đây là sự công bằng không phán xét. Không thể phán xét tiến trình tiên hóa của linh hồn, ngoại trừ nhận ra rằng linh hồn đang hướng tới tình yêu thương.

Nhìn qua con mắt phán xét đúng - sai, thành công - thất bại không phải là cách nhìn của Vũ Trụ. Làm sao bạn biết “thành công” có nghĩa là gì? Bạn có thấy rõ nguyên nhân và kết quả cho những lời nói và hành động của bạn không? Không biết thành công là gì, vậy làm sao bạn có thể tưởng tượng được thất bại trông ra sao? Cái được gọi là “thất bại” đơn giản chỉ là một nguyên nhân đi kèm theo kết quả, thể hiện tiến trình Nhân - Quả đang vận hành. “Thất bại” và “thành công” là sản phẩm của trí tưởng tượng “phong phú”. Chúng không thật sự tồn tại xét từ góc độ chân lý, mà chỉ tồn tại ở góc độ phán xét.

Làm sao bạn có thể nói cái gì bên trong ảo tưởng là xứng đáng, có giá trị và cái gì thì không? “Không xứng đáng, không có giá trị” tức là bị phán xét là không toàn hảo, nhưng hãy nhìn quanh bạn đi! Bạn có thấy ai đạt đến sự toàn hảo không? Hay là con người chỉ toàn hảo và xứng đáng trong tiến trình của mình? Chỉ có tiến trình là luôn luôn toàn hảo và xứng đáng; trong tiến trình đó, bạn làm tròn nghĩa vụ của bạn.

Giữa muôn trùng ảo tưởng, làm sao có thể biết được nên đi theo hướng nào và không nên đi theo hướng nào?

Hãy tự hỏi: “Sự khác nhau giữa những nhu cầu cốt yếu và nhu cầu ngoại tại (nhu cầu giả tạo) của bạn là gì?”, “Nhu cầu thật sự của bạn là gì?”, “Điều gì ẩn sâu bên dưới nhu cầu do bạn tạo ra vì lý do này, lý do kia nhằm mục đích kiểm soát, khống chế người khác, hay để gây sự chú ý?”. Hãy suy nghĩ về những điều này. Hãy tự hiểu mình thật sâu sắc và rõ ràng, đủ mức để nhận ra đâu là nhu cầu hợp lý của bạn, với tư cách là loài người, và đâu là nhu cầu do phần nào đó trong bạn tạo ra để phục vụ cho những lý do cụ thể khác (ví dụ, lý do tạo sự lôi cuốn, hấp dẫn bề ngoài, tạo uy danh hay trở thành một cá nhân nổi bật). Hãy học cách nhận diện ra những điều này và lựa chọn xem bạn muốn sống với nhu cầu nào.

Chẳng hạn, cảm giác bực bội trước tiếng ồn từ nhà hàng xóm là hệ quả của một nhu cầu xác thực chưa được đáp ứng, hay của một nhu cầu ngoại tại? Khó chịu về tiếng ồn xe cộ, hoặc ao ước được người bán hàng ở tiệm tạp hóa đối xử nhã nhặn với bạn, phản ánh nhu cầu cốt yếu hay nhu cầu ngoại tại?

Hãy học cách phân biệt những nhu cầu thật sự của bạn (những gì bạn thật sự cần với tư cách là một con người và là một linh hồn) với những nhu cầu bạn đưa ra nhằm đạt được sức mạnh ngoại hiện. Một khi bạn phân biệt rạch ròi được điều này, bạn có thể tách mình khỏi cái tôi giả tạo, và sáng suốt nhận ra bạn sẽ phản hồi và chịu trách nhiệm như thế nào khi cứ để cho những nhu cầu giả tạo chiếm lĩnh.

Những nhu cầu nội tại thuộc về linh hồn. Chẳng hạn, bạn cần yêu thương và được yêu thương; bạn cần bộc lộ khả năng sáng tạo của mình, cho dù trong việc chăm sóc gia đình hay trong việc lãnh đạo quốc gia; bạn cần nuôi dưỡng nội tâm của bạn, cần làm cho bản ngã đồng điệu với linh hồn (một cách có ý thức); bạn cần được tư vấn bởi nguồn Thông Thái vô ngã. Đó là những nhu cầu đích thực của bạn.

Trong khi đó, những nhu cầu ngoại tại thì thuộc về bản ngã (cái tôi giả tạo). Chúng là những nhu cầu do bản ngã chọn lựa nhằm điều khiển môi trường sống. Khi bạn cố gắng đáp ứng đầy đủ những nhu cầu này chứ không để chúng trôi qua đi, bạn có thể tích rất nhiều Nghiệp xấu.

Nhu cầu không đích thực chính là một rào cản. Không quốc gia, hay cá nhân nào cần đến nhiều nhu cầu như vậy. Chúng chẳng khác nào những rào cản do con người dựng lên với mục đích tích lũy sức mạnh ngoại hiện. Có thể nói, lợi ích sẽ nhận được đằng sau việc đưa ra những nhu cầu giả tạo là uy lực tạm thời. Hãy quan sát và bạn sẽ thấy tình trạng này đang diễn tiến ở khắp mọi nơi – trong cuộc sống hôn nhân, trong những mối quan hệ quốc tế, và trong mọi cuộc xung đột.

Bạn không thể trải nghiệm sự xuất hiện trọn vẹn của linh hồn khi bạn bị che phủ bởi những nhu cầu giả tạo. Khi điều đó xảy ra, tất cả những gì bạn thấy chỉ là những nhu cầu giả tạo, và cảm thấy chúng thật quan trọng, thật thiết yếu đối với bạn. Nhưng chúng có thật sự quan trọng đến thế không? Bạn có biết những nhu cầu không đích thực làm tiêu hao năng lượng của bạn như thế nào không? Chừng nào những ưu tiên của bạn còn bắt nguồn từ cái tôi thấp kém, chừng đó bạn không thể trực tiếp chạm đến linh hồn.

Vũ Trụ là nguồn cung cấp làm thỏa mãn những nhu cầu đích thực cho bạn. Chẳng hạn, bạn luôn luôn được trao cho cơ hội yêu thương và được yêu thương, tuy nhiên, hãy tự hỏi xem bạn đã lãng phí những cơ

hội này bao nhiêu lần trong đời.

Bằng cách học hỏi cách thức đáp ứng cho những nhu cầu đích thực và bằng cách dẹp những nhu cầu giả tạo qua một bên, xem chúng như là những cơ chế phòng thủ không cần thiết, bạn sẽ trở nên cởi mở hơn, hiểu biết hơn và động lòng trắc ẩn với người khác hơn. Luôn có sự cho và nhận diễn ra hết sức tự nhiên trong lộ trình cuộc đời của mỗi người. Mỗi con người đều có những nhu cầu đích thực và nhu cầu không đích thực. Bạn bắt đầu học cách cho và nhận khi bạn hiểu biết cái gì là nhu cầu đích thực, và học cách thỏa hiệp, cho qua đi, và vượt lên những nhu cầu không xác thực, không nâng tâm phát triển của bạn.

Một khi đã biết rõ những nhu cầu đích thực của mình, bạn sẽ thấy rằng điều bạn thực sự đang cảm thấy bị đe dọa là sợ mất mát cái cảm giác mạnh mẽ nhất thời có được sau khi đáp ứng nhu cầu giả tạo. Thay vì trực tiếp nêu ra điều mình đang cần, bạn lại tạo ra một nhu cầu giả tạo phát ngôn thay cho bạn. Hãy học cách chú tâm vào nhu cầu đích thực để bạn không gồng gánh thêm những món nợ Nghiệp sinh ra những kiểu mẫu hành vi không đúng với bản chất thật của bạn, làm bạn lẫn lộn, mù quáng tạo ra những cá tính giả tạo bắt buộc bạn phải sống theo.

Hãy bắt đầu bằng cách theo dõi thật kỹ những nhu cầu đang bộc phát trong bạn – nhu cầu nào là thật, nhu cầu nào không thật; và với những nhu cầu giả tạo, hãy chuẩn bị trải nghiệm những cảm xúc tiêu cực đi kèm. Tách mình khỏi những cảm xúc tiêu cực để bạn không còn bị chúng làm cho mù quáng nữa. Bước xa khỏi chúng, cứ để chúng trôi dạt bên trong bạn nhưng không chuyển thành những hành vi, những suy nghĩ tiêu cực và né tránh cảm xúc, cũng như tất cả những động thái phản hồi khác mà chúng tạo ra bên trong bạn. Hãy đứng tách ra khỏi chúng, và mỗi lần bạn có thể thấy chúng, bạn sẽ càng lúc càng tách rời với chúng hơn.

Từ đây, bạn bắt đầu có khả năng nhìn thấy ảo tưởng đang vận hành; đó là một phần của sức mạnh nội tại.

15: Sức mạnh nội tâm

Bản chất của sức mạnh là gì? Thế nào là người có sức mạnh thật sự?

Sức mạnh ở đây không phải là khả năng áp đặt ý chí chủ quan của bạn lên người khác. Không có sự an toàn thật sự từ nội tâm trong loại sức mạnh áp đặt ấy. Kiểu sức mạnh mang tính áp chế như thế lệ thuộc vào thời gian, cho nên khi thời gian thay đổi, nó cũng thay đổi theo. Bạn có một cơ thể cường tráng không ai bì được? Bạn được phú cho một nhan sắc có thể làm “khuynh nước khuynh thành”? Bạn sở hữu một trí thông minh có thể điều khiển, khống chế người khác? Nếu mai kia chúng không còn, bạn sẽ làm gì?

Nếu bạn không cảm thấy thoải mái trong thế giới này, tức là bạn đang sống với tâm trạng nơm nớp một nỗi sợ hãi của người không bao giờ thật sự thu thái và tận hưởng cuộc sống. Không có sức mạnh trong nỗi sợ hãi, hay trong bất cứ hành động nào khởi phát từ nỗi sợ. Quân đội La Mã đã biến mất từ hơn ngàn năm trước, nhưng sức sống của những người bị các chiến binh La Mã sát hại vẫn tiếp tục định hình sự phát triển của loài người chúng ta. Vậy, ai thật sự có sức mạnh?

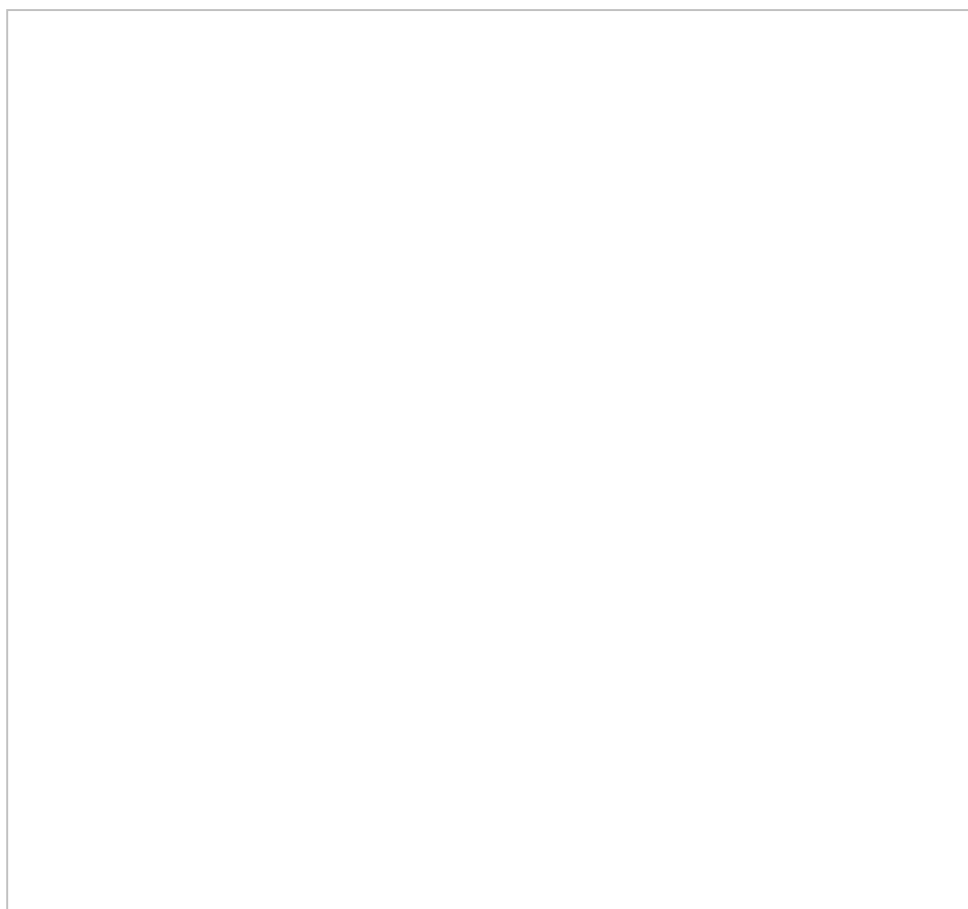
Bạn chỉ có sức mạnh với những gì bạn ủng hộ. Bạn ủng hộ việc có nhiều tiền hơn trong ngân hàng và sở hữu một ngôi nhà nguy nga, lộng lẫy hơn? Bạn muốn là một người bạn đời quyến rũ? Bạn cố vũ cho việc áp đặt ý nghĩ của cá nhân lên người khác? Những hình thức ủng hộ đó thuộc về cái bản ngã (cái tôi) cố gắng thỏa mãn những ước vọng của nó. Vậy, bạn có quan điểm ủng hộ sự toàn hảo, vẻ đẹp, và lòng trắc ẩn của linh hồn? Bạn ủng hộ cho sức mạnh của tình yêu thương và sự sáng suốt của trí tuệ? Bạn ủng hộ cho lòng vị tha và tính khiêm nhường? Những hình thức ủng hộ này thuộc về bản ngã trùng khớp với linh hồn nó. Đây là quan điểm của bản ngã có uy lực đích thực.

Sức mạnh là nguồn năng lượng được hình thành từ những ý định của linh hồn. Nó là Ánh Sáng được định hình từ những ý định yêu thương và trắc ẩn (được định hướng bởi sự thông tuệ). Sức mạnh là nguồn năng lượng được tập trung cho việc hoàn thành những nhiệm vụ của linh hồn trên Trái Đất, và tập trung vào việc phát triển bản ngã thành một công cụ thích hợp của linh hồn để hoàn tất những nhiệm vụ đó. Sức mạnh là nguồn lực định hình ảo tưởng thành những hình ảnh chân thật của linh hồn, không phải hình ảnh của bản ngã (cái tôi).

Điều này có nghĩa là gì?

Giữa các linh hồn có sự trao đổi năng lượng liên tục với nhau. Việc trao đổi năng lượng bị gián đoạn khi nhân cách bị phân mảnh. Năng lượng (sức mạnh) này bị thất thoát thông qua những mảnh nhân cách rời rạc. Nếu một phần nào đó trong bạn sợ bị mất việc làm, phần khác sợ đánh mất mối quan hệ, và phần khác nữa sợ đối đầu với một đồng nghiệp khó ưa, thì sức mạnh từ bạn chảy đi một cách thiếu kiểm soát. Đây là cách vận hành của những động lực năng lượng trong một bản ngã bị thất thoát sức mạnh.

Khi năng lượng tuôn chảy trong nỗi sợ hãi hoặc thiếu tin cậy, bạn trải nghiệm cảm giác đau đớn hoặc không thoải mái ở phần nào đó trên cơ thể liên quan đến trung tâm năng lượng khởi hệ thống năng lượng của bạn qua trung tâm năng lượng thứ 3. Sự mất mát khí lực gây ảnh hưởng đến những bộ phận xung quanh trên cơ thể. Chẳng hạn, khí lực thất thoát thông qua trung tâm này có thể gây ra chứng khó tiêu. Nếu tình trạng này chuyển sang kinh niên hoặc cấp tính, nó có thể gây viêm loét dạ dày.



Chẳng hạn, khi bạn lo sợ “khả năng yêu thương” và “được yêu thương” của mình bị đe dọa, khi bạn sợ “bộc lộ tình cảm của mình” hoặc sợ “đón nhận tình cảm từ người khác”, bạn cảm thấy đau tức hoặc có

cảm giác phập phồng ở vùng ngực, gần tim. Cảm giác giống hệt như cơn đau tim đó là trải nghiệm sức mạnh rời khỏi bạn trong nỗi sợ hãi và thiếu tin cậy qua trung tâm năng lượng thứ 4. Bạn bị mất đi người bạn đời, mất con, hay mất đi người thân thiết? Hãy rà soát trải nghiệm của bạn. Xác định rõ bạn đang cảm thấy gì. Bạn sẽ nhận ra cơn đau ở quanh vùng ngực. Đó là trải nghiệm khí lực rời khỏi cơ thể bạn qua trung tâm năng lượng ở vùng ngực. Cơn đau này giống như cơn đau tim, biểu hiện của việc thất thoát khí lực thông qua trung tâm năng lượng thứ 4. Việc thất thoát khí lực diễn ra kinh niên hoặc cấp tính qua trung tâm này có thể gây ra cơn đau tim thật sự. Nó không chỉ gây ra chứng nhồi máu cơ tim, đột quy, mà còn sinh cholesterol trong máu hoặc những trục trặc khác của cơ thể.

Tình trạng suy kiệt và hoạt động bất thường của cơ quan nào đó trong cơ thể hoặc bệnh tật đều có thể được hiểu là sự mất mát sức mạnh thông qua một trong những trung tâm năng lượng trong cơ thể. Chẳng hạn như, bạn mất sức mạnh khi bạn nổi cơn thịnh nộ trước sự bất công, khi bạn bị người khác đe dọa, khi bạn tự cô lập mình với mọi người do căm phẫn, cay đắng, thất vọng, tự ti hay ngạo mạn, khi bạn mộng tưởng về ai đó hoặc thèm muốn cái gì đó, khi bạn đau buồn, khi bạn tị hiềm với người khác,... Ẩn bên dưới tất cả những điều ấy là nỗi sợ “bị tổn thương”, sợ “không có khả năng đối phó với hoàn cảnh” nếu thiếu vắng người nào đó hay điều kiện nào đó, sợ “bị thiệt thòi” nếu không sinh lòng ghen tị. Bạn sẽ đánh mất năng lượng sống mỗi khi bạn lo sợ.

Bạn sẽ không ngừng mất đi sức mạnh nếu vẫn từ chối thừa nhận nỗi sợ của bạn, nếu bỏ lơ những cảm nhận của mình. Con đường hướng tới sức mạnh nội tại luôn đi qua những cảm nhận của con tim. Vì vậy, đè nén cảm xúc, hoặc xem thường những gì bạn cảm thấy, không bao giờ là thích hợp cả. Nếu bạn không biết mình đang cảm thấy gì, bạn không thể biết bản chất phân mảnh của bản ngã, và bạn không thể thách thức những khía cạnh, những dòng năng lượng không phục vụ cho sự phát triển của bạn.

Bằng cách duy trì nguồn sức mạnh, bạn không trở thành một hệ thống năng lượng tĩnh cứ tích trữ năng lượng cho riêng bản thân, mà trở thành một hệ thống năng lượng ổn định có khả năng đưa ra hành động và ý định một cách có ý thức. Bạn trở thành “thời nam châm” có sức hút mạnh mẽ đối với những người được bạn truyền năng lượng. Vấn đề là phương thức của dòng năng lượng tuôn chảy ra từ bạn như thế nào. Khi dòng năng lượng rời khỏi bạn (theo bất kỳ cách nào) không xuất phát từ lòng tin cậy, sôi nổi, nhiệt tình, nó không thể mang lại cho bạn cái gì ngoài cảm giác đau đớn, lo lắng, bực dọc. Như vậy, người được

củng cố sức mạnh nội tại là người sẽ chỉ phát tỏa năng lượng yêu thương và tin cậy ra xung quanh.

Người được củng cố sức mạnh nội tại có những biểu hiện gì?

Họ rất khiêm nhường. Đây không phải là sự khiêm tốn giả tạo của người bề trên thể hiện đối với người thấp hơn. Người mạnh mẽ từ nội tâm hưởng ứng cái đẹp của mỗi linh hồn, hiểu được sự tái sinh của linh hồn trên Trái Đất qua mỗi bản ngã và qua những hành động của con người. Họ thường không gây hại cho ai, trân trọng và sùng kính sự sống (ở mọi dạng thức biểu hiện). Bạn có quan tâm đến Trái Đất không? Những người khiêm nhường thì không bao giờ gây tổn hại cho Bà Mẹ Trái Đất.

Tính vô hại có nghĩa là gì?

Vô hại nghĩa là bạn mạnh mẽ đến mức bạn không cần làm hại bất kỳ sinh vật nào; bạn có khả năng và tràn đầy sức mạnh đến mức ý tưởng phô trương uy lực qua việc làm tổn hại ai đó hay cái gì đó không tồn tại trong ý thức của bạn. Nếu không thực sự khiêm nhường, bạn không thể có loại sức mạnh nội tại này, bởi vì sức mạnh sẽ ra đi bạn khi bạn cảm thấy tình huống mà bạn đang gặp phải, hoặc người mà bạn đang ở bên, không đáng để bạn lưu tâm.

Linh hồn khiêm nhường bước đi trong một thế giới thân thuộc. Mọi người không phải là người xa lạ đối với họ, mà là những người cùng đồng hành trên Trái Đất. Linh hồn khiêm nhường không đòi hỏi nhiều hơn những gì mình cần, và những gì linh hồn cần đều được Vũ Trụ cung cấp. Linh hồn khiêm nhường hài lòng với nhu cầu đích thực của mình, và không bị đè nặng bởi những nhu cầu giả tạo.

Linh hồn khiêm nhường tự do yêu thương và tự do được là chính mình. Họ không có những chuẩn mực giả tạo để sống theo. Họ không bị cuốn vào những biểu tượng của sức mạnh ngoại hiện. Họ không cạnh tranh thiếu lành mạnh để có sức mạnh ngoại hiện. Như vậy không có nghĩa là họ không được quyền tự hào về những gì mình đã làm tốt, hoặc họ không nên tập trung mọi nỗ lực của mình nhằm đưa ra những kết quả tốt nhất có thể, hoặc họ không cần được những người bạn đồng hành khích lệ khi quyết định hành động phù hợp với hoàn cảnh.

Cạnh tranh có nghĩa là cùng nhau nỗ lực nhằm đạt được điều gì đó, hướng tới mục tiêu nào đó. Nếu điều bạn đang nhắm tới là danh tiếng, sự quan tâm, hay là một chiếc huy chương vàng thay vì huy chương thiếc, thì chính cái tôi (bản ngã) đang cổ xúy, thúc đẩy cuộc đua tranh ấy. Bạn đang cố gắng làm mạnh bản thân bằng thiệt hại của người khác, gia cố thế thượng phong của mình bằng cách đạp đổ người khác. Bằng

cách cô đạt được phần thưởng này hay sự tưởng thưởng kia, bạn đòi hỏi thế giới phải đánh giá và công nhận giá trị của bạn trước khi bạn có thể hiểu đúng giá trị của chính mình. Làm vậy chẳng khác nào bạn để cho giá trị bản thân bị người khác mặc sức định đoạt. Bạn vẫn không có uy lực ngay cả khi sở hữu chiếc huy chương vàng lấp lánh!

Nếu điều bạn tìm kiếm là niềm vui trao đi một cách không do dự, trao đi tất cả những gì bạn có với mục đích tốt đẹp, với niềm vui và với ý thức rằng bạn và những linh hồn khác đang cùng nhau nỗ lực, thì cuộc tranh đua của bạn là sự bộc lộ năng lượng mạnh mẽ, thuần khiết từ linh hồn. Khi khi phẩm chất của linh hồn bắt tử, vượt thoát khỏi ràng buộc thời gian (thay vì là bản ngã và thể xác bị giới hạn thời gian) được tôn vinh, khi việc bạn trao đi không bị ngăn trở bởi nỗi sợ bị tổn thương (mất đi lớp “vỏ bọc” bảo vệ bên ngoài), khi kích cỡ (to/nhỏ, cao/thấp...), màu sắc (huy chương vàng, bạc hoặc đồng; da trắng, đen hoặc vàng...) hay hình dạng (tâm vóc cao to hay dáng vẻ gọn gàng...) của những gì bạn nhận được hoặc không nhận được không còn là vấn đề, thì bạn sẽ biết đến uy lực của một linh hồn khiêm nhường.

Người tràn đầy sức mạnh nội tại là người vị tha. Lòng vị tha ở đây không thuộc về phạm trù đạo đức, mà là một động lực năng lượng, một sức mạnh. Hầu hết những ai thể hiện lòng bao dung, tha thứ thì không muốn người mà họ tha thứ quên rằng họ đã tha thứ và đã quên! Song, đây không phải là lòng vị tha thật sự, nó là một hình thức khống chế người khác (trong trường hợp này là người được tha thứ) một cách khéo léo nhằm phô trương thanh thế, uy lực.

Vị tha có nghĩa là buông bỏ những trải nghiệm đã qua. Nếu không tha thứ, cái trải nghiệm mà bạn không chịu buông bỏ ấy cứ đeo bám lấy bạn. Không tha thứ cũng giống như bạn chấp nhận đeo chết một cặp kính tối đen, thấy mọi thứ xung quanh đều méo mó, lệch lạc; và bạn phải nhìn sự sống qua lăng kính hoen ố mỗi ngày. Bạn mong muốn mọi người nhìn thế giới theo cách của bạn; song chỉ có bạn mới nhìn thấy nó. Bạn đang nhìn qua lăng kính yêu thương ô uế của mình.

Vị tha có nghĩa là bạn không bắt người khác phải chịu trách nhiệm đối với những trải nghiệm của bạn. Nếu bạn không thừa nhận trách nhiệm cho những gì bạn ném trái, bạn sẽ bắt ai đó phải chịu “tội” thay. Và nếu bạn không thỏa mãn với những trải nghiệm của mình, bạn sẽ tìm hướng thay đổi nó bằng cách thao túng người khác. Chẳng hạn, “phản nản, kêu ca” là động lực muốn người khác phải chịu trách nhiệm cho những gì bạn trải qua và phải chỉnh sửa lại mọi thứ cho bạn.

“Phản nản” là một hình thức thao túng, nhưng bạn có thể thoát khỏi mặt tiêu cực này để chuyển sang bước kế tiếp, đó là nhận ra điều gì đó

và chia sẻ với tinh thần góp ý, xây dựng mà không thao túng. Điều nguy hiểm không phải là sự chia sẻ của bạn, mà là ý định ẩn đằng sau. Trước khi chia sẻ, hãy tự hỏi: “Tôi có ý định gì khi chia sẻ điều này?”, “Hiện tôi đang tìm kiếm một sự phản hồi đặc biệt nào đó?”. Hãy dùng những câu hỏi này để đưa thái độ của bạn đi theo hướng đúng, trước khi chuyên ý định “chia sẻ” thành lời nói cụ thể. Khi bạn chịu trách nhiệm cho trải nghiệm của mình và chia sẻ với tinh thần bằng hữu, đó là sự vị tha.

Trái lại, khi bạn bắt ai đó chịu trách nhiệm cho những gì bạn trải nghiệm, bạn đang đánh mất đi sức mạnh. Bạn không thể biết được người khác sẽ làm gì. Vì vậy, khi bạn phụ thuộc vào người khác để có hạnh phúc, bạn liên tục sống trong nỗi sợ hãi rằng có thể họ sẽ không đáp ứng điều bạn mong đợi. Nhận thức cho rằng ai đó phải chịu trách nhiệm cho trải nghiệm của bạn là nền tảng cho ý tưởng: Vị tha là một ơn huệ mà người này trao ban cho người khác. Làm sao bạn có thể tha thứ cho người khác trong khi bạn bước ra khỏi sức mạnh thật sự của mình?

Khi tha thứ, bạn giải phóng năng lượng chỉ trích, phán xét của chính bạn cũng như của người khác. Bạn tỏa sáng. Bạn không bám víu lấy những trải nghiệm tiêu cực xuất phát từ những quyết định bạn đã đưa ra trong quá trình học hỏi trên trường đời. Biểu hiện của sự bám víu những điều đã qua là cảm giác hối hận, hối tiếc. Như vậy, hối tiếc mang tính tiêu cực đến hai lần. Bạn đánh mất sức mạnh khi bạn hối tiếc. Ai nhẹ nhàng hơn, thanh thản hơn – người mãi ôm giữ những chuyện đã qua trong tâm trạng đau buồn, sầu não hay là người có thể tươi cười trước quá khứ? Cùng một hoàn cảnh như nhau, cách phản hồi nào là vô hại? Trái tim vô tư, trong sáng thì luôn nhảy múa. Người ta không thể cười vui khi bị gánh nặng trĩu kéo. Chính trái tim nhảy múa là trái tim vô hại.

Nói vậy không có nghĩa là bạn không cần học hỏi từ những kinh nghiệm đã qua và không ứng dụng nó vào những khoảnh khắc phải đưa ra quyết định. Đây là lựa chọn có trách nhiệm.

Đối mặt trước vô vàn trải nghiệm, kinh nghiệm từ quá khứ, làm thế nào để đưa ra sự lựa chọn có trách nhiệm?

Người có nội tâm mạnh mẽ thường nhận thức và suy nghĩ rõ ràng, thông suốt. Họ nhìn nhận bằng sự thông tuệ nên họ có thể cảm nhận và hiểu được ảo tưởng, và để cho nó thực hiện vai trò của nó.

Sáng suốt là khả năng nhìn vượt qua khỏi những hoạt động của con người, thấy rõ trường lực mạnh mẽ của linh hồn bất tử.

Sáng suốt là có thể nhận ra và hiểu được những động lực phi vật chất khi chúng xuất hiện trong thế giới của thời gian và vật chất này, tức là

làm cho bản ngã trở (nhân cách) nên lành mạnh, hàn gắn lại những mảnh rời của nhân cách và giúp cho linh hồn tiến hóa.

Sáng suốt là hiểu được luật Nhân - Quả và luật Hấp dẫn, hiểu được mối quan hệ giữa chúng với những trải nghiệm của bạn.

Sáng suốt là có thể thấy được vai trò của sự lựa chọn có trách nhiệm, để rồi đưa ra chọn lựa một cách có ý thức trong từng khoảnh khắc.

Sáng suốt là khả năng nhìn thấy linh hồn đang vận động trong thế giới vật chất. Đây là kết quả của việc chọn học hỏi thông qua sự thông tuệ thay vì học hỏi thông qua nỗi sợ hãi và nghi ngờ. Nó cho phép bạn sống với mọi người bằng lòng trắc ẩn thay vì bằng sự phán xét. Bạn có thấy người khác đang tạo Nghiệp cho bản thân bằng cách chọn dòng năng lượng giận dữ và tham lam? Bạn không lựa chọn giống như vậy cho riêng mình chứ? Bạn không cảm thấy mình dễ bị tổn thương? Bạn không công kích người khác? Sáng suốt sẽ mang đến lòng trắc ẩn thật sự và chia sẻ tình cảm quý mến với người khác. Nó cho phép năng lượng của trái tim tỏa lan.

Sáng suốt biến nỗi đau đớn thành sự chịu đựng. Nó nhận thấy động lực của bản ngã là nguyên nhân sinh ra nỗi đau; nhìn thấy mối quan hệ giữa động lực của bản ngã và trải nghiệm đau đớn đối với sự tiến hóa của linh hồn. Sáng suốt là nhận thức rằng tất cả mọi thứ đều được sắp đặt nhằm hướng tới sự toàn vẹn, và mỗi khía cạnh chung quy đều phục vụ cho mục đích học hỏi. Người mạnh mẽ từ nội tâm sẽ nhìn thấy sự toàn hảo trong mỗi tình huống và mỗi trải nghiệm tiến hóa của mỗi linh hồn, cũng như sự trưởng thành của mỗi nhân cách (bản ngã) liên quan. Họ nhìn thấy sự toàn hảo trong mỗi chi tiết nhỏ nhất ở khắp mọi nơi. Bất kể nhìn vào đâu, họ đều thấy bàn tay nâng đỡ, hỗ trợ của Tạo Hóa.

Sáng suốt làm tan biến nỗi sợ hãi. Nó cho phép bạn chọn con đường theo phương nằm dọc (con đường nhận thức) và đi luôn trên con đường đó. Nó cho phép bạn hiểu được những động lực ẩn bên dưới thói nghiện ngập của bạn – những thói nghiện này phục vụ cho mục đích gì và chúng hoạt động ra sao – từ đó đưa ra những lựa chọn giúp tước bỏ mãnh lực của thói nghiện và củng cố thêm sức mạnh cho bản thân. Nó cho phép bạn không chỉ thách thức thế lực mà bạn chưa hiểu rõ (như: sức cám dỗ của rượu, của ma túy, hoặc của việc quan hệ tình dục bất chính), mà còn thách thức những động lực bạn đã rành rẽ nguyên nhân và kết quả của chúng. Nó cho phép bạn lựa chọn một cách có ý thức, biết rõ tại sao bạn lại chọn như vậy.

Sáng suốt cho phép bạn thấy thế giới vật chất tồn tại với ý nghĩa gì – là một môi trường học hỏi được đồng sáng tạo từ ý định của những linh

hồn cùng chia sẻ với nhau môi trường đó. Vì vậy, nó cho phép bạn nhận ra hệ quả của những ý định hình thành nên thực tại cá nhân của mỗi người, và ảnh hưởng của những ý định này đối với việc kiến tạo những tầng nấc thực tại tập thể khác. Chẳng hạn, sự sáng suốt giúp bạn hiểu mối quan hệ giữa các quốc gia được định hình thế nào bởi năng lượng của bản ngã, và được định hình thế nào bởi năng lượng của linh hồn; đồng thời nhận ra rằng năng lượng linh hồn hiện đang bị thiếu ở mọi cấp độ.

Sáng suốt cho phép bạn nhận thấy tiến trình ra quyết định của bản thân có liên hệ mật thiết với sự tiến hóa chung. Bạn thấy mình đang tham gia vào sự tiến hóa của những động lực năng lượng chung thông qua những quyết định bạn đưa ra, ví dụ như: nguyên mẫu “quan hệ hợp tác thiêng liêng”, nguyên mẫu “người đàn ông/phụ nữ/người vợ chân chính”,...

Liệu rằng chỉ mỗi sự sáng suốt thôi đã đủ để dẫn dắt ta tiến đến sự toàn vẹn? Thế những “vết thương” nội tâm để lại sau những trải nghiệm cuộc đời sẽ được chữa lành bằng cách nào?

Người có nội tâm mạnh mẽ luôn sống trong tình yêu thương. Tình yêu là năng lượng của linh hồn, là yếu tố chữa lành nhân cách bị phân mảnh bởi vì không gì không thể được chữa lành bởi “liều thuốc tình yêu nhiệm màu”.

Yêu thương không phải là một trạng thái thụ động. Nó là một nguồn lực chủ động, là trường lực của linh hồn. Tình yêu không chỉ xoa dịu cho những mâu thuẫn, xung đột, và mang lại bình yên. Tình yêu còn mang đến một phương thức sống, phương thức tồn tại khác trong thế giới này. Tình yêu mang lại sự hòa hợp và thật tâm chia vui với niềm hạnh phúc của người khác. Yêu thương là thể hiện sự quan tâm và thái độ ân cần, tử tế. Tình yêu mang đến Ánh Sáng, giúp giúp gột sạch những mối lo âu của con người. Trong Ánh Sáng của tình yêu, duy chỉ có tình yêu tồn tại mà thôi.

Giữa tình yêu thương, sức mạnh và sự chuyển hóa chất lượng trải nghiệm trong Ngôi Trường Trái Đất có mối quan hệ tương hỗ với nhau. Loại sức mạnh mà bạn đang cố gắng chuyển hóa ở bản thân là loại sức mạnh cũng cần được chuyển hóa ở quy mô toàn cầu. Hiện có rất nhiều người đang bị cuốn vào vòng xoáy bạo lực – cả trong ý nghĩ, lẫn hành động. Về cơ bản, tất cả đều sống với ý tưởng rằng: khi người ta cảm thấy yếu thế và thấy mình là nạn nhân, họ muốn dựa cậy vào người khác để cảm thấy mình được tiếp thêm sức mạnh, dù chỉ trong một thời gian ngắn, nhưng thực chất không hề có sức mạnh thật sự trong lựa chọn ấy.

Thông qua sự tiến hóa của ý thức, bằng cách tập trung nhiều hơn vào những lựa chọn giúp củng cố sức mạnh nội tâm, bạn tạo ra khoảng cách cần thiết giữa bạn với những cảm xúc tiêu cực, và tự chữa lành bản thân bằng “phương thuốc” yêu thương.

Tình yêu là năng lượng của linh hồn. Vì vậy, trải nghiệm trao và nhận yêu thương, trải nghiệm sống một cuộc đời đầy ắp tình yêu sẽ làm thỏa mãn nhân cách bị phân mảnh. Đó là những gì mà con người không ngừng hướng tới. Trong khi đó, hướng tới tình yêu một cách vô thức có thể sinh ra giận dữ và sợ hãi. Điều này xảy ra khi con người không thấy rõ mình đang hướng tới cái gì, và đây là trường hợp của thói nghiện.

Chẳng hạn, nếu bạn hướng tới một mối quan hệ xác thân với ai, tức là bạn đang tìm kiếm tình yêu thương. Nhưng kiểu tình yêu đó là ảo tưởng. Bạn đang hướng tới tình yêu nhưng lại không thừa nhận như vậy, để rồi khơi dậy nguồn năng lượng yêu thương sẵn có, cho nên bên trong bạn hiện hữu một nguồn năng lượng giận dữ bởi vì yêu thương – một cấp độ năng lượng và cảm xúc – đang muốn chực trào ra nhưng lại không được mở lối.

Về mặt tâm linh và cảm xúc, sự nối kết tính dục với một người không thể khơi dậy những tình cảm chân thật. Hành vi ấy chính là ngõ cụt vĩnh viễn vì nó không giúp tạo dựng mối quan hệ hoặc làm nảy sinh tình cảm thật. Vì vậy, người trong cuộc tỏ ra hung hãn, thất vọng, và cuối cùng dẫn đến bệnh tật cảm xúc. Tâm bệnh lại sinh ra thân bệnh. Hãy nhớ, bạn luôn nhận được những gì bạn đòi hỏi và yêu cầu.

Đòi hỏi tình yêu thương tức là đòi hỏi năng lượng của linh hồn. Yêu thương cũng là sự quan tâm chân thành đối với người khác. Bạn không thể làm tổn hại người mà niềm hạnh phúc của họ là mối quan tâm của bạn.

Khi bạn vận dụng trí lực của mình hoặc toàn tâm chú ý đến người khác, đó là biểu hiện cho thấy bạn đang hướng tới tình yêu thương, nhưng lại thiết lập lộ trình đến đích thông qua những ý muốn của bản ngã, nghĩa là bạn đang tìm kiếm sức mạnh ngoại hiện. Ở đó chỉ có sự trống rỗng mà thôi! Bạn cố gắng vượt trội hơn người khác. Tuy nhiên, bạn không thể hơn được ai, làm vậy chỉ gây thất thoát sức mạnh của bạn. Càng cảm thấy ít uy lực, bản ngã càng muốn kiểm soát mọi thứ xung quanh. Người thật sự biết yêu thương không cố kiểm soát mà tìm cách nuôi dưỡng, không cố vượt trội mà chỉ muốn tiếp thêm sức mạnh bởi vì tình yêu là dòng chảy năng lượng dồi dào và phong phú của linh hồn liên tục tuôn chảy qua bạn.

Tính khiêm nhường, lòng vị tha, sự sáng suốt và tình yêu thương là

những động lực mang lại sự tự do, thanh thản, là nền tảng củng cố vững chắc cho sức mạnh nội tại.

Mỗi linh hồn xuất hiện trên Trái Đất đều mang theo những món quà. Linh hồn tái sinh không chỉ để chữa lành, để cân bằng năng lượng và trả những nợ Nghiệp, mà còn đóng góp phần đặc biệt của nó theo những phương cách đặc thù.

Trước khi tái sinh, mỗi linh hồn đồng ý thực hiện những nhiệm vụ nhất định trên Trái Đất. Linh hồn đưa ra một thỏa hiệp thiêng liêng với Vũ Trụ nhằm hoàn tất những mục tiêu cụ thể. Linh hồn thực hiện thỏa thuận này trong toàn bộ tiến trình tồn tại. Chính vì thế, khi một linh hồn hoàn tất mục tiêu của mình, những linh hồn đồng loại sẽ nhận ra và tôn vinh sự giàu có, đặc biệt trong kiếp đời tồn tại của linh hồn (thông qua bản ngã), cả về vật chất lẫn tinh thần.

Mỗi linh hồn tự đảm trách một nhiệm vụ cụ thể. Nhiệm vụ đó có thể là chăm sóc gia đình, truyền bá tư tưởng thông qua các tác phẩm, giáo dục ý thức cho cộng đồng, thức tỉnh nhận thức về sức mạnh của tình yêu thương ở cấp độ quốc gia, hoặc đóng góp trực tiếp vào sự tiến hóa về mặt ý thức trên cấp độ toàn cầu,... Cho dù linh hồn bạn chấp thuận thực hiện nhiệm vụ nào, cho dù “giao kèo” giữa linh hồn với Vũ Trụ là gì, thì tất cả những trải nghiệm trong cuộc đời bạn đều nhằm đánh thức ký ức về một thỏa thuận được khắc ghi bên trong bạn, và để chuẩn bị cho bạn hoàn thành nó.

Người bị tước sức mạnh không thể hoàn tất nhiệm vụ của linh hồn. Họ mòn mỏi mong chờ và tiêu tụy đi trong sự trống rỗng nội tại. Họ cố công tìm cách tự lấp đầy bản thân bằng sức mạnh ngoại hiện, nhưng điều đó sẽ không làm họ thỏa lòng. Cảm giác trống rỗng, mát mát, hoặc cảm giác có gì đó sai trái, không thể được chữa lành bằng cách làm thỏa mãn những ước muốn của nhân cách bị phân mảnh. Việc làm thỏa mãn những nhu cầu vốn nảy sinh từ nỗi sợ hãi sẽ không giúp bạn đạt được mục đích bù lấp những khiếm khuyết nội tâm. Con người luôn khao khát mãnh liệt năng lượng của linh hồn. Chỉ khi họ bắt đầu bước đi trên con đường mà linh hồn đã lựa chọn, họ mới thỏa mãn được niềm khao khát.

Vì vậy, việc củng cố sức mạnh nội tại và hoàn tất những nhiệm vụ của linh hồn trên Trái Đất không phải là hai động lực tách rời nhau. Củng cố sức mạnh nội tại là việc làm cần thiết để hoàn thành sứ mệnh của linh hồn, đồng thời tạo sự hòa hợp giữa linh hồn bạn với Vũ Trụ, vì khi làm vậy, bạn được tiếp thêm sức mạnh. Bạn và nhiệm vụ của linh hồn bạn

trên Trái Đất sẽ cùng nhau mở rộng.

Khi linh hồn tái sinh sang một kiếp đời khác, ký ức của nó về bản “giao kèo” với Vũ Trụ trở nên mờ nhạt đi. Ký ức rơi vào trạng thái ngủ yên, chờ những trải nghiệm kích hoạt trở lại. Không nhất thiết đây phải là những trải nghiệm mà bản ngã sẽ lựa chọn. Tuy nhiên, chúng cần thiết cho việc kích hoạt nhận thức về sức mạnh và nhiệm vụ của linh hồn trong ý thức của con người, và là bước chuẩn bị cần thiết để con người (nhân cách/ bản ngã) thực hiện nhiệm vụ đã thỏa thuận.

Những nhiệm vụ linh hồn đã cam kết thực hiện được lưu giữ lại trong ký ức. Làm thế nào để nhận biết được điều này?

Khi những việc bạn đang làm tương đồng, hài hòa với phần sâu xa nhất trong nội tâm bạn, khi những hoạt động và hành vi của bạn trở nên đáng hài lòng và có mục đích, khi những gì bạn làm đều phụng sự cho cả bạn lẫn những người khác, khi bạn bên bỉ tìm kiếm cảm giác thỏa mãn, “vị” ngọt bùi từ cuộc sống, và từ công việc, tức là bạn đang làm theo những điều đã được giao ước trước. Người nào nghiêm túc thực hiện những công việc của linh hồn sẽ luôn sôi nổi, vui vẻ. Họ không bị đè nặng bởi những điều tiêu cực. Họ không sợ hãi. Họ trải nghiệm được mục đích và ý nghĩa của sự tồn tại. Họ tìm thấy niềm vui trong công việc mình làm và vui vẻ, thích thú với những việc người khác làm. Họ cảm thấy toàn mãn và sẵn lòng giúp người khác được toàn mãn.

Những tương tác giữa bạn với cha mẹ bạn, với những người mà bạn chia sẻ tình thân ái, với những người mà bạn cống hiến cả phần đời của bạn, sẽ kích hoạt từ bên trong bạn nhận thức Bạn là ai và Bạn tồn tại ở đây để làm gì. Những đau đớn bạn chịu đựng, nỗi cô đơn, trống vắng bạn đối mặt, những trải nghiệm khiến bạn thất vọng và trầm cảm, những thói nghiện, cùng những khó khăn, chạm bẫy của cuộc đời là từng cánh cửa dẫn tới nhận thức đó. Mỗi cánh cửa cho bạn một cơ hội nhìn vượt khỏi ảo tưởng mê lầm, phục vụ cho sự cân bằng năng lượng và phát triển của linh hồn.

Bên trong mỗi trải nghiệm đau đớn hoặc tiêu cực là cơ hội để thách thức, để khơi gợi sự hiểu biết sâu xa, hay nỗi sợ thâm kín, để rồi chọn hướng học hỏi thông qua sự thông tuệ. Nỗi sợ hãi sẽ không biến mất ngay lập tức, nhưng nó sẽ tan rã khi bạn hành động với lòng can đảm. Một khi nỗi sợ không còn đủ sức hù dọa bạn nữa, nó sẽ không thể tồn tại. Với cách học hỏi thông qua sự thông tuệ để tiến hóa một cách có ý thức, những điều sợ hãi sẽ lần lượt trôi lên bề mặt cho bạn xua đuổi đi bằng niềm tin nội tại. Đó là cách bạn xua đuổi “những con quỷ” của chính bạn.

Người dẫn dắt và Người Thầy vĩ đại liên tục soi rọi Ánh Sáng đến bạn. Trong từng khoảnh khắc, họ khích lệ bạn trưởng thành và phát triển theo hướng tốt nhất, tuy nhiên họ không thể ngăn bạn học hỏi, trưởng thành thông qua trải nghiệm sống và để cho những trải nghiệm ấy ảnh hưởng đến bạn, ngay cả khi bạn có khả năng liên lạc với “Họ” một cách có ý thức và trực tiếp.

Không có lộ trình tối ưu duy nhất cho linh hồn. Có rất nhiều con đường tối ưu. Với mỗi lựa chọn, bạn lập tức tạo ra vô số phương cách, và phương cách nào cũng tối ưu cả. Nói cách khác, con đường tối ưu của linh hồn là lựa chọn theo con đường nhận thức sáng suốt, là con đường theo phương nằm dọc. Một khi bạn đã đưa ra lựa chọn đó, sẽ xuất hiện những quy tắc, luật lệ khác nhau.

Như vậy, sự chỉ giáo phi vật chất phục vụ chúng ta ở phương diện nào?

Sự chỉ giáo phi vật chất là một quan hệ hợp tác thách thức bạn tìm hiểu đầy đủ về sức mạnh nội tại và sự lựa chọn có trách nhiệm. Trong mỗi quan hệ này, không phải là bạn bị chấp nhận để mình bị thao túng một cách thiếu suy xét, mà bạn được quyền bộc lộ hết mức uy lực của bạn và được chỉ dẫn cách vận dụng uy lực đó.

Khi bạn phụ thuộc hoàn toàn vào bản ngã (cái tôi) để quyết định điều gì tốt nhất cho bạn, bạn đã tự cản trở mình đón nhận kho báu dồi dào, phong phú từ Vũ Trụ. Làm sao bạn biết Vũ Trụ đang chờ đợi để trao cho bạn điều gì đó nếu bạn cứ mãi “găm nhám” những hạn chế của mình? Nếu bạn quyết định đưa “con tàu” cuộc đời mình đi theo một hướng nhất định nào đó (ví dụ, bạn sử dụng sức sáng tạo của bạn chỉ với mục đích tích lũy tiền bạc), bạn đang xây dựng thực tại của bạn xung quanh quyết định đó. Lúc này, dù có tin tưởng vào Vũ Trụ thì Vũ Trụ cũng không thể giúp được nhiều bởi vì Vũ Trụ không có quyền can thiệp vào lựa chọn của bạn. Tuy nhiên, chuyện gì xảy ra nếu những gì bạn đang thực hiện được trân trọng, được đánh giá cao về phương diện xã hội, hơn là phương diện kinh tế? Nói cách khác, chuyện gì xảy ra nếu lĩnh vực kinh doanh bạn đang nỗ lực phát triển có ý nghĩa hơn, phù hợp hơn so với lĩnh vực kinh doanh mà bạn đã tạo dựng? Nếu vậy, công trình có ý nghĩa của bạn sẽ bị đình trệ. Nó không được hưởng ứng bởi vì bạn đã nhất quyết đặt tay vào cánh cửa mà cuối cùng chẳng dẫn tới đâu.

Vậy, làm thế nào để nhận được sự giúp đỡ của Vũ Trụ?

Hãy gạt bỏ những phần thưởng qua một bên. Hãy tin cậy. Sáng tạo. Là chính mình. Những việc còn lại cứ giao phó cho Vũ Trụ và những Người Thầy phi vật chất.

Bạn cứ mạnh dạn nói với Vũ Trụ rằng: “Việc của Ngài sẽ được thực hiện” và bạn biết điều đó trong những ý định của bạn. Hãy dành thời gian suy ngẫm ý nghĩa của câu “Việc của Ngài sẽ được thực hiện”, và cho phép cuộc đời bạn hoàn toàn đi trong vòng tay của Vũ Trụ. Quãng đường cuối cùng để chạm đích sức mạnh nội tại là giải phóng chính bạn để chuyển hóa thành một dạng thức thông tuệ bậc cao hơn.

Đã từ lâu, loài người chúng ta nhận biết được rằng có một cõi thuộc về những Lực lượng Chi giáo và Huấn thị phi vật chất, bởi vì con người đã nhận được sự chỉ giáo, dẫn dắt tuyệt vời bởi một nguồn thông tuệ nào đó. Dù là vô hình, nhưng sự chỉ giáo này đã diễn ra. Chỉ có điều đây là lần đầu tiên, khi nhận thức của ta vượt ngoài khuôn khổ bó hẹp của năm giác quan, chúng ta nhận biết được về “Họ”, có thể gọi họ với cái tên Lực lượng Chi giáo và Huấn thị phi vật chất, và nhận biết được mối quan hệ riêng tư giữa ta với “Họ”. Tuy vậy, chính những trải nghiệm của bản thân vẫn là nguồn chỉ giáo thông tuệ.

Hãy tự nhắc nhở rằng bạn luôn được trợ giúp, bạn sẽ không độc hành trên Trái Đất này. Hãy sống trong sự bầu bạn với những Người Thầy vĩ đại. Đừng phân biệt điều gì bạn có thể hỏi, nên hỏi, và nên nói. Cứ xem mình đang sống trong môi ràng buộc đẹp đẽ. Đừng sợ mình sẽ bị lệ thuộc. Có gì sai trái trong việc dựa dẫm vào Vũ Trụ đâu? Bạn hành động, còn Vũ Trụ và những Người Thầy vĩ đại sẽ trợ giúp. “Họ” sẽ không bao giờ, và cũng không thể, làm thay cho bạn. Hãy cứ vui sướng với sự phụ thuộc này. Cho phép “Họ” đến gần bạn hơn nữa.

Khi bạn yêu cầu sự chỉ giáo và trợ giúp, cứ yên chí rằng nó sẽ đến ngay lập tức. Có thể bạn cần thời gian để thư giãn tinh thần trước khi lĩnh hội, có thể bạn cần ăn trưa, lái xe vào thành phố, hoặc làm bất cứ việc gì cần thiết trước khi lắng nghe và cảm nhận sự trợ giúp, nhưng hãy hoàn toàn sống với niềm tin rằng khoảnh khắc bạn yêu cầu sự chỉ giáo là khoảnh khắc nó đang tiến đến bạn.

Hãy cố nhìn cuộc đời như một động lực có tổ chức chặt chẽ và tốt đẹp. Hãy tin cậy vào Vũ Trụ. Tin cậy có nghĩa là bạn đang ở trong hoàn cảnh sẽ mang lại kết cuộc tốt nhất và thích hợp nhất cho bạn. Đừng thắc mắc Khi nào thì điều đó xảy ra hoặc Liệu điều đó có xảy ra hay không. Nó sẽ xảy ra! Hãy nói rõ với Vũ Trụ rằng: “Hãy tìm tôi ở nơi mà Ngài biết tôi cần”. Cho qua đi và tin tưởng rằng Vũ Trụ sẽ dàn xếp tất cả.

Bạn cũng có thể cầu nguyện nếu muốn. Giống như biết bao lần chúng ta cầu nguyện trong những tình huống tổn thương và đau đớn quá lớn đến nỗi không thể tha thứ bằng chính sức mạnh của mình; cứ cầu nguyện để được ban cho ơn huệ, hiểu biết sáng suốt và Ánh Sáng cao cả vốn sẽ cho phép chúng ta vị tha.

Hãy nghĩ đến những gì bạn đang làm khi bắt đầu mỗi quan hệ hợp tác với Trí Tuệ Siêu Phàm, một mối quan hệ hợp tác mà trong đó bạn bắt đầu chia sẻ những mối lo lắng của bạn, biết rằng có một Trí Tuệ sẽ tiếp nhận những gì bạn đang nói và sẽ giúp bạn tạo ra (trong môi trường vật chất và môi trường năng lượng của bạn) những động lực hữu hiệu nhất để đưa bạn đến sự toàn vẹn. Đừng nghĩ bạn phải sáng tạo một mình, đúng hơn là bạn được chỉ dẫn một cách nhiệt tình những phương cách hiệu quả nhất để chữa lành và để hoàn thành thỏa thuận của bạn.

Hãy xem những ý định và suy niệm của bạn như một phần của lời cầu nguyện. Hãy nói thầm “Tôi cầu xin sự chỉ giáo, sự trợ giúp” và mong chờ nhận nó. Việc phụ thuộc vào lời cầu nguyện sẽ giúp bạn hòa hợp với chính mình và cầu khẩn ân sủng. Lời cầu nguyện hướng bạn đến mỗi quan hệ cá nhân với Trí Tuệ Siêu Phàm.

Không thể đưa ra lời cầu nguyện nếu không có sức mạnh. Khi bạn cầu nguyện, bạn thu hút về mình ân sủng và làm cho nó hiển hiện. Ân sủng là Ánh Sáng (ý thức) thánh thiện không bị nhiễm độc. Lời cầu nguyện đem đến ân sủng và ân sủng làm bạn bình tâm. Ân sủng là liều thuốc xoa dịu làm cho linh hồn bình yên, thanh thản. Ân sủng sẽ giúp bạn hiểu rằng những gì bạn đang trải nghiệm là cần thiết. Nhờ vậy mà bạn có thể bình tâm.

Hãy thư giãn và đi vào khoảnh khắc hiện tại. Hãy làm những gì bạn cần làm vào lúc này, không cần phải lo lắng về tương lai. Nói vậy không có nghĩa là bạn không cần nhắc đến những hệ quả của mỗi lựa chọn. Cần nhắc kỹ lưỡng hệ quả của những quyết định bạn đưa ra, đó là sự lựa chọn có trách nhiệm. Nghĩa là bạn có thể thỏa sức sáng tạo trong giây phút hiện tại. Đừng đánh mất sức mạnh vì những bản khoản vô ích: “Điều gì sẽ xảy ra nếu như...?”. Hãy gìn giữ sức mạnh của bạn cho đến khi nào bạn còn hiện hữu trên Trái Đất, chứ không phải hướng vào cách lèo lái tương lai.

Bạn có thể nhờ cậy đến tất cả những mối liên hệ của mình, nhưng đừng làm điều đó trong nỗi sợ hãi, hay hoang mang. Làm những gì bạn cần làm tùy theo khả năng. Sự lựa chọn của bạn luôn thể hiện việc biết sắp xếp thời gian thích hợp, động cơ rõ ràng, và có lòng tin cậy. Hãy để trực giác hướng dẫn bạn sắp xếp thời gian biểu. Hãy suy ngẫm về kế hoạch thời gian đã định, tự hỏi xem bạn cảm nhận thế nào, rồi tiến tới. Hãy để mình trải nghiệm những gì cần thiết để từng bước hiểu rằng tự do, thanh thản không bắt nguồn từ sự ràng buộc với kết quả, mà bắt nguồn từ một trái tim được trao sức mạnh.

Đừng cho rằng Vũ Trụ cũng vận hành giống như loài người. Đừng khẳng định rằng Vũ Trụ tuân thủ đúng theo sự hiểu biết của bạn về nó.

Không gì tồn tại trên Trái Đất mà không có giá trị cả. Không thể tạo ra một dạng sự sống nào đó phi giá trị. Vì vậy, không thể có bất kỳ hành động phi giá trị nào được tạo nên. Có thể bạn không nhận ra, nhưng mọi sự không theo cách nghĩ của bạn. Hãy sống với niềm tin vững chắc rằng khi thích hợp, từng mảnh ghép sẽ rơi vào đúng vị trí của nó, và rồi bạn sẽ thấy rõ cả một bức tranh tổng thể.

Lòng tin cho phép bạn khơi dậy những tiêu cực, những khiếm khuyết của bạn để chữa lành chúng. Lòng tin cho phép bạn lần theo những cảm xúc của bạn thông qua hệ thống “phòng thủ” của bạn tới tận những nguồn gốc sinh ra chúng, và đem ra Ánh Sáng ý thức những khía cạnh trong bạn chống đối sự nguyên vẹn, và hiện đang sống trong nỗi sợ hãi. Cuộc hành trình tới hướng nguồn sức mạnh đích thực đòi hỏi bạn phải có ý thức về tất cả những gì bạn cảm thấy. Việc khơi dậy và chữa lành những khiếm khuyết nội tâm có vẻ như là một tiến trình kéo dài vô tận, nhưng không phải thế. Những tổn thương, điểm yếu, và nỗi sợ của bạn không khác gì so với của mọi người. Song, đừng tuyệt vọng bởi vì bản chất tốt đẹp trong bạn đang thức tỉnh.

Hãy cảm nhận những ý định trong trái tim bạn. Đừng cảm nhận những gì tâm trí nói với bạn, mà hãy cảm nhận những gì trái tim bạn mách bảo. Thay vì nghe theo những ý muốn của tâm trí, hãy làm thỏa mãn trái tim bạn.

Hãy mở lòng mình ra với mọi người. Cho phép mình trải nghiệm những điều bạn cảm nhận được về họ và lắng nghe cảm nhận của họ. Sự tương tác giữa bạn với họ là nền tảng cho sự trưởng thành của bạn. Khi bạn sợ hãi trước những gì bạn sẽ tìm thấy bên trong lòng mình, hoặc ở người khác, nếu bạn cho phép mình nghe theo điều người khác nói, bạn đang quay lưng lại với những cơ hội mà Vũ Trụ trao cho bạn hầu như tìm thấy sức mạnh của trái tim, sức mạnh của lòng trắc ẩn. Không phải chỉ đến khi nào bạn can đảm dấn thân vào những mối quan hệ con người thì chừng đó bạn mới trưởng thành.

Lòng trắc ẩn là lòng thương cảm, cảm thông lẫn nhau. Thân xác được vỗ về và được tiếp sinh lực bởi năng lượng của trái tim, và bị làm cho đau đớn, tổn thương bởi những dòng năng lượng tần số thấp (như: giận dữ, cuồng nộ, sợ hãi, hung bạo,...). Khi bạn đối xử tàn nhẫn với người khác và phớt lờ lời mách bảo của trái tim mình, chính bạn phải chịu đựng nỗi đau giống như người đó; còn khi bạn đối xử với người khác bằng lòng trắc ẩn, bạn đồng thời cũng đang đối đãi tử tế với chính mình. Khi ý thức của bạn mở rộng, và khi bạn bắt đầu nhận biết những gì bạn cảm thấy, bạn bắt đầu nhận biết được những tác động kếp của lòng trắc ẩn, cũng như những ảnh hưởng kếp của việc thiếu lòng trắc ẩn.

Bạn bắt đầu nhận ra thiệt hại mà bạn gây ra cho cơ thể mình khi bạn cảm nhận và hành động không có lòng trắc ẩn.

Hãy thách thức nỗi sợ của bạn. Nỗi sợ hãi trước sự trưởng thành và chuyển hóa của bản thân (về tâm linh) là những thứ khiến bạn muốn thoát ly hoàn cảnh hiện tại và hướng tìm cái gì đó khác. Khi bạn cảm thấy mình đang ở trong trạng thái muốn những gì mình không có, thay vì muốn những gì mình có, khi bạn bắt đầu có cảm giác “đứng núi này, trông núi nọ”, hãy đối mặt với nó. Hãy thách thức nó mỗi lần nó xuất hiện bằng cách nhận ra rằng khi nó đến với bạn tức là bạn không hiện hữu trong khoảnh khắc hiện tại, đúng hơn là bạn đang để cho năng lượng rò rỉ vào một tương lai vô định.

Mỗi lần bạn cảm thấy tiêu cực, hãy dừng lại, thừa nhận rằng bạn đang tiêu cực, và tách ra khỏi nó một cách có ý thức. Hãy tự hỏi bạn đang cảm thấy thế nào và nguyên nhân gốc rễ của nó là gì. Truy tới tận gốc rễ của nó ở ngay khoảnh khắc nó xuất hiện, và khi bạn tiến hành nhờ “cái rễ” đó đi, hãy đồng thời nhìn vào mặt tích cực và tự nhắc nhở mình về chân lý cao cả hơn, rằng có gì đó thâm sâu về tâm linh đang vận hành, rằng cuộc đời bạn không phải ngẫu nhiên, rằng bạn đang có một thỏa thuận với Vũ Trụ.

Hãy chú ý đến lời nói và hành động của bạn, hãy để ý Bạn là ai và Bạn sử dụng sức mạnh của mình như thế nào. Nói cách khác, mỗi lời bạn nói ra, mỗi cam kết bạn thực hiện và mỗi khi bạn hình thành uy lực cho cuộc đời bạn, luôn luôn ghi nhớ rằng bạn chính là những gì bạn nói ra, bạn đang thổi luồng sức mạnh vào từng lời nói, do đó, hãy cẩn trọng với những gì bạn nói. Nếu bạn không nhận biết được ý định của bạn, hoặc nếu bạn nghi ngờ mình đang tôn công cho một việc không mấy quan trọng, hãy tự hỏi: “Thật sự chuyện gì đang diễn ra vậy?”. Hãy kiểm tra động cơ của bạn. Rồi bạn sẽ tự động nhận được sự chỉ dẫn, bởi vì bạn không đơn độc trong việc đánh giá này.

Lòng tin cho phép bạn trao đi. Hành động trao đi thể hiện sự giàu có, phong phú từ nội tâm. Gieo gì, gặt nấy! Cho đi thế nào thì sẽ được đền đáp lại như thế ấy. Nếu bạn cho đi (ý nghĩ, lời nói và hành động) với sự phán xét, hẹp hòi, bạn sẽ làm cho cuộc đời mình đầy rẫy những điều tương tự. Khi bạn yêu thương và tận tình với người khác, tất yếu bạn sẽ được đối xử y như vậy. Còn nếu như bạn phát tán nỗi sợ hãi, nghi ngờ và chẳng muốn kết tình thâm giao với ai, những điều tiêu cực sẽ đến với bạn bởi vì đó chính là những gì bạn cầu xin.

Lòng tin cho phép bạn vui thỏa trong niềm an lạc. Khi bạn tin tưởng rằng trong từng khoảnh khắc, Vũ Trụ đang đáp ứng những nhu cầu của linh hồn bạn, và rằng sự hướng dẫn và trợ giúp của những Người Thầy

phi vật chất luôn luôn có sẵn ở đó cho bạn, bạn tự do, vui vẻ trải nghiệm mối liên hệ với người khác, và gác qua một bên thái độ thao túng hoặc phòng vệ – những tàn số năng lượng nặng nề. Thức tỉnh là một trạng thái hoan hỉ, an lạc, chứ không phải là trạng thái đau đớn. An lạc là trạng thái hoàn toàn cân bằng và hòa hợp trong tình yêu thương. Con đường theo phương nằm dọc là con đường của sự thấu suốt, rõ ràng, không phải là con đường mang lại nỗi đau đớn.

Lòng tin cho phép bạn vui cười trước cuộc sống. Bạn có thể dễ dàng bật cười và pha trò trong khi vẫn nghiêm túc và chín chắn. Đôi bạn đời tâm linh sẽ cùng nhìn trên quan điểm vô ngã, họ giúp nhau nhìn ra ý nghĩa từ những trải nghiệm của họ. Họ có thể vui cười với sự phong phú, giàu có, sự tươi đẹp và hồn nhiên của Vũ Trụ. Họ cùng nhau thưởng thức vẻ đẹp và sự dồi dào của cuộc sống. Họ thấy được những thất vọng, đổ vỡ khi chiều theo những ham muốn của bản ngã – cốt chỉ để nói lên Tôi là gì – và nhận ra những bài học, đôi khi là những bài học lớn cho linh hồn.

Những gì bạn làm hàng ngày đều đang tạo ra những điều thích hợp và toàn hảo. Hãy hướng ý thức của bạn vào tiến trình này. Điều đó thể hiện lòng tin cậy. Mặc dù những gì bạn đối mặt và những gì bạn làm trong từng khoảnh khắc là thích hợp và toàn hảo đối với sự tiến hóa của linh hồn, nhưng những trải nghiệm trong đời vẫn do bạn lựa chọn. Chính bạn là người lựa chọn kéo dài cơn thịnh nộ, bị héo hon vì giận dữ, đắm chìm trong nỗi khổ đau, hoặc phát tỏa ra những dòng năng lượng tần số thấp. Mỗi lựa chọn bạn đưa ra – sống trong tiêu cực hay giành một chỗ trong trái tim – đều phục vụ cho sự tiến hóa của linh hồn. Cuối cùng, mọi nẻo đường đều dẫn về cội.

Chẳng hạn, nếu bạn chọn giận dữ, đau thương, cuồng nộ, hay ghen tị, bạn vẫn học được bài học yêu thương, nhưng bạn học nó thông qua đau khổ, ám ảnh và cảm giác mất mát. Chúng ta không thể nào đứng ngoài dòng chảy tiến hóa của cả nhân loại, của Vũ Trụ. Mọi người đang trên đường hướng đến nguồn sức mạnh đích thực nên bạn không thể bỏ cuộc. Lựa chọn duy nhất của bạn là: thực hiện cuộc chinh phục này một cách có ý thức hoặc là vô thức. Bạn có thể lựa chọn thông qua cách phản hồi trước những khó khăn của cuộc sống để nối kết với nguồn sức mạnh tràn đầy của linh hồn. Đây là con đường tự chủ để củng cố sức mạnh nội tại.

Dù gì chúng ta cũng sẽ tiến hóa vượt ra khỏi Ngôi Trường Trái Đất (cõi trần) này, vượt khỏi nhu cầu hạn hẹp của bản ngã và cơ thể, vượt khỏi những tầng lớp ảo tưởng che đậy nỗi sợ hãi, giận dữ và bất an, vậy tại sao chúng ta lại lựa chọn con

đường theo phương nằm dọc – con đường nhận thức sáng suốt làm chi?

Mọi sự là do bạn quyết định. Con đường hiện giờ bạn đang chọn đi không phải không được Vũ Trụ biết đến. Những nỗi đau đớn, trầm uất và bạo lực mà bạn ném trái có thể được xem như là những tấm biển chỉ đường cấm dọc theo lộ trình bạn đã chọn. Chẳng hạn, nếu bạn chọn cách học hỏi thông qua sự tị hiềm, bạn sẽ trải nghiệm nỗi lo lắng, phập phồng lo sợ sẽ đánh mất những gì bạn nghĩ là bạn không thể sống nếu thiếu nó; nếu bạn chọn học hỏi thông qua giận dữ, bạn sẽ trải nghiệm sự kháng cự, chống đối và bạo lực; còn nếu như bạn chọn cách phát triển nội tâm qua tình yêu thương, bạn sẽ trải nghiệm cảm giác được người khác yêu thương; v.v. Việc lựa chọn lộ trình thế nào sẽ quyết định trải nghiệm của mình như thế. Xét từ quan điểm của Vũ Trụ, bạn không hề khai phá con đường mới nào hết.

Giờ đây, hoặc là bạn tiếp tục cuộc chinh phục nhằm thu đoạt sức mạnh ngoại hiện – mãi đến giờ nó chẳng dẫn tới đâu – hoặc là bạn quyết định xây dựng sức mạnh nội tại và hòa vào dòng chảy tiến hóa chung của nhân loại. Đây là lựa chọn quan trọng, sẽ quyết định những trải nghiệm góp phần vào sự tiến hóa của linh hồn bạn, cũng như sự tiến hóa của linh hồn nhân loại. Bạn đóng góp hết tâm hết sức vào sự tiến hóa của mình và của người khác, cho dù bạn lựa chọn gì chẳng nữa. Quả đúng như vậy! Thế nhưng tại sao phải lựa chọn một cách vô thức? Có bao giờ bạn nhận được cảm giác an toàn, hài lòng và toàn mãn theo phương cách vô thức này?

Cái mà bạn ao ước đóng góp và trải nghiệm giúp tạo nên sự chuyển đổi từ nhận thức năm giác quan về Vũ Trụ lên nhận thức đa giác quan, từ sự tiến hóa thông qua việc khám phá thực tại vật chất bằng năm giác quan lên sự tiến hóa thông qua lựa chọn có trách nhiệm, với sự dẫn dắt và giúp đỡ của Lực lượng Chi giáo và Huấn thị phi vật chất là gì? Bạn có thoả mái với ý nghĩ rằng Vũ Trụ là xa lạ, là khoảng không chết và không có gì khác ngoài những gì năm giác quan có thể dò tìm ra? Trái tim bạn phản hồi như thế nào với tư tưởng cho rằng Vũ Trụ sống động và giàu lòng trắc ẩn, rằng nhờ Vũ Trụ, nhờ những linh hồn có sức mạnh to lớn khác, và nhờ nguồn Ánh Sáng, bạn hiểu được cái thực tại mà bạn trải nghiệm thông qua tiến trình đồng sáng tạo?

Hãy nhìn vào tương lai khả thể đang phơi bày trước thế giới của chúng ta, cái tương lai được xây dựng bằng năng lượng của bản ngã; và đối chiếu với tương lai khả thể được xây dựng bằng năng lượng của linh hồn. Bạn sẽ chọn tương lai nào?

Hãy cảm nhận và lựa chọn hành vi tích cực nhất trong từng khoảnh khắc. Khi bạn chủ động tống khứ nguồn năng lượng tiêu cực và đưa ra ý định theo mạch bảo của trái tim, khi bạn thách thức và giải phóng những nỗi sợ hãi của bạn và chọn cách chữa lành, bạn đang đưa bản ngã trùng khớp với linh hồn và hướng đến việc trở thành một thực thể Ánh Sáng toàn vẹn, tràn đầy sức mạnh và an toàn từ nội tâm. Tính khiêm nhường, lòng vị tha, sự sáng suốt và tình yêu thương – những món quà của linh hồn – bén rễ và đơm hoa, đồng thời bạn cũng thu hút về phía mình món quà tuyệt nhất của Vũ Trụ: trở thành con người với trái tim rộng mở.

Thật háo hức khi được trưởng thành về mặt tâm linh!

Xin dành tặng quyển sách này đến cha mẹ tôi, Morris L. Zukav và Lorene Zukav, với tình yêu, lòng kính trọng và lòng biết ơn sâu sắc.

Khám phá Thế giới Tâm linh là một “cuộc cách mạng” trong lĩnh vực khám phá bản thân, khám phá thế giới nội tâm của con người. Quyển sách này như một huyền thoại của ngành xuất bản, liên tục nằm trong danh sách sách bán chạy nhất (bestseller) theo xếp hạng của New York Times trong suốt 3 năm. Sách đã được bán hơn 3 triệu bản tại Mỹ và được chuyển dịch sang 24 ngôn ngữ.

Nội dung của ***Khám phá Thế giới Tâm linh*** đã làm lay động, thay đổi cuộc đời, là nguồn cảm hứng cho hàng triệu độc giả, cũng như rất nhiều khán giả theo dõi qua loạt chương trình truyền hình The Oprah Winfrey Show.

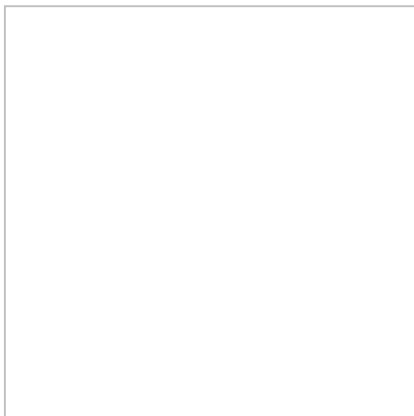
Khám phá Thế giới Tâm linh mô tả về sự ra đời của một kiểu mẫu con người mới ở mỗi người chúng ta – con người nhận thức đa giác quan; nhận thức rõ bản chất và những giá trị của linh hồn con người – hài hòa, hợp tác, chia sẻ và sùng kính sự sống; và nhấn mạnh đến sức mạnh nội tại.

Khám phá Thế giới Tâm linh là một quyển sách phải đọc đối với những ai muốn chuyển hóa nội tâm.

PHỤ LỤC

NHỮNG PHÁT HIỆN KỲ LẠ VỀ NƯỚC

Trong nền văn minh cổ, nước luôn có mặt trong hầu hết các lễ hội quan trọng (từ lễ khai sinh, cưới xin cho tới tiễn đưa người chết). Bởi người ta cho rằng nước sẽ mang tới phước lành, sự thịnh vượng, sức khỏe hoặc chuyển tải những nguyện cầu của chúng ta tới các linh hồn ở thế giới bên kia. Nhiều người tin rằng những hoạt động này là mê tín hoặc chỉ mang tính truyền thống. Nhưng giáo sư người Nhật, Masaru Emoto, đã tiến hành những thử nghiệm và cho rằng có thể tổ tiên chúng ta hiểu về sức mạnh của nước nhiều hơn chúng ta ngày nay.



Giáo sư Masaru Emoto, tác giả “Lời nhắn nhủ của nước”

Dựa trên rất nhiều thử nghiệm về nước, tiến sĩ Emoto cho rằng đã khám phá ra nước – một chất có hơn 1 tỷ năm tuổi và là thành phần cơ bản của rất nhiều thực thể sống trên hành tinh này – có ý thức, có thể tiếp nhận, ghi nhớ và giao tiếp với môi trường giống như bất kỳ sinh vật nào khác. “*Chúng ta biết rất ít về nước. Không hiểu được tầm quan trọng và không biết ứng xử đúng với nước thì chúng ta không thể sống khỏe mạnh với nó được*”. Đó là những điều cơ bản mà cuốn sách **Lời nhắn nhủ của nước** (Masseges from Water) của tiến sĩ Emoto muốn gửi tới chúng ta.

Tìm hiểu về nước là điều cực kỳ quan trọng. Bởi chúng ta đang sống trên một hành tinh nước bao phủ đến 2/3 bề mặt, và quan trọng hơn

nữ – 70% cơ thể chúng ta là nước. Như giáo sư Masaru Emoto kết luận: “*Về cơ bản, chúng ta là nước*”.

Giáo sư Emoto tin rằng nước có khả năng chữa bệnh và ông đã bỏ công sức để nghiên cứu, làm sáng tỏ những bí mật về khả năng đó. Năm 1994, ông bắt đầu cuộc nghiên cứu sử dụng công nghệ phân tích cộng hưởng từ (Magnetic Resonance Analyser - MRA - sử dụng trong y học để đo khả năng của con người đối với sự cộng hưởng hoặc rung động trước những tần số sóng nhất định nào đó, cũng như là kiểm tra những chất có khả năng chữa bệnh trong thiên nhiên) để đo đạc những tính năng của nước. Nhiều người cho đây là một việc phi khoa học nhưng giáo sư Emoto tin rằng để khám phá ra ý thức của nước, cần có sự chuyển đổi tư duy và phương pháp tiếp cận.

Cùng với nhóm làm việc của mình, giáo sư Emoto đã thu thập rất nhiều mẫu nước từ nhiều nơi ở Nhật Bản cũng như trên thế giới. Việc quan sát nước hàng ngày được thực hiện trong phòng lạnh và ông đã chụp ảnh vào thời điểm khi mẫu nước đã thí nghiệm bắt đầu tan chảy. Ông đặt mỗi mẫu nước vào 100 chiếc đĩa có nắp đậy, để ở nơi lạnh âm 5 độ C trong vòng 2 giờ đồng hồ. Khi chuẩn bị chụp ảnh, ông lấy các mẫu nước ra (lúc này, nó đã bị đông thành những tinh thể băng và đặt dưới kính hiển vi phóng đại từ 200 đến 500 lần để chụp. Khi nhiệt độ tăng lên khoảng 0 độ C (khoảnh khắc trước khi những băng tan), chúng sẽ thể hiện những cấu trúc tinh thể nhất định. Trong cuốn sách của mình, giáo sư Emoto viết: “*Không thể tìm ra những hình ảnh tinh thể giống nhau, thậm chí trong cùng một loại nước... Nhưng có một xu hướng trong tất cả những mẫu này là chúng đều tạo thành một mạng lưới tinh thể.*”.

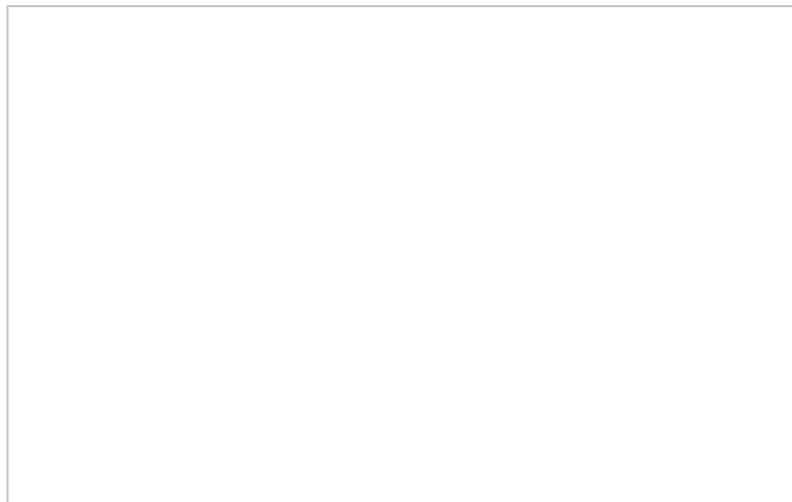
Trong suốt 4 năm rưỡi, nhóm làm việc của ông đã chụp được khoảng 10.000 bức ảnh về tinh thể nước. Sau khi quan sát quá trình tinh thể hóa vài ngàn lần, giáo sư Emoto cho rằng mỗi tinh thể dường như rất cố gắng để trở nên đẹp hơn. “*Nó cố gắng tự làm tinh khiết*”, ông viết. Nước sạch sẽ cho ra cấu trúc tinh thể sáu cạnh, còn nước kém sạch cho ra những cấu trúc tinh thể bị vỡ hay méo mó, có lẽ có trở ngại nào đó đã ngăn cản quá trình tạo cấu trúc. Điều này có thể giải thích vì sao một số mẫu nước ở thành thị lại không có cấu trúc tinh thể đẹp bằng nước từ vùng nông thôn xa xôi.

Giáo sư còn cho rằng nước có chứa Hado, đơn vị nhỏ nhất của năng lượng. Nền tảng của nó là năng lượng của ý thức con người. Rung động của nước có thể lưu lại dưới dạng tinh thể.

Giáo sư Emoto đã mở nhạc cho những mẫu nước “nghe”. Ông lần lượt đặt một chai nước cất giữa hai chiếc loa và bật các loại nhạc khác

nhau. Khi được nghe nhạc của Bach, Mozart, và Beethoven, nước dường như càng tạo ra những cấu trúc tinh thể trong và đẹp. Nhưng khi tiếp xúc với nhạc pop, nhạc sôi động, thì nó không thể tạo ra các tinh thể đẹp.

Xa hơn nữa, giáo sư Emoto còn kiểm tra ảnh hưởng của những lời tụng niệm, cầu nguyện đối với nước. Kết quả là tất cả những mẫu nước được tiếp cận với lời nguyện cầu đều có tinh thể rõ ràng và đẹp một cách kỳ lạ! *“Nước có khả năng ghi nhớ những rung động âm thanh và cho kết quả khi tinh thể hóa. Những rung động của âm thanh có chứa năng lượng tích cực hoặc tiêu cực phụ thuộc vào nội dung thông tin trong đó. Và nước đã phản ánh những gì nó nhận được.”*, giáo sư Emoto nhận xét.

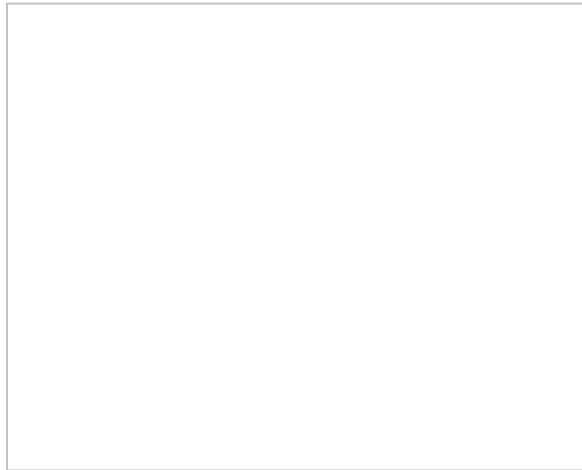


Tinh thể từ mẫu nước bị ô nhiễm (ảnh trái) và Tinh thể từ mẫu nước được nghe giáo sư Emoto cầu nguyện (ảnh phải)

Theo giáo sư Emoto, chữ viết và hình ảnh cũng chứa đựng làn sóng rung động, ý thức, giá trị và cảm xúc của chúng ta trong đó (ví dụ, từ “ma quỷ” mang cảm xúc tiêu cực) và nước cũng có thể tiếp nhận những điều ấy qua hình ảnh, chữ viết. Bằng chứng là khi ông gắn một mảnh giấy có viết từ “ma quỷ” vào một chai nước; sau 24 giờ, ông thấy cấu trúc nước đã bị biến dạng, có màu đen và không có sự tinh thể hóa. Ngược lại, dùng từ “thiên thần” hay “tình yêu thương” trong thử nghiệm tương tự, nước đã cho ra những tinh thể đẹp với 6 cạnh.

Những thiết bị điện tử cũng có thể ảnh hưởng tới nước. Khi giáo sư Emoto đặt một cốc nước trước màn hình máy tính đang chạy trong 4 giờ, đã không có tinh thể nào được tạo thành. Nhưng đặt một chai nước gần chỗ ti-vi đang chiếu bộ phim mang nội dung tích cực, nước trong chai cũng có những tinh thể đẹp. Giáo sư Emoto kết luận: Nước hấp thụ và chịu ảnh hưởng của môi trường xung quanh. Và phương tiện không

quan trọng bằng năng lượng mà nó truyền tải. Thông tin tích cực sẽ tạo ra nhưng tinh thể đẹp 6 cạnh, thông tin tiêu cực sẽ tạo ra điều ngược lại. Như vậy có nghĩa là nếu chúng ta biết truyền đạt đến nước những cảm xúc, thông điệp tốt đẹp, những tinh thể nước sẽ trở nên đẹp hơn và vì vậy chất lượng của nước sẽ tốt theo.



Tinh thể nước hình thành khi được nghe một bản nhạc êm dịu

Tiến sĩ Emoto đề nghị chúng ta nên quan tâm đến nước trong chính cơ thể chúng ta bằng cách truyền năng lượng tốt cho nước trong cơ thể. Những suy nghĩ và cảm xúc tích cực có thể ảnh hưởng tới lượng nước trong cơ thể, rồi ảnh hưởng tới sức khỏe chúng ta. Áp lực – nguyên nhân của nhiều chứng bệnh – là kết quả của dòng năng lượng xấu mà chúng ta truyền vào nước trong cơ thể.

Giáo sư Emoto nói thêm: *“Chúng ta nên đối xử tốt với những sinh vật sống có thành phần cấu trúc là nước, đó là Sự Sống trên Trái Đất này. Chúng ta nên tạo năng lượng tích cực tuôn chảy giữa chúng ta và những sinh vật khác. Đáng buồn là nước trên Trái Đất ngày càng trở nên ô nhiễm nặng nề do sự cấu thả và vô ý thức của con người. Nhưng chúng ta có khả năng cải thiện chất lượng của nước ô nhiễm bằng cách tỏ thái độ biết ơn với nước”*.

Với những gì tìm hiểu được, giáo sư Emoto hy vọng mọi người quan tâm đến tầm quan trọng của nước, từ đó thay đổi quan điểm và các hoạt động của mình đối với nước – nguồn gốc và cũng là điều cốt yếu của sự sống.

(Nguồn: báo *Giáo Dục và Thời Đại*)



Với phong cách hòa nhã, hài hước và hiểu biết uyên thâm, Gary Zukav đã truyền cảm hứng cho hàng triệu người nhận ra tiềm năng vĩ đại của nội tâm họ. Ông cống hiến cuộc đời mình cho sự chuyển hóa ý thức con người. Ông gọi chuyển hóa này là sự tiến hóa về tâm linh, nó chạm vào trái tim nội tâm của nhân loại. Đây là sự chuyển hóa dựa trên nền tảng trưởng thành về mặt tâm linh, sự lựa chọn có ý thức, và lòng sùng kính, trân quý sự sống.

Ông đã tham gia 34 lần trên chương trình truyền hình The Oprah Winfrey Show.

Sách của ông hiện được in và được xuất bản bằng 24 ngôn ngữ với 6 triệu bản.

Một số tác phẩm của tác giả:

- The Dancing Wu Li Masters: An Overview of the New Physics (1979)

- The Seat of the Soul (1989)

- Soul Stories (2000) – một quyển sách bán chạy khác (theo New York Times)

- The Heart of the Soul: Emotional Awareness (2002) và The Mind of the Soul: Responsible Choice (2003) – hai quyển sách bán chạy, đồng tác giả với Linda Francis – người bạn đời tâm linh của tác giả

- Soul To Soul: Communications from the Heart (2007)

- Spiritual Partnership: The Journey to Authentic Power (2010)

Quý độc giả có thể tìm hiểu thêm thông tin tại trang web:
www.seatofthesoul.com